

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THỊ YẾN

TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG  
LÃNH ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NƯỚC

HÀ NỘI - 2025

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**

**HỒ CHÍ MINH**

**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**NGUYỄN THỊ YẾN**

**TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG  
LÃNH ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC HIỆN NAY**

**Ngành: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước**

**Mã số: 9 31 02 02**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS, TS. Nguyễn Xuân Phong**

**2. PGS, TS. Đỗ Ngọc Ninh**

**HÀ NỘI - 2025**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, trích dẫn nêu trong luận án là trung thực.*

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

## DANH MỤC NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

BMNN	:	Bộ máy Nhà nước
BTVTU	:	Ban Thường vụ tỉnh ủy
CCHC	:	Cải cách hành chính
CCHCNN	:	Cải cách hành chính nhà nước
CNH, HĐH	:	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
CNTT	:	Công nghệ thông tin
CNXH	:	Chủ nghĩa xã hội
CTQG	:	Chính trị quốc gia
CT-XH	:	Chính trị - xã hội
ĐBSH	:	Đồng bằng sông Hồng
HĐND	:	Hội đồng nhân dân
HTCT	:	Hệ thống chính trị
MTTQ	:	Mặt trận Tổ quốc
NDLD	:	Nội dung lãnh đạo
PTLD	:	Phương thức lãnh đạo
TTHC	:	Thủ tục hành chính
UBND	:	Ủy ban nhân dân
UBKT	:	Ủy ban Kiểm tra
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....</b>	<b>7</b>
1.1. Các công trình khoa học ở ngoài nước .....	7
1.2. Các công trình khoa học ở trong nước.....	17
<b>CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO CẢI CÁCH... 33</b>	<b>33</b>
<b>HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC HIỆN NAY .....</b>	<b>33</b>
2.1. Các tỉnh, tỉnh ủy, chính quyền tỉnh ở vùng đồng bằng sông Hồng .....	33
2.2. Cải cách hành chính nhà nước của các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Hồng .....	53
2.3. Tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông hồng lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước – khái niệm, nội dung, phương thức và vai trò .....	63
<b>CHƯƠNG 3: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN, KINH NGHIỆM.....</b>	<b>77</b>
3.1. Thực trạng cải cách hành chính nhà nước ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng .....	77
3.2. Các tỉnh ủy ở đồng bằng sông hồng lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước – thực trạng, nguyên nhân, kinh nghiệm .....	91
<b>CHƯƠNG 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐỐI VỚI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THỜI GIAN TỚI .....</b>	<b>131</b>
4.1. Dự báo những yếu tố thuận lợi, khó khăn và phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng đối với cải cách hành chính nhà nước thời gian tới.....	131
4.2. Giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng đối với cải cách hành chính nhà nước trong những năm tới .....	141
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>170</b>
<b>CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA NCS ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....</b>	<b>172</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>173</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do lựa chọn đề tài

Cải cách hành chính nhà nước (CCHCNN) là chủ trương lớn của Đảng xuyên suốt trong thời kỳ đổi mới được Đảng luôn coi trọng lãnh đạo chỉ đạo thực hiện. Đây là vấn đề rất cấp thiết, nhất là khi công cuộc đổi mới toàn diện sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc thực hiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa, hội nhập quốc tế dưới sự lãnh đạo của Đảng phát triển mạnh mẽ. Đảng đã ban hành nghị quyết chuyên đề; Nhà nước đã cụ thể hóa, xây dựng các chương trình tổng thể quốc gia về CCHCNN và triển khai thực hiện trong gần hai thập kỷ qua, kể từ khi nghị quyết chuyên đề về CCHCNN được ban hành. Các cấp ủy địa phương, nhất là cấp ủy cấp tỉnh, trong đó có các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng đã lãnh đạo tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng và các chương trình tổng thể về CCHCNN đạt kết quả bước đầu.

Mục tiêu của Nghị quyết Hội nghị Trung ương năm, khóa X “về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước”, đề ra:

Đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại; đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực; hệ thống các cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; đáp ứng tốt yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước [2].

Đến nay, sau gần 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X, nền hành chính Việt Nam đã có những chuyển biến rõ rệt, bớt quan liêu hơn; kiến thức, kỹ năng hành chính, tác phong làm việc, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên, tổ chức bộ máy cơ quan hành chính được sắp xếp ngày càng gọn hơn, dần dần đáp ứng và phù hợp yêu cầu thực tiễn. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện các nội dung cải cách hành chính nhà nước của các cấp ủy, nhất là các tỉnh ủy, trong đó có các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông

Hồng (ĐBSH) đã đạt được những kết quả quan trọng, tạo thuận lợi cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu công cuộc đổi mới.

Các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Hồng có khá nhiều thuận lợi để CCHCNN đạt hiệu quả. Các tỉnh ủy trong vùng đã coi trọng tập trung lãnh đạo thực hiện công việc này đạt kết quả đáng khích lệ: việc cải cách hành chính nhà nước ở các tỉnh đều có bước tiến khá lớn; điển hình như Quảng Ninh được coi là điểm sáng về cải cách hành chính nhà nước với mô hình và cách làm sáng tạo đem lại hiệu quả; nhiều năm liền đứng đầu bảng xếp hạng về chỉ số cải cách hành chính nhà nước của cả nước. Những chuyển biến đó tạo thuận lợi lớn cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh và toàn vùng.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế của các tỉnh ở vùng ĐBSH chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của mỗi tỉnh và đặc thù của vùng. Chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế còn chậm; còn nhiều thủ tục hành chính gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Việc ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trong CCHCNN nhìn chung chậm, tính hiệu quả chưa cao, có nơi rất chậm, chỉ số CCHCNN, trong đó có một số tiêu chí thành phần có điểm chưa cao, thậm chí rất thấp so với nhiều tỉnh có điều kiện khó khăn hơn. Song những vấn đề lại này chưa các tỉnh ủy, chính quyền tỉnh quan tâm đúng mức. Việc lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với CCHCNN, nhìn chung còn có nhiều khuyết điểm, hạn chế. Cá biệt còn có tỉnh trong bối cảnh cả nước và Nhân dân cùng chung tay CCHCNN nhưng lãnh đạo tỉnh lại thiếu tiên phong, gương mẫu tại cơ quan, địa phương, vi phạm nghiêm trọng kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến thành quả, quá trình CCHCNN cũng như tâm lý của cán bộ, công chức và người dân địa phương.

Tình trạng khá phổ biến là tỉnh ủy lúng túng trong nội dung và phương thức lãnh đạo (PTLD) CCHCNN, nhất là trong xác định nội dung trọng tâm, giải pháp đột phá; nội dung, hình thức lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác tuyên truyền về CCHCNN chậm đổi mới, hiệu quả thấp. Một số mô hình, cách làm sáng tạo đem lại hiệu quả về CCHCNN chưa được coi trọng tổng kết và nhân rộng; mô hình “một cửa” ở một số nơi có biểu hiện hình thức. Các cấp ủy chưa có nhiều giải pháp lãnh đạo ngăn chặn, loại trừ những nhân tố cản trở việc

lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy, như truyền thống làng xã, quan hệ huyết thống, dòng họ trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức; cách nghĩ, nhìn của người tiểu nông; phong cách, lề lối làm việc của thời kỳ thực hiện cơ chế hành chính, tập trung bao cấp.... Năm 2023 chỉ số xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số tăng cao nhất, nhưng thực tế vẫn còn nhiều người dân ngại sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Giá trị trung bình chỉ số CCHCNN của chín tỉnh ở vùng ĐBSH luôn thấp hơn giá trị trung bình của vùng, thậm chí có năm, có lĩnh vực còn thấp hơn giá trị trung bình của cả nước.

Nghiên cứu, tìm giải pháp khả thi phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, hạn chế, tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với CCHCNN những năm tới thực sự là vấn đề rất cấp thiết. Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn và thực hiện đề tài luận án Tiến sĩ: ***“Tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước hiện nay”***.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án**

### ***2.1. Mục đích của luận án***

Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo CCHCNN hiện nay; luận án đề xuất phương hướng và những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng này đối với CCHCNN trong thời gian tới.

### ***2.2. Nhiệm vụ của luận án***

- Tổng quan các công trình khoa học tiêu biểu trong nước và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án.

- Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo CCHCNN hiện nay.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng CCHCNN ở các tỉnh vùng ĐBSH và thực trạng các tỉnh ủy ở vùng này lãnh đạo CCHCNN trong những năm qua, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân, kinh nghiệm.

- Dự báo những yếu tố thuận lợi, khó khăn, phương hướng và các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với CCHCNN trong thời gian tới.



### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo CCHCNN.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án**

- Phạm vi về thời gian: Luận án nghiên cứu tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo CCHCNN từ năm 2016 đến nay

- Phạm vi về không gian: Luận án nghiên cứu về CCHCNN và hoạt động lãnh đạo của 9 tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với CCHCN.

- Phương hướng và giải pháp do luận án đề xuất có giá trị đến năm 2035.

### **4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án**

#### **4.1. Cơ sở lý luận**

Cơ sở lý luận của luận án là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, nền hành chính nhà nước, cải cách hành chính nhà nước; Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo các lĩnh vực của đời sống xã hội.

#### **4.2. Cơ sở thực tiễn**

Cơ sở thực tiễn của luận án là thực tiễn lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy ở ĐBSH từ năm 2016 đến nay

#### **4.3. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin và các phương pháp nghiên cứu: lịch sử kết hợp với logic; phân tích kết hợp với tổng hợp; điều tra, khảo sát thực tiễn; phỏng vấn sâu; điều tra xã hội học...

*Đối với phương pháp phỏng vấn sâu:*

- (1) Đối tượng 1: Các nhà khoa học nghiên cứu về khoa học hành chính, chính trị, xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước;
- (2) Đối tượng 2: Một số tỉnh ủy viên, công chức một số sở Nội vụ, Giáo dục và đào tạo, Thông tin và truyền thông, Tư pháp, Tài chính, Nông nghiệp, Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy

- (3) Nội dung hỏi đối tượng 1: các yếu tố cấu thành nền hành chính nhà nước, hành chính nhà nước, đặc trưng, nhiệm vụ của cải cách hành chính nhà nước; vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với CCHCNN.
- (4) Nội dung hỏi đối tượng 2: những ưu điểm, hạn chế trong thực hiện các nội dung của CCHCNN; thực trạng thực hiện nội dung, PTLĐ của tỉnh ủy đối với CCHCNN; những yếu tố tác động
- (5) Nội dung hỏi chung cho cả tất cả các đối tượng: giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với CCHCNN.
- (6) Thời gian: trong năm 2023 và 2024

*Đối với phương pháp điều tra xã hội học:*

Tổng số phiếu: 1200 phiếu

Đối tượng, cơ cấu và số lượng phiếu như sau:

- Cán bộ, lãnh đạo, quản lý cấp huyện, xã (mỗi loại hình cơ quan, tổ chức 10 người, ở 4 loại hình, 2 cấp huyện, xã, 6 tỉnh): 480 phiếu.
- Công chức (mỗi loại hình cơ quan, tổ chức 5 người, ở 4 loại hình, 3 cấp tỉnh, huyện, xã, 6 tỉnh): 360 phiếu.
- Công dân: 360 phiếu (nhóm 1: tuổi từ 18 đến 29; nhóm 2: tuổi từ 30 đến 45; nhóm 3 từ 46 đến 65 tuổi), mỗi nhóm 15 người, 4 nhóm tuổi, 6 tỉnh).

Thời gian khảo sát : từ tháng 8/2023 đến tháng 8/2024.

Hình thức: gửi phiếu trực tiếp thông qua các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức học tại Học viện Hành chính Quốc gia, các hội nghị tập huấn, hội thảo khoa học tổ chức tại địa phương.

Phương pháp xử lý số liệu: Xử lý bằng excel.

## **5. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án**

- *Khái niệm:* Tỉnh ủy ở ĐBSH lãnh đạo CCHCNN là toàn bộ hoạt động của tỉnh ủy, BTVTU với sự tham gia của các tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tổ chức của HTCT, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong việc xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện;

kiểm tra, giám sát để các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận ấy được thực hiện thắng lợi.

- *Kinh nghiệm về tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo CCHCNN*: xây dựng tỉnh ủy đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý, trong sạch, vững mạnh là nhân tố quyết định thắng lợi việc tỉnh ủy lãnh đạo CCHCNN.

- *Giải pháp đột phá tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với CCHCNN trong thời gian tới*: đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan chính quyền các tỉnh ở ĐBSH đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận**

Luận án góp phần làm rõ hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn về cải cách hành chính, xây dựng cơ sở lý luận khoa học vững chắc cho tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo CCHCNN hiện nay.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể là tài liệu tham khảo cho các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH trong lãnh đạo CCHCNN trong thời gian tới.

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập Ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước trong các trường chính trị tỉnh ở vùng ĐBSH.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình khoa học đã công bố của tác giả có liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

## Chương 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

#### 1.1. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC Ở NGOÀI NƯỚC

##### 1.1.1. Các công trình nghiên cứu về cải cách hành chính nhà nước

##### *1.1.1.1. Các công trình của các nhà khoa học ngoài nước về cải cách hành chính nhà nước*

- Caiden, G.E. (1969). *Administrative Reform (1st ed.) (Cải cách hành chính)*. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781315083032> [165].

Đây là một công trình nghiên cứu về cải cách hành chính ngay từ khi Việt Nam chưa giải phóng hoàn toàn đất nước. Những vấn đề cuốn sách nêu và bàn luận là hết sức quý báu, bởi nó gắn liền với bối cảnh ra đời những lý thuyết cơ bản đầu tiên về cải cách hành chính, cho thấy nguồn gốc ra đời, quá trình cải cách và bản chất của cải cách hành chính. Cuốn sách gồm các chương: Giới thiệu và quan điểm, Lý thuyết hành chính và cải cách hành chính; Thay đổi xã hội và cải cách hành chính; Triển vọng cải cách hành chính; Quá trình cải cách hành chính; Những trở ngại đối với cải cách hành chính.

Trong phần tóm tắt tác giả đã đặt ra hàng loạt các câu hỏi rất cơ bản như “Cải cách hành chính là gì? Nó khác biệt như thế nào với các loại cải cách xã hội khác? Những người cải cách hành chính là ai và họ tiếp cận nhiệm vụ của mình như thế nào? Và ai được hưởng lợi và ai phải chịu thiệt hại từ nó?”. Với hai câu hỏi đầu tiên đến nay không có gì là xa lạ và khó hiểu nữa. Còn với hai câu hỏi sau thì vẫn là vấn đề cần tiếp tục bàn luận trong bối cảnh hiện nay.

Trong chương đầu tiên, cuốn sách đã nêu vai trò, nhiệm vụ của nhà cải cách hành chính là “cải thiện hiệu suất hành chính của các cá nhân, nhóm và tổ chức và tư vấn cho họ cách họ có thể đạt được mục tiêu hoạt động của mình hiệu quả hơn, kinh tế hơn và nhanh hơn”. Về mối quan hệ giữa cải cách hành chính và chính trị, cuốn sách cho rằng “Cải cách hành chính là chính trị quyền lực trong hành động; nó bao gồm các lý giải hợp lý về mặt ý thức hệ, đấu tranh giành quyền kiểm soát các khu vực, dịch vụ và con người, những người tham

gia và tổ chức chính trị, các động lực quyền lực, các chiến lược vận động và các chiến thuật cản trở, thỏa hiệp và nhượng bộ”.

Như vậy, công trình này cho rằng hành cải cách hành chính liên quan chặt chẽ với chính trị và cải cách hành chính là một phần của cải cách xã hội. Đây là vấn đề hết quan trọng đối với các nhà lãnh đạo và quản lý cải cách hành chính hiện nay ở Việt Nam. Tuy nhiên nhiều công trình nghiên cứu về cải cách hành chính hiện nay thường ít coi trọng, thậm chí có phần xem nhẹ hoặc tư duy coi CCHC là công việc, nhiệm vụ mang tính kỹ thuật nhiều hơn.

- Denis Saint-Martin (1998), *Management Consultants, the State, and the Politics of Administrative Reform in Britain and Canada* (Các nhà tư vấn quản lý, Nhà nước và chính sách cải cách hành chính ở Anh và Canada) <https://doi.org/10.1177/0095399798305003> [166].

Bài viết chia sẻ về những kinh nghiệm trong xây dựng chính sách cải cách hành chính ở Anh và Canada. Trong đó một kinh nghiệm về việc dự báo, xem xét những chính sách kém hiệu quả, làm phát sinh chi phí cho cải cách hành chính rất đáng chú ý. Ở Việt Nam giai đoạn hiện nay, có thể thấy rõ lợi ích của CCHCNN đem lại. Song việc xem xét bài học kinh nghiệm này có thể vận dụng để trong lãnh đạo, quản lý CCHCNN xem xét kỹ lưỡng hơn, đặc biệt là thận trọng hơn khi xây dựng, ban hành những chính sách mới về CCHCNN.

- Alistair cole, glyn jones (2005), *Reshaping the State: Administrative Reform and New Public Management in France* (Tái định hình Nhà nước: Cải cách hành chính và Quản lý công mới tại Pháp), <https://doi.org/10.1111/j.1468-0491.2005.00292.x> [163].

Bài viết tập trung xem xét quá trình cải cách hành chính tại Pháp kể từ cuối những năm 1980. Kết quả nghiên cứu của công trình này có điểm nổi bật là, ngay từ những năm 80 của thế kỷ XX, cải cách hành chính ở nước Pháp đã đề cập đến vấn đề chuyển giao quyền tự chủ quản lý, phân quyền quản lý. Một vấn đề hiện nay Việt Nam đang tiếp tục bàn luận và hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước hiệu quả hơn. Đây cũng là một vấn đề, một nhiệm vụ trong các chương trình hành động thực hiện nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh cải cách hành chính đề ra từ năm 2007 [163].

- Amita Singh (Ed.) (2006), *Administrative Reforms: Towards Sustainable Practices* (Cải cách hành chính nhà nước: Hướng tới thực hành bền vững) [162].

Tác giả phân tích, đánh giá về mô hình CCHCNN hướng tới thực hành bền vững. Mô hình này với các đặc trưng như: quản trị đô thị; quản trị năng lượng và môi trường; hệ thống cung cấp dịch vụ. Các vấn đề nghiên cứu về CCHCNN là những thử nghiệm ở cấp vĩ mô đã chứng tỏ sự cần thiết phải CCHCNN. Nội dung này có giá trị tham khảo tốt cho Luận án đề quy chiếu với CCHC ở Việt Nam và để vận dụng đối với cấp tỉnh ở vùng ĐBSH.

- Jerri Killian, Niklas Eklund (2008), *Handbook of Administrative Reform: An International Perspective* (Cẩm nang về cải cách hành chính: một cái nhìn quốc tế) [168].

Cuốn sách đề cập đến các lĩnh vực hành chính công và vấn đề nguồn lực cần đáp ứng, từ đó rút ra việc cần tìm hiểu lý do, ý nghĩa, và thông lệ vốn có của CCHCNN trên thế giới. Công trình này đã khảo sát và phân tích kết quả nghiên cứu tại chín quốc gia ở Bắc Mỹ, Châu Âu và Châu Mỹ La tinh, từ đó rút ra cái nhìn quốc tế rằng hiện nay trên thế giới đang thiếu nguồn lực có hiểu biết thực tiễn trong lĩnh vực CCHCNN là giá trị tham khảo quý đối với luận án [82]. Vấn đề mà công trình nghiên cứu này đặt ra rất có ý nghĩa trong việc giúp cho Luận án lưu ý để đánh giá về đội ngũ cán bộ chuyên trách CCHCNN và nhận thức, hiểu biết của đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong hệ thống các cơ quan hành chính ở các tỉnh của vùng ĐBSH.

- Quan Wang, *Indiana University Bloomington (2010), Administrative Reform in China: Past, Present, and Future* (Cải cách hành chính ở Trung Quốc: Quá khứ, hiện tại và tương lai [173]

Bài viết nhận định “Kể từ đầu những năm 1980, Trung Quốc đã tiến hành sáu cuộc cải cách hành chính nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội gắn liền với sự phát triển kinh tế nhanh chóng”. Tuy nhiên năm cuộc cải cách đã hoàn thành được mới chỉ là những thử nghiệm ngắn gọn liên quan đến việc cắt giảm hoặc mở rộng chính phủ và chỉ có tác động ngắn hạn. Tác giả cho rằng “không có cuộc cải cách nào làm lung lay nền tảng của bộ máy quan liêu”, tuy nhiên

vẫn “có sự phát triển về mặt định hướng, chiều sâu và cách thực hiện”. Và “Những hạn chế về chính trị là một trong những trở ngại đáng kể nhất đối với cải cách chính trị với hàm ý rằng việc tạo ra một môi trường chính trị thuận lợi là rất quan trọng cho sự thành công của các cuộc cải cách đang diễn ra và trong tương lai”. Đây là nhận định hết sức có ý nghĩa để tham khảo cho Việt Nam. Bởi với chế độ chính trị duy nhất một đảng cầm quyền lãnh đạo ở Việt Nam bên cạnh những thuận lợi thì cũng còn rất nhiều bất cập như sự trùng lặp chức năng, nhiệm vụ; cùng một người có thể vừa làm lãnh đạo (định hướng, kiểm tra, giám sát), vừa làm quản lý (thực hiện, thực thi, kiểm soát).

Đáng chú ý ở bài viết này là cho rằng các cuộc cải cách hành chính ở Trung Quốc là không thành công, có sự thất bại và có nhiều cách giải thích trong đó kiểm soát chính trị là nguyên nhân căn bản. Do đó, việc thiếu sự hỗ trợ chính trị cho cải cách hành chính đã trở thành một vấn đề. Kết quả nghiên cứu này Luận án sẽ kế thừa để đánh giá về vai trò lãnh đạo chính trị của tỉnh ủy nguyên nhân của những hạn chế trong CCHCNN do hạn chế trong lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với CCHCNN.

Bài viết cũng cho biết các cuộc CCHCNN ở Trung Quốc thường là ngắn hạn, chỉ 2-3 năm, không quá 5 năm. Còn ở Việt Nam 3 chương trình CCHCNN của Việt Nam, mỗi chương trình CCHCNN đều có thời gian thực hiện dài hạn (10 năm). Kết quả nghiên cứu của bài viết cũng giúp gợi mở cơ sở để luận án dự báo những yếu tố tác động đến CCHCNN, lãnh đạo CCHCNN ở các tỉnh, tỉnh ủy. Nhận diện được các yếu tố tác động này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đề xuất các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy CCHCNN.

- Tom Christensen, Lisheng Dong, Martin Painter, Richard M. Walker (2012), *Imitating the West? Evidence on Administrative Reform from the Upper Echelons of Chinese Provincial Government* (Bắt chước phương Tây? Bằng chứng về cải cách hành chính từ các cấp cao của chính quyền tỉnh Trung Quốc), *Public Administration Review*, Volume 72, Issue 6, November/December 2012, Pages 798-806, <https://doi.org/10.1111/j.1540-6210.2012.02582.x> [171]. Bài viết chia sẻ, thảo luận về kết quả nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thái độ của các viên chức cấp cao trong chính quyền tỉnh và địa phương Trung Quốc đối với

nguồn gốc của cải cách hành chính, khảo sát cán bộ đảng và viên chức chính phủ. Đây là một công trình thuộc số ít nghiên cứu về đội ngũ cán bộ trong chính quyền tỉnh với vai trò là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả và quá trình cải cách hành chính ở địa phương. Nghiên cứu này cũng cho thấy cải cách hành chính có ảnh hưởng bởi các yếu tố văn hóa (thời gian trong chính phủ, kiến thức chung về cải cách hành chính, cùng với sự quen thuộc với việc chuyển đổi từ hệ thống chính phủ có kế hoạch sang nền kinh tế thị trường) và các biến cấu trúc (cấp cao và sự quen thuộc với các kỹ thuật quản lý kinh doanh) có tương quan với việc học hỏi từ phương Tây. Các tác giả còn khẳng định rằng cải cách hành chính ở Trung Quốc có sự ảnh hưởng bởi kinh nghiệm phương Tây và kinh nghiệm trong nước. Qua đó cho thấy, việc học tập kinh nghiệm thế giới và trong nước là cơ sở khoa học cho lãnh đạo cải cách hành chính của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH, luận điểm này sẽ được kế thừa, phát triển, khẳng định trong các chương của luận án.

- Vanlaty Khamvavongxa (2015), *Cải cách bộ máy hành chính nhà nước cấp trung ương ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Học viện CTQG Hồ Chí Minh [172].

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan, Luận án đã chỉ ra Lào và Việt Nam là hai nước có cùng thể chế cộng hòa đi theo con đường XHCN và đánh giá cao về các kết quả và thành tựu cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam. Công trình cho thấy những kinh nghiệm cải cách hành chính của Đảng và Chính phủ Việt Nam không chỉ có ý nghĩa với các địa phương của Việt Nam mà còn có giá trị tham khảo tốt cho nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và có thể cho các nước khác trên thế giới. Do đó cần đẩy mạnh cả về nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về CCHCNN ở các địa phương của Việt Nam, nhất là những vùng có điều kiện thuận lợi để tiến hành, áp dụng các mô hình, ý tưởng, chính sách CCHCNN hiệu quả

- European Journal of Political Economy (2017), *Reforming the public administration: The role of crisis and the power of bureaucracy* (Cải cách hành chính công: Vai trò của khủng hoảng và sức mạnh của bộ máy quan liêu), Volume 48, June 2017, Pages 128-143 [167].



Công trình nghiên cứu này đã rút ra kết luận rằng “Đây là nghiên cứu đầu tiên khám phá các yếu tố quyết định hiệu quả thúc đẩy cải cách hành chính công. Kinh nghiệm ở các nước châu Âu đang trải qua khủng hoảng đã chỉ ra rằng khu vực công kém hiệu quả là một trong những trở ngại quan trọng đối với sự phục hồi kinh tế. Theo đó, việc hiểu rõ hơn về những hạn chế của cải cách hành chính là điều rất đáng mong đợi. Kết quả của chúng tôi chỉ ra rằng, không giống như trong các bối cảnh cải cách khác, không thể coi là điều hiển nhiên rằng một cuộc khủng hoảng sẽ chuẩn bị nền tảng để vượt qua”. Công trình cho thấy, để thúc đẩy CCHCNN hiện nay cần tiếp tục có những nghiên cứu về việc xác định các chỉ số có tính định lượng cao, tương quan mạnh mẽ đối với kết quả CCHCNN.

#### ***1.1.1.2. Các công trình của các nhà khoa học Việt Nam về cải cách hành chính nhà nước ở các nước trên thế giới***

- Nguyễn Văn Cường (2011), *Cải cách hành chính tại một số quốc gia và kinh nghiệm vận dụng vào Việt Nam* [43].

Công trình đã khẳng định để cải cách hành chính hiệu quả cần phải xem xét áp dụng các giải pháp cải cách mang tính chiều sâu, chi tiết và cụ thể. Công trình đã chỉ ra kinh nghiệm cải cách hành chính ở 8 quốc gia gồm: Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản, Trung Quốc, Cu Ba, Malaysia, Ai Cập, Vương Quốc Anh. Trong đó, một số kinh nghiệm đáng chú ý để kế thừa, phát triển đó là: áp dụng rộng rãi hình thức thi tuyển công chức theo nguyên tắc công khai, bình đẳng, cạnh tranh và tự do của Trung Quốc; chú trọng cử cán bộ đi học tập kinh nghiệm quản lý từ các nước phát triển (Nhật Bản, Hàn quốc) của Malaysia; từng bước “tư nhân hóa” nền kinh tế, “trẻ hóa” đội ngũ lãnh đạo, mở đầu cho quá trình cải cách sâu rộng trên tất cả mọi lĩnh vực đời sống xã hội tại Cu Ba; duy trì một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm cải cách thể chế tại trung ương của Vương Quốc Anh và trong phạm vi từng bộ, ngành; kinh nghiệm của Singapore về đẩy mạnh lãnh đạo khởi xướng các phong trào phục vụ cải cách hành chính, đưa tinh thần doanh nghiệp vào trong bộ máy hành chính mà cốt lõi là lấy hiệu quả làm thước đo, áp dụng bộ quy chuẩn ISO 9000. Công trình giúp luận án kế thừa để đánh giá những ưu điểm, hạn chế và đề xuất giải pháp

giúp tỉnh ủy có những chủ trương, định hướng lãnh đạo thực hiện cải cách sâu hơn trong thời gian tới ở các tỉnh của vùng đồng bằng sông Hồng.

- Đặng Khoa, *Kinh nghiệm cải cách hành chính ở một số nước*, Tạp chí Xây dựng Đảng, tháng 4/2023 [80].

Bài viết chia sẻ kinh nghiệm tại Pháp, Hoa Kỳ, Vương Quốc Anh, Cộng hòa Liên Bang Đức và Ô-xtrây-li-a, cho thấy cải cách ở các nước này đã được tiến hành từ sớm, đi trước Việt Nam đến 70-80 năm. Một số kinh nghiệm CCHCNN thành công của các nước này đó là: Tại Pháp đã ban hành Luật về cải cách các đơn vị hành chính cấp địa phương; Tại Hoa Kỳ, đã khởi xướng phong trào “Sáng tạo lại Chính phủ”, phân quyền mạnh cho địa phương, đổi mới hoạt động của Chính phủ theo hướng doanh nghiệp bằng cách thuê một nhà quản lý chuyên nghiệp để thi hành chính sách do Hội đồng thành phố lập ra; xây dựng và thực hiện hiệu quả chính quyền điện tử, các dịch vụ công trực tuyến được xây dựng dựa trên các nhu cầu nảy sinh thường xuyên trong cuộc sống của người dân, hàng ngày đơn cử như: đặt chỗ công viên và khu cắm trại của Nhà nước, quy định “ngân sách kiểm soát chi” cho phép ngân sách của chính quyền địa phương trong trường hợp không chi hết được linh hoạt chuyển sang năm sau thay vì bị cắt giảm; Tại Vương Quốc Anh, đã công bố chương trình cắt giảm các biện pháp kiểm soát không phù hợp, đó là cắt giảm chi phí xây dựng quy định, làm rõ trách nhiệm giải trình và ưu đãi cụ thể cho và lộ trình quản lý hoạt động ban hành quy định mới, để phát huy sự tham gia của doanh nghiệp để cải thiện quy định kinh doanh, các bộ trong Chính phủ và các cơ quan quản lý cấp quốc gia đều có diễn đàn hợp tác với doanh nghiệp và có các sáng kiến thường xuyên gắn kết với doanh nghiệp.

- Lưu Ly (2024), *Cơ chế kiểm soát quyền lực của một số quốc gia trên thế giới*, Tạp chí Xây dựng Đảng số 7 -2024, tr64 [82]. Trong lãnh đạo CCHCNN thì việc lãnh đạo thực hiện tốt cơ chế kiểm soát quyền lực có vai trò hết sức quan trọng. Bài viết chia sẻ kinh nghiệm tại Anh -Chính phủ nằm dưới sự kiểm soát của Nghị viện, cơ chế giám sát của nhân dân tại Nhật Bản tại Anh và thiết lập cơ quan giám sát quyền lực nhà nước tại Trung Quốc. Do có sự tương đồng về thể chế chính trị, thuận lợi trong việc vận dụng, cho nên kinh

nghiệm của Trung Quốc trong bài viết này có thể nghiên cứu để tiếp tục phát triển trong luận án. Đó là, Trung Quốc đã ban hành Luật Giám sát. Một điểm rất mới mà ở Việt Nam chưa có. Ở Việt Nam giám sát mới dừng ở quy định, quy chế, Điều lệ, chứ chưa được nâng lên thành luật. Từ thực tiễn cải cách của Việt Nam cho thấy, để tiến tới xây dựng Nhà nước pháp quyền thì việc luật hóa các quy định là rất cần thiết. Tuy nhiên cần nghiên cứu và vận dụng thận trọng, quan tâm việc thí điểm, nhất là thí điểm ở địa phương trước khi áp dụng ở phạm vi quốc gia.

- Tuấn Minh (2024), *Chiến lược phát triển nhân tài ở Trung Quốc*, Tạp chí Xây dựng Đảng số 6-2024, tr61 [78]. Bài viết chia sẻ về sự quyết liệt, thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc để phát triển nhân tài để phát triển đất nước. Bài viết cho thấy tầm nhìn sâu, xa và cách làm rất khoa học, vừa toàn diện vừa cụ thể của Đảng cộng sản Trung Quốc với Kế hoạch nhân tài ba khu vực, Kế hoạch hỗ trợ nhân tài ở vùng sâu, xa, khó khăn, khu vực dân tộc biên giới và khu cách mạng cũ. Để phát triển nhân tài Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chú trọng ngay đến việc đi sâu cải cách thể chế, cơ chế phát triển nhân tài, cải cách chế độ chức danh, phân loại, kiện toàn tiêu chuẩn đánh giá nhân tài, nhất là trong các lĩnh vực trọng điểm. Coi trọng đào tạo bồi dưỡng, cử ra nước ngoài học, thu hút học giả, nhà khoa học nước ngoài, trí thức, nhân tài người Hoa ở nước ngoài phục vụ cho Trung Quốc bằng chất xám, tiền đầu tư của họ, nói lỏng các chính sách ở địa phương để thu hút người tài về các địa phương. Phát triển ưu tiên nhân tài trở thành nhận thức chung, phổ biến trong toàn Đảng, toàn xã hội. Tập trung tuyên truyền về nhân tài để quan niệm “người người có thể là người tài...” thấm sâu vào tâm thức của mọi người, tôn trọng nhân tài, khuyến khích nhân tài sáng tạo. Tác giả bài viết khẳng định “Công tác nhân tài của Trung Quốc đã có sự đổi mới, sáng tạo trên cơ sở kế thừa, bước đầu đạt một số thành công” từ đó rút ra 5 kinh nghiệm, trong đó có 3 luận điểm trong các kinh nghiệm luận án sẽ phát triển vận dụng cho cấp tỉnh đó là: nhận thức rõ về xuất phát điểm của công tác nhân tài đó là phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phải tôn trọng quy luật của nền kinh tế thị trường, quy luật phát triển nhân tài và phải luôn kiên trì nguyên tắc Đảng

lãnh đạo công tác nhân tài, bảo đảm công tác nhân tài luôn theo đúng hướng. Những vấn đề nêu trên đã giúp gợi mở và làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề cần đánh giá về thực trạng lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở các tỉnh – một nội dung quan trọng của CCHCNN, các giải pháp liên quan đến cải cách chế độ công vụ trong chương trình tổng thể CCHCNN ở Việt Nam đối với cấp ủy tỉnh ở vùng ĐBSH.

- Vũ Thanh Sơn (2024), *Kinh nghiệm các nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm việc trong môi trường quốc tế*, Tạp chí Xây dựng Đảng số 3-2024, tr61-65 [127]. Bài viết đã chia sẻ tám kinh nghiệm của các nước tiêu biểu trên thế giới về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức như Hoa Kỳ, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po, Trung Quốc. Trong những kinh nghiệm đó có những vấn đề được bàn luận rất cụ thể như định hướng về chủ trương, mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo, vốn là những vấn đề không mới nhưng đối với cấp ủy tỉnh dường như chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến lúng túng trong việc đề xuất, đặt hàng về nội dung đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức. Luận án sẽ phát triển những kinh nghiệm để giải quyết các vấn đề về thực trạng, nguyên nhân, kinh nghiệm CCHCNN trên từng nội dung, lĩnh vực trong đó liên quan trực tiếp là nội dung cải cách chế độ công vụ, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

### **1.1.2. Các công trình về đảng chính trị cầm quyền ở một số nước lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước và các lĩnh vực đời sống xã hội**

- B. Guy Peters and Jon Pierre (2008), *Politicians, Bureaucrats and Administrative Reform* [164].

Cuốn sách tập hợp các bài viết của nhiều học giả về cải cách hành chính ở các nền dân chủ phương Tây trong thế kỷ XX. Đặc biệt các bài viết có sự nghiên cứu tình huống cụ thể ở nhiều quốc gia, cho thấy việc nhìn nhận khách quan, toàn diện và đôi khi cần sự rõ ràng nhất định về mối quan hệ giữa công chức, chính trị gia và chính sách cải cách hành chính là rất cần thiết. Một số bài viết đáng quan tâm đó là, Các quan chức và chính trị gia trong chính sách cải cách hành chính ở Pháp (1988–1997), Các chính trị gia, quan chức và cải cách hành chính ở Hungary: ai ngăn cản ai? Chính trị quan liêu ở Tây Ban Nha: một

truyền thống lâu đời; Một tảng đá vững chắc giữa biển động? Sự thay đổi về thể chế và tính liên tục trong bộ máy quan liêu liên bang của Đức; Các chính trị gia, quan chức và cải cách khu vực công ở Úc và New Zealand; Các đảng viên, quan chức tinh hoa và cải cách chính phủ trong bối cảnh chính trị đang thay đổi của Nhật Bản; Trách nhiệm giải trình về chính trị, quản lý và chất lượng và 73 cơ chế của chúng. Đây là những nội dung hết sức quan trọng có giá trị đối với công tác lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước.

- Thoong Băn Seng Aphone (2011) *Đảng Nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo giữ vững an ninh quốc gia trong giai đoạn hiện nay* [104]

Trên cơ sở lý luận và thực trạng Đảng Nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo giữ vững an ninh quốc gia, tác giả đã đề xuất các giải pháp đồng bộ, khả thi, gồm: nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, cán bộ, đảng viên về giữ vững an ninh quốc gia; đổi mới mạnh mẽ nội dung lãnh đạo, đặc biệt coi trọng xác định điểm trọng tâm, mấu chốt để đề ra nghị quyết chuyên đề; kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng các CQTP, nhất là lực lượng Công an; phối hợp chặt chẽ hoạt động của lực lượng công an và quân đội trong giữ vững an ninh quốc gia; phát huy vai trò của HTCT và nhân dân trong giữ vững an ninh quốc gia...

- Bun-Thoong Chit-Ma-Ni (2011), *Đảng Nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay* [31].

Đảng Nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo cơ bản tham khảo mô hình của Việt Nam. Tuy nhiên, những đề xuất về các giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào đối với xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 cũng là vấn đề tham khảo quý đối với Luận án. Trong đó, đáng chú ý là giải pháp về xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các nghị quyết chuyên đề về xây dựng nông thôn mới; tập trung thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh lãnh đạo, chỉ đạo dồn các bản rời rạc thành các cụm bản để xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội, xây dựng các cụm bản thành nông thôn mới ở Lào.

- Trương Vệ Quốc (2013), *Tập trung giải quyết vấn đề nổi cộm mà quần chúng nhân dân phản ánh gay gắt* [120].

Trong CCHC việc giải quyết những phản ánh, kiến nghị, thắc mắc ở các cấp hành chính tác động rất lớn đến chỉ số đánh giá tiêu chí thành phần. Do đó, nghiên cứu, dự báo, tìm giải pháp cho vấn đề này hết sức cần thiết. Tài liệu cung cấp một số những vấn đề nổi cộm mà nhân dân Trung Quốc phản ánh gay gắt, cần nhận thức đúng và tập trung giải quyết tốt. Những quyết sách lớn, tư duy chiến lược sâu rộng, có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của Đảng và của đất nước Trung Hoa, nội dung này giúp Luận án tham khảo tốt. Trong đó có giải pháp kiên trì kết hợp giáo dục tư tưởng và ràng buộc chế độ, tức là vừa giải quyết tốt vấn đề thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan, vừa phải tăng cường giám sát quyền lực; làm cho quan điểm quần chúng bén rễ trong đầu của cán bộ, đảng viên; tăng cường dựa vào dân để giải quyết những vấn đề nổi cộm được nhân dân phản ánh gay gắt.

## **1.2. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC Ở TRONG NƯỚC**

### **1.2.1. Các công trình nghiên cứu về cải cách hành chính nhà nước**

- Đoàn Trọng Truyền (2006), *Cải cách hành chính và công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* [103].

Cuốn sách gồm hai phần: 1. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Tác giả nêu những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, hoàn thiện nhà nước; chặng đường đổi mới của Việt Nam; 2. Cải cách hành chính. Tác giả khái quát về CCHC; quá trình hình thành khoa học hành chính ở Việt Nam, mục tiêu, quan điểm, nguyên tắc và phương hướng CCHC; những vấn đề cụ thể của CCHC. Kết quả nghiên cứu đó giúp luận án kế thừa kế thừa, phát triển, làm rõ hơn về bản chất, mục đích, yêu cầu đối với CCHC, từ đó xây dựng khái niệm CCHCNN, các nội dung của CCHCNN.

- Nguyễn Hữu Hải (2016) *Cải cách hành chính nhà nước lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật [71].

Đây là công trình rất giá trị giúp luận án thấy được bức tranh khá toàn diện về cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam trước năm 2016. Các khái niệm cơ bản về hành chính nhà nước, thể chế hành chính nhà nước, các tiếp cận về hành chính nhà nước, các mô hình hành chính nhà nước và xu hướng cải

cách hành chính trên thế giới là những vấn đề khoa học cơ bản để luận án kế thừa. Thông qua nghiên cứu các bản Hiến pháp của Việt Nam, các chương trình tổng thể cải cách hành chính hai giai đoạn gần đây (giai đoạn 2000-2010 và giai đoạn 2011-2020) tác giả đã có những nhận xét, đánh giá, khái quát về những kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế của từng nội dung trong cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam qua các thời kỳ (từ 1946 đến năm 2015). Tác giả cũng dành một mục để đánh giá kết quả cải cách hành chính theo kết quả bằng việc làm rõ khái niệm, phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá, triết lý, tinh thần của các chỉ số, bộ chỉ số, và yêu cầu đặt ra đối với các chỉ số hiện nay đang áp dụng ở Việt Nam, đó là: chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), bộ chỉ số đánh giá cải cách hành chính công (PAR Index), chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân về sự phục vụ hành chính (SIPAS), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), bộ chỉ số đánh giá chất lượng hoạt động của bộ phận một cửa cấp huyện (DOSSI). Bên cạnh những ưu điểm, thành công vượt trội của công cuộc đánh giá theo kết quả, qua khảo sát, tác giả cũng chỉ ra vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần khắc phục, đó là: Ở một số ngành, địa phương, việc tiến hành khảo sát, trưng cầu dân ý chưa đạt yêu cầu và mang nặng tính hình thức. Hầu hết ở mỗi cơ quan đều có thùng phiếu góp ý đặt tại bộ phận nộp hồ sơ để lấy ý kiến người dân, nhưng phần lớn người dân vẫn không nhiệt tình tham gia hoặc không dám nói thật. Từ đó có thể kết quả sẽ bị lệch hướng, nhiều nơi tỷ lệ hài lòng lên đến 99% nhưng không phản ánh thực chất chất lượng dịch vụ tại các cơ quan đó. Bên cạnh đó bệnh thành tích của các cơ quan thực thi công vụ vẫn là một căn bệnh trầm kha hiện nay. Những kết quả khảo sát có thể mang tính chủ quan, chưa phải là sự đánh giá chân thực từ phía người dân và các tổ chức trong xã hội. Đây là vấn đề cấp thiết đặt ra đòi hỏi sự quan tâm thường xuyên của các cấp ủy đảng. Những đánh giá của tác giả cũng gợi mở nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ như: về các tiêu chí thành phần và sự cải tiến các tiêu chí đó quan từng giai đoạn; mối tương quan giữa các chỉ số, tính khách quan, mức độ tin cậy, tác động, ý nghĩa của việc đo lường,

đánh giá CCHCNN thông qua các chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan nhà nước đối với CCHCNN ở vùng đồng bằng sông Hồng và việc tăng cường lãnh đạo của các cấp ủy đảng ở địa phương, trước hết là cấp ủy cấp tỉnh.

- Ngô Thành Can, Đoàn Văn Dũng (2016), *Hành chính nhà nước và cải cách hành chính nhà nước* [40].

Cuốn sách đã trình bày làm rõ những vấn đề rất cơ bản, hệ thống về hành chính nước và cải cách hành chính nhà nước. Hai chương đầu là những vấn đề cơ bản về hành chính nhà nước. Chương I: Hành chính nhà nước, tập trung làm rõ khái niệm, nguyên tắc, các chức năng cơ bản của hành chính nhà nước, các yếu tố cấu thành hành chính nhà nước, những đặc tính chủ yếu của nền hành chính nước ta. Chương II: Công vụ, công chức, tập trung nêu và phân tích các quan niệm về công vụ, đặc trưng của hoạt động công vụ, các điều kiện để đảm bảo thực thi công vụ, các nguyên tắc hoạt động công vụ, các giá trị của nền công vụ và quan niệm về công chức, quá trình phát triển pháp luật về cán bộ, công chức, phân định cán bộ, công chức, viên chức mục tiêu, nội dung và một số vấn đề cơ bản về quản lý công chức. Chương III: Cải cách hành chính nhà nước, tập trung làm rõ những vấn đề chung như khái niệm, mục tiêu, xu hướng và nội dung của cải cách hành chính nhà nước, lãnh đạo cải cách hành chính. Chương IV: Thực hiện cải cách hành chính, tập trung vào ý nghĩa, vai trò, phương pháp lập kế hoạch CCHCNN, theo dõi, kiểm tra, đánh giá; chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch CCHCNN ở một tỉnh, về chỉ số CCHCNN (PAR INDEX), chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức với cơ quan hành chính nhà nước, thực tiễn CCHCNN ở Việt Nam. Chương V: Các giải pháp thúc đẩy cải cách hành chính ở Việt Nam, tập trung làm rõ 9 giải pháp, gồm: thúc đẩy cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật về công vụ, hoàn thiện chu trình công vụ, xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả, kết quả đầu ra của hoạt động quản lý nhà nước, chuyển quản lý nhân sự hành chính sang quản lý nguồn nhân lực hành chính, đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ công, mở rộng áp dụng các hình thức hoạt động của khu vực tư vào hành chính công, xây dựng lộ trình phân cấp quản lý phù hợp cho các cấp chính quyền, xây dựng hệ thống thể chế tạo



điều kiện cho các cấp chính quyền, xây dựng hệ thống thể chế tạo điều kiện cho khu vực tư tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước; Chương VI: Một số kinh nghiệm quốc tế về cải cách hành chính, tập trung chỉ ra những kinh nghiệm ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Cộng hòa Pháp.

Nhìn chung đây là công trình nghiên cứu rất có giá trị để Luận án kế thừa và tiếp tục phát triển. Công trình đã luận giải làm sáng tỏ các quan niệm và đưa ra các khái niệm cơ bản về hành chính nhà nước, cải cách hành chính nhà nước, sự cần thiết cải cách hành chính nhà nước. Vấn đề lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước được đề cập trong 2 trang, nhưng đã khẳng định rằng “Lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng đối với kết quả và việc duy trì các thành quả của quá trình cải cách hành chính. Sự quyết tâm chính trị của nhà lãnh đạo, sự định hướng và truyền cảm hứng trong quá trình cải cách hành chính là yếu tố có tác động trực tiếp đến hiệu quả của toàn bộ tiến trình cải cách hành chính nhà nước... việc bảo đảm hiệu quả lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước cần được chú ý trong các nỗ lực cải cách...” [40, tr163].

- Hồ Bá Thâm, Nguyễn Thị Hồng Diễm (2016), *Lực cản và động lực cải cách hành chính ở Thành phố Hồ Chí Minh* [98]

Công trình này, có cách tiếp cận về cải cách hành chính trên cơ sở các quan điểm của Triết học duy vật biện chứng về lực cản và động lực cải cách hành chính bằng cách chỉ ra những ưu điểm, kết quả, hạn chế của CCHC ở Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả CCHC ở Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu đó giúp cho Luận án có thể kế thừa về phương pháp để đánh giá khách quan, toàn diện những ưu điểm, hạn chế của cải cách hành chính và lãnh đạo cải cách hành chính của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng.

- Nguyễn Thị Vân (2018), *Kinh nghiệm cải cách hành chính ở tỉnh Quảng Ninh* [158].

Trên cơ sở khái quát các kết quả đạt được về cải cách hành chính ở Quảng Ninh giai đoạn 2011-2015, tác giả đã chỉ ra những bài học kinh nghiệm và những vấn đề cần tiếp tục thực hiện trong giai đoạn tiếp theo. Bài viết chỉ ra một kinh nghiệm về CCHCNN ở Quảng Ninh đó là “cần phải huy động nguồn

lực của toàn hệ thống chính trị, chú trọng công tác tuyên truyền, quán triệt triển khai công tác CCHCNN trên tất cả các nội dung; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị, địa phương; của CBCC, viên chức trong tỉnh về công tác CCHCNN”. Một trong những giải pháp bài viết đưa lên hàng đầu đó là “Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương, sự giám sát của Mặt trận tổ quốc các cấp và của nhân dân trong việc thực hiện công tác CCHCNN, coi công tác CCHCNN thực sự là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và là khâu đột phá của tỉnh”.

- Nguyễn Thị Kim Ngân (2018), *Hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII* [81]

Tác giả luận giải và khẳng định các văn bản của Nhà nước, nhất là Hiến pháp, pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước; chính quyền bốn cấp có vai trò, rất quan trọng đối với việc kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền bốn cấp, song việc quán triệt và thực hiện các văn bản này ở nhiều nơi còn nhiều khuyết điểm, hạn chế. Từ đó đề xuất và luận giải sâu sắc 5 nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật, trong đó, những quy định của Nhà nước về tổ chức bộ máy chính quyền bốn cấp; nhấn mạnh một giải rất quan trọng là cấp ủy các cấp, cán bộ chủ chốt, nhất là người đứng đầu cần tích cực, chủ động sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền, tinh gọn gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Nguyễn Trọng Tân (2019), *Bắc Ninh: đẩy mạnh cải cách hành chính* [87].

Bài viết đã trình bày khái quát kết quả đạt được về CCHCNN ở Quảng Ninh từ năm 2016 đến năm 2017 trên 5 nội dung dựa theo chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020, chỉ ra một số hạn chế và nguyên nhân của hạn chế. Một trong những hạn chế và nguyên nhân bài viết chỉ ra đó là về công tác chỉ đạo, điều hành. Bài viết chỉ ra hạn chế đầu tiên “Đổi mới trong phương pháp chỉ đạo, điều hành tuy đã có nhiều tiến bộ, song chưa thật sự tạo ra chuyển biến căn bản trong chỉ đạo, điều hành, thực thi công vụ. Vẫn còn một số lãnh đạo các sở, ngành chưa quyết liệt chỉ đạo điều hành CCHC trong cơ quan, đơn vị dẫn đến kết quả xếp hạng còn thấp”. Nguyên nhân của những hạn chế trước hết là do công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện CCHC ở

một số cơ quan, đơn vị còn chưa được người đứng đầu quan tâm thường xuyên, quyết liệt. Trình độ, năng lực, ý thức trách nhiệm của một số CBCC làm công tác CCHC còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu tham mưu, triển khai, hướng dẫn, giám sát quá trình thực hiện. Bên cạnh đó, công tác CCHC nhà nước với nội dung lớn, phức tạp; liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành và nhiều lĩnh vực đòi hỏi phải thực hiện đầy đủ, đồng bộ từ công tác chỉ đạo, điều hành đến hệ thống VBQPPL và sự đầu tư nguồn lực cho công tác này”. Bài viết cũng đề xuất 5 giải pháp để đẩy mạnh CCHCNN ở Bắc Ninh bằng những biện pháp cải tiến trên 5 nội dung đó trong thời gian tiếp theo.

Tuy nhiên, bài viết chưa chỉ ra được những hạn chế, khuyết điểm hay một kinh nghiệm nào liên quan đến lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy. Đây cũng là hạn chế của rất nhiều nghiên cứu về cải cách hành chính ở cấp tỉnh của Việt Nam nói chung và của vùng ĐBSH nói riêng hiện nay.

- Trần Thị Minh Ngọc (2020), *Cải cách hành chính công ở Việt Nam – thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Quản lý Nhà nước điện tử đăng ngày 23/4/2020 [85]

Nhằm góp phần tổng kết chương trình tổng thể CCHCNN của Chính phủ giai đoạn 2011-2020, bài viết đã chia sẻ một số đánh giá về nền hành chính công nhà nước ở Việt Nam và đưa ra một số đề xuất cho việc cải cách hành chính công. Trong phần đánh giá thực trạng, tác giả đã chỉ ra một số hạn chế trong đó đề cập sâu đến hạn chế, bất cập về dịch vụ hành chính công và thủ tục hành chính. Trong phần đề xuất bài viết cũng đã chỉ ra chín nội dung cần tập trung trong thời gian tiếp theo, trong đó có “đổi mới nhận thức về chức năng của Nhà nước, về nền hành chính phục vụ nhân dân, bảo đảm sự tiếp cận dễ dàng và công bằng của công dân đối với DVHCC”; “đưa yếu tố “phục vụ” vào sứ mệnh tổ chức của hành chính công”. Những hạn chế và nội dung cần thực hiện bài viết đưa ra hết sức cơ bản và liên quan đến công tác lãnh đạo và sự tham gia của MTTQ, các tổ chức CT-XH, song bài viết chưa đề cập đến việc cần phải tăng cường sự lãnh đạo CCHCNN của các cấp ủy Đảng cũng như các tổ chức trong hệ thống chính trị trong thời gian tới.

- Đoàn Văn Dũng (2020), *Nhìn lại 10 năm thực hiện cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020*, Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử, đăng ngày 30/6/2020 [47].

Bài viết đã khái quát về cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 – những kết quả nổi bật, đưa ra 6 khó khăn, thách thức trong cải cách hành chính giai đoạn 2011 – 2020. Tác giả có nêu một khó khăn, thách thức, đó là “*cải cách tổ chức bộ máy có động lực từ các nghị quyết của Đảng mà thiếu những động lực từ chính nền hành chính*”. Tuy nhiên trong 6 định hướng về cải cách hành chính cho giai đoạn tiếp theo tác giả lại không có đề cập đến vai trò, sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác này. Song tác giả cũng nhận định “những vấn đề này cần có những cách tiếp cận mới trong thiết lập định hướng, tư duy cải cách”.

- Nguyễn Trọng Thừa (2020), *Cải cách hành chính nhà nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* [100].

Đây là một công trình nghiên cứu công phu, trình bày các vấn đề hết sức cơ bản và hệ thống về cải cách hành chính với bốn nội dung chính, tương ứng với bốn chương. Chương I: Một số vấn đề lý luận về cải cách hành chính, đã tập trung phân tích, làm rõ hơn về khái niệm, đặc điểm, chức năng nền hành chính và cải cách hành chính, sự phát triển của cải cách hành chính từ giai đoạn những năm 80 của thế kỷ XX đến giai đoạn những năm 90 của thế kỷ XX, xu hướng cải cách hành chính công gần đây, ý nghĩa của cải cách hành chính ; Chương II: Khái quát về cải cách hành chính của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, tập trung khái quát các cuộc cải cách ở Việt Nam từ thời phong kiến cho đến triển khai CCHCNN thông qua Chương trình tổng thể giai đoạn 2011-2020; Chương III: Kinh nghiệm cải cách hành chính của một số nước trên thế giới, tập trung phân tích về xu hướng CCHC ở các nước phát triển, một số mô hình hành chính công trên thế giới và kinh nghiệm cải cách hành chính của Trung Quốc, Nhật Bản, Xingapore, Hoa Kỳ, Pháp và một số nội dung chủ yếu cải cách hành chính theo mô hình quản lý công mới (NPM) gồm cải cách tổ chức bộ máy và cải cách công vụ, công chức. Chương IV: Cải cách hành chính thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Chương V: Quản lý cải cách hành chính. Điểm mới của công trình nghiên cứu này là làm rõ hơn những vấn đề lý luận về hành chính và cải cách hành chính bằng cách diễn đạt dễ hiểu hơn và

sát hơn với những chủ trương, quan điểm bổ sung, phát triển của Đảng trong các đại hội và Hội nghị Trung ương gần đây so với nghị quyết 17-NQ/TW năm 2017 của BCH Trung ương về đẩy mạnh cải cách hành chính. Đặc biệt cuốn sách dành hẳn một chương để bàn luận về vấn đề quản lý cải cách hành chính – đây là nội dung rất mới và cần thiết.

- Nguyễn Trọng Thừa (2020), *Tăng cường sự tham gia của người dân trong quá trình thực hiện cải cách hành chính nhà nước ở nước ta*, Tạp chí Tổ chức nhà nước số 1/2020 [101].

Bài viết có giá trị tham khảo tốt cho luận án, bởi phạm vi ở cấp tỉnh của địa phương, gắn liền với các hoạt động đáp ứng nhu cầu của người dân, sự tham gia của người dân được thực hiện nhiều nhất là ở địa phương, quyết định lãnh đạo của tỉnh tác động trực tiếp đến người dân. Bài viết đã đưa ra những minh chứng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về tăng cường sự tham gia của người dân trong quá trình thực hiện CCHCNN. Trên cơ sở những kết quả đạt được, kinh nghiệm của các nước trong khu vực ASEAN, bài viết đề ra một số giải pháp tăng cường sự tham gia của người dân trong thời gian tới, trong đó có người đứng đầu cấp ủy, chính quyền thực hiện tốt việc tiếp công dân, hoàn thiện thể chế, cơ chế, phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của nhân dân, tiếp tục có biện pháp nâng cao kiến thức, trình độ ... cho người dân, đẩy mạnh chính phủ điện tử. Về kinh nghiệm của các nước trong khu vực về nội dung này, bài viết nhận định gần đây các nước ASEAN có sự coi trọng nhất định vai trò của người dân đối với quá trình hoạch định chính sách; các quốc gia đều xây dựng thể chế để đảm bảo và phát triển các công cụ hỗ trợ hiệu quả, ví dụ như Singapore đã tập trung phát triển cơ sở hạ tầng thông tin, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, tiến tới giải quyết công việc cho người dân qua điện thoại di động trong mọi thời điểm. Brunei quan tâm đến vấn đề sự tham gia của thanh niên trong quá trình đánh giá chính sách vì có đến 37% dân số là thanh niên. Indonesia tạo cơ chế đảm bảo cho người dân dễ dàng và thuận tiện phản ánh, kiến nghị tới cơ quan nhà nước về dịch vụ công. Thái Lan đẩy

mạnh hợp tác công – tư và sự tham gia của người dân trong dự án năng lượng mặt trời tại khu vực Nong Ta Tam thuộc tỉnh Prachuap Khiri Khan với trung tâm tự học tập năng lượng cho cộng đồng.

- Đỗ Thị Hoa (2021), *Cải cách thể chế hành chính Việt Nam trong bối cảnh thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*, Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử, đăng ngày 5/8/2021 [63]

Bài viết đã đề cập và phân tích sâu về sự cần thiết, thực trạng cải cách thể chế hành chính Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu thực thi các hiệp định FTA THM trên cơ sở chủ trương của Đảng trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị – xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định FTA THM. Tuy nhiên, trong bốn giải pháp tăng cường cải cách thể chế hành chính Việt Nam trong bối cảnh thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mặc dù đã đề cập đến vấn đề “đổi mới nhận thức, tư duy về một nền hành chính công hiện đại, hoạt động chuyên nghiệp, mang tinh thần phục vụ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đáp ứng những chuẩn mực của thế giới” nhưng bài viết vẫn chưa xác định rõ chủ thể, đối tượng thực thi giải pháp, cho nên chưa đề cập đến vai trò lãnh đạo của Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với nội dung này.

### **1.2.2. Các công trình nghiên cứu về Đảng Cộng sản Việt Nam, cấp ủy lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước và các lĩnh vực đời sống xã hội**

- Trần Đình Thắng (2011), *Đảng Cộng sản Việt Nam với việc cải cách hành chính nhà nước* [102].

Cuốn sách cũng cung cấp những cơ sở lý luận cho luận án kế thừa như quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và nền hành chính nhà nước, xây dựng nền hành chính nhà nước; thực tiễn về cải cách nền hành chính nhà nước ở một số nước trên thế giới; khái quát về thực trạng nền hành chính từ năm 1945 đến trước đổi mới, thực tiễn Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo CCHCNN từ năm 1986 đến năm 2010. Trên cơ sở đó, khẳng định sự cần thiết phải CCHCNN ở Việt Nam để khắc phục tình trạng bộ máy

hành chính công kênh, công chức quan liêu, thủ tục hành chính rườm rà, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội – văn hóa của đất nước; khẳng định tính cấp thiết và tầm quan trọng đặc biệt của Đảng CSVN đối với công cuộc cải cách nền hành chính quốc gia trong thời kỳ đổi mới.

- Nguyễn Hữu Nhân (2012), *Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo cải cách hành chính Nhà nước trong giai đoạn hiện nay* [83].

Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh có những đặc điểm đặc thù là lãnh đạo chính quyền ở đô thị tiên hành cải cách hành chính, nhiều đặc điểm, điều kiện tiên hành khác với các tỉnh ủy. Đây cũng là lý do Luận án không nghiên cứu hai thành ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng cùng với các tỉnh ủy ở vùng về cải cách hành chính. Mặt khác việc nghiên cứu về CCHCNN ở Thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu trên cơ sở khảo sát, đánh giá thực trạng CCHC trước 2012, khi CCHCNN chủ yếu tập trung vào cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và chưa áp dụng việc đánh giá cải cách hành chính bằng bộ chỉ số mang tính định lượng PAR INDEX, cũng như việc chuyển đổi số quốc gia, Đề án 06 chưa được triển khai mạnh mẽ và theo chương trình, đề án như hiện nay. Trong bối cảnh hiện nay đánh giá CCHCNN bằng bộ chỉ số này gần như đã đi vào nền nếp, chuyển đổi số và cải cách hành chính với những nội dung mới, trọng tâm mới, nhất là việc đặt trọng tâm vào xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, cải cách chế độ công vụ, chính sách tiền lương cán bộ, công chức, cải cách thể chế cho nên có rất nhiều vấn đề mới và khó đặt ra. Cho nên công trình nghiên cứu của tác giả có giá trị tham khảo tốt và gợi mở cho Luận án rất nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, phát triển nhất là ví dụ như vấn đề đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo CCHCNN của các ủy, tổ chức đảng; ứng dụng công nghệ thông tin trong lãnh đạo CCHCNN, trong việc phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; vấn đề lãnh đạo triển khai bộ chỉ số đánh giá CCHC, đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước, lãnh đạo sự phối hợp của các cơ quan trong thực hiện CCHCNN...

- Nguyễn Xuân Hưng (2016), *Các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng lãnh đạo thực hiện công bằng xã hội giai đoạn hiện nay* [65].

Công trình đã làm rõ những đơn vị kiến thức phục vụ việc xây dựng khung lý thuyết của luận án, gồm: những đặc điểm kinh tế - xã hội, chính trị, quốc phòng, an ninh của tỉnh ở ĐBSH thành phố; những vấn đề chủ yếu về công bằng xã hội, như khái niệm, nội dung; khái niệm, nội dung thực hiện công bằng xã hội ở các tỉnh vùng ĐBSH; phương thức thực hiện vai trò của việc thực hiện. Tập trung hơn vào việc xây dựng khung lý thuyết của luận án, gồm: khái niệm, nội dung, PTLĐ của tỉnh ủy đối với thực hiện công bằng xã hội ở các tỉnh vùng ĐBSH, gồm 5 nội dung và 6 PTLĐ; vai trò của sự lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với việc thực hiện công bằng xã hội ở các tỉnh trong vùng; đề xuất sáu giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở ĐBSH đối với thực hiện công bằng xã hội ở các tỉnh những năm tới. Từ kết quả nghiên cứu này, tác giả có tư duy rằng, để thực hiện công bằng xã hội thì việc làm cho mọi cán bộ, công chức, đảng viên, người dân hiểu và đưa tinh thần cải cách hành chính vào mọi hoạt động, công việc thay đổi cách nghĩ, cách làm đến mức tối ưu nhất có ý nghĩa và tác động rất lớn. Có thể nói thông qua tuyên truyền về CCHC hướng tới thực hiện công bằng xã hội là một vấn đề cần được quan tâm, xây dựng thành các nội dung tuyên truyền và phổ rộng là rất cần thiết.

- Nguyễn Thị Tô Uyên (2013), *Các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn hiện nay* [128].

Cuốn sách giúp cho Luận án kế thừa và phát triển tiếp cận phù hợp với Luận án, như: về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh của các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Hồng kế thừa những đặc điểm phù hợp với các tỉnh, không kế thừa những đặc điểm hàm chứa cả hai thành phố trực thuộc trung ương là Hà Nội và Hải Phòng; cách tiếp cận để làm rõ các khái niệm cơ bản, vai trò, nội dung, phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy đối với các lĩnh vực đời sống xã hội. Qua nghiên cứu công trình này, cho thấy việc nghiên cứu về tỉnh ủy lãnh đạo CCHC là rất cần thiết, là điều kiện quan trọng đảm bảo cho việc



thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH ở các tỉnh của vùng ĐBSH. Cùng với một số công trình khác về tỉnh ủy vùng ĐBSH lãnh đạo các lĩnh vực, lãnh đạo chính quyền, cho thấy việc nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, khẳng định tính cần thiết trong nghiên cứu sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với cải cách hành chính – một lĩnh vực đặc biệt, tác động đến hiệu quả, động lực phát triển các ngành, lĩnh vực khác cũng như đang là vấn đề được người dân, cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp đều quan tâm.

- Trương Hòa Bình (2019), *Tăng cường công tác tuyên truyền trong cải cách hành chính ở nước ta hiện nay* [33]

Tác giả đã phân tích và nhấn mạnh ưu điểm, kết quả, khuyết điểm, hạn chế của việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHCNN giai đoạn 2011- 2020 của nước ta ở Trung ương và các địa phương, xác định và nhấn mạnh một nguyên nhân chủ yếu của ưu điểm, kết quả đó là do sự lãnh đạo của Đảng, các cấp ủy địa phương, nhất là các tỉnh, thành ủy; nhấn mạnh việc chưa quan tâm thường xuyên, thỏa đáng về tuyên truyền, phổ biến, truyền thông về thành công, thành tựu của CCHC là một nguyên nhân chủ yếu của những khuyết điểm, hạn chế về CCHCNN những năm qua. Tác giả đề xuất 5 nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác tuyên truyền về CCHCNN những năm tới. Trong đó, nhấn mạnh nhiệm vụ, giải pháp nâng cao vai trò, nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu trong tuyên truyền về quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về CCHCNN; đổi mới mạnh mẽ nội dung hình thức tuyên truyền; coi trọng phối hợp các tổ chức trong HTCT trong công tác tuyên truyền; tạo thuận lợi cho nhân dân, doanh nghiệp trong tuyên truyền về CCHCNN.

- Trần Thị Bình (2020), *Các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng lãnh đạo cải cách tư pháp giai đoạn hiện nay*, [32].

Luận án đã làm rõ đặc điểm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của các tỉnh ở ĐBSH; các khái niệm, cấu trúc của tư pháp, khái niệm, nội dung, vai trò của cải cách tư pháp ở các tỉnh vùng ĐBSH hiện nay; những vấn đề chủ yếu về tỉnh ủy ở ĐBSH; xây dựng khái niệm trung tâm của

luận án “tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng lãnh đạo cải cách tư pháp giai đoạn hiện nay“, xác định năm nội dung lãnh đạo và bảy PTLĐ, phân tích, làm rõ vai trò của sự lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với cải cách tư pháp; tổng kết được năm kinh nghiệm về vấn đề này; đề xuất sáu giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với cải cách tư pháp ở địa phương.

### **1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU LÀM SÁNG TỎ**

#### **1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học**

*Một là*, các công trình nghiên cứu về hành chính, CCHC, lãnh đạo CCHCNN nói chung đã làm rõ nhiều vấn đề cơ bản, của hành chính nhà nước và bản chất của CCHCNN; những đặc trưng, đặc điểm của hành chính nhà nước, các yếu tố cấu thành và sự cần thiết phải CCHCNN.

Các công trình cũng chỉ ra các yếu tố tác động đến hiệu quả quản lý nhà nước; chỉ rõ vai trò, tầm quan trọng của CCHCNN, đồng thời cũng làm rõ những vấn đề rất cơ bản lý luận và thực tiễn CCHCNN ở Việt Nam và các nước trên thế giới, trên cơ sở phân tích, chỉ rõ những ưu điểm, kết quả và những khó khăn, rào cản, vướng mắc, bất cập, đã đề xuất hệ thống giải pháp cơ bản để nâng cao hiệu quả CCHCNN, trong đó bước đầu đề cập đến nguyên tắc đảng lãnh đạo CCHCNN và phải tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với lĩnh vực này là giải pháp hàng đầu quyết định hiệu quả, kết quả và việc duy trì các thành tựu CCHCNN đã đạt được.

*Hai là*, hầu hết các công trình nghiên cứu về cấp ủy cấp tỉnh lãnh đạo lĩnh vực đời sống xã hội, lãnh đạo chính quyền trong lãnh đạo thực hiện các chủ trương của Đảng trên các lĩnh vực khác nhau liên quan trực tiếp đến việc tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo CCHCNN.

Những lĩnh vực đó, gồm: cải cách tư pháp, xây dựng nông thôn mới, cải cách hành chính, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng lãnh đạo an ninh trật tự ... đã phân tích và đưa ra khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, vai trò chung của tỉnh ủy và nội dung, phương thức, vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy đối với một số lĩnh vực. Đặc biệt, luận án tiến sĩ của Nguyễn Hữu Nhân - Thành

ủy Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo cải cách hành chính Nhà nước trong giai đoạn hiện nay - đã đưa ra khái niệm, năm nội dung, bảy PTLĐ của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đối với CCHCNN ở Thành phố. Tuy nhiên Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc Trung ương, mô hình tổ chức chính quyền đô thị cho nên chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác và việc tham mưu hoạch định các chính sách phát triển, mô hình tổ chức chính quyền cho địa phương có rất nhiều điểm khác và phạm vi nghiên cứu rất hẹp chỉ ở một địa phương cấp tỉnh so với các tỉnh ở vùng ĐBSH có tới 9 tỉnh và hướng tới tác động không chỉ từng tỉnh và còn đến cả vùng.

*Ba là*, các công trình nghiên cứu cũng chỉ ra những dự báo, kinh nghiệm CCHCNN hiệu quả và cả những thất bại hoặc chưa thành công ở các giai đoạn khác nhau của một số quốc gia trên thế giới.

Các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong nước đã tập trung chia sẻ kinh nghiệm chủ yếu của các nước có nền hành chính phát triển, đặc biệt là Trung Quốc. Có rất ít công trình nghiên cứu về lãnh đạo cải cách hành chính của Đảng Cộng sản và các cấp ủy đảng lãnh đạo CCHCNN, hầu hết tập trung vào CCHCNN. Những công trình đó bước đầu đã đề cập đến vai trò và sự cần thiết của Đảng cầm quyền lãnh đạo CCHCNN. Một số công trình đã bàn luận về hoạt động, quy trình, quá trình lãnh đạo. Tuy nhiên vẫn chưa có công trình nào đề cập, bàn luận trực tiếp đến nội dung, phương thức lãnh đạo CCHCNN của Đảng, chưa chỉ rõ được thực trạng, nguyên nhân, kinh nghiệm lãnh đạo CCHCNN. Đặc biệt là những kinh nghiệm và giải pháp mang tính hệ thống, toàn diện tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền đối với CCHCNN – một lĩnh vực mà có những nghiên cứu gần nhất vẫn cho rằng khó, rộng, nhạy cảm, phức tạp.

*Bốn là*, các công trình về cấp ủy địa phương, nhất là cấp ủy tỉnh lãnh đạo CCHCNN và lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội đã xác định phương hướng và các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương đối với lĩnh vực đời sống.

Trong đó, luận án tiến sĩ của Nguyễn Hữu Nhân - Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo cải cách hành chính Nhà nước trong giai đoạn hiện nay

- đã xác định các giải pháp: *Một là*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức đối với sự lãnh đạo CCHCNN của Thành uỷ. *Hai là*, đổi mới PTLĐ của Thành uỷ, tập trung vào kế hoạch hóa việc ra nghị quyết, nâng cao chất lượng nghị quyết; kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, nâng cao chất lượng các ban tham mưu, cụ thể hóa, tổ chức thực hiện nghị quyết về CCHCNN. *Ba là*, củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức các cơ quan chính quyền của Thành phố. *Bốn là*, phát huy vai trò của MTTQ, các đoàn thể nhân dân; thu hút các tổ chức kinh tế, xã hội tham gia vào quá trình lãnh đạo CCHCNN của Thành uỷ. *Năm là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra công vụ; đẩy mạnh việc sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết của Thành uỷ về CCHCNN. *Sáu là*, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương đối với sự lãnh đạo CCHCNN của Thành uỷ. Tuy nhiên các giải pháp này đến nay không còn mang tính đột phá căn bản nữa và chỉ có thể vận dụng, áp dụng hiệu quả tốt nhất ở Thành phố Hồ Chí Minh mà không phát huy hiệu quả cao ở các tỉnh của vùng ĐBSH.

### **1.3.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ**

*Một là*, luận giải làm rõ những đơn vị kiến thức liên quan trực tiếp đến khung lý thuyết của luận án và phục vụ đắc lực cho việc xây dựng khung lý thuyết của luận án.

Những vấn đề đó, gồm:

Khái quát về các tỉnh ở vùng ĐBSH và đặc điểm tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của các tỉnh ở vùng này,

Những vấn đề chủ yếu về tỉnh uỷ, BTVTU ở các tỉnh vùng ĐBSH, như khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vai trò, trách nhiệm

Những vấn đề chủ yếu về chính quyền tỉnh ở ĐBSH, như: khái quát về chính quyền tỉnh ở vùng ĐBSH; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng nhân dân (HĐND), ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh; các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh ở vùng ĐBSH.

Những vấn đề chủ yếu về CCHCNN của các tỉnh ở vùng ĐBSH, gồm: khái niệm, nội dung, các yếu tố cấu thành và CCHCNN ở các tỉnh vùng ĐBSH.

*Hai là, xây dựng khung lý thuyết của luận án, gồm:*

*Xây dựng khái niệm trung tâm của luận án là “Tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước hiện nay”.*

*Đưa ra và phân tích rõ nội dung lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với CCHCNN.*

*Đưa ra và phân tích rõ vai trò của sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với CCHCNN.*

*Ba là, khảo sát, đánh giá thực trạng CCHCNN ở các tỉnh vùng ĐBSH với tư cách là kết quả của sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng này đối với CCHCNN theo các nội dung CCHCNN đã xác định; khảo sát, đánh giá thực trạng sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng này đối với CCHCNN theo khung lý thuyết đã xây dựng, trên hai phương diện nội dung lãnh đạo và PTLĐ; chỉ ra ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và tổng kết những kinh nghiệm.*

*Bốn là, dự báo và phân tích những yếu tố tác động đến việc tăng cường lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với CCHCNN trong những năm tới, gồm thuận lợi, khó khăn; đề xuất phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với CCHCNN trong những năm tới.*

*Năm là, đề xuất và phân tích những giải pháp đồng bộ, khả thi tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đối với CCHCNN trong những năm tới.*

## Chương 2

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

## 2.1. CÁC TỈNH, TỈNH ỦY, CHÍNH QUYỀN TỈNH Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

### 2.1.1. Khái quát về vùng đồng bằng sông Hồng, đặc điểm của các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Hồng

#### *2.1.1.1. Khái quát về các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Hồng*

Điều 110, Khoản 1 của Hiến pháp năm 2013 xác định: Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân định như sau: Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tỉnh chia thành huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện, thị xã và đơn vị hành chính tương đương; Huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã và thành phố thuộc tỉnh chia thành phường và xã; quận chia thành phường. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập.

Theo Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, vùng ĐBSH hiện nay có 11 tỉnh, thành phố, trong đó có 2 thành phố trực thuộc Trung ương (Hà Nội, Hải Phòng) và 9 tỉnh, gồm: Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình [91, tr2].

#### *2.1.1.2. Đặc điểm của các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Hồng*

Các tỉnh ở vùng ĐBSH mang những đặc điểm chung như các tỉnh khác trong cả nước, song cũng có những đặc điểm riêng, được quy định bởi các điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội, diện tích, dân số, trình độ dân cư, vị trí, địa lý của các tỉnh ở vùng này.

*\* Về diện tích, dân số, trình độ dân cư:* Các tỉnh ở ĐBSH có tổng diện tích 16.338,9 km<sup>2</sup>, chiếm khoảng 76,85% diện tích toàn vùng. Trong đó, Quảng Ninh là tỉnh có diện tích lớn nhất với 6178.2 km<sup>2</sup>; có 5 tỉnh (Vĩnh Phúc, Thái

Bình, Ninh Bình, Nam Định, Hải Dương) diện tích trong khoảng từ 1235.9 km<sup>2</sup> đến 1668,2; có 2 tỉnh (Hà Nam, Bắc Ninh) có diện tích nhỏ nhất tương ứng 861,9 km<sup>2</sup> và 822,7 km<sup>2</sup>. Tổng dân số trung bình của chín tỉnh là 12.620,1 nghìn người, chiếm khoảng 55,06 % dân số toàn vùng. Trong đó, có 5 tỉnh có mật độ dân số trên 1000 người/km<sup>2</sup> đó là Bắc Ninh, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Hải Dương; tỉnh có mật độ dân số cao nhất là tỉnh Bắc Ninh với 1725 người/ km<sup>2</sup>, thấp nhất là tỉnh Quảng Ninh (217 người/ km<sup>2</sup>) [Phụ lục 1].

\* *Đặc điểm kinh tế:* Đồng bằng sông Hồng là một trong hai vùng kinh tế-xã hội thu hút vốn FDI nhiều nhất tại Việt Nam. Tính đến tháng 6/2022, đã thu hút được 11.871 dự án với vốn đầu tư 126,5 tỷ USD, tương ứng gần 33% số dự án và trên 30% của tổng vốn đầu tư của cả nước. Trong đó, Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh thuộc nhóm 10 địa phương có tổng vốn FDI đang dẫn đầu cả nước. Như vậy, trong 9 tỉnh ở vùng ĐBSH hiện nay có Bắc Ninh là địa phương thu hút vốn FDI tốt nhất. Từ số liệu của niên giám thống kê tóm tắt [84,tr191,201], tính đến 31/12/2020, lũy kế số dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép còn hiệu lực của Bắc Ninh là 1635 dự án, riêng trong năm 2020 là 155 dự án, dẫn đầu 9 tỉnh, đứng thứ 2 trong vùng, chỉ sau Hà Nội (6382 dự án, năm 2020 là 514 dự án). Xếp thứ 2/9 tỉnh là Hưng Yên với lũy kế là 488 dự án, tuy nhiên năm 2020 chỉ có 24 dự án, xếp sau Hải Dương (lũy kế đến năm 2020 có 477 dự án, năm 2020 có 36 dự án), Hà Nam (lũy kế đến năm 2020 có 3 dự án, năm 2020 là 34 dự án) và Vĩnh Phúc (lũy kế đến năm 2020 có 451 dự án, năm 2020 có 31 dự án). Có 4 tỉnh số lượng dự án lũy kế đến năm 2020 và tính riêng năm 2020 ít nhất trong 9 tỉnh của vùng, đó là Quảng Ninh (143/16), Nam Định (121/16), Thái Bình (97/12), Ninh Bình (80/7). Tuy nhiên, theo Cổng thông tin điện tử Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh, tăng trưởng kinh tế năm 2023 của Quảng Ninh đang dẫn đầu vùng ĐBSH đạt 11,03%; Bắc Ninh là tỉnh duy nhất tăng trưởng âm (-9,28%).

\* *Đặc điểm chính trị:* nhân dân ở các tỉnh vùng ĐBSH có truyền thống yêu nước, căm thù giặc sâu sắc, cùng dân tộc kiên cường bất khuất chống quân xâm lược phương bắc và bọn thực dân đế quốc, viết lên những trang sử hào hùng của dân tộc; những chiến thắng to lớn chống xâm lược gắn liền với những

địa danh ở vùng ĐBSH, như: Bạch Đằng; Ngọc Hồi, sông Như Nguyệt (sông Cầu hiện nay ở tỉnh Bắc Ninh)... Từ khi Đảng ra đời lãnh đạo cách mạng nước ta, nhân dân ở các tỉnh vùng này, một lòng, một dạ đi theo Đảng làm cách mạng giành chính quyền đánh đuổi bọn thực dân, đế quốc xâm lược, đóng góp số lượng lớn sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống thực dân pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Trong xây dựng CNXH và trong thời kỳ đổi mới nhân dân ở các tỉnh vùng này, luôn khắc phục khó khăn, năng động, sáng tạo tìm tòi, thử nghiệm cách làm đem lại hiệu quả nhằm thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới mới của Đảng, nhất là thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng về Khoán 100 (Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư về khoán sản phẩm trong nông nghiệp); Khoán 10 (Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị về cải tiến cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp), mà người sáng tạo ra là đồng chí Kim Ngọc, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc trước đây. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các tỉnh vùng ĐBSH hiện nay ổn định.

\* *Đặc điểm hành chính*; các tỉnh ở ĐBSH cùng với các tỉnh, thành phố ở miền Bắc nước ta trong thời kỳ từ năm 1954 đến năm 1975 và cùng cả nước từ năm 1976 đến năm 1985 thực hiện cơ chế hành chính, tập trung bao cấp. Trong đó, các tỉnh ở vùng ĐBSH là trung tâm, đặc trưng nhất thực hiện cơ chế này, nên khi bước vào thời kỳ đổi mới và đến nay, cơ chế hành chính, tập trung bao cấp vẫn còn tác động chi phối cách nghĩ, tầm nhìn và hoạt động của nhiều cán bộ, đảng viên ở vùng này, là những khó khăn đáng kể trong lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy.

\* *Đặc điểm văn hóa, xã hội*: Các tỉnh ở ĐBSH là nơi sinh sống của nhiều dân tộc, như Kinh, Dao, Cao Lan, Sán Dìu, Tày, Nùng, Hoa, Mường..., trong đó người Kinh là chiếm tuyệt đại đa số. Các dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số dân cư trong vùng, sống tập trung ở một số huyện như Lập Thạch (Vĩnh Phúc), Hải Hà (Quảng Ninh), Nho Quan (Ninh Bình), có truyền thống văn hóa riêng, độc đáo, tạo nên bức tranh đa dạng về văn hóa trong vùng. Các dân tộc thiểu số cần cù, chịu khó, tương thân, tương ái, sống hòa thuận với nhau và với người Kinh. Hiện nay, nhìn chung, đời sống của họ được nâng lên một bước khá lớn, song đời sống vật chất và tinh thần của nhiều gia đình vẫn còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Nhân dân ở các tỉnh của vùng đa số có truyền thống



hiếu học, tôn sư, trọng đạo, khắc phục mọi khó khăn, luôn vươn lên nâng cao trình độ trí tuệ. Tuy nhiên, trình độ văn hóa, dân trí giữa đồng bằng và miền núi, biên giới, hải đảo và các địa phương trong vùng không đồng đều. Liên kết ngành, vùng chậm được triển khai, dẫn đến việc xây dựng hạ tầng, thực hiện chuyển đổi số phục vụ cho cải cách hành chính chưa đạt hiệu quả tương xứng.

Các tỉnh ở vùng ĐBSH là cái nôi của văn hóa Việt. Nơi đây hình thành, lưu giữ và phát triển văn hóa Việt, hình thành nên các giá trị truyền thống tốt đẹp về văn hóa Việt nói chung, những đặc trưng của văn hóa riêng biệt của người dân vùng ĐBSH, nói riêng. Trong đó, một trong những đực trưng là lễ hội truyền thống, văn hóa làng xã, văn hóa của người trồng lúa nước, thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ nhau, đoàn kết vượt qua hoạn nạn, hậu quả thiên tai và chống giặc ngoại xâm, xây dựng và phát triển cuộc sống.

Tuy nhiên, tác động tiêu cực của truyền thống làng xã, quan hệ huyết thống cũng là những cản trở không nhỏ sự phát triển của các tỉnh vùng này. Bên cạnh đó, các tỉnh ở ĐBSH là nơi tiêu biểu nhất ở miền Bắc nước ta về thực hiện cơ chế hành chính, tập trung, bao cấp, là nơi thực hiện lâu nhất sâu đậm nhất cơ chế này. Điều đó, dẫn đến có nhiều thủ tục hành chính đặc trưng của cơ chế này, được thực hiện mạnh mẽ ở ĐBSH, đến nay vẫn còn chi phối, ảnh hưởng khá mạnh đối với hoạt động của chính quyền, cán bộ, công chức nhà nước ở nhiều nơi. Cản trở đáng kể việc CCHCNN và sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp, trong đó có lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với CCHCNN ở địa phương.

Các tỉnh ở ĐBSH là cội nguồn và là trung tâm của hai tôn giáo lớn ở nước ta là Phật giáo và Công giáo. Các trung tâm Phật giáo lớn, nổi tiếng ở miền Bắc nước ta đều nằm ở các tỉnh ĐBSH như Trúc Lâm Thiền Viện (Vĩnh Phúc), Yên Tử (Quảng Ninh). Tín đồ Công giáo sống tập trung ở các huyện ven biển của các tỉnh Nam Định, Ninh Bình và Thái Bình, đông nhất là ở các huyện Kim Sơn (Ninh Bình); Nghĩa Hưng, Xuân Trường, Giao Thủy, Hải Hậu, Trực Ninh (Nam Định); Tiền Hải (Thái Bình). Trong vùng đã hình thành trung tâm đạo Công giáo lâu đời và vào loại lớn nhất nước ta - Xứ đạo Bùi Chu và Xứ đạo Phát Diệm. Phật giáo và Công giáo ở các tỉnh ĐBSH đã có đóng góp nhất định trong các cuộc chiến tranh chống phong kiến, thực dân, đế quốc trước đây và trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân các tỉnh vùng ĐBSH ngày càng được nâng lên rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Nhân dân ở các tỉnh cửa vùng ĐBSH có truyền thống hiếu học, tôn sư, trọng đạo, khắc phục mọi khó khăn, luôn vươn lên nâng cao trình độ trí tuệ. Hệ thống giáo dục đào tạo phát triển khá, tạo thuận lợi cho việc học tập người dân và phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở. Nhìn chung, trình độ dân trí ở các tỉnh ở vùng ĐBSH vào loại cao nhất cả nước. Cho nên đây vừa là thuận lợi để nâng cao nhận thức về CCHCNN đối với người dân, nhưng lại là khó khăn thách thức, đòi hỏi cao hơn đối với sự phục vụ của cán bộ, công chức ở các cơ quan hành chính nhà nước các tỉnh.

*\* Đặc điểm quốc phòng, an ninh:* Các tỉnh ở ĐBSH có vị trí đặc biệt quan trọng về QPAN đối với đất nước. Đây là nền tảng, địa bàn đặc biệt quan trọng để triển khai chiến lược quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chủ động đối phó có hiệu quả với mọi tình huống, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, lãnh thổ và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước. Nhìn chung, chính trị ở các tỉnh ổn định, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

Các xã, huyện ven biển, đảo của các tỉnh Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình có vai trò rất quan trọng đối với việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây là tiền tiêu, đầu song, ngọn gió ngăn chặn kẻ thù xâm lược nước ta từ đường biển; góp phần quan trọng giữ vững chủ quyền biển đảo, bảo đảm hoạt động của ngư dân trên vùng biển hợp pháp của nước ta, góp phần quan trọng bảo vệ vững chắc an ninh trật tự và Tổ Quốc trong điều kiện thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó dự đoán như hiện nay. Đặc biệt các xã, huyện biên giới của tỉnh Quảng Ninh là phen dậu vững chắc góp phần bảo đảm an ninh chính trị của đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Các xã ở nơi đây có vai trò rất quan trọng trong công tác đối ngoại nhân dân, tuyên truyền đối ngoại và xây dựng vùng biên giới hòa bình, hữu nghị hỗ trợ nhau cùng phát triển giữa dân tộc vùng biên của nước ta và Trung Quốc. Các xã còn có vai trò rất quan trọng trong ngăn chặn sự phát triển các tệ nạn xã hội, các hoạt động an ninh phi truyền thống; kiểm soát và ngăn chặn quân xâm lược nước ta từ đất liền khi chúng đặt bước chân xâm lược đầu tiên đối với nước ta, tạo thuận lợi về mọi mặt để huy động quân chủ lực tiêu

diệt bọn chúng. Cuộc chiến tranh xâm lược nước ta của bọn bành trướng phương Bắc vào tháng 2 năm 1979 trước đây đã minh chứng điều này.

Qua gần 40 năm đổi mới, các tỉnh đã phát triển khá mạnh mẽ về nhiều mặt, song vẫn còn một số khó khăn, thách thức: nhiều tiềm năng, thế mạnh chưa được khai thác và phát huy mạnh mẽ; KT-XH phát triển chưa vững chắc; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; lúng túng trong phát triển tiểu thủ công nghiệp; các làng nghề truyền thống chưa phát triển mạnh và còn khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm; số lượng lao động không có việc làm còn lớn và có xu hướng gia tăng, điều kiện học hành của các cháu trong độ tuổi đi học và việc khám chữa bệnh của nhiều gia đình người dân gặp nhiều khó khăn; môi trường ở nhiều nơi bị ô nhiễm nặng; sự chênh lệch về mức sống dân cư còn lớn; nhân dân còn bất bình với tệ tham nhũng, lãng phí; vẫn còn khiếu kiện đông người, vượt cấp; hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống còn diễn ra; một số vấn đề dân tộc, tôn giáo diễn biến phức tạp, các tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn và đẩy lùi một cách cơ bản...

Những đặc điểm trên đây vừa là những động lực vừa là thách thức đối với công tác lãnh đạo, quản lý đối với các chính quyền tỉnh, cán bộ và Nhân dân các tỉnh để làm sao có thể khơi thông tất cả cả nguồn lực, khuyến khích các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đảm bảo cân đối cơ cấu kinh tế, phát triển bền vững và phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư nước ngoài vào tỉnh.

**2.1.2. Tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng - khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vai trò**

**2.1.2.1. Khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng**

*\* Khái niệm tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng*

Điều lệ Đảng thông qua tại Đại hội XI quy định: “Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy) [50, tr. 17]. Cấp ủy tỉnh gọi tắt là tỉnh ủy.

Như vậy, *tỉnh ủy là cách gọi tắt của ban chấp hành đảng bộ tỉnh, đó là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ đại hội đảng bộ tỉnh*

Theo Quy định số 10-QĐ/TW của Bộ Chính trị về “chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”: “Cấp ủy cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh, thành phố giữa hai kỳ Đại hội” [24,tr12].

Từ những điều nêu trên, có thể nêu khái niệm: *Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH là là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ đại hội, do đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh bầu ra, lãnh đạo các hoạt động của đảng bộ tỉnh trong nhiệm kỳ nhằm thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh.*

**\* Chức năng của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng**

Quy định số 10-QĐ/TW của Bộ Chính trị quy định chức năng của cấp ủy cấp tỉnh, trong đó có tỉnh ủy, đó là: “Cấp ủy cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh, thành phố giữa hai kỳ Đại hội, có chức năng lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố; các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương.”[24, tr1]. Điều lệ Đảng hiện hành cũng quy định: “Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng ” [50, tr. 50-51], chức năng giám sát nằm trong chức năng lãnh đạo của tỉnh ủy.

Như vậy, tỉnh ủy ở vùng ĐBSH có các chức năng: *lãnh đạo; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với tỉnh ở ĐBSH.*

*Về chức năng lãnh đạo của tỉnh ủy*

Tỉnh ủy lãnh đạo các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên của đảng bộ tỉnh; lãnh đạo các tổ chức trong HTCT, các tổ chức xã hội, xã hội – nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế và các tổ chức khác được xây dựng và hoạt động trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành. Lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh, trong đó lãnh đạo CCHCNN là một lĩnh vực rất quan trọng hiện nay. Trong đó, tỉnh ủy tập trung lãnh đạo các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên của đảng bộ tỉnh, nhất là các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và đảng viên là cán bộ diện BTVTU quản lý; lãnh đạo các tổ chức trong HTCT; lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội, như: kinh tế, văn hóa, xã hội, QP, AN...

Trong chức năng lãnh đạo, các tỉnh ủy có chức năng kiểm tra, giám sát, chức năng này được bao hàm trong chức năng lãnh đạo của tỉnh ủy, bao gồm: Tỉnh ủy lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng của đảng bộ tỉnh, tập trung vào lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy các cấp ủy trực thuộc; lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, như UBKT tỉnh ủy, ban tổ chức, tuyên giáo, dân vận, nội chính. Tỉnh ủy thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các cấp mình theo quy định của Điều lệ Đảng đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên của đảng bộ tỉnh ủy, tập trung kiểm tra, giám sát các cấp ủy trực thuộc và những đảng viên thuộc diện BTVTU quản lý.

*Về chức năng đề xuất, kiến nghị của tỉnh ủy*

Theo Quy định số 10-QiĐ/TW của Bộ Chính trị, tỉnh ủy ở ĐBSH đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với tỉnh mình.

**\* *Nhiệm vụ, quyền hạn***

Theo Quy định số 10-QiĐ/TW của Bộ Chính trị tỉnh ủy ở ĐBSH có 8 nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

*Một là*, Lãnh đạo cụ thể hóa các chủ trương, biện pháp triển khai tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, các chủ trương, nghị quyết của Trung ương. Quyết định chương trình làm việc và chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa; quy chế làm việc của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh.

*Hai là*, Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nghị quyết của cấp ủy cấp tỉnh. Căn cứ nội dung, tính chất của từng lĩnh vực, cấp ủy cấp tỉnh ra nghị quyết hoặc kết luận để lãnh đạo. Xác định nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, các chương trình, đề án, dự án trọng điểm. Tổ chức triển khai thực hiện thí điểm các chủ trương, mô hình mới theo chỉ đạo của Trung ương.

*Ba là*, Định hướng hoặc quyết định theo thẩm quyền những vấn đề về xây dựng Đảng, công tác tổ chức và cán bộ; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

Một số nhiệm vụ cụ thể: Lãnh đạo công tác chính trị tư tưởng, học tập lý

luận chính trị, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận; đấu tranh với các quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng. Lãnh đạo thực hiện các quy định của Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp. Lãnh đạo việc đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp ủy cấp tỉnh theo quy định, hướng dẫn của Trung ương. Căn cứ định hướng của Trung ương, xác định phương hướng chỉ đạo đại hội đảng bộ các cấp tại địa phương; chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập đại hội đảng bộ cấp tỉnh, hội nghị giữa nhiệm kỳ (nếu có); thông qua dự thảo các văn kiện trình Đại hội; chuẩn bị và giới thiệu nhân sự bầu vào cấp ủy, ban thường vụ, Ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh và các chức danh lãnh đạo chủ chốt khóa mới của tỉnh, thành phố. Lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ trong hệ thống chính trị, bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Trung ương. Trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trưởng đoàn đại biểu Quốc hội của tỉnh, thành phố. Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương, thảo luận, quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy tỉnh. Bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy tỉnh. Xem xét, giới thiệu và đề nghị bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh. Giới thiệu nhân sự ứng cử chức danh chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bầu; tham gia ý kiến về nhân sự phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân trước khi ban thường vụ cấp ủy tỉnh quyết định giới thiệu để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bầu. Thực hiện tự phê bình và phê bình, chất vấn và lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định. Cho ý kiến về kết quả kiểm điểm, tự phê bình và phê bình hàng năm của ban thường vụ, thường trực cấp ủy cấp tỉnh. Lãnh đạo xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nhất là vấn đề chính trị hiện nay. Lãnh đạo

công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên. Quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại kỷ luật, tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên, vấn đề đảng tịch theo Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương.

*Bốn là*, Lãnh đạo chính quyền địa phương thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Định hướng đối với những vấn đề đặc biệt quan trọng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. Xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch dài hạn và trung hạn, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất của địa phương. Cho chủ trương những vấn đề lớn, quan trọng, nhạy cảm về kinh tế - xã hội, ngân sách, phát hành trái phiếu địa phương, quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án trọng điểm về đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, kinh tế đối ngoại...; chủ trương đầu tư các dự án đặc biệt quan trọng của địa phương. Cho ý kiến về quy hoạch, điều chỉnh địa giới hành chính hoặc thành lập, sáp nhập, chia tách đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật. Xem xét, cho ý kiến về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách 6 tháng và hằng năm của tỉnh; định hướng phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới.

*Năm là*, Lãnh đạo công tác dân vận, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; nâng cao vai trò giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện của nhân dân.

*Sáu là*, Quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý tài chính, tài sản của đảng bộ; xem xét, cho ý kiến về công tác tài chính đảng hằng năm và cuối nhiệm kỳ. Lãnh đạo hoạt động kinh tế đảng (nếu có).

*Bảy là*, Xem xét, cho ý kiến về những công việc ban thường vụ cấp ủy đã giải quyết giữa hai kỳ hội nghị cấp ủy cấp tỉnh; quyết định những vấn đề quan trọng do ban thường vụ cấp ủy trình.

*Tám là*, Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trung ương giao.

#### **2.1.2.2. Ban thường vụ tỉnh ủy, thường trực ở đồng bằng Sông Hồng - khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn**

\* *Khái niệm*: theo Sách tra cứu các mục từ về tổ chức: “Ban thường vụ

cấp ủy là cơ quan thay mặt cấp ủy (cấp ủy tỉnh, huyện, cơ sở và một số cấp ủy tương đương cấp ủy tỉnh, huyện) thực hiện chức năng lãnh đạo và kiểm tra các mặt công tác thường xuyên, hàng ngày của cấp ủy cùng cấp tại địa phương” [123,tr36]. Theo Quy định số 10-QiĐ/TW ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị:

Ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp của tỉnh ủy, thành ủy, có chức năng lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu tỉnh, thành phố, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy tỉnh và của Trung ương; quyết định chủ trương về công tác tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp ủy tỉnh; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy cấp tỉnh những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương và của cấp ủy cấp tỉnh đối với địa phương; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao [24,tr3].

Từ những quy định trên có thể nêu khái niệm: *BTVTU ở vùng ĐBSH là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp của tỉnh ủy, quyết định những công việc của Đảng bộ tỉnh theo quy định, bảo đảm cho hoạt động của đảng bộ tỉnh diễn ra bình thường, đúng chương trình, kế hoạch, đạt hiệu quả trong thời gian giữa hai kỳ họp tỉnh ủy.*

\* *Chức năng:* theo Quy định số 10-QiĐ/TW của Bộ Chính trị:

Ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp của tỉnh ủy, thành ủy, có chức năng lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu tỉnh, thành phố, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy tỉnh và của Trung ương; quyết định chủ trương về công tác tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp ủy tỉnh; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy cấp tỉnh những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương và của cấp ủy cấp tỉnh đối với địa phương; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao [24,tr1.2]

Tương tự như tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSH có các chức năng *lãnh đạo; đề xuất, kiến nghị đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư, với tỉnh ủy những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương và của tỉnh ủy đối với*



*tỉnh. Ngoài ra, BTVTU còn có thêm chức năng phối hợp* với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao

*\* Nhiệm vụ, quyền hạn:* theo Điều 5 của Quy định số 10-QiĐ/TW của Bộ Chính trị thì BTVTU ở ĐBSH có những nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

*Một là* Quyết định triệu tập hội nghị cấp ủy tỉnh; chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình, báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết, kết luận trình hội nghị cấp ủy tỉnh về những vấn đề thuộc thẩm quyền của cấp ủy quy định tại Điều 4 Quy định này. Chủ động đề xuất những vấn đề lớn, quan trọng của địa phương trình cấp ủy xem xét, quyết định. Quyết định chương trình, kế hoạch công tác của ban thường vụ.

*Hai là*, Lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy tỉnh và của Trung ương. Tổ chức thực hiện thí điểm mô hình mới về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của cấp ủy và định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

*Ba là*, Lãnh đạo cụ thể hóa, thực hiện chủ trương, nghị quyết về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và công tác tổ chức, cán bộ. Cụ thể là:

Quyết định các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng. Chỉ đạo công tác học tập, nghiên cứu lý luận chính trị, tổng kết thực tiễn; đấu tranh với các quan điểm sai trái; bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp. Căn cứ quy định của Trung ương, cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Ban hành quy chế làm việc của đảng đoàn Hội đồng nhân dân, ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân. Quyết định chủ trương, giải pháp về xây dựng, quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế và chính sách cán bộ của hệ thống chính trị thuộc

thẩm quyền. Chỉ đạo đại hội đảng bộ các cấp; cho ý kiến nội dung văn kiện và phê duyệt phương án nhân sự đại hội các đảng bộ trực thuộc. Quyết định công tác cán bộ theo thẩm quyền được phân cấp quản lý, bảo đảm đúng quy định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định; việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị. Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đảng viên; chất lượng sinh hoạt đảng, tự phê bình và phê bình; cho ý kiến về việc kết nạp, kết nạp lại đảng viên theo quy định. Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quyết định thẩm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên theo phân cấp. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên và vấn đề đảng tịch theo Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương. Đề nghị hoặc cho ý kiến việc xét tặng các danh hiệu cao quý của Nhà nước theo quy định. Quyết định khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng và quy định của Trung ương. Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật; cải cách hành chính, đổi mới phương pháp, lề lối làm việc. Cho ý kiến về nội dung, chương trình các kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Lãnh đạo xây dựng, củng cố và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Cho ý kiến định hướng những nội dung quan trọng đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới công tác dân vận, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện của nhân dân; chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

*Bốn là*, Những vấn đề quan trọng, nhạy cảm thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, ban thường vụ có thể ra nghị quyết hoặc kết luận để lãnh đạo.

Cụ thể là: định hướng quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh

vực, địa bàn trọng yếu; việc thực hiện các cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến đời sống nhân dân; chủ trương, cơ chế, chính sách huy động nguồn lực xã hội phục vụ phát triển; chủ trương đầu tư các dự án lớn, quan trọng, nhạy cảm; dự án liên quan đến quốc phòng, an ninh. Cho ý kiến về sử dụng các nguồn hỗ trợ của Trung ương và các tổ chức trong, ngoài nước; nguồn vượt thu dự toán ngân sách, nguồn tăng thu ngân sách. Cụ thể hóa, triển khai tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và của cấp ủy cấp tỉnh trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo, y tế, dân số, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, khoa học - công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

*Năm là*, Quyết định hoặc cho chủ trương, định hướng, biện pháp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tội phạm; giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề phức tạp trên địa bàn, nhất là các tình huống đột xuất liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, dân tộc, tôn giáo...

*Sáu là*, Định hướng hoạt động công tác nội chính, điều tra, viện kiểm sát, tòa án, tư pháp, cải cách tư pháp, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; xử lý các vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp theo quy định.

*Bảy là*, Lãnh đạo, chỉ đạo tài chính, tài sản của đảng bộ theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

*Tám là*, Tham gia ý kiến trong việc xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, nhất là những vấn đề có liên quan đến địa phương.

*Chín là*, Quyết định những vấn đề quan trọng khác do các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc đề nghị; thực hiện các nhiệm vụ khác do Trung ương và cấp ủy cấp tỉnh giao.

*Mười là*, Ủy quyền cho thường trực cấp ủy thực hiện một số công việc cụ thể thuộc thẩm quyền của ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

### **2.1.2.3. Vai trò của tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng**

*Một là*, tỉnh ủy, BTVTU là nhân tố quyết định việc thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước ở tỉnh.

Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc được Ban Chấp hành Trung ương tổ chức, lãnh đạo, triển khai đến các đảng bộ tỉnh. Trên cơ sở đó, tỉnh ủy, BTVTU quán triệt, ban hành nghị quyết để lãnh đạo thực hiện ở địa phương. Để thực hiện thắng lợi nghị quyết cần huy động sức mạnh và sự tham gia của cả nhân dân địa phương. Năng lực lãnh đạo, định hướng đúng đắn của tỉnh ủy, BTVTU góp phần to lớn trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về mọi mặt, nhất là công tác xây dựng Đảng, HTCT, chăm lo đời sống Nhân dân, xây dựng đảng bộ địa phương vững mạnh, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức; định hướng chính trị đúng đắn và bảo đảm cho hoạt động của các tổ chức xã hội, xã hội – nghề nghiệp và các tổ chức khác của tỉnh đạt hiệu quả; đảm bảo cho hoạt động của đảng bộ tỉnh diễn ra liên tục, hiệu quả.

*Hai là*, tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSH là nhân tố quyết định xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức trong HTCT của tỉnh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy rằng: “Cán bộ là gốc của mọi công việc” [76,tr309]; “công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém” [76,tr313]. Công tác cán bộ gồm công tác cán bộ của Đảng và công tác cán bộ của chính quyền, các tổ chức CT-XH. Đối với cán bộ Đảng lãnh đạo trực tiếp và quyết định thực hiện các khâu của công tác cán bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Theo phân cấp quản lý cán bộ của Đảng, tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSH quyết định thực hiện công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ của mình có chất lượng đáp ứng tốt việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh, tập trung vào xây dựng đội ngũ cán bộ thuộc thuộc diện BTVTU quản lý.

*Ba là*, tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSH là nhân tố quyết định định hướng chính trị đúng cho hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức CT-XH của tỉnh theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt hiệu quả

Đảng ta là Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội, nghĩa là Đảng lãnh đạo tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, các tổ chức CT- XH, tổ chức xã hội, xã hội – nghề nghiệp. Các tổ chức này, do Đảng lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và hoạt động, tập trung vào lãnh đạo thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đảng lãnh đạo các tổ chức này, song không can thiệp quá sâu, làm thay công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức. Ở các tỉnh vùng ĐBSH sự lãnh đạo của tỉnh ủy cũng theo tinh thần đó, đối với các tổ chức CT- XH, tổ chức xã hội, xã hội – nghề nghiệp ở địa phương. Tỉnh ủy định hướng chính trị đúng đắn cho hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức CT-XH của tỉnh theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đây là yếu tố bảo đảm cho hoạt động của các tổ chức này đúng đắn, hiệu quả.

*Bốn là*, tỉnh ủy, BTVTU góp phần quan trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Qua quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, xây dựng HTCT, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSH sẽ có những cách làm đem lại hiệu quả và những kinh nghiệm có giá trị đúc rút từ thực tiễn. Những cách làm và những kinh nghiệm này, sẽ được các tỉnh ủy, BTVTU cung cấp cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư nghiên cứu, vận dụng trong quá trình lãnh đạo của mình. Bên cạnh đó, tỉnh ủy, BTVTU còn có nhiệm vụ tham gia ý kiến với Trung ương Đảng về những vấn đề có liên quan đến tỉnh. Những hoạt động này, của tỉnh ủy, BTVTU góp phần thiết thực nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

*Năm là*, tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSH là nguồn cán bộ dự bị với số lượng lớn, có chất lượng bổ sung cho đội ngũ cán bộ các cơ quan, ban ngành, tổ chức CT-XH ở Trung ương, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ này.

Nguồn bổ sung cho cho đội ngũ cán bộ các cơ quan, ban ngành, các tổ chức CT-XH ở Trung ương chủ yếu từ hai nguồn: đào tạo ở các trường trong nước và ngoài nước và cán bộ hoạt động thực tiễn ở các địa phương nói chung,

cán bộ ở các tỉnh vùng ĐBSH nói riêng. Trong đó, các tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU ở ĐBSH là lực lượng quan trọng, có chất lượng. Đây là những cán bộ hoạt động, từng trải, được thử thách và trưởng thành từ thực tiễn, là nguồn bổ sung, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cơ quan, ban ngành, các tổ chức CT-XH ở Trung ương.

### **2.1.3. Chính quyền tỉnh ở vùng đồng bằng sông Hồng**

#### **2.1.3.1. Khái quát về chính quyền tỉnh ở vùng đồng bằng sông Hồng**

Hiến pháp nước cộng hòa XHCN Việt Nam sửa đổi bổ sung năm 2013 quy định tại Điều 110 định: “Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tỉnh chia thành huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện, thị xã và đơn vị hành chính tương đương” [116]. Tại Điều 111, chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; cấp chính quyền địa phương gồm: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân”. Chính quyền tỉnh là một cấp của chính quyền địa phương ở nông thôn, được tổ chức ở đơn vị hành chính tỉnh, gồm Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh” [116]. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Điều 16: “chính quyền địa phương ở tỉnh là một cấp của chính quyền địa phương, được tổ chức ở đơn vị hành chính tỉnh, gồm Hội đồng nhân dân tỉnh và ủy ban nhân dân tỉnh” [117].

Như vậy chính quyền tỉnh ở vùng ĐBSH bao gồm: Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ở các tỉnh vùng này.

#### **2.1.3.2. Hội đồng nhân dân tỉnh ở đồng bằng sông Hồng - khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn**

\* *Khái niệm:* theo Sách tra cứu các mục từ về tổ chức: “Hội đồng nhân dân: tổ chức thuộc hệ thống chính quyền nhà nước ở các địa phương trên toàn lãnh thổ Việt Nam được thành lập do bầu cử” [123, tr. 365]. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: “Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên” [116, tr.75].

Từ những điều nêu trên, có thể nêu khái niệm: *HĐND tỉnh ở ĐBSH là cơ quan quyền lực nhà nước ở các tỉnh vùng này, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân tỉnh, do Nhân dân tỉnh bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân tỉnh và cơ quan nhà nước Trung ương.*

\* *Chức năng*: Theo Hiến pháp nước cộng hòa XHCN Việt Nam sửa đổi bổ sung năm 2013: “Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân” [116, tr. 76].

Như vậy, HĐND tỉnh ở ĐBSH có chức năng: *Một là*, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền của Nhân dân; *Hai là*, quyết định những vấn đề của địa phương theo quy định của pháp luật; *Ba là*, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham mưu cho tỉnh ủy, cơ quan nhà nước cấp trên trong lãnh đạo chính quyền địa phương.

\* *Nhiệm vụ, quyền hạn*: của HĐND tỉnh ở ĐBSH được quy định chủ yếu tại Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, gồm: *Một là*, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật. *Hai là*, Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh về xây dựng chính quyền. *Ba là*, Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường. *Bốn là*, Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao. *Năm là*, Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh trong lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội. *Sáu là*, Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh trong lĩnh vực QPAN, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, *Bảy là*, Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của HĐND... Ngoài ra HĐND còn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

### ***2.1.3.3. Ủy ban nhân dân tỉnh ở đồng bằng sông Hồng - khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn***

\* *Khái niệm*: Theo Sách tra cứu các mục từ về tổ chức: “Ủy ban nhân dân: cơ quan thuộc chính quyền nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được lập ra ở các cấp xã, phường, thị trấn trực thuộc huyện; huyện, thị xã,

thành phố trực thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Hiến pháp Việt Nam” [123,tr173].

Từ điều nêu trên, có thể nêu khái niệm: *UBND tỉnh ở ĐBSH là cơ quan thuộc chính quyền nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được lập ra ở các tỉnh theo Hiến pháp Việt Nam.*

\* *Chức năng:* Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 quy định:

1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

2. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao” [116,tr76].

Như vậy, UBND tỉnh ở ĐBSH có chức năng: chấp hành nghị quyết của HĐND tỉnh, chịu sự kiểm tra, giám sát của HĐND tỉnh, tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước Trung ương giao; quản lý nhà nước mọi hoạt động trên địa bàn tỉnh.

\* *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh được quy định tại Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015:

*Một là*, xây dựng, trình Hội đồng Nhân dân tỉnh quyết định các nội dung quy định của Luật này và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh; *Hai là*, quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh. Tổ chức thực hiện ngân sách tỉnh, nhiệm vụ phát triển KT-XH, phát triển công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, mạng lưới giao thông, thủy lợi; thực hiện các biện pháp quản lý, sử dụng đất đai, rừng núi, sông hồ, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác; thực hiện các biện pháp phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong phạm vi được phân quyền; *Ba là*, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án của tỉnh đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn; *Bốn*



là, thực hiện các biện pháp xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo thực hiện kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc trên địa bàn tỉnh; tổ chức giáo dục quốc phòng, an ninh và công tác quân sự địa phương; xây dựng và hoạt động tác chiến của bộ đội địa phương, dân quân tự vệ; xây dựng lực lượng dự bị động viên và huy động lực lượng bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa phương; *Năm là*, thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật; *Sáu là*, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước ở trung ương phân cấp, ủy quyền. Phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp dưới, cơ quan, tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh.

### ***2.1.3.3. Cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh ở vùng đồng sông Hồng***

Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh gồm: các sở và cơ quan ngang sở (gọi chung là Sở). Sở là cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

Cơ quan chuyên môn (CQCM) thuộc UBND tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc cho UBND tỉnh trong hoạt động quản lý nhà nước mọi hoạt động trên địa bàn tỉnh. Cụ thể là CQCM tham mưu, tư vấn cho UBND tỉnh về dự thảo các quyết định, các chương trình hoặc biện pháp quản lý nhà nước; xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và hàng năm trên các lĩnh vực quản lý, hoặc giúp UBND tỉnh quản lý một số hoạt động đối với tổ chức, cá nhân trong phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh; thực hiện những nhiệm vụ khi được UBND tỉnh giao, phân cấp, ủy quyền cũng như thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương. Ở mỗi Sở có các phòng, giúp việc cho Sở.

Ngoài ra ở các tỉnh vùng ĐBSH còn có các đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc UBND tỉnh; các doanh nghiệp ngoài khu vực kinh tế nhà nước do UBND tỉnh quản lý... Như vậy, các Sở có vai trò hết sức quan trọng trong việc chấp hành, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy thông qua những chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao như trên.

## **2.2. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC TỈNH Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

### **2.2.1. Khái niệm cải cách hành chính nhà nước ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng**

#### *2.2.1.1. Hành chính nhà nước ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng*

Hành chính là thuật ngữ được sử dụng nhiều trong các cơ quan, tổ chức không kể cơ quan nhà nước hay ngoài nhà nước, khu vực công hay khu vực tư nhân. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết các nghiên cứu khi nhắc tới thuật ngữ này đều hiểu hành chính theo nghĩa là hành chính nhà nước. Điều này có thể lý giải bởi hành chính ở các cơ quan nhà nước vẫn là vấn đề được các học giả, nhà nghiên cứu, cơ sở học quan tâm nhiều nhất nhằm cải cách khu vực công (hay khu vực nhà nước) nói chung và cải cách các cơ quan nhà nước nói riêng.

Đại từ điển tiếng Việt cho rằng: “hành chính”: 1. Thuộc phạm vi quản lý của nhà nước theo luật định; 2. Thuộc những công việc giấy tờ, văn thư, kế toán trong cơ quan nhà nước; 3. Có tính chất nghiêm minh, thẳng tay xử phạt, không nói lỏng để giáo dục, thuyết phục [159, tr. 779].

Như vậy, thuật ngữ “hành chính” được hiểu theo ba nghĩa: danh từ (cơ quan hành chính); động từ (chỉ hoạt động hành chính); tính từ (biện pháp tính chất hành chính – nghiêm minh).

Theo cuốn Cải cách hành chính nhà nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Nguyễn Trọng Thừa, có hai cụm từ dùng để chỉ “hành chính”, “nền hành chính” là “Bureacracy” và “Administration”. Việc sử dụng thuật ngữ Bureacracy và Administration phụ thuộc vào phạm vi quyền lực chính trị của chủ thể thực hiện. Ông đưa ra cách hiểu về hành chính:

“Bureacrary là một hệ thống cơ quan hành pháp trong đó hầu hết các quyết định quan trọng được thực hiện bởi các cơ quan chức năng nhà nước chứ không phải bởi đại diện dân cử. Một nhà nước hoặc một tổ chức được quản lý hoặc quản trị dưới một bộ máy hành chính được xem là một nền hành chính” [100, tr5].

Ông đã nêu ra sáu đặc trưng thông qua phân tích một loạt các quan điểm về CCHCNN. Có thể khái quát các đặc trưng đó là sự thay đổi, cải tiến lâu dài, cố ý sử dụng quyền hạn và ảnh hưởng trong việc áp dụng các biện pháp mới, thay đổi hành chính, làm cho bộ máy quan liêu trở nên hiệu quả, hơn đến phát triển chính trị, hướng tới mục tiêu phát triển ở mức độ cao hơn – đặc biệt là tăng trưởng công bằng, xóa đói giảm nghèo, hòa bình và ổn định [100, tr8].

Theo Cuốn sách Đảng Cộng sản Việt Nam với việc cải cách nền hành chính nhà nước của tác giả Trần Đình Thắng thì hành chính có thể hiểu theo hai nghĩa. Nghĩa hẹp là công tác nghiệp vụ như bảo đảm trật tự an toàn xã hội, hộ tịch, hộ khẩu; các công tác sự vụ bảo đảm hoạt động thường ngày, trật tự, nề nếp chung trong cơ quan, tổ chức. Nghĩa rộng là nền hành chính nhà nước [101, tr12]. Ông còn cho rằng hành chính là hành động quản lý thực tiễn, và cũng là khoa học (hành chính học).

Theo tác giả Đoàn Trọng Truyền, chủ biên cuốn sách “Hành chính học đại cương”, thuật ngữ “hành chính” hiểu theo hai nghĩa: “Theo nghĩa rộng, hành chính là những biện pháp tổ chức và điều hành của các tổ chức, các nhóm, các đoàn thể hợp tác trong hoạt động của mình để đạt được mục tiêu chung” [103, tr7].

Theo cuốn “Hành chính học đại cương” do Đoàn Trọng Truyền chủ biên: “Nếu khái niệm hành chính bao hàm một lĩnh vực rất rộng của hành vi con người như một tồn tại xã hội thì khái niệm hành chính công đã tạo ra một đường biên, giới hạn những hành vi là hoạt động hành chính diễn ra trong khu vực công hay còn gọi là khu vực nhà nước”, tác giả cho rằng:

Hành chính công là hoạt động của nhà nước, của các cơ quan nhà nước, mang tính quyền lực nhà nước, sử dụng quyền lực nhà nước để quản lý công việc công của nhà nước nhằm phục vụ lợi ích chung hay lợi ích riêng hợp pháp của công dân [103, tr17].

Như vậy, tác giả sử dụng khái niệm hành chính công để thu hẹp phạm vi và phân biệt với hành chính ở khu vực tư (hay ngoài nhà nước), và theo tác giả hành chính công chính là hành chính nhà nước.

Theo tác giả Ngô Thành Can và Đoàn Văn Dũng với Cuốn sách chuyên khảo Hành chính nhà nước và cải cách hành chính nhà nước:

“Hành chính nhà nước là thuật ngữ chỉ toàn bộ hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, trong mối quan hệ với chủ thể khác (cá nhân, tổ chức) và quan hệ nội bộ trong hệ thống bộ máy hành chính (Chính phủ trở xuống cấp xã), dựa trên cơ sở những quy định của pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, có tính chất mệnh lệnh (quyền lực – phục tùng) nhằm thực hiện chức năng quản lý, điều hành của Nhà nước” [40, tr17].

Các tác giả cũng chỉ ra cấu trúc của hành chính công hay hành chính nhà nước bao hàm toàn bộ các cơ quan thuộc chính quyền của bộ máy hành pháp từ trung ương tới các cấp chính quyền địa phương, toàn bộ các thể chế và hoạt động của bộ máy ấy với tất cả những người làm việc trong đó. Đồng thời, các tác giả cho rằng: “Hành chính công chủ yếu bao trùm lên các hoạt động hàng ngày của chính phủ và cả bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở dưới sự quản lý thống nhất của chính phủ” [103, tr10]. Với quan điểm này, tác giả cho rằng hành chính công đồng nhất với hành chính nhà nước. Trên thực tế ba thuật ngữ này, thường được hiểu như nhau mà chưa có sự phân định rõ ràng.

Theo tác giả nên hiểu: Hành chính công là hoạt động hành chính diễn ra ở khu vực công, bao gồm cả hành chính trong các cơ quan nhà nước (Hành chính nhà nước), hành chính trong các tổ chức đảng (Hành chính đảng) và hành chính của MTTQ và các tổ chức CT-XH (Hành chính của các tổ chức CT-XH).

Trong đó, hành chính nhà nước được hiểu: *Hành chính nhà nước là toàn bộ hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở dựa trên những quy định của pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, nhằm thực hiện chức năng quản lý, điều hành của Nhà nước.*

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hành chính tỉnh nêu trên, có thể nêu khái niệm: *Hành chính nhà nước cấp tỉnh là toàn bộ hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh dựa trên cơ sở những quy định của pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, nhằm thực hiện chức năng quản lý, điều hành của chính quyền tỉnh*”.

Từ những điều nêu trên có thể nêu khái niệm: *Hành chính nhà nước các tỉnh vùng ĐBSH là toàn bộ hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến cấp xã, dựa trên những quy định của pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, nhằm thực hiện chức năng quản lý, điều hành của chính quyền các cấp ở các tỉnh*.

### ***2.2.1.2. Cải cách hành chính nhà nước ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng***

Theo nghĩa phổ quát “Cải cách là sửa đổi cho hợp lý, cho phù hợp với tình hình mới” [159, tr240]. Như vậy, có thể hiểu: Cải cách hành chính là việc sửa đổi, điều chỉnh các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của nhà nước; các công việc văn thư, giấy tờ, kế toán trong các cơ quan hành chính do cán bộ hành chính, hưởng lương hành chính bằng việc sử dụng những biện pháp xử phạt, kỷ luật nghiêm minh nhằm mục đích giáo dục, thuyết phục đội ngũ này thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ của mình trong các cơ quan hành chính.

Cải cách hành chính theo khái niệm này, hướng tới sửa đổi ba là yếu tố: *Một là, cơ quan hành chính* (tổ chức hợp lý hơn, hoạt động hiệu quả hơn); *Hai là, công việc hành chính* (gọn nhẹ hơn), *cán bộ hành chính* (chất lượng hơn, nâng cao năng lực, trình độ, phẩm chất); *Ba là, các biện pháp hành chính* (phải nghiêm minh).

Cuốn sách “350 thuật ngữ xây dựng Đảng” cải cách hành chính được hiểu rộng hơn, như sau:

Cải cách hành chính là những hoạt động nhằm làm cho hệ thống cơ quan của các tổ chức trong hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội) vững mạnh, hoạt động hiệu lực hiệu quả hơn, ngăn chặn và đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, trì trệ, gây phiền hà cho cho các tổ chức và công dân [95, tr.72].

Đây là khái niệm cải cách hành chính theo nghĩa rộng và hướng tới mục tiêu thực hiện chủ trương, đường lối lâu dài của Đảng. Cuốn sách “Cải cách hành chính nhà nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” cho rằng, CCHCNN được dùng như cải cách hành chính công. Tuy không đưa ra khái niệm CCHCNN, song tác giả nêu ra 6 quan niệm tương ứng với 6 đặc điểm của CCHCNN và khẳng định: “Cải cách hành chính công tập trung vào cơ quan hành pháp của nhà nước. Nó không bao gồm cải cách quản lý các nhánh khác của quyền lực nhà nước bao gồm các nhánh lập pháp và tư pháp [100, tr17].

Đặc điểm của CCHCNN có thể khái quát ở các khía cạnh: hoạt động thường xuyên, liên tục, lâu dài; do nhiều chủ thể, đối tượng, lực lượng cùng tham gia; để đạt mục tiêu chung là tính hiệu lực, hiệu quả của cơ quan, tổ chức; hướng tới phục vụ công dân và tổ chức tốt hơn. CCHCNN là cách thức, biện pháp, yêu cầu, nhiệm vụ cần thiết ở mọi cơ quan, tổ chức nhằm thỏa mãn được nhu cầu, lợi ích của các bên liên quan, làm cho cơ quan, tổ chức hoạt động hiệu quả hơn, đội ngũ cán bộ công chức thực hiện nhiệm vụ tốt hơn, nền hành chính quốc gia văn minh, chuyên nghiệp hơn, con người được phát huy mọi tài năng, sức sáng tạo của mình để góp phần vào công cuộc đổi mới; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tăng cường giao lưu, hội nhập quốc tế để phát triển đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Từ phân tích trên có thể nêu khái niệm: *Cải cách hành chính nhà nước là các hoạt động của chủ thể CCHCNN với sự tham gia của các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan và nhân dân nhằm làm cho bộ máy hành pháp từ trung ương tới địa phương hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn, phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp tốt hơn.*

Tương tự có thể nêu khái niệm: *Cải cách hành chính nhà nước ở các tỉnh vùng ĐBSH là hoạt động của các cơ quan hành chính thuộc UBND các cấp của tỉnh dưới sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo CCHCNN tỉnh và sự tham gia của các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, doanh nghiệp và nhân dân nhằm làm cho bộ máy hành pháp từ tỉnh đến cấp xã hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn, phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp tốt hơn.*

*Chủ thể chỉ đạo, điều hành CCHCNN ở các tỉnh vùng ĐBSH:* UBND tỉnh; Ban Chỉ đạo CCHCNN tỉnh.

*Lực lượng trực tiếp thực hiện CCHCNN ở các tỉnh vùng ĐBSH:* UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan chuyên môn, cán bộ, công chức thuộc UBND tỉnh, cấp huyện; cán bộ, công chức cấp xã.

*Lực lượng tham gia thực hiện CCHCNN ở các tỉnh vùng ĐBSH:* MTTQ và các đoàn thể CT- XH, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và nhân dân trên địa bàn tỉnh. Các tổ chức này tham gia vào thực hiện những nội dung của CCHCNN của tỉnh; MTTQ và các đoàn thể CT- XH thực hiện việc phản biện xã hội đối với các chủ trương, nghị quyết, quyết định chỉ thị, kết luận của UBND tỉnh về CCHCNN trước khi ban hành; giám sát hoạt động CCHCNN của các cơ quan, cán bộ công chức nhà nước ở các cơ quan hành chính của UBND, tỉnh, cấp huyện và UBND cấp xã.

Nhân dân ở các tỉnh vùng ĐBSH tham gia thực hiện những nội dung CCHCNN thông qua các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội họ là đoàn viên, hội viên; trực tiếp tham gia qua các kênh góp ý, phản ánh, kiến nghị trên các phương tiện thông tin đại chúng, hoặc công thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, góp ý của người dân qua UNND Tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Tỉnh ủy ở ĐBSH, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU lãnh đạo toàn diện CCHCNN ở tỉnh, với sự tham gia của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy như: văn phòng tỉnh ủy; Ban Nội chính, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Ủy ban kiểm tra UBKT tỉnh ủy.

### ***2.2.2. Nội dung cải cách hành chính nhà nước ở các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Hồng***

Nội dung cải cách hành chính nhà nước ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng là những nhiệm vụ cần tiến hành để bộ máy các cơ quan hành chính tinh gọn, nhân lực làm việc trong các cơ quan có năng lực, phẩm chất đáp ứng tốt yêu cầu công việc và các hoạt động hành chính hiệu quả, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn để phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội của tỉnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần xây dựng chính quyền tỉnh trong sạch, vững mạnh, thực sự của Dân, do Dân và vì Dân.

Tùy từng thời kỳ, giai đoạn cách mạng với những yêu cầu cụ thể, nội dung CCHCNN được xác định và thực hiện phù hợp. Hiện nay nội dung CCHCNN ở các tỉnh vùng ĐBSH được xác định dựa theo các nội dung, nhiệm vụ mà Chương trình tổng thể CCHCNN giai đoạn 2021-2030 đã xác định. Các nội dung đó bao gồm: cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của các nội dung cơ bản căn cứ vào Chương trình tổng thể CCHCNN giai đoạn 2021-2030 đồng thời các nội dung phải gắn với tiềm năng, thế mạnh, điều kiện thực tế, quan điểm phát triển của Đảng và các cơ chế, chính sách đặc thù của Nhà nước định hướng cho vùng. Cụ thể như sau:

*Một là, cải cách thể chế*

Mục tiêu chung của cải cách thể chế là tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính nhà nước, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực; nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, trọng tâm là thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ; tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển đất nước; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức và toàn xã hội. Do đó để góp phần thực hiện mục tiêu này, các tỉnh cần tích cực, chủ động, tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy theo hướng chặt chẽ, khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp. Với điều kiện thuận lợi của vùng về khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo... các tỉnh cần áp dụng kỹ thuật lập pháp tiến bộ trong soạn thảo để nâng cao chất lượng văn bản. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT để nâng cao chất lượng lĩnh vực cải cách thể chế.

Coi trọng và có cơ chế mạnh mẽ thực hiện hiệu quả, bắt buộc việc tham vấn ý kiến chuyên môn của các hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học và lấy ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, tính nhất quán, ổn định và dự đoán được của pháp luật. Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy



phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực, theo dõi, đánh giá hiệu quả tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh. Kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

#### *Hai là, cải cách thủ tục hành chính*

Các tỉnh ở vùng ĐBSH tiếp tục tăng cường rà soát, nghiên cứu, tham mưu cho các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương, đồng thời tự rà soát và cắt giảm, đơn giản hóa tối ưu các quy định và cắt giảm hợp lý chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh. Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Đến năm 2025, có tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử. Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên. Đẩy mạnh số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính phấn đấu đến năm 2025 đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính cho cấp huyện, cấp xã. Rà soát, cơ cấu lại và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở đảm bảo khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp ở cơ sở; đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân.

*Ba là, cải cách tổ chức bộ máy hành chính*

Hoàn thành việc nghiên cứu, đề xuất mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống hành chính nhà nước cấp tỉnh phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của đất nước trong giai đoạn mới. Cải cách tổ chức bộ máy việc sắp xếp các cơ quan tinh gọn, quy định về chức năng, nhiệm vụ phù hợp, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đảm bảo theo Nghị định 24/2014/NĐ-CP ngày 4/4/2014 của Chính phủ. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan ở tỉnh đảm bảo yêu cầu, nhiệm vụ của chuyển đổi số. Lựa chọn đúng người có đức, thực tài để phát huy hiệu quả lãnh đạo, quản lý, tận dụng tối đa nguồn lực, cơ sở vật chất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy, liên kết các tỉnh, huyện, xã để tập trung đầu tư công nghệ, phần mềm, nền tảng số đồng bộ, liên thông giữa các tỉnh, huyện, xã trong vùng. Đồng thời tham mưu, đề xuất với Trung ương ban hành các thể chế về liên thông, phối hợp trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cải cách các thủ tục hành chính phi địa giới, phi trung gian để tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại cho người dân, doanh nghiệp, khơi thông tối đa các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSH. Tập trung xây dựng, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh gắn với môi trường, điều kiện làm việc mới, trên môi trường điện tử. Nhất là các cơ quan, đơn vị bên trong của từng cơ quan, đơn vị đó theo hướng tự chủ, có hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đối với UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong đó có cả phân cấp quản lý CCHC. Quyết tâm giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước một cách thực chất, hợp lý, hiệu quả vì lợi ích chung để cùng sống, làm việc hạnh phúc và phát triển bền vững.

*Bốn là, cải cách chế độ công vụ*

Mục tiêu, nhiệm vụ cải cách chế độ công vụ ở các tỉnh của vùng ĐBSH phải phục vụ cho việc xây dựng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo, bồi dưỡng, phát huy các tài năng trẻ, thu hút trọng dụng nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước. Để thực hiện được mục tiêu đó, cần tiếp tục nâng cao năng lực, phẩm chất, trình độ cho đội ngũ cán bộ, công chức các cấp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong bối cảnh mới.

Đẩy mạnh thực hiện cơ chế thi tuyển cạnh tranh; dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức; tạo nguồn sớm, vững chắc từ các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhân lực hành chính, có chính sách hấp dẫn để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước ở tỉnh và tạo điều kiện cho họ phát triển. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức theo hướng hiện đại; xây dựng văn hóa, văn minh công sở, đạo đức, trách nhiệm, liêm chính cho cán bộ, công chức và những người thực thi công vụ. Truyền thông mạnh mẽ yêu cầu, nhiệm vụ, ý nghĩa và sự cần thiết của việc cải cách chế độ công vụ trong bối cảnh hiện nay. Đặt hàng đào tạo bồi dưỡng theo yêu cầu đầu ra để phát huy tối đa nguồn nhân lực.

*Năm là, cải cách tài chính công*

Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về tài chính công. Tiếp tục thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ và các quyết định của UBND tỉnh. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao thuộc UBND các cấp ở tỉnh quản lý và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị ở tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Cải cách tài chính công tập trung tăng thu, giảm chi thường xuyên; cơ cấu lại theo hướng tăng chi cho đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên; chống tiêu cực tham nhũng trong thực hiện tài chính công trong các cơ quan tài chính của cả bộ máy nhà nước ở tỉnh.

*Sáu là, xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số*

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức. Trong xây dựng và phát

triển công dân số, xã hội số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và thúc đẩy các hoạt động trên không gian mạng; tập trung thực hiện Đề án 06. Tăng cường liên kết vùng để ứng dụng hiệu quả CNTT vào nâng cao hiệu quả, sớm đạt các chỉ tiêu về CCHC ở tỉnh.

### **2.3. TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC – KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC VÀ VAI TRÒ**

#### **2.3.1. Khái niệm tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước**

Lãnh đạo, theo Đại Từ điển Tiếng Việt là dẫn dắt tổ chức phong trào theo đường lối cụ thể: lãnh đạo cuộc đấu tranh. Theo nghĩa danh từ: cơ quan lãnh đạo, bao gồm những người có khả năng tổ chức dẫn dắt phong trào: chờ lãnh đạo cho ý kiến, Ban lãnh đạo đi vắng cả [159,979]. Theo Từ điển Hán Việt từ nguyên, Lãnh đạo (Lãnh: coi sóc, Đạo: dẫn dắt) Lãnh đạo là trông coi để dẫn dắt [112, tr567].

Lãnh đạo là một hoạt động gắn liền với quá trình cách mạng của Đảng, trở thành thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong các văn kiện Đảng, các cấp ủy, các tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên.

Theo Từ điển tiếng Việt (Viện Ngôn ngữ học, Hoàng Phê chủ biên xuất bản năm 1995): “Lãnh đạo là đề ra chủ trương, đường lối và tổ chức động viên thực hiện” [113, tr524]. Trong Đại từ điển tiếng Việt (do Nguyễn Như Ý chủ biên, xuất bản năm 2010) thì định nghĩa: “Lãnh đạo là dẫn dắt, tổ chức phong trào theo đường lối cụ thể” [159, tr979].

Trong tác phẩm “Đường cách mệnh”, khi luận bàn về “Cách mệnh”, sau khi làm rõ những vấn đề chủ yếu của cách mệnh, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đặt câu hỏi: **“Cách mệnh trước hết phải có gì?”** [76, tr267]. Người trả lời: “Cách mệnh, trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi” [76, tr267 - 268]. Đồng thời, Người khẳng định: “Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy” [76, tr268]. Người còn chỉ rõ: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải làm theo chủ nghĩa

ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam” [76, tr268]. Người khẳng định, chủ nghĩa được đảng lấy làm cốt đó là chủ nghĩa Mác – Lênin. Người viết: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin” [76, tr268].

Trong tác phẩm “Sửa đổi lề lối làm việc” Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luận giải sâu sắc khái niệm “lãnh đạo đúng” của Đảng và nhấn mạnh để Đảng lãnh đạo đúng, Đảng phải tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân, dựa vào nhân dân, cổ vũ, động viên và tạo thuận lợi để nhân dân tham gia vào quá trình lãnh đạo của Đảng. Người viết:

*Lãnh đạo đúng nghĩa là:*

1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng. Mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu đựng kết quả của sự lãnh đạo của ta.

2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng. Mà muốn vậy, không có dân chúng giúp thì không xong.

3. Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được. [124, tr325]

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, muốn lãnh đạo đúng thì: “... Bất kỳ công việc gì, cũng phải dùng hai cách lãnh đạo sau đây: một là liên hợp chính sách chung với sự chỉ đạo riêng. Hai là liên hợp người lãnh đạo với quần chúng” [78, tr328]. Có thể hiểu những chỉ dẫn nêu trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là quy trình lãnh đạo của Đảng (một nội dung rất quan trọng của PTLLĐ của Đảng)

Từ phân tích trên, đi đến khái niệm: *Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo CCHCNN là toàn bộ hoạt động của tỉnh ủy, BTVTU với sự tham gia của các tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tổ chức của HTCT, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong việc xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát để các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận ấy được thực hiện thắng lợi.*

*Chủ thể lãnh đạo CCHCNN ở các tỉnh vùng ĐBSH là tỉnh ủy, trong đó, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU.*

*Đối tượng lãnh đạo CCHCNN ở các tỉnh ở ĐBSH là chính quyền tỉnh, chính quyền cấp huyện và chính quyền các cấp, trọng tâm là tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền tỉnh; chính quyền cấp huyện, cấp xã được phân cấp cho cấp ủy cấp huyện lãnh đạo chính quyền cấp huyện, cấp xã thực hiện CCHCNN trên địa bàn dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của tỉnh ủy, BTVTU.*

*Lực lượng tham gia vào sự lãnh đạo CCHCNN ở các tỉnh vùng ĐBSH : các tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong đảng bộ tỉnh, cấp ủy cấp huyện, cấp xã; các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở; tổ chức kinh tế, các tổ chức, lực lượng có liên quan và nhân dân địa phương.*

### **2.3.2. Nội dung lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng**

Trên cơ sở nội dung CCHCNN ở các tỉnh vùng ĐBSH và khái niệm "tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo CCHCNN" có thể xác định nội dung lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy ở ĐBSH, hiện nay:

*Một là, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của mình về định hướng giải pháp thực hiện Nghị quyết của Đảng về CCHCNN; Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện*

Tỉnh ủy, BTVTU tiếp tục quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 khóa X của Đảng “về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước”; sáu nội dung CCHCNN của Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; lãnh đạo, chỉ đạo xây các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU định hướng nhiệm vụ, giải pháp thực hiện những nội dung nêu trên, lãnh đạo chỉ đạo tổ chức thực hiện. Các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về những nội dung này, cần tập trung định hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đạt hiệu quả sáu nội dung CCHCNN nêu trên ở các tỉnh.

*Hai là, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo HĐND tỉnh cụ thể hóa nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN thành nghị*

quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của mình; HĐND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng, thực hiện chương trình, kế hoạch; tỉnh ủy lãnh đạo UBND tỉnh thực hiện.

Tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo HĐND tỉnh xây dựng và ban hành các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của HĐND tỉnh về cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN. BTVTU, cần tập trung định hướng những nội dung trọng tâm của nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của mình về CCHCNN để HĐND tỉnh tập trung thể hiện trong nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của của HĐND tỉnh về CCHCNN; định hướng những vấn đề cần tập trung thảo luận ở hội nghị HĐND tỉnh về ban hành nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của HĐND tỉnh về vấn đề này. Ngoài đồng chí là chủ tịch HĐND tỉnh là phó bí thư thường trực tỉnh ủy hoặc bí thư tỉnh ủy, hoặc ủy viên BTVTU, cần cử các đồng chí ủy viên BTVTU tham dự hội nghị này của HĐND tỉnh.

Sau khi nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của HĐND tỉnh về CCHCNN được ban hành, HĐND tỉnh tập trung chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện. Chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCNN phải có nội dung thiết thực, cụ thể và xác định rõ những công việc của từng cơ quan hành chính thuộc UBND tỉnh. HĐND tỉnh, coi trọng kiểm tra, giám sát UBND tỉnh về thực hiện công việc này.

*Ba là*, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính của UBND tỉnh, cấp huyện, cấp xã tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan này có chất lượng đáp ứng yêu cầu CCHCNN ở các tỉnh

Tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU tiếp tục quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII của Đảng “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, nhất quán triệt và thực hiện tốt chủ trương của Bộ Chính trị về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết này, trong lãnh đạo, chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính của UBND tỉnh, cấp huyện, cấp xã tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả bảo đảm thực hiện tốt những nội dung CCHCNN ở các tỉnh.

Đồng thời, tỉnh ủy, BTVTU tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII của Đảng “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”, xây dựng đội ngũ cán bộ các cơ quan hành chính của tỉnh, cấp huyện và UBND cấp xã có chất lượng tốt, bảo đảm thực hiện thắng lợi những nội dung CCHCNN ở các tỉnh.

*Bốn là*, tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện về lãnh đạo CCHCNN trên địa bàn cấp huyện, coi trọng lãnh đạo CCHCNN trên địa bàn cấp xã, tập trung vào lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.

Tỉnh ủy ở ĐBSH lãnh đạo CCHCNN không chỉ lãnh đạo chính quyền tỉnh tiến hành CCHCNN theo những nội dung đã được xác định; lãnh đạo MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế tỉnh tham gia vào công việc này, mà còn lãnh đạo cấp ủy cấp huyện, cấp xã thực hiện việc lãnh đạo chính quyền cấp huyện, cấp xã thực hiện CCHCNN ở địa phương và lãnh đạo MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế trên địa bàn tham gia CCHCNN ở địa phương. Đây là một nội dung rất quan trọng của sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN. Bởi vì, phần lớn những vấn đề về hành chính nhà nước liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp, khá nhiều việc diễn ra ở chính quyền cấp huyện, cấp xã. Hành chính nhà nước ở cấp huyện, cấp xã không được cải cách đạt hiệu quả, không thiết thực và gây phiền hà cho nhân dân và doanh nghiệp ở cấp huyện, cấp xã thì việc lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy không đạt yêu cầu. Bởi vậy, tỉnh ủy lãnh đạo CCHCNN cần đặc biệt coi trọng thực hiện tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, cấp xã về lãnh đạo CCHCNN trên địa bàn.

Tương tự như trên, tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện về lãnh đạo HĐND, UBND cấp huyện cụ thể hóa, thể chế hóa, xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của HĐND cấp huyện về CCHCNN. HĐND cấp huyện coi trọng kiểm tra, giám sát UBND cấp huyện về thực hiện công việc này.

*Năm là*, tỉnh ủy lãnh đạo phối hợp hoạt động giữa chính quyền các cấp



với MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế ở địa phương thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU và của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCNN

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội ở địa phương, tỉnh ủy lãnh đạo chỉ đạo sự phối hợp giữa chính quyền các cấp trong tỉnh với các tổ chức này, thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU, của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCNN.

Đối với MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội tỉnh, BTVTU trực tiếp lãnh đạo chỉ đạo sự phối hợp giữa chính quyền tỉnh với các tổ chức này, thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU, của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCNN.

Đối với MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội ở cấp huyện, cấp xã, BTVTU lãnh đạo chỉ đạo cấp ủy cấp huyện, cấp xã về lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền cấp huyện, cấp xã với MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH cùng cấp thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU, của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCNN.

Tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quy chế hoặc những quy định về sự phối hợp giữa các tổ chức nêu trên trong thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU, của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCN; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế, quy định đó.

Chính quyền tỉnh, cấp huyện, cấp xã coi trọng và thực hiện tốt việc cổ vũ, động viên MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và nhân dân địa phương tham gia có hiệu quả vào việc thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU, của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCN. Đồng thời, các cấp ủy tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức này tham gia thực hiện đạt hiệu quả nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU, của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCNN.

### 2.3.3. Phương thức lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng

Sách "350 thuật ngữ Xây dựng Đảng" cho rằng: Phương thức lãnh đạo của Đảng là hệ thống các hình thức, phương pháp, biện pháp, quy trình, lề lối làm việc, tác phong công tác mà chủ thể lãnh đạo sử dụng để tác động vào đối tượng lãnh đạo làm cho nội dung lãnh đạo của chủ thể thành hiện thực"[123, tr352].

Từ cách hiểu trên có thể quan niệm: *Phương thức lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng là hệ thống các hình thức phương pháp, biện pháp, cách thức, quy chế, quy trình, lề lối làm việc... tỉnh ủy sử dụng để tác động vào các cơ quan hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện, cấp xã và đội ngũ cán bộ, công chức của các cơ quan này, nhằm thực hiện tốt các nội dung lãnh đạo cải cách hành chính của tỉnh ủy, hiện thực hóa mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước do tỉnh ủy xác định.*

Từ quan niệm nêu trên, có thể xác định PTLĐ CCHCNN của tỉnh ủy ở ĐBSH gồm:

*Một là*, tỉnh ủy lãnh đạo bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN

Nghị quyết của tỉnh ủy về CCHCNN thường là những vấn đề lớn, tổng thể định hướng về CCHCNN trong thời gian khá dài. Nghị quyết về CCHCNN thường là những vấn đề về từng mặt, bộ phận của CCHCNN, nhất là những vấn đề mới xuất hiện được đông đảo nhân dân và doanh nghiệp ở địa phương quan tâm. Những vấn đề này, cần được giải quyết dứt điểm tạo thuận lợi cho việc thực hiện thắng lợi nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về CCHCNN. Ví dụ: định hướng giải quyết một số điểm của thủ tục hành chính; vấn đề chuyển đổi số.

Trên cơ sở các nghị quyết của tỉnh ủy về CCHCNN đã được xây dựng, tỉnh ủy, BTVTU cần nắm chắc các quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp định hướng về CCHCNN, dựa chắc vào những nội dung này để lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, nhất là chính quyền tỉnh thực hiện. Tỉnh ủy, BTVTU, các tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU không lãnh đạo, chỉ đạo CCHCNN một cách chung chung, chỉ đạo CCHCNN theo ý kiến cá nhân.

*Hai là*, lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục các tổ chức đảng, nhất là cấp ủy các cấp, coi trọng cấp ủy huyện, cấp xã, cấp ủy trong các cơ quan của chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc, nhất là cấp ủy cấp huyện và cấp ủy trong các cơ quan chính quyền tỉnh, coi trọng cấp ủy trong UBND tỉnh, cán bộ, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về quán triệt nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN. Qua đó, tạo nhận thức đầy đủ, sâu sắc của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng về các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy. BTVTU về CCHCNN tạo cơ sở để thống nhất ý chí và hành động thực hiện các nghị quyết, quyết định này. Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công việc này, bằng các hình thức, phương pháp phù hợp với từng loại hình cấp ủy, tổ chức đảng và điều kiện hoạt động của cán bộ, đảng viên, đem lại hiệu quả.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc, nhất là cấp ủy cấp huyện tiến hành quán triệt các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN trong cấp ủy, tổ chức đảng, coi trọng cấp ủy cấp xã bằng những hình thức, phương pháp phù hợp với các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Đồng thời, cấp ủy cấp huyện tiến hành công việc này, trong MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân, các doanh nghiệp trên địa bàn, tạo sự đồng thuận trong cấp ủy, các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức CT-XH và nhân dân, doanh nghiệp trong thực hiện các các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.

*Ba là*, tỉnh ủy lãnh đạo CCHCNN bằng việc phát huy vai trò quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh, cấp huyện, cấp xã, nhất là của UBND các cấp đối với mọi hoạt động ở địa phương

Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của chính quyền tỉnh, cấp huyện, cấp xã ở các tỉnh vùng ĐBSH là quản lý nhà nước mọi hoạt động ở địa phương theo quy định của pháp luật. Trong đó, trực tiếp thực hiện công việc này, là UBND tỉnh, cấp huyện và cấp xã. HĐND tỉnh về xây dựng và ban hành các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của mình về về cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN, về quản lý nhà nước các hoạt động ở địa phương. UBND tỉnh, cấp huyện, cấp xã trực tiếp thực

hiện nghị quyết, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận nêu trên của HĐND tỉnh tỉnh, trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước mọi hoạt động ở địa phương. Thông qua việc lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền các cấp trong tỉnh, nhất là chính quyền tỉnh về thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước mọi hoạt động trên địa bàn tỉnh, tỉnh ủy lãnh đạo chặt chẽ, cụ thể và đạt hiệu quả đối với CCHCNN ở các tỉnh.

*Bốn là*, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ trong các cơ quan của chính quyền tỉnh, nhất là các cơ quan của UBND tỉnh.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính của UBND tỉnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo đường lối, chủ trương công tác tổ chức của Đảng, nhất là nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy cấp huyện thực hiện công việc này, đối với các cơ quan của chính quyền cấp huyện, chính quyền cấp xã. Đồng thời, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các khâu của công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan hành chính tỉnh, cấp huyện, cấp xã bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo đường lối công tác cán bộ của Đảng, nhất là nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”.

*Năm là*, lãnh đạo thông qua các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan hành chính của UBND các cấp trong tỉnh, nhất là các cơ quan hành chính của UBND tỉnh; bằng hành động tiên phong, gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan này.

Các tổ chức đảng trong các cơ quan chính quyền tỉnh gồm: ban cán sự đảng trong UBND tỉnh, đảng đoàn trong HĐND tỉnh, các cấp ủy, tổ chức đảng trong UBND, HĐND tỉnh; các cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan chính quyền cấp huyện, đảng viên của đảng bộ cấp xã làm việc trong HĐND, UBND cấp xã. Các tổ chức đảng này, trực tiếp lãnh đạo các cơ quan chính quyền tỉnh, cấp huyện cấp xã thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.

Đảng viên làm việc trong các cơ quan nêu trên, ngoài thực hiện nhiệm vụ đảng viên, còn có trách nhiệm thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN; tiên phong, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ này. Các tổ chức đảng có trách nhiệm giáo dục, rèn luyện, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên của mình đáp ứng yêu cầu thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ thực hiện các các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN; cổ vũ, động viên và tạo thuận lợi cho đảng viên thể hiện vai trò tiên phong, gương mẫu trong thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN bằng những hành động cụ thể, hiệu quả.

Sáu là, lãnh bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân địa phương trong việc phản biện xã hội, giám sát các tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh, có vai trò rất quan trọng trong thực hiện thắng lợi các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN. Tỉnh ủy ở ĐBSH lãnh đạo CCHCNN bằng phương thức nêu trên, cần coi trọng và phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức này và nhân dân trong tham gia thực hiện đạt hiệu quả các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.

Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xác định và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức này; trên cơ sở đó lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt của MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH có số lượng theo quy định, có cơ cấu hợp lý, từng cán bộ có chất lượng tốt đáp ứng tốt yêu cầu lãnh đạo tổ chức mình tham gia đạt hiệu quả vào việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN. Tỉnh ủy coi trọng và tạo thuận lợi cho các tổ chức này, thực hiện tốt chức năng giám sát hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức chính quyền các cấp trong tỉnh về thực hiện nhiệm vụ CCHCNN; phản biện xã hội theo quy định đối với các quyết định của cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh về CCHCNN trước khi ban hành.

*Bảy là, lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ tỉnh thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy và BTVTU về CCHCNN.*

Tỉnh ủy coi trọng việc duy trì thành nề nếp việc kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy và BTVTU về CCHCNN; tập trung kiểm tra, giám sát các cấp ủy trực thuộc và thực hiện công việc này, nhất là cấp ủy cấp huyện và đảng viên là cán bộ diện BTVTU quản lý, những đảng viên làm việc trong các cơ quan chính quyền tỉnh. Qua công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện những tập thể, cá nhân tiên tiến trong thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy và BTVTU về CCHCNN, cổ vũ, động viên kịp thời và tạo thuận lợi cho những tập thể, cá nhân ấy, phát triển; tháo gỡ những khăn khăn, vướng mắc của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy và BTVTU về CCHCNN. Xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý.

#### **2.3.4. Vai trò của sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng đối với cải cách hành chính nhà nước**

*Một là, sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả CCHCNN của tỉnh ủy ở ĐBSH góp phần quan trọng trong thực hiện thắng lợi các nghị quyết, quyết định của Đảng về CCHCNN và Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030*

Đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung, về CCHCNN nói riêng, đều được đưa về các địa phương để thực hiện, dưới sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy, trong đó có các tỉnh ủy ở ĐBSH. Thực tế cho thấy, chỉ một vài tỉnh ủy yếu kém hiệu quả lãnh đạo, nói chung thấp, lãnh đạo CCHNN đạt kết quả hạn chế, sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả lãnh đạo CCHCNN của Đảng.

Các tỉnh ở ĐBSH có vai trò rất quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, QP, AN đối với cả nước. Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả CCHCNN của các tỉnh ủy ở vùng này lại càng có vai trò quan trọng và đóng góp đáng kể vào kết quả lãnh đạo CCHCNN của Đảng. Sự lãnh đạo ấy, góp phần rất quan trọng trong thực hiện thắng lợi các nghị quyết, quyết định của Đảng về CCHCNN và

Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Thực tế trong những năm qua đã chứng minh điều này.

*Hai là*, sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả CCHCNN của các tỉnh ủy là yếu tố rất quan trọng nâng cao chất, hiệu quả lãnh đạo CCHCNN trên địa bàn của các cấp ủy trực thuộc, nhất là cấp ủy cấp huyện và cấp xã.

Các tỉnh ủy ở ĐBSH là cấp dưới trực tiếp của Ban Chấp hành Trung ương, chịu sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trong đó có việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về CCHCNN. Các tỉnh ủy trực tiếp tiếp nhận và triển khai thực hiện các văn kiện này, của Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tỉnh ủy là cấp trên của các cấp ủy, tổ chức đảng trong tỉnh, cấp trên trực tiếp của cấp ủy cấp huyện, có vai trò, trách nhiệm đối với mọi hoạt động của các cấp ủy, tổ chức đảng này, trong đó có lãnh đạo CCHCNN. Để lãnh đạo thực hiện thắng lợi nghị quyết, quyết định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về CCHCNN, tỉnh ủy không thể không tập trung lãnh đạo các cấp ủy trong đảng bộ tỉnh, nhất là cấp ủy cấp huyện, cấp xã nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo CCHCNN.

*Ba là*, sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả CCHCNN của tỉnh ủy là yếu tố bảo đảm huy động, phối hợp chặt chẽ các lực lượng ở địa phương, nhất là các tổ chức CT-XH, doanh nghiệp và nhân dân tham gia thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy và BTVTU về CCHCN.

Cải cách hành chính nhà nước ở các tỉnh ĐBSH liên quan trực tiếp đến hoạt động của các tổ chức ở địa phương, nhất là các tổ chức CT-XH và đời sống của mọi người dân, hoạt động của các doanh nghiệp. Bởi vậy, các tổ chức, người dân và doanh nghiệp luôn quan tâm đến công việc này và có nguyện vọng tham gia thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy và BTUTU về CCHCNN.

Tỉnh ủy có trách nhiệm huy động, phối hợp chặt chẽ các lực lượng nêu trên ở địa phương tham gia thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy và BTUTU về CCHCNN. Chỉ tỉnh ủy mới có đủ uy tín và năng lực thực hiện công việc này, góp phần quan trọng vào kết quả lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy.

*Bốn là*, sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả CCHCNN của các tỉnh ủy, góp

phần thu hút nguồn lực ở ngoài tỉnh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế giữa tỉnh với các nước về CCHCNN theo đường lối đối ngoại và quy định của Đảng.

Các tỉnh ở ĐBSH có vai trò rất quan trọng về nhiều mặt đối với cả nước nên các hoạt động ở các tỉnh nói chung, CCHCNN nói riêng được nhiều tổ chức cơ quan, doanh nghiệp ở ngoài vùng ĐBSH rất quan tâm. Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả CCHCNN của các tỉnh ủy tạo sự lan tỏa, sức hút mạnh mẽ các tổ chức, lực lượng này, tham gia, tạo thêm nguồn lực để các tỉnh ủy lãnh đạo CCHCNN đạt hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, các nước trên thế giới đang tập trung cao độ đẩy mạnh CCHCNN, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng Công nghệ lần thứ tư với thành tựu công nghệ rất hiện đại để phát triển mọi mặt của mỗi nước, nhất là phát triển kinh tế... Những hoạt động này ở các nước và nước ta đòi hỏi và tất yếu phải tăng cường hợp tác quốc tế. Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả CCHCNN của các tỉnh ủy, sẽ tạo sự quan tâm của các nước và tăng cường hợp tác quốc tế về CCHCNN. Các tỉnh ủy thực hiện công việc này, theo đường lối đối ngoại và quy định của Đảng.

## **Tiểu kết chương 2**

Để các tỉnh ủy ở ĐBSH lãnh đạo CCHCNN đạt chất lượng, hiệu quả, hai vấn đề quan trọng hàng đầu cần thực hiện tốt là xác định đúng nội dung lãnh đạo CCHCNN và tạo dựng PTLĐ của tỉnh ủy đối với CCHCNN phù hợp.

*Nội dung lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy ở ĐBSH gồm: Một là, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của mình về định hướng giải pháp thực hiện Nghị quyết của Đảng về CCHCNN; Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Hai là, tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo HĐND tỉnh cụ thể hóa nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN thành nghị quyết của HĐND tỉnh về CCHCNN; HĐND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh về CCHCNN. Ba là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính của UBND tỉnh, cấp huyện, cấp xã tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ,*



công chức các cơ quan này có chất lượng đáp ứng yêu cầu CCHCNN ở các tỉnh. *Bốn là*, tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện về lãnh đạo CCHCNN trên địa bàn cấp huyện, coi trọng lãnh đạo CCHCNN trên địa bàn cấp xã, tập trung vào lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN. *Năm là*, tỉnh ủy lãnh đạo phối hợp hoạt động giữa chính quyền các cấp trong tỉnh với MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế ở địa phương thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU, của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCNN.

*Phương thức lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy gồm: Một là*, tỉnh ủy lãnh đạo bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN. *Hai là*, lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục các tổ chức đảng, cấp ủy, coi trọng cấp ủy huyện, cấp xã, cấp ủy trong các cơ quan của chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN. *Ba là*, tỉnh ủy lãnh đạo CCHCNN bằng việc phát huy vai trò quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh, cấp huyện, cấp xã, nhất là của UBND các cấp đối với mọi hoạt động ở địa phương. *Bốn là*, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ trong các cơ quan của chính quyền tỉnh, nhất là các cơ quan của UBND tỉnh. *Năm là*, lãnh đạo thông qua các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan hành chính của UBND các cấp trong tỉnh, nhất là các cơ quan hành chính của UBND tỉnh; bằng hành động tiên phong, gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan này. *Sáu là*, lãnh đạo bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân địa phương tham gia thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN. *Bảy là*, lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ tỉnh thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy và BTVTU về CCHCNN.

### CHƯƠNG 3

## CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN, KINH NGHIỆM

### 3.1. THỰC TRẠNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC Ở CÁC TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

#### 3.1.1. Ưu điểm, kết quả

##### 3.1.1.1. Cải cách thể chế

*Một là, chất lượng công tác xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ở các tỉnh được cải thiện.*

Một số tỉnh có cải thiện đáng kể do tập trung đúng vào những hạn chế, yếu kém của giai đoạn trước. Số lượng văn bản sau rà soát phát hiện sai, trái thẩm quyền giảm đáng kể. Công tác thẩm định dự thảo văn bản QPPL được chú trọng hơn. Riêng trong năm 2022, Sở Tư pháp Hải Dương và các Hội đồng thẩm định do Sở thành lập tiến hành thẩm định 45 dự thảo văn bản QPPL, tham gia ý kiến 235 dự thảo văn bản QPPL và văn bản hành chính khác [136, tr3].

*Hai là, công tác tổ chức thi hành, theo dõi thi hành pháp luật, rà soát văn bản quy phạm pháp luật đã tiếp tục được tăng cường.*

Thay vì ban hành nhiều văn bản, các cấp chính quyền ở tỉnh đã tập trung vào việc tổ chức thi hành và rà soát đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật. So sánh giai đoạn 2016 - 2020 với giai đoạn 2011 - 2015 cho thấy, số lượng văn bản của chính quyền địa phương giảm, đặc biệt là ở cấp huyện và cấp xã khi mà các cấp này tập trung vào việc triển khai tổ chức thi hành pháp luật theo hướng đảm bảo quy trình, thủ tục, thời hạn; công khai, minh bạch và tăng trách nhiệm giải trình của các cơ quan.

*Ba là, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được quan tâm.*

Các kênh thông tin đa dạng, trong đó tận dụng được các kênh thông tin truyền thống như báo tỉnh, đài truyền hình tỉnh, loa phát thanh ở cơ sở. Ngoài ra trên các cổng thông tin điện tử ở các tỉnh, các nền tảng mạng xã hội như Zalo, Facebook, cũng được khai thác phục vụ khá hiệu quả. Số lượng các bản tin về CCHC nhiều hơn. Nhận thức của người dân về CCHC đang được nâng dần lên.

### **3.1.1.2. Cải cách thủ tục hành chính**

*Một là, việc cắt giảm và đơn giản hóa các TTHC tiếp tục được đẩy mạnh.*

Đa số các tỉnh đều coi đây là nội dung trọng tâm của CCHC. Do đó lĩnh vực này đã có rất nhiều chuyển biến tích cực, cải tiến, đổi mới, xuất hiện những cách làm mới, hiệu quả. Từ năm 2016 đến nay việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy định về kiểm soát TTHC được cơ quan tư pháp tỉnh, huyện, xã thực hiện các tỉnh tích cực. Nếu như giai đoạn trước 2016 còn thiếu quy định và chậm hướng dẫn, công bố, công khai TTHC thì từ năm 2017 đến 2020, hầu hết các tỉnh đều tập trung hoàn thiện các quy định và công bố tối đa các TTHC được ban hành. Từ năm 2020 đến nay, khi các quy định ổn định hơn, số lượng hồ sơ, TTHC bãi bỏ, cắt giảm nhiều thì số lượng TTHC công bố, công khai thêm đã giảm.

*Hai là, các TTHC, thành phần thủ tục trong hồ sơ, thời gian giải quyết TTHC giảm mạnh.* Nhất là các hồ sơ, thủ tục mà trước đó thường gây bức xúc kéo dài, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của người dân, doanh nghiệp như đất đai, kinh doanh, xây dựng.

Việc kiểm soát ban hành các quy định TTHC mới hướng tới bảo đảm đơn giản, rõ quy trình, dễ hiểu, dễ thực hiện. Hầu hết các TTHC được các bộ, ngành, địa phương, từng bước chuẩn hóa, công bố, niêm yết, công khai tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC hoặc trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định. Cách thức này đã tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức truy cập tìm hiểu, thực hiện thuận tiện, chính xác hơn, giảm thời gian, chi phí đi lại.

*Ba là, đã quan tâm xem xét sửa đổi các quy định về kiểm soát TTHC, tập huấn về kiểm soát TTHC, đánh giá về các TTHC.*

Hầu hết các địa phương đều thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát TTHC, không ban hành TTHC trái thẩm quyền và thường xuyên rà soát, kiến nghị, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC chưa phù hợp. Từ năm 2023, Hải Dương đã tiến hành đánh giá, thẩm định quy định TTHC, không ban hành văn bản có quy định TTHC hoặc bộ phận cấu thành TTHC. Các Sở, ngành của Tỉnh còn thực hiện đánh giá chất lượng biểu mẫu, trong đó có 742 biểu mẫu đã được đánh giá chất lượng,

583 thủ tục đề nghị giữ nguyên, 157 thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung [134, tr7]. Đây là bước tiến mới, khâu quan trọng để đổi mới cải cách TTHC, tiến tới hiệu quả thực chất, đáp ứng yêu cầu của CCHC và sự mong đợi của người dân trong bối cảnh mới.

*Bốn là, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và các Trung tâm hành chính công ở các tỉnh tiếp tục phát huy hiệu quả đối với việc phục vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công theo hướng tối giản, công khai.*

Với chủ trương và kết quả đạt được từ những giai đoạn trước, từ 2016 đến nay, cơ chế này tiếp tục được triển khai và phát huy tác dụng, xuất hiện những mô hình hay, cách làm sáng tạo. Ví dụ như ở Thái Bình – một địa phương đầu tiên trong cả nước mạnh dạn xây dựng, hoàn thành và đưa vào hoạt động 08 mô hình Bộ phận Một cửa giải quyết TTHC nội bộ tại Công an 08 huyện, thành phố. Theo Báo cáo CCHC của tỉnh, đến cuối năm 2023, Công an tỉnh đã triển khai hoạt động hiệu quả 13 mô hình Bộ phận Một cửa... để giải quyết đối với 250 TTHC, trong đó có 16 thủ tục được triển khai nộp hồ sơ hoàn toàn qua mạng nội bộ và 10 TTHC triển khai nộp hồ sơ và kết quả hoàn toàn qua mạng nội bộ [127, tr12]. 100% các tỉnh hiện nay có Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tập trung cấp tỉnh, và tiếp tục triển khai đến cấp huyện. Các Trung tâm đi vào hoạt động bước đầu đạt được một số kết quả tích cực, tạo sự chuyển biến trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông có nhiều đổi mới tích cực theo hướng công khai, cập nhật TTHC được thực hiện dưới nhiều hình thức. Kết quả thực hiện nội dung này năm 2023 ở Hải Dương theo báo cáo 100% hồ sơ TTHC được cập nhật vào hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh và công khai tiến độ giải quyết trên Cổng dịch vụ công tỉnh [134, tr9]. Năm 2017, tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thành việc công bố TTHC chuẩn hóa ở tất cả các ngành, lĩnh vực [149, tr13]. Các TTHC được công bố lên Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của tỉnh, các cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và công khai trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC. Năm 2023, toàn tỉnh Thái Bình tiếp nhận và giải quyết xong được 95/95 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và hành vi hành chính (đạt tỷ lệ 100%)

[134, tr12]. Ở Hà Nam, từ 08 tháng 12 năm 2022 đến ngày 07/12/2023, Sở Tư pháp đã nghiên cứu, tham vấn giúp UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố đối với 197 lượt các vụ việc phức tạp liên quan đến khiếu nại, tố cáo, cơ chế, chính sách của tỉnh, qua đó góp phần khắc phục những bất cập tồn tại, hạn chế trong công tác tư pháp [134, tr3].

*Năm là, các tỉnh đều có sự đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác cải cách TTHC, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến và trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân qua nhiều kênh, hình thức đa dạng, phong phú.*

Một số tỉnh đã tăng cường đầu tư phần mềm, trang thiết bị để phục vụ tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp khi làm TTHC trực tiếp hay trực tuyến. Trong đó Hà Nam là một tỉnh vươn lên nhóm dẫn đầu trong vùng và cả nước về chỉ số này (+19 bậc so với năm 2021); Hải Dương cũng là một tỉnh có chỉ số thành phần cao (tăng +10.95%) [27, tr120]. Năm 2022 các tỉnh đặt trọng tâm vào nhiệm vụ rà soát, tăng cường các biện pháp ứng dụng CNTT, công nghệ số để nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Số lượng, chất lượng DVCTT mức độ 3,4 cung cấp cho người dân, doanh nghiệp được nâng cao, với số lượng hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3,4 ngày càng tăng. Số lượng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn tỉnh đang áp dụng tại tỉnh Thái Bình là 979; số dịch vụ công (DVC) đủ điều kiện lên trực tuyến toàn tỉnh là 582 (đạt 37,3%)... Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến đạt 100%. Các TTHC sau khi được công bố, công khai ở trụ sở cơ quan hành chính và Cổng dịch vụ công quốc gia; các hình thức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị ngày càng đa dạng, phong phú hơn, không chỉ trực tiếp ở bộ phận một cửa mà còn qua Zalo, Cổng thông tin điện tử, số điện thoại đường dây nóng (hotline)... Đồng thời các lớp tập huấn kỹ năng, phương pháp xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định và TTHC cho CBCC trên môi trường số được quan tâm kịp thời. Kết quả chỉ số cải cách TTHC năm 2023 của các tỉnh ở vùng ĐBSH cao hơn giá trị trung bình của 63 tỉnh, thành phố, chiếm 97.68/94.32; xếp hạng trong cả nước lần lượt là (Hà Nam (2)/Nam Định (4)/Bắc Ninh (8)/Quảng Ninh (9)/Ninh Bình (11)/Vĩnh Phúc (18)/Thái Bình (21)/Hải Dương (43)/Hưng Yên (45) [Phụ lục 9].

### **3.1.1.3. Cải cách tổ chức bộ máy**

*Một là, tập trung rà soát và xây dựng các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh, huyện và UBND cấp xã đảm bảo cho các cơ quan vận hành tốt nhất.*

Năm 2021, 2022, 2023 các tỉnh đã đẩy mạnh việc rà soát, sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị hành chính và sự nghiệp, đồng thời kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện trên cơ sở các quy định mới của Chính phủ và các hướng dẫn của các bộ, ngành, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp ở các tỉnh. Đến nay các tỉnh đã hoàn thành việc ban hành chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan sau khi điều chỉnh, sắp xếp tinh gọn bộ máy theo hướng dẫn tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt tỷ lệ 100%.

*Hai là, Cơ cấu tổ chức, bộ máy các cơ quan chuyên môn UBND các cấp và cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện được sắp xếp, kiện toàn gọn hơn và cơ bản theo đúng quy định, bước đầu đã tính đến đặc thù của đơn vị hành chính ở nông thôn, đô thị.*

Biên chế công chức trong hệ thống chính trị giảm đáng kể. Từ năm 2015 đến 2020 tỉnh Vĩnh Phúc đã giảm 1.714 chỉ tiêu trong đó (công chức giảm 155 chỉ tiêu, đạt 8,61% so với Bộ Nội vụ giao năm 2015; Biên chế sự nghiệp giảm 1.532 chỉ tiêu, đạt 7,54%; Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP giảm 27 chỉ tiêu, đạt 5,99% so với năm 2015) [153, tr8]. Kết quả sau sắp xếp bộ máy ở Nam Định cuối năm 2020, số đầu mối các đơn vị sự nghiệp công lập giảm là 199 đơn vị vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đã đề ra (2 đơn vị); giảm số lượng số đầu mối cấp phòng, khoa trong đơn vị sự nghiệp là 101. Số biên chế giảm do tổ chức lại, giải thể và chuyển sang đơn vị tự chủ đã giảm được là 312 biên chế [145, tr9].

*Ba là, thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực một cách hiệu quả.*

Tiếp tục công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong sạch, vững mạnh, toàn diện. Thực hiện chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về

tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Xây dựng nền hành chính công vụ minh bạch, liêm chính; ngăn chặn, xử lý nghiêm minh, có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

#### ***3.1.1.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách chế độ công vụ***

*Một là, các tỉnh đã quan tâm hơn đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, triển khai các phương pháp đánh giá dựa trên kết quả công việc, giúp xác định rõ năng lực của cán bộ, công chức.*

Tiêu biểu cho công tác này là Quảng Ninh và Vĩnh Phúc. Tổng số lớp đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước của toàn tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện được theo kế hoạch thực hiện Đề án 293 giai đoạn 2015 – 2020 là 702 lớp, với tổng số 39.577 lượt học viên [68]; hơn 8.000 lượt cán bộ có trình độ lý luận chính trị (trong đó, cử nhân 80 lượt; cao cấp 1.500 lượt; trung cấp 6.000 lượt; sơ cấp 500 lượt [68]. Đây là những kiến thức bổ trợ cần thiết đối với cán bộ, công chức hành chính trong thực thi công vụ.

Cùng với những việc nêu trên, các tỉnh đã dần coi trọng việc khuyến khích sáng tạo thông qua cải cách cơ chế khen thưởng để khuyến khích những cán bộ có sáng kiến, đóng góp tích cực cho công việc. Kết quả sau đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng chuyên môn cho cán bộ, công chức và áp dụng tiêu chuẩn trong tuyển dụng và đánh giá cán bộ, công chức để đảm bảo chất lượng đầu vào và phù hợp với yêu cầu của từng vị trí. Cải cách quy trình tuyển dụng theo hướng công khai, minh bạch về thông tin, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng viên, giảm thiểu tình trạng “chạy tuyển dụng”. Đẩy mạnh áp dụng hình thức thi tuyển kể cả đối với các vị trí lãnh đạo, quản lý.

*Hai là, đến nay, năng lực, trình độ, phẩm chất chính trị, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức ở các tỉnh nhìn chung được nâng lên một bước, văn hóa công vụ, công tác tuyển dụng có sự chuyển biến.*

Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở các tỉnh cơ bản đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu giữa các độ tuổi và có tính kế thừa; đa số cán bộ, công chức cấp xã được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn, có bản lĩnh chính trị vững vàng, gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng. Chính sách, pháp

luật của nhà nước, có ý thức tổ chức kỷ luật, gắn bó mật thiết với nhân dân, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Thái độ giao tiếp của đa số cán bộ, công chức thực thi nhiệm vụ ở cấp xã đối với các tổ chức, công dân đến liên hệ công việc đã có chuyển biến rõ rệt, tận tình, trực tiếp chăm lo đời sống vật chất và tinh thần đối với nhân dân ở cơ sở.

### **3.1.1.5. Cải cách tài chính công**

*Một là, cải cách tài chính công ở các tỉnh của vùng ĐBSH đã có những nỗ lực nhất định.*

Các tỉnh đã áp dụng các phương pháp lập và thực hiện ngân sách theo chương trình, dự án, giúp cải thiện việc phân bổ nguồn lực và nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách. Nhiều tỉnh đã triển khai các hệ thống công khai ngân sách, giúp người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin. Một số tỉnh đã áp dụng các chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, y tế, hạ tầng, nhằm huy động nguồn lực từ ngoài ngân sách. Có thể nói tăng cường minh bạch và công khai và đổi mới cơ chế tài chính là những thành công, là nỗ lực và mục tiêu hướng tới của cải cách tài chính công các tỉnh ở vùng ĐBSH.

*Hai là, việc thực hiện các quy định về quản lý tài chính, ngân sách tại tỉnh được triển khai tương đối kịp thời và nghiêm túc.*

Tỷ lệ thu và chi đều tăng so với dự toán ngân sách được Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính và HĐND, UBND tỉnh giao. Như ở Hải Dương: “Năm 2022, tổng thu toàn tỉnh tổng thu toàn tỉnh năm 2022 ước đạt 19.314,870 tỷ đồng; đạt 130% so với dự toán giao, trong đó: Thu ước đạt 16.424 tỷ đồng Đạt 133% dự đoán giao tổng chi ngân sách địa phương năm 2021 ước đạt 19.817,068 tỷ đồng đạt 128% dự toán trong đó chi đầu tư phát triển ước đạt 6.182,582 đồng bằng 148% dự toán [136, tr12]. Ở Hưng Yên, tiến độ kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo kế hoạch giao dự toán đầu năm 2022 là 19.525 tỷ đồng tính đến ngày 8/12/2022 thu được 50.048,6 tỷ đồng, đạt 256,3% kế hoạch giao. Nguồn thu chủ yếu là tiền đất 33.347 tỷ đồng đạt 463,2%. Tổng chi ngân sách nhà nước dự toán 16.751 tỷ đồng tính đến hết ngày 8/12/2022 là 13.636,8 tỷ đồng, đạt 81,4% so với dự toán giao [136, tr14].

*Ba là, đến nay, các tỉnh cơ bản đã thực hiện việc đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước và cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính.*

Ủy ban nhân dân các tỉnh đều đã chỉ đạo Sở Tài chính và các ngành, các cấp



triển khai hướng dẫn thực hiện kịp thời các nghị định của Chính phủ như: Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Năm 2022, vùng ĐBSH có chỉ số cải cách tài chính công cao nhất so với các vùng trong cả nước (86.34%), thấp nhất là khu vực Tây Nguyên (78.05%; Quảng Ninh xếp thứ 4 cả nước và dẫn đầu các tỉnh trong vùng với điểm số rất cao 91.75%; tiếp đến là Hà Nam (86,96%) [27, tr133].

### ***3.1.1.6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số***

*Một là, từ 2016 đến 2020, là giai đoạn các tỉnh tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số hiện đại hóa hành chính.*

Sau năm 2020 đến nay, các tỉnh đẩy mạnh, coi trọng ứng dụng CNTT để xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Tại các UBND tỉnh đã có những chuyển biến tích cực, nhất là trong hoạt động cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Số lượng DVC trực tuyến tăng, việc duy trì cung cấp DVC trực tuyến, xử lý hồ sơ qua mạng tại một số sở, ban, ngành, địa phương ổn định đã thu hút được sự tham gia của người dân, doanh nghiệp; số dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ trên mạng ngày càng tăng cao.

*Hai là, đến nay 100% các tỉnh, huyện đã có cổng dịch vụ công trực tuyến và đồng bộ hóa thông tin*

Nhiều tỉnh đã xây dựng cổng dịch vụ công trực tuyến, giúp người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và thực hiện các thủ tục hành chính mọi lúc, mọi nơi. Các thông tin về thủ tục hành chính, quy trình giải quyết được công khai, tạo sự minh bạch và giảm thiểu tham nhũng. Các tỉnh cũng thực hiện mạnh mẽ việc chuyển đổi số hồ sơ. Nhiều tỉnh đã số hóa được số lượng lớn hồ sơ, tài liệu hành chính, giúp tiết kiệm chi phí, quản lý thông tin thông minh và

hiệu quả hơn, dễ dàng tra cứu hơn và giúp cho chuyên đổi số diễn ra nhanh chóng hơn.

*Ba là, mô hình một cửa điện tử, chữ ký số cho cả cán bộ, công chức và người dân được đẩy mạnh và coi trọng, có nhiều sáng tạo như thực hiện quy trình “5 tại chỗ, 5 bước trên môi trường mạng ở Quảng Ninh.*

Giúp cho việc giải quyết thủ tục nhanh chóng, đơn giản hóa, giảm thời gian chờ đợi cho người dân, tăng cường sự hài lòng. Nhờ quy trình nhanh gọn và thuận tiện, người dân có sự hài lòng cao hơn khi thực hiện các thủ tục hành chính. Nhìn chung các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Hồng đã có những bước tiến đáng kể trong việc xây dựng chính quyền điện tử và chính quyền số. Những kết quả này không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý hành chính mà còn cải thiện chất lượng dịch vụ công, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

### **3.1.2. Khuyết điểm, hạn chế**

#### **3.1.2.1. Về cải cách thể chế**

*Một là, chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật còn bất cập chậm được khắc phục về nội dung, thẩm quyền*

Qua các báo cáo ở các tỉnh thì văn bản quy phạm pháp luật còn có những sai sót không chỉ về thể thức kỹ thuật, mà còn có sai về thẩm quyền, nội dung văn bản. Một số văn bản ban hành vẫn còn có nội dung chồng chéo, mâu thuẫn gây khó khăn cho việc thực hiện và áp dụng trong thực tiễn. Quy trình ban hành văn bản ở còn thiếu sự tham gia của cộng đồng, của các bên liên quan, dẫn đến việc bỏ qua các ý kiến và nhu cầu thực tế của người dân. Báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của UBND tỉnh Hải Dương năm 2023 nhận định: Việc xây dựng Kế hoạch công tác xây dựng ban hành văn bản QPPL, theo dõi thi hành pháp luật của một số sở, ngành, địa phương chưa rõ ràng, cụ thể còn mang tính hình thức, chất lượng chưa cao; Tiến độ thời gian tham mưu xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ và xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát của một số sở, ngành, địa phương còn chậm, thiếu tính chủ động [139, tr23].

*Hai là, công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành ở một số nơi còn nặng tính hình thức, tập trung nhiều vào kỹ thuật đơn thuần*

Các quy trình xây dựng văn bản có thể chưa được công khai đầy đủ, dẫn

đến hiệu quả phối hợp kém và thiếu niềm tin từ phía người dân và doanh nghiệp. Một số văn bản diễn đạt nội dung không rõ ràng, gây khó khăn trong việc thực hiện và áp dụng thực tiễn. Năng lực tổ chức thực thi pháp luật còn hạn chế, gặp nhiều khó khăn. Tình trạng cán bộ nhiều nhưng còn thiếu hoặc hạn chế về chuyên môn vẫn phổ biến. Nhất là về việc vận dụng các kiến thức liên ngành để giải quyết các vấn đề trong tham mưu, xây dựng, ban hành văn bản liên quan đến các chính sách. Chất lượng văn bản tuy có cải thiện nhưng mới đạt được về thể thức, còn nội dung và vấn đề phân bổ nguồn lực để thực hiện vẫn chưa được chú trọng rà soát, đánh giá dẫn đến thiếu tính khả thi và không phù hợp với thực tiễn.

*Ba là, giá trị trung bình chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh so với cả nước rất thấp, một số tỉnh có sự tăng giảm không đều, hai năm gần đây có xu hướng giảm mạnh so với các năm trước.*

Giá trị trung bình chỉ số thành phần của 9 tỉnh năm 2022 là 79.46, trong khi giá trị trung bình cả nước là 90.76. Xếp hạng chỉ số thành phần “Cải cách thể chế” của 9 tỉnh có đến 4 tỉnh nằm trong nhóm 20 tỉnh có kết quả, xếp hạng thấp nhất cả nước, tương ứng đó là: Bắc Ninh 44/90.86; Vĩnh Phúc 46/90.05; Hưng Yên 62/77.36 và Ninh Bình 59/83.06 [Phụ lục 2]. Năm tỉnh còn lại không có tỉnh nào lọt vào nhóm 10 nước có chỉ số thành phần cải cách thể chế cao nhất. Đến năm 2023 giá trị trung bình chỉ số này có tăng nhưng vẫn không có tỉnh nào lọt vào nhóm 20 tỉnh/thành phố đứng đầu. So sánh kết quả và xếp hạng trên 63 tỉnh, thành phố năm 2023 và 2022 lần lượt là: Quảng Ninh xếp thứ 21 giảm 2 bậc; Hải Dương xếp thứ 23 tăng 2 bậc; Ninh Bình (24)/Hưng Yên (26)/Nam Định (30)/Hà Nam (31)/Thái Bình (40)/Bắc Ninh (60)/Vĩnh Phúc (62). Trong số đó, có hai tỉnh đứng cuối bảng xếp hạng đó là Bắc Ninh và Vĩnh Phúc [Phụ lục 6]. Báo cáo SIPAS 2022 cho thấy mức độ hài lòng của người dân Đối với trách nhiệm giải trình của CQCQ, Đối với cơ hội tham gia vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, Đối với chất lượng chính sách, Đối với kết quả, tác động của chính sách, Đối với việc ban hành, tổ chức thực hiện chính sách nói chung của Bắc Ninh, Nam Định, Ninh Bình xếp hạng khá thấp so với cả nước và là 3 tỉnh có mức độ hài lòng thấp nhất 9 tỉnh trong vùng [Phụ lục 10]. Kết quả điều tra xã hội học cũng cho thấy tỷ lệ

trung bình về mức độ hài lòng về cải cách thể chế của cả 9 tỉnh trong vùng đạt 55%, vẫn còn 25% số người được hỏi băn khoăn, 15% không hài lòng và 7 % rất không hài lòng.

### **3.1.2.2. Về cải cách tổ chức bộ máy**

*Một là, tính hiệu quả của bộ máy hành chính mỗi cấp, mỗi cơ quan đến nay vẫn chưa được đánh giá cao.*

Việc quản lý và sử dụng biên chế còn gặp khó khăn, đặc biệt là biên chế viên chức ngành Giáo dục đào tạo và Y tế; một số đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là khối Giáo dục có sự thừa, thiếu cục bộ giữa các bộ môn trong cùng cấp học. Việc thực hiện tinh giản biên chế còn một số hạn chế mới tập trung ở đối tượng có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi mà chưa tinh giản được người không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; nhiều đơn vị sau sắp xếp chậm xây dựng Đề án vị trí việc làm. Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính chưa được triển khai hiệu quả.

*Hai là, chức năng, đơn vị các cơ quan trên thực tế vẫn còn trùng lặp, sự phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ chưa có hiệu quả cao.*

Một số đơn vị chưa làm hết trách nhiệm, quyền hạn được phân cấp, còn lúng túng trong quản lý, chỉ đạo nên khi xảy ra tình huống phức tạp bị động; hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước thấp. Việc cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập gặp khó khăn; Thiếu cơ chế chính sách trong chuyển đổi mô hình hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập ra ngoài công lập.

*Ba là, giá trị trung bình chỉ số cải cách tổ chức bộ máy của các tỉnh năm 2022 so với giá trị trung bình chỉ số này của cả nước còn thấp*

Số liệu Báo cáo Par Index năm 2022 chỉ số này tương ứng là 79.51/88.55. Có đến 4 tỉnh có giá trị trung bình thấp, thuộc nhóm 20 tỉnh có kết quả thấp nhất (Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Ninh Bình) và không có tỉnh nào lọt nhóm 10 tỉnh có chỉ số cao nhất nước. Đặc biệt có tính điểm số và xếp hạng thấp gần nhất cả nước (Bắc Ninh xếp thứ 59; Hà Nam xếp thứ 54) [Phụ lục 8]. Năm 2023, các chỉ số CCHCNN của cả nước đều tăng cao, song giá trị trung bình chỉ số này của các tỉnh vùng ĐBSH vẫn thấp hơn giá trị trung bình của cả nước với tỷ lệ 90.37/91.28 [Phụ lục 9].

### **3.1.2.3. Về cải cách thủ tục hành chính**

*Một là, tiến độ giải quyết TTHC chưa đáp ứng được yêu cầu vẫn còn nợ đọng chậm giải quyết hồ sơ phải xin lỗi công dân*

Việc đảm bảo tiến độ giải quyết TTHC là yêu cầu tối thiểu và tác động trực tiếp đến sự hài lòng của người dân. Không những thế còn làm trì trệ hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý, ảnh hưởng niềm tin, sự hài lòng của Nhân dân đối với chính quyền; phản ánh việc chậm chuyển biến về tác phong, lề lối, tinh thần trách nhiệm phục vụ Nhân dân. Song ở một số nơi công chức làm tại bộ phận một cửa cấp xã còn xảy ra tình trạng chậm giải quyết, để hồ sơ quá hạn phải xin lỗi công dân. Số lượng tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích chưa nhiều.

*Hai là, chất lượng rà soát thủ tục hành chính các sở ban ngành chưa cao.*

Rà soát TTCH là một khâu quan trọng để đảm bảo sự tối ưu, làm cho các thủ tục, thành phần hồ sơ tối giản nhất và cải cách TTHC đi vào thực chất nhất. Tuy nhiên, qua các báo cáo cho thấy công tác này chưa được thực hiện tốt ở một số nơi ở các tỉnh. Việc cắt giảm những thành phần hồ sơ không còn phù hợp không cần thiết còn thiếu chủ động, việc số hóa hồ sơ còn nhiều bất cập ở nhiều tỉnh. Ví dụ như kết quả số hóa của tỉnh Hải Dương đạt tỉ lệ cao 99% xong chưa tái sử dụng hồ sơ [139, tr23].

*Ba là, cơ sở hạ tầng, chi phí dịch vụ công đã được quan tâm nhưng vẫn còn nhiều bất cập ảnh hưởng đến chất lượng các dịch vụ công và số lượng người sử dụng dịch vụ công trực tuyến.*

Hiệu quả giải quyết TTHC nhìn chung vẫn còn thấp. Vẫn còn sự trùng lặp trong các quy định về TTHC nhưng chưa được tháo gỡ, dẫn đến CBCC không thể giải quyết được theo nhu cầu của người dân. Tình trạng người dân ngại sử dụng dịch vụ công trực tuyến hoặc không thực hiện được phải nhờ cán bộ, công chức thực hiện giúp còn phổ biến. Theo Báo cáo kết quả cải cách hành chính của tỉnh Nam Định năm 2023, Bộ chỉ số phục vụ người dân doanh nghiệp trong thực hiện TTHC cung cấp DVC tỉnh Nam Định luôn đứng trong tốp đầu tiên trên bảng xếp hạng năm, quý, tháng; là tỉnh đầu tiên trong cả nước đạt tỷ lệ trên 80% (Tháng 1/2023) và là một trong các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính quá hạn ít nhất; nhưng vẫn còn tồn tại việc

người dân phần lớn e ngại sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích trong việc giải quyết TTHC [145, tr23]. Báo cáo SIPAS năm 2022 cho thấy có 3 tỉnh chưa nhận được sự hài lòng cao của người dân, đó là Nam Định xếp thứ 45/63, Bắc Ninh xếp thứ 53/63 và Vĩnh Phúc xếp thứ 63/63 tỉnh, thành phố. Mức độ hài lòng của người dân về cung ứng dịch vụ hành chính công ở Vĩnh Phúc cũng chỉ xếp thứ 62/63, Nam Định xếp thứ 57/63 [Phụ lục 10].

#### **3.1.2.4. Về cải cách chế độ công vụ**

*Một là, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và cải cách chế độ công vụ chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ của CCHC ở các tỉnh của vùng ĐBSH.*

Đồng bằng sông Hồng là vùng nổi tiếng với nguồn nhân lực chất lượng cao. Đa số có tính cần cù, chịu khó, siêng năng, ham học hỏi, cầu tiến. Trong nhiều năm qua chất lượng đội ngũ CBCC có được nâng lên về mặt lý thuyết, lý luận, song cơ hội để đem những kiến thức áp dụng trong thực tiễn công việc rất hạn chế. Đây là một biểu hiện của lãng phí nguồn nhân lực và cản trở việc nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC. Một bộ phận CBCC đã được tập huấn, đào tạo qua rất nhiều khóa học song việc áp dụng, vận dụng trong thực tiễn còn hạn chế. Trong thực hiện TTHC một bộ phận công chức viên chức tinh thần trách nhiệm chưa cao. Ngoài việc để xảy ra một số vụ việc chưa bảo đảm thời hạn theo quy định thì còn có công chức bị xử lý kỷ luật, vi phạm kỷ luật kỷ cương hành chính, trong đó có cả người đứng đầu.

*Hai là, công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về CCHC đã được quan tâm trong nhiều năm gần đây tuy nhiên chưa có sự đột phá về chất lượng, hiệu quả; cải cách chế độ công vụ ở một số tỉnh chưa được đánh giá cao*

Việc đổi mới nội dung đào tạo, bồi dưỡng đòi hỏi sự năng động, sáng tạo, trí tuệ của lãnh đạo tỉnh để có những nội dung đặt hàng phù hợp, sát thực tiễn. Song thực tiễn cho thấy nội dung chương trình dành cho các lớp tập huấn về CCHC chưa có sự đổi mới, sáng tạo mà chủ yếu tập trung vào những vấn đề chung chung gắn với nghiệp vụ, phương pháp chấm điểm CCHC thông qua bộ chỉ số CCHC mà chưa đi vào các nội dung chuyên sâu, gắn với từng vị trí việc làm, với mục tiêu chính trị của Đảng, với vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, các tổ chức đoàn thể và với lợi ích chính đáng của cán bộ, công chức. Còn ít các lớp bồi dưỡng, tập huấn dành riêng cho những cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý phụ trách, chuyên trách về CCHCNN.

Kết quả cải cách chế độ công vụ của một số tỉnh còn thấp. Báo cáo Par Index 2022 cho thấy Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nam có điểm số đạt dưới 80% lần lượt xếp hạng 50,48,60/63 tỉnh, thành phố [Phụ lục 8]. Năm 2023, Hà Nam đã có sự cải thiện lên trên 80% thứ hạng đạt 19/63, song Quảng Ninh đã giảm thứ hạng từ 27/63 xuống 40/63 về cải cách chế độ công vụ [Phụ lục 9].

### **3.1.2.5. Về cải cách tài chính công**

*Một là, quản lý ngân sách chưa hiệu quả.*

Việc lập và thực hiện ngân sách còn gặp khó khăn, dẫn đến lãng phí tài nguyên và không đạt được các mục tiêu phát triển. Thông tin về ngân sách và chi tiêu công thường thiếu rõ ràng, gây khó khăn cho người dân trong việc giám sát. Phân bổ nguồn lực không hợp lý. Việc phân bổ ngân sách có thể chưa phản ánh đúng nhu cầu thực tế của từng địa phương, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư. Chưa phát huy được tiềm năng thu ngân sách. Nguồn thu ngân sách từ các hoạt động kinh tế địa phương chưa được khai thác tối đa, do thủ tục hành chính phức tạp và thiếu các chính sách khuyến khích.

*Hai là, năng lực cán bộ quản lý tài chính công còn hạn chế, chậm đổi mới và hiện đại hóa*

Đội ngũ cán bộ quản lý tài chính công còn thiếu kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn, ảnh hưởng đến chất lượng cải cách. Khó khăn trong việc thu hút đầu tư. Môi trường tài chính công chưa thật sự hấp dẫn cho các nhà đầu tư, do sự thiếu ổn định và minh bạch. Kết quả cải cách tài chính công năm 2022, trong chín tỉnh có Bắc Ninh đạt điểm và thứ hạng thấp nhất vùng xếp thứ 60/63 với tỷ lệ điểm chỉ đạt 69.50 %. Các tỉnh còn lại đều đạt trên 80% [Phụ lục 8]. Đến năm 2023, Bắc Ninh đã cải thiện đạt 80.24% xếp thứ 40/63; nhưng có hai tỉnh đã giảm điểm đạt dưới 80% là Hưng Yên và Thái Bình với kết quả xếp hạng và điểm số tương ứng là 54/79.42 và 56/79.10, Ninh Bình cũng có điểm và xếp hạng khá thấp so với cả nước (43/81.89) [Phụ lục 8].

### **3.1.2.6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

*Một là, việc tổ chức đầu tư, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin tại một số đơn vị, địa phương còn chậm và chưa mang lại hiệu quả cao.*

Nhiều trang thiết bị được trang bị theo các giai đoạn khác nhau, chưa bảo đảm đồng bộ, phần nào ảnh hưởng tới việc triển khai các ứng dụng dùng chung

của tỉnh; việc chia sẻ, tích hợp, liên thông số liệu mang lại hiệu quả chưa cao. Hạn chế, vướng mắc trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai đầu tư về công nghệ thông tin chưa được tháo gỡ. Việc triển khai chính quyền điện tử còn chậm so với kế hoạch đề ra.

*Hai là, việc số hóa, tạo lập các cơ sở dữ liệu nền tảng chính quyền điện tử cấp tỉnh triển khai chậm, thiếu đồng bộ*

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, đầu tư công nghệ thông tin còn chưa đầy đủ và hoàn thiện; công nghệ thông tin là lĩnh vực phức tạp. Một số phần mềm còn bị lỗi. Nền tảng công nghệ ở một số tỉnh được đầu tư lớn song việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ và tập huấn, hướng dẫn cho người dân còn triển khai rất chậm, chưa đạt yêu cầu, chưa khai thác hết công năng. Đối với lĩnh vực này, bên cạnh những tỉnh thực hiện tốt như Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Nam Định, Hà Nam, thì vẫn còn một số tỉnh thực hiện chậm, chưa hiệu quả. Năm 2022, chỉ số thành phần này có hai tỉnh xếp dưới 70%, đó là Bắc Ninh (69,63%) và Hải Dương (68,92%) [Phụ lục 8].

### **3.2. CÁC TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG LÃNH ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC – THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN, KINH NGHIỆM**

#### **3.2.1. Thực trạng các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước**

##### **3.2.1.1. Những ưu điểm**

###### **\* Ưu điểm về thực hiện nội dung lãnh đạo CCHCNN**

*Một là, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của mình về định hướng giải pháp thực hiện Nghị quyết của Đảng về CCHCNN; Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.*

Tỉnh ủy, BTVTU các tỉnh vùng ĐBSH đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành nghị quyết về CCHCNN. Về hình thức và cấu trúc nghị quyết tương đối tốt. Qua nghiên cứu các nghị quyết và khảo sát 1200 người được hỏi về “Cấu trúc các nghị quyết của tỉnh ủy rõ ràng” cho thấy 70% đánh giá Tốt, 15% đánh giá Khá, 10% đánh giá Bình thường, 5% đánh giá Hạn chế [Phụ lục 23]. Đến nay, 100% các tỉnh ủy đều có các nghị quyết, kết luận, chỉ



thị liên quan đến CCHCNN để cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, yêu cầu của nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh và chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021.

So với các nhiệm kỳ trước, thì nhiệm kỳ 2015-2020 và đặc biệt là nhiệm kỳ 2021-2026, các tỉnh ủy đã ban hành được nhiều văn bản có chất lượng hơn liên quan đến CCHCNN để lãnh đạo. Sau 5 năm thực hiện nghị quyết 17-NQ/TW năm 2007, các tỉnh ban hành kết luận về kết quả thực hiện. Sau đó, từ năm 2014, một số tỉnh đã coi trọng việc ban hành nghị quyết chuyên đề, có tầm nhìn dài hạn, định hướng mục tiêu, biện pháp, phân công tổ chức thực hiện rõ ràng để thực hiện. Tỉnh ủy Quảng Ninh là một tỉnh ủy thực hiện rất tốt phương thức lãnh đạo này với việc đánh giá tình hình, kết quả rất rõ nét, quan điểm, mục tiêu lãnh đạo CCHCNN rất rõ ràng, thể hiện rõ tính định hướng của tỉnh ủy, gắn CCHCNN với đặc điểm điều kiện riêng của tỉnh. Nghị quyết đầu tiên của tỉnh ủy Quảng Ninh ban hành năm 2014 (Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 9/6/2014) đã thể hiện rõ quyết tâm đổi mới, bản lĩnh dám nghĩ, dám làm, trí tuệ sắc bén, tầm nhìn chiến lược của tập thể lãnh đạo tỉnh, khi xác định những mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2030 và tầm nhìn với những mục tiêu cụ thể đến năm 2030 mà cho đến nay vẫn còn giá trị và tính mới để áp dụng đối với các tỉnh trong cả nước.

Từ năm 2021, ngoài Quảng Ninh, các tỉnh đều chú trọng việc ban hành nghị quyết nhằm cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, yêu cầu đề ra trong Chương trình tổng thể CCHCNN giai đoạn 2021-2030 và mục tiêu, yêu cầu, quan điểm của đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh về CCHCNN. Tỉnh ủy Quảng Ninh tiếp tục ban hành Nghị quyết 05-NQ/TU về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Đây là một trong những nghị quyết đầu tiên của BCH Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, thể hiện ý chí quyết tâm rất vững vàng của Quảng Ninh đối với mục tiêu giữ vững vị trí nhóm đầu cả nước về các chỉ số PCI, PAR Index, SIPAS, PAPI.

*Hai là*, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo HĐND tỉnh cụ thể hóa nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của mình về CCHCNN thành nghị quyết, quyết

định, chỉ thị, kết luận của HĐND tỉnh; UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện

Nhận thức cải cách hành chính (CCHC), phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong 3 khâu đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, là yếu tố then chốt tác động tích cực tới việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Do đó, sau khi ban hành các Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 09/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 25/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 09/10/2020 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025; BTVTU đã chỉ đạo HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp thứ 6 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

Ở Ninh Bình, ngay sau khi tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU, UBND tỉnh Ninh Bình đã giao nhiệm vụ các Sở, ngành chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời, toàn diện. Các UBND tỉnh cũng đã cụ thể hóa 3 nhiệm vụ trọng tâm trong CCHC đưa vào kế hoạch cải cách hành chính hằng năm từ năm 2021 đến nay. Đối với việc phát triển nguồn nhân lực, mục tiêu đặt ra của Nghị quyết là đào tạo, bồi dưỡng nâng cao toàn diện nguồn nhân lực; hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển nguồn nhân lực.

Như vậy, các tỉnh ủy mà trực tiếp là BTVTU đều ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo ban cán sự đảng UBND, đảng đoàn HĐND để HĐND và UBND tỉnh ban hành các văn bản để tổ chức thực hiện. Đến nay đa số điểm chấm cho tiêu chí thành phần về ban hành văn bản chỉ đạo điều hành này các tỉnh đều đạt điểm tối đa. Tuy nhiên kết quả khảo sát 1200 người được hỏi về *“Tỉnh ủy ban hành đầy đủ, kịp thời các nghị quyết về CCHC để làm căn cứ lãnh*

*đạo, chỉ đạo*” thực hiện cho thấy có 40% đánh giá Tốt, 32% đánh giá Khá, 20% đánh giá Bình thường, 8% đánh giá hạn chế [Phụ lục 23]. Như vậy có 72% đánh giá ở mức Khá, Tốt, vẫn còn 28% số người được hỏi chưa đánh giá cao về các nghị quyết về CCHCNN của tỉnh ủy.

*Ba là*, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính của UBND tỉnh, cấp huyện, cấp xã tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan này có chất lượng đáp ứng yêu cầu CCHCNN ở các tỉnh.

Thực hiện theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, các quyết định của Chính phủ, 100% các tỉnh ủy đã ban hành, lãnh đạo ban hành Đề án “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tỉnh theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2022-2025”. Tỉnh ủy Quảng Ninh còn xây dựng kế hoạch kiện toàn bộ máy chính quyền, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong các cơ quan hành chính thực hiện nghiêm theo các quy định của Chính phủ. Các tỉnh ủy đã chỉ đạo, kiện toàn tổ chức, bộ máy hành chính nhà nước, đổi mới phương thức hoạt động của chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân. Thường xuyên rà soát, hoàn thiện quy chế tổ chức, hoạt động, mở rộng phân cấp, ủy quyền đồng bộ cho các sở - ngành, huyện, phường - xã - thị trấn. Một số tỉnh như Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Nam Định đã thực hiện thí điểm hợp nhất các cơ quan văn phòng của đảng và chính quyền cấp huyện. Ở Nam Định đã thực hiện thí điểm hợp nhất Văn phòng Huyện ủy với Văn phòng UBND – HĐND tại 03 đơn vị huyện là: Nam Trực, Giao Thủy, Vụ Bản; Phòng Nội vụ với Ban Tổ chức huyện Vụ Bản (giảm được 04 đầu mối đơn vị cấp phòng trong hệ thống chính trị cấp huyện).

Với sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, chỉ số thành phần của tiêu chí này ở các tỉnh vùng ĐBSH trong năm 2022 có giá trị trung bình cao hơn giá trị trung bình cả nước, cao nhất là Thái Bình xếp thứ 8 thuộc nhóm 10 tỉnh cao nhất cả nước đạt tỷ lệ 92.46 %, tiếp theo lần lượt là Nam Định, Hải Dương, Vĩnh Phúc,

Quảng Ninh, Ninh Bình, Hưng Yên, Hà Nam [Phụ lục 8]. Đặc biệt các tỉnh ủy đã coi trọng việc thành lập và tăng cường chức năng, nhiệm vụ cho văn phòng, phòng cải cách hành chính, phòng tư pháp, phòng văn hóa thông tin, bộ phận một cửa, pháp chế, trung tâm hành chính công, ... quan tâm đến chính sách hỗ trợ về thu nhập, tập huấn, khen thưởng để tạo động lực và khuyến khích đội ngũ này thực hiện tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính. Các lớp bồi dưỡng, tập huấn về các nội dung của cải cách hành chính được tổ chức đều đặn hằng năm. Việc thu thập minh chứng, điều tra khảo sát, thẩm định, đánh giá công tác cải cách hành chính đã dần đi vào nền nếp.

*Bốn là*, tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện về lãnh đạo CCHCNN trên địa bàn cấp huyện, coi trọng lãnh đạo CCHCNN trên địa bàn cấp xã, tập trung vào lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.

Cấp ủy cấp huyện ở là cấp dưới trực tiếp của cấp ủy cấp tỉnh. Do đó là cấp trực tiếp cụ thể hóa, tổ chức thực hiện nghị quyết của đại hội đảng bộ tỉnh, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHC, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh. Sau khi tỉnh ủy ban hành nghị quyết, cấp ủy huyện và các tổ chức đảng trực thuộc đảng bộ tỉnh đều được quán triệt, phổ biến, đồng thời huyện ủy, ban tuyên giáo huyện ủy cũng thực hiện phổ biến, quán triệt đến cấp ủy xã bằng hình thức gửi văn bản, tổ chức học tập tại Trung tâm chính trị huyện, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, hội thi về CCHC. Trong số 9 tỉnh ủy thì tỉnh ủy Quảng Ninh đã làm khá tốt nội dung này. Do đó, các kế hoạch của cấp ủy huyện, thành phố thuộc đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã triển khai kịp thời, hiệu quả việc ban hành văn bản để tổ chức thực hiện. Thực hiện nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 4 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh gắn với chuyển đổi số của thành phố Uông Bí đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 Ủy ban Nhân dân Thành phố Uông Bí đã ban hành kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2023. Trong đó các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và phân công tổ chức thực hiện rất rõ ràng, cụ thể.

Có thể nói cấp ủy huyện giữ vai trò trung gian nhưng hết sức quan trọng. Các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp tỉnh ủy đề ra có được cấp ủy xã, người dân trên địa bàn hưởng ứng, tích cực thực hiện hay không phụ thuộc lớn vào cấp ủy huyện. Do đó, ba năm gần đây, việc đánh giá CCHC bằng bộ chỉ số PAR INDEX đã được triển khai đến cấp huyện và cấp xã bước đầu có hiệu quả, tạo ra cả những động lực và áp lực để thay đổi phong cách làm việc, phục vụ hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức ở hai cấp này. Quan trọng nhất là thông qua đó tạo áp lực để các cấp ủy phải tăng cường sự lãnh đạo của mình đối với CCHC. Tăng cường lãnh đạo CCHC của tỉnh ủy, BTVTU cần thiết phải xem xét năng lực lãnh đạo CCHC của cấp ủy huyện. Những mục tiêu, định hướng, quan điểm của tỉnh ủy về CCHC chỉ có thể được thực hiện khi cấp ủy huyện phát huy tốt vai trò lãnh đạo, cụ thể hóa ở cấp huyện và lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt ở cấp huyện và cấp xã.

*Năm là*, tỉnh ủy lãnh đạo phối hợp hoạt động giữa chính quyền các cấp với MTTQ các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế ở địa phương thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU, của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHC.

Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy về CCHC, mỗi nghị quyết của tỉnh ủy, chỉ thị của BTVTU đều định hướng trong phần tổ chức thực hiện trách nhiệm của từng cấp ủy, tổ chức đảng, ban tham mưu giúp việc và MTTQ, các tổ chức đoàn thể CT-XH theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo việc thực hiện nghị quyết. Các yêu cầu này cũng được MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH nghiêm túc triển khai thực hiện thông qua các cuộc thi tìm hiểu về CCHC dưới các hình thức trắc nghiệm trực tuyến, sân khấu hóa, sáng kiến kinh nghiệm về CCHC, đóng góp ý kiến cho các dự thảo văn bản liên quan. Một số nơi đã đưa nội dung phối hợp thực hiện CCHC vào quy chế làm việc.

UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030; Các nội dung

rà soát, đơn giản hóa TTHC, đánh giá tác động các quy định về TTHC đã được các chính quyền tỉnh quan tâm rà soát, thống kê. Đồng thời trong các kỳ họp đều thông tin và chỉ đạo MTTQ, các cấp Đoàn Thành niên, Công đoàn các cấp tuyên truyền, phổ biến, vận động thành viên, đoàn viên thực hiện.

Tiếp tục thực hiện nghị quyết số 17/NQ-TU ngày 15 tháng 9 năm 2021 của tỉnh ủy Hà Nam, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch CCHC năm 2023, đồng thời, ban hành kế hoạch tự kiểm tra kiểm soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch kiểm tra rà soát đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh, kế hoạch duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN-ISO 9001:2015 và hoạt động của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh, kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Cùng với đó UBND tỉnh cũng phối hợp với Mặt trận Tổ quốc tỉnh tuyên truyền với công tác cải cách hành chính gắn với xây dựng chính quyền điện tử chính quyền số bằng nhiều hình thức khác nhau trên địa bàn tỉnh.

***\* Ưu điểm về thực hiện PTLĐ CCHCNN***

*Một là*, tỉnh ủy lãnh đạo bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.

Các nghị quyết chất lượng là cơ sở, căn cứ quan trọng đảm bảo cho quá trình tổ chức thực hiện có sự đồng thuận cao của các lực lượng. Tỉnh ủy đã coi trọng phương thức lãnh đạo bằng nghị quyết CCHCNN nhằm tạo ra cả áp lực và động lực cổ vũ cán bộ, nhân dân, cấp ủy, chính quyền các cấp ra sức thực hiện CCHCNN. Tỉnh ủy ở Nam Định, Quảng Ninh, Hà Nam, Ninh Bình đã kịp thời ban hành được nghị quyết chuyên đề, Hưng Yên ban hành chỉ thị về đẩy mạnh CCHCNN để lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc, nhất là cấp ủy huyện, đảng bộ huyện quán triệt, phổ biến và triển khai trong thực tiễn. Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/6/2021 của tỉnh ủy Nam Định về Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 9/6/2016 của tỉnh ủy, đã dám nhìn thẳng vào những hạn chế, khuyết điểm và xác định đẩy mạnh CCHCNN giai đoạn 2021-2025 là một trong các khâu đột phá để tạo động lực phát triển. Nghị quyết số 05-NQ/TU của ngày 9/4/2021 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường

đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, đã xác định đúng, trúng chủ đề, thể hiện sự sát xao, nắm vững tinh thần chỉ đạo của Trung ương và trí tuệ, sự sáng tạo, quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Ninh trong công tác lãnh đạo CCHCNN. Nghị quyết vừa đưa ra được những định hướng chung, triết lý cốt lõi, vừa cụ thể hóa mục tiêu giữ vững vị trí nhóm đầu cả nước về các chỉ số PCI, PAR Index, SIPAS, PAPI. Mục tiêu này cũng được nêu lần đầu tiên trong Văn kiện Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh để làm cơ sở, căn cứ cho tỉnh ủy quán triệt trong các nghị quyết về CCHCNN. Những mục tiêu, định hướng của tỉnh ủy tác động rất lớn đến công tác lãnh đạo CCHCNN và kết quả CCHC, gắn CCHC với nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC, với phát triển kinh tế và các lĩnh vực đời sống xã hội của các tỉnh ở vùng ĐBSH.

Các tỉnh ủy đã quan tâm sử dụng phương thức này, coi đây là phương thức lãnh đạo cơ bản, quan trọng. Nhờ có những nghị quyết về CCHCNN mà các UBND tỉnh và các sở, ngành có cơ sở, căn cứ để xây dựng các mục tiêu, kế hoạch, chỉ tiêu, biện pháp CCHC cụ thể. Dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy, căn cứ vào chương trình tổng thể CCHCNN của chính phủ các UBND tỉnh đều ban hành kế hoạch CCHCNN. Quảng Ninh là một trong những tỉnh thực hiện tốt nhất phương thức lãnh đạo này. Hai năm gần nhất đều được chấm điểm cao và xếp thứ 1/63 tỉnh, thành phố Ở Nam Định, năm 2016, tỉnh ủy Nam Định đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 9/6/2016 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến đầu tư giai đoạn 2016-2020. Đây là cơ sở quan trọng để tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh Nam Định ban hành và chỉ đạo việc thực hiện các nội dung về CCHC trên địa bàn tỉnh.

*Hai là*, lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục các tổ chức đảng, cấp ủy, coi trọng cấp ủy huyện, cấp xã, cấp ủy trong các cơ quan của chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.

Nghị quyết của tỉnh ủy được thực hiện thông qua cấp huyện ủy. Do đó, các tỉnh ủy đã quan tâm đến công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục các tổ chức đảng, cấp ủy, coi trọng cấp ủy huyện, cấp xã, cấp ủy trong các cơ quan

của chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN. Dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy và sự quan tâm của các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, huyện, xã nhất là Công đoàn và Đoàn Thanh niên các cấp huyện, tỉnh đã tích hơn trong việc tổ chức cho các công đoàn viên tham dự các hội thi thuyết trình mô hình, ý tưởng, sáng kiến, tìm hiểu về CCHCNN với các hình thức trực tuyến, trực tiếp. Qua đó các thành tựu, kết quả, sáng kiến về CCHCNN dần được lan tỏa trong cán bộ và nhân dân.

Các tỉnh ủy đã coi trọng việc lãnh đạo nâng cao năng lực xây dựng và ban hành văn bản của cấp huyện để nâng cao chất lượng lãnh đạo CCHCNN ở cấp xã. Hằng năm thông qua Trung tâm Chính trị huyện ngoài các nội dung bồi dưỡng thường xuyên hằng năm, đã có thêm các lớp tập huấn về CCHCNN, các nội dung của CCHCNN cho cán bộ, công chức cấp huyện và cấp xã. Một số địa phương đã quan tâm tập huấn cho các đội ngũ cán bộ không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Dưới tác động của bộ chỉ số cải cách hành chính và sự lãnh đạo của tỉnh ủy, các huyện ủy hiện nay cơ bản đã duy trì được việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời kiến nghị bổ sung, sửa đổi bãi bỏ những văn bản không còn phù hợp, chuẩn hóa, mẫu hóa, công khai hóa, thống nhất các thủ tục hành chính. Tiếp tục cải tiến thủ tục, trình tự giải quyết các loại hồ sơ hành chính.

Theo phân cấp quản lý cán bộ, huyện ủy đã triển khai thực hiện các khâu của công tác cán bộ đặt trong tổng thể công tác cán bộ của tỉnh ủy, và làm cơ sở để tỉnh ủy xây dựng quy hoạch cán bộ, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, luân chuyển cán bộ các cơ quan hành chính của tỉnh... Trên cơ sở phân cấp quản lý cán bộ, các huyện ủy đã chủ động mở các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ hành chính. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính được thực hiện thông qua lãnh đạo bộ phận thông tin truyền thông, báo chí, truyền hình của tỉnh và phòng văn hóa thông tin của huyện, công chức văn hóa xã. Ở cấp tỉnh và huyện, các UBND đều có cơ quan chuyên môn là Sở Văn hóa thông tin, phòng văn hóa thông tin để phụ trách tham mưu cho UBND về kế hoạch tuyên truyền về CCHC.



*Ba là, tỉnh ủy lãnh đạo CCHCNN bằng việc phát huy vai trò quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh, cấp huyện, cấp xã, nhất là của UBND các cấp đối với mọi hoạt động ở địa phương.*

Cải cách hành chính nhà nước tác động đến rất nhiều đối tượng, trong khi đó tỉnh ủy không thể trực tiếp lãnh đạo và yêu cầu các đối tượng chấp hành nghị quyết mà phải thông qua chính quyền các cấp, nhất là UBND các cấp để hiện thực hóa các quyết định của mình. Đây là phương thức lãnh đạo cơ bản nhất của tỉnh ủy đối với cải cách hành chính nhà nước ở địa phương. Trên cơ sở nghị quyết của tỉnh ủy và kế hoạch cải cách hành chính của Chính phủ giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch về Chương trình tổng thể CCHC tỉnh Nam Định giai đoạn 2016- 2020. Nội dung Kế hoạch đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ của các lĩnh vực: Cải cách thể chế; cải cách TTHC; cải cách tổ chức bộ máy; đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính nhà nước và công tác chỉ đạo, điều hành và các kế hoạch hàng năm về công tác: CCHC, tư pháp, thanh tra, kiểm tra, khoa học và công nghệ...

Không chỉ Nam Định mà tất cả các tỉnh đều ban hành kế hoạch cải cách hành chính cho cả giai đoạn 2016-2020. Kế hoạch cơ bản đề ra được mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, tương ứng với mục tiêu cụ thể là các hoạt động, sản phẩm đầu ra, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và thời gian hoàn thành. Bên cạnh đó các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cũng xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện CCHC hàng năm để triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC được giao tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Hàng năm các UBND tỉnh đều ban hành Kế hoạch CCHC trong một năm đồng thời hàng tháng, quý, 6 tháng đều có báo cáo kết quả thực hiện. Đặc biệt công tác đánh giá CCHC thông qua bộ chỉ số PAR INDEX được thực hiện từ tỉnh đến các sở và huyện, từ năm 2022 các tỉnh đã triển khai chấm điểm đến các cơ quan hành chính cấp xã.

Các tỉnh ủy đã chỉ đạo các Chính quyền tỉnh cụ thể hoá chủ trương của tỉnh ủy về công tác dân vận của Chính quyền, kết hợp công tác này với thực hiện Nghị quyết của các tỉnh ủy về CCHCNN. Nhờ đó, chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính của các tỉnh ủy được tiến hành trong thực hiện hiệu quả.

*Bốn là*, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ trong các cơ quan của chính quyền tỉnh, nhất là các cơ quan của UBND tỉnh.

Một số tỉnh ủy đã coi trọng công tác này. Ở Ninh Bình, năm 2023, việc triển khai công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023-2030 được coi là nhiệm vụ trọng tâm. Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tập trung ban hành nghị quyết, tổ chức hội nghị triển khai công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023-2030. Ban thường vụ tỉnh ủy ban hành kế hoạch thực hiện và quyết định thành lập Ban chỉ đạo; UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025.

Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy các tỉnh cơ bản đáp ứng các quy định. Các tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo, cho ý kiến về này theo các nghị quyết 18,19 của Trung ương và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt được những kết quả tích cực. Đến cuối năm 2023, đa số các tỉnh đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo Thông tư hướng dẫn của Bộ chuyên ngành. Chủ trương này cũng được lãnh đạo chỉ đạo, yêu cầu rà soát và hoàn thiện ở cấp huyện. Đến nay tất cả các cơ quan đều giảm các đầu mối bên trong, giảm số lượng cấp phó và có lộ trình giảm lãnh đạo cấp phó đối với phòng, ban, chi cục thực hiện sáp nhập theo quy định. Kết quả thực hiện Nghị quyết 18/NQ-TW tính đến năm 2023 ở Hải Dương giảm được 78 đầu mối bên trong các sở, ban, ngành, phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và giảm 171 đơn vị sự nghiệp công lập các lĩnh vực - tương đương 15,48% so với trước khi thực hiện Nghị quyết 19/NQ-TW. Theo Báo cáo của Nam Định, tính đến 20/12/2023, có 845 đơn vị sự nghiệp giảm 213 đơn vị so với trước khi thực hiện sắp xếp.

Thông qua việc sắp xếp về tổ chức, các tỉnh ủy tiếp tục thực hiện việc sắp xếp về cán bộ và quyết định việc quản lý, sử dụng biên chế. Đây là nhiệm vụ hết sức khó khăn, nhạy cảm, phức tạp trong thời gian qua, song không thể không làm và phải làm tốt. Các tỉnh ủy, ban cán sự đảng UBND tỉnh đã lãnh

đạo, chỉ đạo việc ban hành quyết định giao biên chế công chức trong các cơ quan, kế hoạch về quản lý và sử dụng biên chế và đề ra mục tiêu giảm theo từng giai đoạn. Các tỉnh ủy cũng đã lãnh đạo UBND ban hành kế hoạch đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ.

*Năm là*, lãnh đạo thông qua các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan hành chính của UBND các cấp trong tỉnh, nhất là các cơ quan hành chính của UBND tỉnh; bằng hành động tiên phong, gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan này.

Trong những năm gần đây, các tỉnh ủy đã chú trọng hơn việc lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên, nhất là người đứng đầu đối với các cấp thông qua sinh hoạt chi bộ, giao nhiệm vụ và thường xuyên kiểm điểm về việc thực hiện cải cách hành chính định kỳ hằng tháng và cuối năm. Trên cơ sở các các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền đã tích cực, chủ động cụ thể hoá phù hợp với địa phương, đơn vị; đã sáng tạo trong tìm các giải pháp thực hiện và coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, nhất là những cán bộ, đảng viên, công chức trong các cơ quan hành chính, người đứng đầu các sở, huyện đã tích cực thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về CCHCNN. Ở Hưng Yên, năm 2024, Sở Nội vụ đã có sáng kiến tham mưu cho UBND ban hành quyết định quy định đánh giá năng lực thực hiện các chỉ số cải cách nền hành chính của người đứng đầu các sở, huyện và kết quả này đã được đưa vào là nội dung đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cán bộ diện BTVTU quản lý. Điển hình là Hưng Yên đã ban hành và thực hiện được 2 năm (2023,2024) khá hiệu quả. Kết quả đánh giá năm 2024 ở tỉnh này, cho thấy có 4/26 người đứng đầu xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 4/26 người đứng đầu xếp loại hoàn thành nhiệm vụ; 18/26 người đứng đầu xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Khi CCHCNN gắn liền với đánh giá xếp loại người đứng đầu như vậy, nên lãnh đạo, chỉ đạo CCHCNN ở các cơ quan cũng được tăng cường hơn.

Một số tỉnh ban hành đã ban hành nghị quyết chuyên đề về xây dựng đội ngũ cán bộ công chức cho cả giai đoạn dài, hoặc cho từng nhiệm kỳ. Sự quan

tâm của tỉnh ủy đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nói chung và cán bộ, công chức hành chính nói riêng được thể hiện qua việc công khai chế độ tuyển dụng cán bộ, công chức thông qua thi tuyển, thu hút sinh viên xuất sắc, nhà khoa học về làm việc tại các cơ quan tỉnh với cơ chế chính sách về lương đặc thù, thí điểm tổ chức thi tuyển chức danh trưởng, phó phòng sở - ngành, huyện; quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong tuyển dụng, sử dụng cán bộ.

Tăng cường thanh tra công chức, công vụ, giữ nghiêm kỷ luật kỷ cương đối với cán bộ, công chức. Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, tiền thưởng, chế độ phụ cấp, ... Đối với cán bộ, công chức theo đúng quy định của Chính phủ. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút nhân tài. Xây dựng văn hóa công sở nhằm tạo môi trường làm việc văn minh, dân chủ, hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý Nhà nước.

*Sáu là*, lãnh đạo bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân địa phương tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, ủy ban nhân dân tỉnh về CCHCNN.

Các tỉnh ủy, BTVTU trên cơ sở bám sát các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương để ban hành văn bản làm căn cứ để phát huy vai trò MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân địa phương tham gia giám sát, phản biện xã hội. Điển hình như Quảng Ninh, ngay khi có Quyết định số 217- QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW, tỉnh ủy đã chỉ đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 18-HD/TU ngày 7/4/2014, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 32-CT/TU ngày 27/11/2014 về việc đẩy mạnh thực hiện “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội” và “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”... Theo đó, quyền, trách nhiệm, hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc với tư cách là chủ thể giám sát và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương trong việc phối hợp, bảo đảm điều kiện để Mặt trận Tổ quốc thực hiện công tác

giám sát, phản biện được quy định cụ thể, rõ ràng trong các văn bản của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã ban hành nhiều quy định về cơ chế, nội dung, kinh phí, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội theo quy định. Đây là cơ sở quan trọng để Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh triển khai thực hiện có kết quả công tác giám sát, phản biện xã hội.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp của tỉnh ủy, BTVTU và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, việc phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của MTTQ, các đoàn thể CT-XH, tổ chức xã hội, sự tham gia của người dân, doanh nghiệp đối với cải cách hành chính đã có những kết quả bước đầu. Trước 2016, các nội dung, hình thức giám sát được triển khai thực hiện nghiêm túc song còn ít có đổi mới nhưng từ năm 2021, nội dung giám sát, phản biện xã hội của MTTQ đã đa dạng hơn, hình thức phong phú hơn, đặc biệt ở một số tỉnh đã chú trọng đến giám sát trực tiếp các nội dung của cải cách hành chính. Năm 2021, MTTQ tỉnh Quảng Ninh thực hiện giám sát cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đại biểu dân cử tại nơi làm việc và nơi cư trú; giám sát chuyên đề đối với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đại biểu dân cử. Năm 2022, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ninh còn triển khai giám sát đối với 61 đồng chí là Giám đốc, Phó Giám đốc 16 sở, ban, ngành và tương đương. Đây là chuyên đề giám sát mới nhất trong các tỉnh nói chung và ở Quảng Ninh nói riêng.

Công tác sơ kết, tổng kết đánh giá hoạt động giám sát, phản biện xã hội cùng được các tỉnh quan tâm, thực hiện nghiêm túc. Năm 2023, tất cả các tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tỉnh tổ chức thành công Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định 217, Quyết định 218 của Bộ Chính trị (Khóa XI) về giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, giai đoạn 2014-2023; Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Liên tịch số 403 quy định chi tiết hình thức giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam, giai đoạn 2017-2023. Qua tổng kết, sơ kết giúp cho tỉnh ủy nhìn rõ những kết quả tích cực đã

đạt được và đặc biệt là những hạn chế, yếu kém trong nội dung, hình thức, phương pháp giám sát, phản biện xã hội của MTTQ, các tổ chức CT-XH. Nhìn chung MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân địa phương luôn sẵn sàng tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, ủy ban nhân dân tỉnh về CCHCNN. Kết quả sơ kết, tổng kết cho thấy, vẫn còn ít tỉnh có những chuyên đề giám sát chuyên sâu đối với các nội dung của cải cách hành chính, việc thành lập các tổ

*Bây là*, lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ tỉnh thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy và BTVTU về CCHCNN.

Một số tỉnh ủy đã phân công, giao trách nhiệm kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết CCHC rõ ràng trong nghị quyết cho Ban tổ chức tỉnh ủy, Sở Nội vụ phối hợp với các ban tham mưu giúp việc tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan liên quan để phối hợp, đảm bảo nghị quyết thực hiện hiệu quả. Nghị quyết, chỉ thị của một số tỉnh cũng đặt ra yêu cầu cụ thể về tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo, xin ý kiến khi cần thiết đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, MTTQ, các đoàn thể CT-XH, cộng đồng doanh nghiệp, động viên các tầng lớp Nhân dân tham gia và phổ biến nghị quyết đến từng đảng viên. Đây chính là căn cứ, cơ sở để tỉnh ủy và các cơ quan, lực lượng cùng tiến hành, tham gia, thực hiện kiểm tra, giám sát hoặc ban hành chương trình, kế hoạch kiểm tra giám sát hằng năm, chuyên đề về thực hiện CCHCNN để nâng cao hiệu quả lãnh đạo CCHNN của tỉnh ủy.

Căn cứ các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của tỉnh ủy, thời gian qua, công tác kiểm tra, giám sát về CCHCNN đã được thực hiện và đẩy mạnh trong những năm gần đây và chủ yếu thực hiện qua các kế hoạch kiểm tra CCHC của Sở Nội vụ, ban chỉ đạo CCHC tỉnh, Thanh tra tỉnh và thông qua kết luận của những đợt kiểm tra CCHC do Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ trực tiếp tiến hành. Sau các cuộc kiểm tra, các cơ quan đều báo cáo Thường trực tỉnh ủy, BTVTU về các vi phạm, các cá nhân, tổ chức vi phạm từ cấp tỉnh đến cấp xã được xử lý nghiêm túc, theo các quy định của Đảng.

### **3.2.1.2. Hạn chế, khuyết điểm**

#### **\* Hạn chế, khuyết điểm về thực hiện nội dung lãnh đạo CCHCNN**

*Một là*, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của mình về định hướng giải pháp thực hiện Nghị quyết của Đảng về CCHCNN; Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030

Một số tỉnh ủy ban hành nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận còn chậm. Kết quả khảo sát về “Tỉnh ủy ban hành đầy đủ, kịp thời các nghị quyết về CCHC để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện CCHC”, có 40% đánh giá tốt, 32% đánh giá khá, 20% đánh giá bình thường và còn 8% đánh giá hạn chế. Với câu hỏi ý kiến về “Các nội dung CCHCNN của chương trình tổng thể CCHC được đề cập trong cùng một nghị quyết” cho kết quả 0% đánh giá tốt, đến 30% đánh giá hạn chế và 20% đánh giá không rõ [Phụ lục 23]. Nghị quyết số 17-NQ/TW là chuyên đề của BCH Trung ương Đảng ban hành năm 2007, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả,... Chính phủ đã ban hành 3 Chương trình tổng thể CCHCNN vào các năm 2001, 2011, 2021 và nhiều quyết định, kế hoạch có liên quan đến các nội dung của cải cách hành chính (đề án văn hóa công vụ, đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông, ...); Thủ tướng Chính phủ đã ban hành chỉ thị để đẩy mạnh cải cách hành chính, Quyết định phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, nhưng có một số tỉnh đến năm 2021 mới ban hành nghị quyết chuyên đề về CCHC (Hà Nam), Bắc Ninh năm 2022 mới ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TU ngày 29/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2030, một vài tỉnh không ban hành nghị quyết, mà chỉ ban hành chỉ thị, đơn cử như ở Hưng Yên.

Một số nghị quyết còn đánh giá, nhận định bối cảnh tình hình, ưu điểm, hạn chế chưa thực sự toàn diện; chưa chỉ rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan. Về chủ đề, cấu trúc và nhất là về nội dung, diễn đạt của một số nghị quyết chưa

thể hiện rõ văn phong, ngôn ngữ chính luận, thể hiện tính chiến đấu của một đảng cầm quyền, mà còn nặng về văn phong hành chính. Một số nghị quyết có chủ đề chưa gắn với những định hướng, quan điểm về cải cách hành chính của BCH Trung ương Đảng cũng như chưa cập nhật mục tiêu, nội dung, quan điểm trong Chương trình tổng thể CCHCNN giai đoạn 2021-2030, đơn cử như Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC, trọng tâm là hiện đại hoá nền hành chính, hướng đến xây dựng chính quyền số, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng, trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính giai đoạn 2021 – 2025. Khi được hỏi về nội dung nghị quyết chỉ có 10% đánh giá tốt, 50% đánh giá khá, 15% đánh giá bình thường và 25% đánh giá hạn chế [Phụ lục 23].

Ngoại trừ nghị quyết năm 2014 của tỉnh ủy Quảng Ninh, còn lại đa số các nghị quyết chưa quan tâm công tác dự báo những tác động tích cực, tiêu cực, thuận lợi, khó khăn đối với lãnh đạo CCHCNN ở tỉnh. Giai đoạn 2015-2020, đa số tiêu đề nghị quyết chưa có tỉnh nào gắn việc đẩy mạnh cải cách hành chính với việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh, nhất là các cơ quan hành chính tỉnh. Đối với các tỉnh ban hành nghị quyết gần đây, còn chưa có sự đổi mới, sáng tạo trong việc tích hợp các nội dung, yêu cầu về CCHC trong các nghị quyết, quyết định của Trung ương để đưa ra định hướng chung vừa bao trùm vừa cụ thể cho tất cả các nội dung của CCHC và các lĩnh vực có liên quan; các nghị quyết vẫn chưa gắn được thực hiện CCHC trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và chưa có giải pháp cơ chế mạnh để huy động tối đa năng lực, trí tuệ, quyết tâm của tất cả các lực lượng, cá nhân trong cơ quan, tổ chức, hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp, công dân trong xã hội tham gia CCHCNN. Đây là dẫn đến kết quả cải cách hành chính các lĩnh vực ở các tỉnh chưa đồng đều và khó kiểm soát. Cải cách hành chính của các tỉnh đang bộc lộ rõ rằng chưa đáp ứng tốt được yêu cầu, chưa tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến hệ thống các cơ quan hành chính. Vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN đôi khi chưa được khẳng định sắc nét trong thực tiễn. Một số nghị quyết về CCHCNN của các tỉnh ủy còn chưa được công khai trên cổng thông tin điện tử dẫn đến các lực lượng



liên quan khó khăn trong việc tham gia góp ý, giám sát và cùng quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết.

Trong các báo cáo về cải cách hành chính còn khẳng định một số nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực đề ra còn phải xem xét về tính khả thi, hoặc đến kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo, đánh giá vẫn không thể hoàn thành theo kế hoạch đề ra. Chính phủ đã ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính từ năm 2001 đến nay đang triển khai chương trình giai đoạn 2021-2030 với 6 nội dung, 3 trọng tâm, BCH Trung ương đã ban hành nghị quyết về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước từ năm 2007 với những nhóm nhiệm vụ, giải pháp mang tính định hướng rất rõ với các cấp ủy. Tuy nhiên đến nay hầu hết các tỉnh ủy chưa ban hành được một nghị quyết chuyên đề nào có khả năng bao quát tất cả các nội dung của CCHC. Các tỉnh ủy có ban hành một số nghị quyết liên quan đến một hoặc một số nội dung, nhiệm vụ của CCHC tuy nhiên ba nội dung trọng tâm được chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2030 đến nay vẫn chưa có nghị quyết riêng để lãnh đạo. Điều này khiến cho các cấp ủy huyện khó cụ thể hóa và triển khai đồng thời các nội dung của từng lĩnh vực không được đảm bảo sự định hướng, lãnh đạo toàn diện. Kết quả điều tra xã hội học tỉnh ủy lãnh đạo bằng các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh cũng cho thấy chỉ có 40% đánh giá tốt, 40% bình thường và còn 20% cho rằng còn có những hạn chế [Phụ lục 23].

*Hai là*, ban thường vụ tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo HĐND tỉnh cụ thể hóa nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của mình về CCHCNN thành nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của HĐND tỉnh; HĐND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện

Một số tỉnh đã thực hiện tốt nội dung này, điển hình như Quảng Ninh, Vĩnh Phúc. Không chỉ quan tâm chỉ đạo việc ban hành mà các nghị quyết của các tỉnh này đều có chất lượng tốt. Cải cách hành chính không chỉ được đưa vào các nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh mà HĐND tỉnh còn ban hành nghị quyết riêng để UBND tỉnh làm căn cứ xây dựng kế hoạch, đề án để thực hiện. Một số nghị quyết chất lượng của các tỉnh đó là: Nghị quyết 124/NQ-

HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của HĐND tỉnh về một số giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh gắn với chuyên đổi số tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của HDDND tỉnh Vĩnh Phúc về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật trong cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh phúc. Việc HĐND chỉ đạo UBND ban hành Kế hoạch CCHCNN hàng năm được duy trì thành nền nếp. Dưới sự tác động của chỉ số CCHCNN cho đến nay việc chậm ban hành kế hoạch CCHCNN hầu như không còn, mà vấn đề cần tập trung hiện nay đó chính là chất lượng của các chương trình, kế hoạch, đề án và quản lý các nguồn lực phục vụ cho CCHCNN trong quá trình thực hiện và việc tính toán để tiết kiệm chi phí, chỉ rõ lợi ích của CCHCNN là vấn đề đặc biệt cần quan tâm.

Việc lãnh đạo thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” chưa đồng bộ, thống nhất. Còn thiếu sự chủ trọng động phối hợp giữa cấp ủy các cấp với các cơ quan có liên quan để nắm bắt thông tin kịp thời, chính xác, ngăn chặn có hiệu quả các khuyết điểm, vi phạm trong lãnh đạo CCHCNN. Lãnh đạo các sở, ban, ngành trong phối hợp giải quyết công việc còn chưa hiệu quả. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị về cải cách thủ tục hành chính chưa thực sự được quan tâm, tính quyết liệt chưa cao, thiếu các giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện. Việc đơn giản hóa TTHC chủ yếu tập trung vào giảm thời gian thực hiện so với quy định, chưa giảm được các giấy tờ, hồ sơ kèm theo; năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Một số chỉ số thành phần trong PCI còn chậm được cải thiện; thiếu các cơ chế chính sách mang tính đột phá nhằm thu hút các dự án lớn trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên qua điều tra xã hội học cho thấy có đến 50% đánh giá tốt, 30% đánh giá bình thường và còn 20% đánh giá hạn chế [Phụ lục 23]. Điều này có thể được lý giải bởi từ khi triển khai chương trình tổng thể CCHC việc có ban hành các văn bản chỉ đạo là một trong những tiêu chí tính điểm của lĩnh vực chỉ đạo điều hành. Song về chất lượng trên thực tế vẫn còn những bất cập. Kết quả chỉ số thành phần lĩnh vực công tác chỉ đạo điều hành đã phản ánh rõ điều đó.

*Ba là*, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính của UBND tỉnh, cấp huyện, cấp xã tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan này có chất lượng đáp ứng yêu cầu CCHCNN ở các tỉnh.

Thời gian gần đây với việc sơ kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”; và một năm nữa sẽ tiến hành sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 – 2020, cho thấy, CCHC, sắp xếp bộ máy đã và đang được các tỉnh kiên trì thực hiện, song quyết tâm chưa cao. Mặc dù tất cả các tỉnh đều xây dựng đề án sắp xếp bộ máy, đều ban hành kế hoạch tinh giản biên chế, đều nghiên cứu thực hiện nghiêm các quy định, hướng dẫn về xác định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan. Tuy nhiên đến nay việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy trong các cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và thực hiện tinh giản biên chế công chức vẫn chưa được đánh giá là đáp ứng yêu cầu. Năm 2022, giá trị trung bình chỉ số này chênh 0,74% giá trị trung bình chỉ số này của cả nước, có 4/9 tỉnh kết quả và thứ hạng thấp đó là Bắc Ninh (59/63), Hưng Yên (49/63) và Hà Nam (54/63), Ninh Bình (41/63) [Phụ lục 8]. Năm 2023 kết quả chỉ số này tăng theo xu thế chung của cả nước, song giá trị trung bình vẫn thấp hơn giá trị trung bình cả nước với 90,37%/91.28%. Bắc Ninh xếp thứ 58/63, Nam Định xếp thứ 62/63, Ninh Bình xếp thứ 49/63, tỉnh thành. Đặc biệt Quảng Ninh cũng chỉ xếp thứ 47/63 tỉnh, thành [Phụ lục 9].

*Bốn là*, tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện về lãnh đạo CCHCNN trên địa bàn cấp huyện, coi trọng lãnh đạo CCHCNN trên địa bàn cấp xã, tập trung vào lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.

Cải cách hành chính là lĩnh vực đặc biệt quan trọng, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, lại không do hoàn toàn một cơ quan nào chủ trì toàn bộ các

nội dung CCHC mà mỗi một nội dung do một cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì tham mưu và tổ chức thực hiện, cơ bản khá phức tạp và có thể có sự chồng chéo nhất định, khó phân chia rõ ràng. Đây cũng là lĩnh vực được tiến hành suốt gần 40 năm qua từ khi Đảng lãnh đạo đất nước thực hiện công cuộc đổi mới. Tuy nhiên đến nay các tỉnh ủy vẫn chưa thực sự quan tâm hướng dẫn, chỉ đạo huyện ủy ban hành nghị quyết riêng để lãnh đạo. Đã có các huyện ủy ban hành nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác CCHC như Nghị quyết số 27- NQ/HU, ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn huyện đến năm 2025. Song vẫn còn không ít huyện chưa có nghị quyết, đồng thời các văn bản của huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy cũng rất ít công bố trên cổng thông tin điện tử của các huyện. Do đó công dân muốn góp ý cho huyện ủy về công tác này vẫn rất khó khăn.

Quá trình lãnh đạo, mới chỉ coi trọng việc chỉ đạo công tác báo cáo kết quả CCHC hằng năm mà chưa thực sự quan tâm đến báo cáo công tác lãnh đạo của tỉnh ủy đối với MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế tỉnh tham gia vào công việc này. Quan trọng nữa, đó là việc lãnh đạo cấp ủy cấp huyện, cấp xã thực hiện việc lãnh đạo chính quyền cấp huyện, cấp xã thực hiện CCHCNN ở địa phương và lãnh đạo MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế trên địa bàn tham gia CCHCNN ở địa phương còn chưa được cụ thể hóa đầy đủ. Hệ thống văn bản chỉ đạo còn ít. Trong khi đây là một nội dung rất quan trọng của sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN. Bởi vì, phần lớn những vấn đề về hành chính nhà nước liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp, khá nhiều việc diễn ra ở chính quyền cấp huyện, cấp xã.

Tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp huyện về lãnh đạo HĐND, UBND cấp huyện cụ thể hóa, thể chế hóa, xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện nghị quyết của HĐND cấp huyện về CCHCNN mới quan tâm nhiều đến việc có đủ văn bản, một số địa phương chưa quan tâm đến chất lượng, nội dung. Dẫn đến còn có những trùng lặp chưa được tháo gỡ kịp thời. Hoạt động giám sát của HĐND cấp huyện đối với UBND cấp huyện về CCHC còn chưa đi thật sâu vào từng nội dung của CCHC.

*Năm là*, tỉnh ủy lãnh đạo phối hợp hoạt động giữa chính quyền các cấp với MTTQ các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế ở địa phương thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU, của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCNN.

Hoạt động phối hợp giữa chính quyền các cấp vẫn chưa thực sự chặt chẽ. Công tác tuyên truyền của MTTQ Việt Nam chưa theo kịp công tác đánh giá CCHC của các UBND, cơ quan hành chính các cấp. Các cơ quan hành chính chưa chủ động phối hợp với MTTQ và các tổ chức CT-XH, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trên địa bàn tỉnh để huy động họ tham gia quản trị kết quả CCHCNN đã đạt được. Dẫn đến mặc dù CCHC của một số tỉnh đã có năm xếp hạng cao, có năm xếp hạng thấp; nhưng chỉ số SIPAS thì có năm người dân hài lòng cao nhưng có năm người dân hài lòng thấp và không hoàn toàn tương ứng [Phụ lục 11]. BTVTU trực tiếp lãnh đạo chỉ đạo sự phối hợp giữa chính quyền tỉnh với các tổ chức này, thực hiện nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU, của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCNN.

Đối với MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội ở cấp huyện, cấp xã, BTVTU chưa có nhiều nội dung, phương thức mới, đa dạng và chuyên sâu để chỉ đạo phù hợp với cấp ủy cấp huyện, cấp xã về lãnh đạo sự phối hợp giữa chính quyền cấp huyện, cấp xã với MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH cùng cấp thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU, của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCNN. Hình thức tham gia chủ yếu của các lực lượng này là trả lời khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng về CCHC. Tuy nhiên số lượng được tham gia đánh giá hiện nay theo phương pháp xác suất cho nên số người tham gia rất hạn chế. Các hình thức hội nghị, hội thảo kết hợp trực tuyến, trực tiếp để họ tham gia giám sát trực tiếp chưa được ưu tiên, coi trọng. Kết quả khảo sát về “sự tham gia ý kiến tích cực của đội ngũ nhà khoa học, cán bộ, công chức, viên chức và công dân trong quá trình dự thảo và phản biện trong quá trình thực hiện” chỉ đạt 40% đánh giá tốt cho thấy đã chuyển động tích cực hơn song tỷ lệ chưa thể đánh giá là cao, cần tiếp tục cải thiện [Phụ lục 23].

Tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU còn chậm ban hành quy chế, quy định về sự phối hợp giữa các tổ chức nêu trên trong thực hiện nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU, của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCN; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế, quy định đó.

Chính quyền tỉnh, cấp huyện, cấp xã chưa coi trọng và thực hiện tốt việc cổ vũ, động viên MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và nhân dân địa phương tham gia có hiệu quả vào việc thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU, của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCN. Đồng thời, các cấp ủy tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức này tham gia thực hiện đạt hiệu quả nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU, của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh về CCHCN. Kết quả khảo sát về sự tham gia của các tổ chức đoàn thể cho thấy mới chỉ có Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Đoàn thanh niên, doanh nghiệp và người dân tham gia tích cực, còn lại các hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh, tổ chức xã hội nghề nghiệp chưa được đánh giá cao. [Phụ lục 23].

**\* Hạn chế, khuyết điểm về thực hiện PTLĐ CCHCNN**

Một là, tỉnh ủy lãnh đạo bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.

Một số tỉnh ủy, cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, tổ chức đảng, đảng viên ở các cơ quan hành chính, nhất là các cơ quan chuyên môn trực tiếp chủ trì thực hiện các nội dung, nhiệm vụ (tiêu chí thành phần của chỉ số CCHCNN) chưa nắm vững được phương thức lãnh đạo đặc biệt quan trọng này của tỉnh ủy cho nên công tác tham mưu xây dựng các dự thảo, ban hành nghị quyết có khâu, có bước chưa đảm bảo chất lượng, chưa đáp ứng yêu cầu. Kết quả phỏng vấn [Phụ lục 24] cho thấy ở tỉnh Hưng Yên hiện nay mới có chỉ thị về CCHC để chỉ đạo, một số nội dung quan trọng do cơ quan thường trực là Sở Nội vụ đề xuất tham mưu cho UBND tỉnh mà chưa phải là những đề xuất trực tiếp của các cơ quan, tổ chức đảng.

Nghị quyết, kết luận, chỉ thị về CCHCNN hoặc về lĩnh vực của CCHCNN của các tỉnh trình bày nội dung còn dàn trải nêu và trình bày rất

những vấn đề nhằm đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ CCHCNN song chưa tính toán kỹ hết các nguồn lực có thể huy động, cho nên khi tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết, đánh giá vẫn còn rất nhiều nội dung, yêu cầu chưa được cụ thể hóa hết, cho nên kết quả thường là không đạt được tất cả mục tiêu nghị quyết đề ra. Qua khảo sát đánh giá về “tỉnh ủy lãnh đạo bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN thế nào” cho thấy chỉ có 40% đánh giá tốt, 40% bình thường và còn 20% đánh giá hạn chế [Phụ lục 23].

Một số nghị quyết do chưa đánh giá đúng thực trạng, ưu điểm, nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế, bất cập của CCHCNN, đặc biệt chưa tập trung đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân chủ quan, khách quan của cả ưu điểm, hạn chế và những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo CCHC của tỉnh ủy, dẫn đến đề xuất giải pháp và phân công tổ chức thực hiện còn lúng túng, thậm chí sơ sài, biện pháp đề ra không sát với bối cảnh, tình hình để có thể khắc phục tối đa hạn chế.

*Hai là*, lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục các tổ chức đảng, cấp ủy, coi trọng cấp ủy huyện, cấp xã, cấp ủy trong các cơ quan của chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, truyền thông, các thông tin về cải cách hành chính (CCHC) trong tỉnh đáng lẽ đó là công cụ hữu hiệu giúp cho tỉnh ủy thông tin, tuyên truyền đến các tổ chức đảng, cấp ủy, cán bộ, đảng viên, tổ chức trong HTCT để họ tham gia thực hiện thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN. Tuy nhiên, trong số những người được khảo sát chỉ có 35% đánh giá tốt, 30% đánh giá khá và 35% đánh giá hạn chế [Phụ lục 23]. Đến nay 100% các tỉnh đều có các cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền về cải cách hành chính, mở chuyên trang riêng, thường xuyên đăng bản tin cải cách hành chính, phát sóng trên truyền hình... Tuy nhiên số lượng người xem, truy cập còn rất hạn chế.

Hàng năm các UBND tỉnh, huyện đều ban hành Kế hoạch tuyên truyền, song thực tiễn hiệu quả chưa cao. Khi được hỏi về “Việc đẩy mạnh công tác

thông tin, truyền thông, tuyên truyền về CCHCNN ở địa phương thời gian qua” chỉ nhận được 25% người được hỏi đánh giá tốt [Phụ lục 23]. Trong khi nội dung này rất quan trọng, hiệu quả. Mục đích của việc tuyên truyền là để cán bộ, đảng viên, tổ chức chính trị xã hội, tất cả tầng lớp Nhân dân, đội ngũ trí thức, nhà khoa học nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng và hoạt động lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với CCHCNN. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay hình thức, nội dung, kênh thông tin chưa hiệu quả, việc tìm kiếm các văn bản của tỉnh ủy, huyện ủy rất khó khăn. Kế hoạch cải cách hành chính có thể dễ dàng tìm thấy nhưng kế hoạch tuyên truyền về cải cách hành chính thì chưa có nhiều cơ quan ban hành. Rất ít tỉnh có các bản tin ngắn hoặc baner hấp dẫn trích xuất từng nội dung, chủ trương, chính sách nhỏ từ nghị quyết để tuyên truyền mà hình thức tuyên truyền vẫn rất giản đơn, thậm chí sơ sài. Hầu hết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận chỉ phổ biến chủ yếu trong sinh hoạt chi bộ, sau đó lại được lưu lại chứ không phổ biến, niêm yết, công khai hay đưa lên môi trường mạng, hoặc số hóa để tiện xem đi xem lại nhiều lần.

Thực trạng khi kiểm điểm cuối năm, không ít đảng viên tự nhận là chưa nắm bắt được hoặc chưa nghiên cứu được nhiều nghị quyết và văn bản của Đảng là rất dễ hiểu. Bởi văn bản của Đảng thì không có việc công bố hết hiệu lực, ngày càng nhiều mà lại hạn chế công khai. Chính vì vậy, dù Trung tâm truyền thông, Đài truyền hình, báo chí ... có tuyên truyền tích cực cũng không đủ để các nghị quyết đi sâu vào các tổ chức đảng và đảng viên, Bởi nghị quyết thường dài, bao quát nhiều vấn đề, nội dung, cần phải thường xuyên đọc đi đọc lại mới có thể nhớ được.

Việc nhiều cấp ủy, cán bộ, đảng viên còn e ngại việc công khai các nghị quyết không thuộc văn bản mật lên cổng thông tin điện tử, hoặc chưa có quy chế về việc thông tin tuyên truyền các nghị quyết của Đảng là không phù hợp với bối cảnh và xu thế cải cách hành chính hiện nay đã và đang hạn chế, giảm hiệu quả tuyên truyền. Cấp ủy, đảng viên không nắm vững thì việc tuyên truyền cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp cũng hạn chế. Trong vùng có Quảng Ninh thực hiện công tác truyền và các nội dung khác rất tốt song việc kết nối giữa các tỉnh để giao lưu, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau về CCHC nói



chung và tuyên truyền CCHCNN nói riêng còn rất hạn chế, chưa tạo thành phong trào rộng khắp của cả vùng, nên chưa cổ vũ mạnh mẽ mọi tầng lớp nhân dân tham gia, đóng góp ý kiến và có những sáng kiến hiệu quả, tạo ra sức mạnh to lớn để cải thiện chỉ số cải cách hành chính ở các tỉnh còn thấp, giúp cho vùng ĐBSH thực sự trở thành điểm sáng về CCHCNN trong cả nước.

*Ba là*, tỉnh ủy lãnh đạo CCHCNN bằng việc phát huy vai trò quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh, cấp huyện, cấp xã, nhất là của UBND các cấp đối với mọi hoạt động ở địa phương.

Nhìn chung phương thức này trên thực tế các tỉnh đang thực hiện khá tốt thông qua việc lãnh đạo, chỉ đạo HĐND và UBND cụ thể hóa đưa vào các nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội, các quyết định, chương trình, kế hoạch, đề án lớn của UBND giao cho các cơ quan chuyên môn tiến hành. Đặc biệt đối với quản lý, theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính, 100% các tỉnh có Ban chỉ đạo CCHC và Sở Nội vụ các tỉnh đều được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng kế hoạch, theo dõi, tổ chức đánh giá các tiêu chí thành phần của CCHCNN.

Về nguyên tắc thì các cơ quan khi tham mưu sẽ trình dự thảo văn bản xin ý kiến thông qua ban cán sự đảng UBND tỉnh chứ không trực tiếp trình. Tuy nhiên, phương hướng của cuộc “cách mạng tinh gọn bộ máy” sẽ không còn các ban cán sự, các đảng đoàn mà đảng bộ tỉnh, tỉnh ủy sẽ lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp. Do đó, từ thực tiễn hiện nay cho thấy, sự phối hợp giữa tỉnh ủy, chính quyền và các cơ quan chuyên môn còn có những vướng mắc, chưa được thể chế hóa phù hợp để tháo gỡ, nhất là về tham mưu, xin ý kiến, và việc tách bạch chức năng lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU và chức năng quản lý của cơ quan hành chính, giám sát của HĐND, giám sát, phản biện xã hội với các nghị quyết, văn bản pháp luật của tỉnh ủy, UBND tỉnh.

Các ứng dụng thông minh đang trở thành công cụ hiệu quả để chính quyền tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của người dân về thủ tục hành chính, sự phục vụ của cơ quan hành chính và các vấn đề xã hội. Song với hình thức có thể ảnh hưởng đến sự lãnh đạo của tỉnh đối với xử lý các tình huống phức tạp, chức năng, vai trò của MTTQ, các đoàn thể chính trị xã hội có thể không được đảm bảo hiệu quả tốt nhất. Tỉnh ủy cần dự báo về những khó khăn thách thức này.

*Bốn là*, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ trong các cơ quan của chính quyền tỉnh, nhất là các cơ quan của UBND tỉnh.

Kết quả khảo sát về tình ủy lãnh đạo “Bằng công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan chính quyền tỉnh” cho thấy chỉ có 32% đánh giá tốt, 48% đánh giá khá, 30% đánh giá hạn chế [Phụ lục 23]. Qua nghiên cứu các tài liệu thứ cấp về công tác tổ chức cũng cho thấy việc thực hiện còn nhiều bất cập, việc chuẩn bị cho việc sáp nhập các cơ quan có lúc, có nơi chưa chu đáo, tiến hành chưa kiên quyết, dứt điểm, có nơi còn xảy ra mất đoàn kết. Việc sáp nhập các cơ quan, nhìn chung còn có biểu hiện hình thức theo kiểu gom đầu mối, cơ học mà chưa tính đến việc làm rõ những yếu tố đặc thù.

Quy chế phối hợp giải quyết công việc giữa các sở, ban, ngành thuộc tỉnh tuy đã được ban hành, song, vẫn chưa xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị theo phương châm của tỉnh là: một nhiệm vụ phân công cho một cơ quan chịu trách nhiệm chính và một số cơ quan phối hợp thực hiện. Bởi vậy, việc phân định trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì công việc và cơ quan phối hợp trong thi hành nhiệm vụ, công vụ còn chưa rõ.

Về công tác cán bộ: Chất lượng quy hoạch cán bộ, nhìn chung còn thấp, mang tính hình thức, nhất là quy hoạch cán bộ chính quyền cơ sở. Việc quản lý cán bộ trong quy hoạch cán bộ chính quyền các cấp còn có biểu hiện buông lỏng, nên đã xảy ra tình trạng một số cán bộ mắc sai lầm, khuyết điểm phải đưa ra khỏi quy hoạch. Chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ còn thấp, còn có biểu hiện chạy theo bằng cấp, chứng chỉ, nhất là hình thức đào tạo, bồi dưỡng tại chức, học từ xa.

Việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý hành chính còn bất cập và khó khăn, nhất là luân chuyển đến nơi khác, nhiều trường hợp luân chuyển những cán bộ này phải có sự can thiệp mạnh mẽ của tỉnh ủy đối với nơi cán bộ được luân chuyển đến. Còn nhầm lẫn giữa luân chuyển cán bộ với điều động cán bộ để xử lý tình huống trong công tác cán bộ chính quyền.

Có cấp ủy chưa chưa kiên quyết sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, thay thế kịp thời những cán bộ yếu kém trong các cơ quan chính quyền, thể hiện rõ

trong quá trình tiến hành đại hội đảng bộ cơ sở và xây dựng đề án nhân sự cấp ủy, nhân sự của HĐND, UBND khi hết nhiệm kỳ vừa qua. Có nơi chưa phát huy mạnh mẽ vai trò của nhân dân và cán bộ, đảng viên trong xây dựng đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp. Công tác lãnh đạo xây dựng quy hoạch cán bộ ở nhiều nơi chưa thực sự bài bản, có nơi còn lúng túng, vi phạm, để xảy ra tình trạng hụt hẫng cán bộ hành chính; tuyển dụng, sử dụng cán bộ năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức hạn chế.

Nhiều cấp ủy tuy có quan tâm nhưng năng lực cụ thể hóa, xây dựng nghị quyết để lãnh đạo xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, phát huy vai trò của các tổ chức này tham gia công tác CCHC còn hạn chế. Làm cho các tổ chức này bị thiếu định hướng, khó hiện thực hóa được vai trò, chức năng của mình.

*Năm là*, lãnh đạo thông qua các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan hành chính của UBND các cấp trong tỉnh, nhất là các cơ quan hành chính của UBND tỉnh; bằng hành động tiên phong, gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan này.

Các tỉnh ở vùng ĐBSH có số lượng tổ chức đảng và đảng viên khá đông 1.243 tổ chức cơ sở đảng, 303 đảng bộ cơ sở, 940 chi bộ cơ sở; 46 đảng bộ bộ phận, 2794 chi bộ trực thuộc, với tổng số 40.655 đảng viên. Hội đồng điều phối vùng cũng đã được thành lập và được giao chức năng nhiệm vụ phát triển vùng, tham mưu cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết vùng. Tuy nhiên đến nay chưa có một phong trào nào được tổ chức bởi các tỉnh ủy, huyện ủy với phạm vi rộng để phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên nêu gương trong tuyên truyền, chấp hành và thực hiện CCHCNN.

Trong sinh hoạt chi bộ, đảng bộ, nhiệm vụ cải cách hành chính được đề cập, nêu để kiểm điểm, phê bình, tự phê bình, song đa số vẫn đề cập, thảo luận dưới góc độ chuyên môn mà chưa tập trung sinh hoạt chính trị, làm rõ về mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ, quan điểm của Đảng, chính sách, chương trình CCHCNN của chính phủ, và giao nhiệm vụ, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, đồng chí Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy kiêm người đứng đầu cơ quan đơn vị.

*Sáu là*, lãnh bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân địa phương tham gia thực hiện và giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.

Qua tổng hợp báo cáo của các tỉnh về Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định 217, Quyết định 218 của Bộ Chính trị (Khóa XI) về giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, giai đoạn 2014-2023; Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Liên tịch số 403 quy định chi tiết hình thức giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam, giai đoạn 2017-2023, cho thấy kết quả giám sát, phản biện xã hội của MTTQ, các tổ chức CT-XH đối với các lĩnh vực đời sống xã hội nói chung và CCHCNN nói riêng còn rất nhiều hạn chế, bất cập. Điều này chứng tỏ các tỉnh ủy mặc dù đã có các văn bản để chỉ đạo, những chất lượng, hiệu quả lãnh đạo chưa cao.

Mặt khác, qua khảo sát và tổng hợp các báo cáo cho thấy, việc tiếp cận các chính sách của Nhà nước, việc thực hiện các DVC trực tuyến, việc tiếp cận các thông tin chính sách qua mạng internet – trực tuyến, phản ánh, kiến nghị qua các ứng dụng còn đạt tỷ lệ thấp. Điều này phần lớn do cơ quan MTTQ và đoàn thể CT-XH ở tỉnh mới chỉ tập trung vào nhiệm vụ tuyên truyền, thông tin về việc người dân tham gia trả lời các phiếu điều tra xã hội học phục vụ công tác đo lường, đánh giá mức độ hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước mà chưa tập trung tuyên truyền sâu, rộng, rõ, đúng, đầy đủ về quan điểm, chủ trương, chính sách, mục tiêu, yêu cầu của Đảng và Chính phủ về CCHCNN và vai trò giám sát, phản biện, góp ý, đồng hành của người dân đối với nâng cao hiệu quả CCHC.

Đặc biệt là việc tỉnh ủy, BTVTU chỉ đạo các huyện ủy lãnh đạo MTTQ, đoàn thể CT-XH ở cấp huyện và cấp xã, tuyên truyền về lợi ích cải cách hành chính đối với người dân, doanh nghiệp, xã hội và cách thức, biện pháp, hình thức, quy trình, phương tiện, các công cụ là các ứng dụng, website ... hỗ trợ đắc lực cho người dân thực hiện quyền dân chủ, quyền làm chủ của mình đó là phản ánh, kiến nghị đúng đến cơ quan một cách nhanh chóng, hiệu quả còn rất

hạn chế. Kết quả khảo sát về tỉnh ủy coi trọng cấp ủy huyện, xã chỉ có 20% đánh giá tốt, 30% đánh giá khá, và đến 50% đánh giá hạn chế. Kết quả này cho thấy chưa có sự tương xứng với số lượng 512 tổ chức cơ sở đảng, 587 chi bộ trực thuộc và tổng số đảng viên là 5787.228 trong các cơ quan đảng, MTTQ và Các đoàn thể CT-XH của 9 tỉnh ở vùng ĐBSH. Điều này có nguyên nhân từ năng lực của MTTQ và các đoàn thể CT-XH và một phần lớn đó là thiếu sự lãnh đạo thường xuyên của tỉnh ủy. Do đó, chưa phát huy tốt các chức năng, nhiệm vụ, vai trò của MTTQ và các tổ chức theo Điều lệ và các quy định, quy chế giám sát, phản biện cũng như Luật thực hiện Dân chủ ở cơ sở.

*Bấy là*, lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ tỉnh thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy và BTVTU về CCHCNN.

Tỉnh ủy ban hành nghị quyết đồng thời phải trực tiếp kiểm tra việc chấp hành, thực hiện nghị quyết. Song hiện nay, việc tỉnh ủy hoặc Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy trực tiếp tiến hành kiểm tra, giám sát việc chấp hành, tổ chức thực hiện nghị quyết về cải cách hành chính còn rất hạn chế. Kết quả khảo sát về tỉnh ủy lãnh đạo “Bằng công tác kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với cải cách hành chính nhà nước”, chỉ có 25% đánh giá tốt, 35% đánh giá khá, 40% đánh giá còn hạn chế [Phụ lục 23]. Các chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy, cơ quan kiểm tra tỉnh ủy vẫn còn ít có các nội dung kiểm tra, giám sát chuyên đề về cải cách hành chính. Việc kiểm tra, giám sát hiện nay chủ yếu dựa vào các kết quả các cuộc thanh tra, kiểm tra CCHC. Theo Báo cáo Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 9 tháng đầu năm 2022, ở Quảng Ninh, để phát huy vai trò giám sát của cấp ủy tỉnh, tỉnh ủy đã thành lập Đoàn Giám sát đối với Trung tâm Hành chính công các cấp, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã. Sau giám sát Đoàn có kiến nghị với tỉnh ủy và Ban cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan khắc phục những tồn tại hạn chế về TTHC và thực thi công vụ đối với cán bộ, công chức. Như vậy, kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy vẫn chỉ chú trọng đến nhiệm vụ chuyên môn mà chưa chú trọng đến kiểm tra trách nhiệm của đảng viên thực hiện các nhiệm vụ đó để làm rõ những hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, trách

nhiệm nêu gương của đảng viên. Đây là hạn chế cơ bản của phương thức lãnh đạo này.

### **3.2.2. Nguyên nhân và kinh nghiệm**

#### **3.2.2.1. Nguyên nhân**

##### **\* Nguyên nhân của *wu điếm***

*Một là*, sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của BCH Trung ương Đảng, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ đối với việc lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy ở ĐBSH.

Cải cách hành chính nhà nước là một nhiệm vụ trọng tâm được Đảng, đến đây Nhà nước tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Đảng đã ban hành các nghị quyết, trong đó có nghị quyết chuyên đề về CCHCNN – Nghị quyết số 17-NQ/TW, Chính phủ đã có chương trình quốc gia về CCHCNN (3 chương trình tổng thể CCHCNN) và nhiều văn bản liên quan khác (Đề án văn hóa công vụ, Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược quốc gia về thu hút trọng dụng nhân tài, nghị quyết về cải cách tiền lương,...), làm cơ sở, tạo động lực, tiền đề, điều kiện thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc CCHCNN ở các tỉnh ... Đây là yếu tố rất quan trọng quyết định đến thành, bại trong CCHCNN.

*Hai là*, quyết tâm chính trị cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của một số cấp ủy, nhất là tỉnh ủy cùng với khát vọng phát triển của cán bộ, công chức và nhân dân ở các tỉnh vùng ĐBSH, thúc đẩy họ tham gia tích cực, hiệu quả thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy về CCHCNN.

Công cuộc đổi mới trên địa bàn tỉnh ngày càng đi vào chiều sâu, kinh tế tỉnh ngày càng hội nhập với kinh tế khu vực và quốc tế, không thể tương đồng với một nền hành chính có nhiều điểm lạc hậu và yếu kém. Hiện tại nền hành chính của các tỉnh (trừ tỉnh Quảng Ninh) đang có khoảng cách khá xa so với nền hành chính của hai thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng (Hà Nội, Hải Phòng). Hơn nữa, khát vọng chính đáng của nhân dân là tình khi đời sống kinh tế, tinh thần ngày càng cao đó là được sử dụng các dịch vụ công ngày càng chuyên nghiệp, chất lượng, thuận tiện, nhanh chóng, công khai, minh bạch; và người dân cũng mong muốn được tham gia ý kiến nhiều hơn đối với công tác

quản lý nhà nước ở địa phương, đến những chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến người dân và quyền dân chủ của Nhân dân. Điều này, thúc đẩy mạnh mẽ các cấp ủy, cán bộ, công chức và nhân dân tham gia tích cực, hiệu quả thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy về CCHCNN

*Ba là*, nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng của đội ngũ CBCC ở các tỉnh vùng ĐBSH ngày càng được nâng lên là nhân tố rất quan trọng để CCHCNN ở các tỉnh đạt hiệu quả.

Các tỉnh ở vùng ĐBSH có nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng khá tốt, cần cù, chịu khó, thông minh, sáng tạo, ham học hỏi; đội ngũ CBCC là đảng viên có chuyên môn được đào tạo, có lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nguyện gắn bó, phục vụ Nhân dân, quyết tâm làm cho quê hương thêm giàu mạnh, được tăng cường đào tạo, bồi dưỡng trong những năm qua nên tư duy, kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, phương pháp quản lý hành chính, cải cách hành chính được nâng lên đáng kể. Đặc trưng của đội ngũ CBCC và nhân lực ở vùng này là dễ dàng thích ứng trong mọi điều kiện.

*Bốn là*, vùng ĐBSH có các điều kiện tốt so với nhiều vùng khác trong cả nước về giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, cơ sở hạ tầng, các tỉnh bao quanh thủ đô Hà Nội nên có nhiều thuận lợi để đạt được kết quả tốt trong CCHCNN.

Một số tỉnh, như: Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam thuộc vùng thủ đô Hà Nội, đang trên đà phát triển, điều kiện địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, chính trị vào loại tốt, ổn định; dân trí khá cao; mật độ dân số đông... được Bộ Chính trị kỳ vọng là vùng có khả năng vươn lên dẫn dắt kinh tế cả nước. Do nằm bao quanh thủ đô Hà Nội nên các tỉnh có những thuận lợi, ưu thế so với nhiều tỉnh trong cả nước về kinh tế, tạo ra sức hấp dẫn đối với nhân lực chất lượng cao, động lực cho việc nâng cao dân trí và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ hành chính và áp lực trong việc đầu tư nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, hệ thống phần mềm phục vụ chuyển đổi số và nâng cao chất lượng các dịch vụ công trực tuyến.

Chất lượng giáo dục, văn hóa, khoa học công nghệ, trình độ dân trí của người dân ở vùng ĐBSH cải thiện, nâng lên rõ rệt trong những năm qua, lại là

vùng đất có truyền thống hiếu học, nhạy cảm với những tri thức tiến bộ của nhân loại trước sự hội nhập ngày càng sâu rộng của kinh tế địa phương với kinh tế khu vực và thế giới; đó là động lực, cơ sở chính trị vững chắc, là yếu tố thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc CCHCNN, là nguyên nhân của sự thành công trong lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy. Làm cho các tỉnh ủy đều phải có những quyết sách cụ thể, mạnh mẽ để phấn đấu trở thành điểm sáng trong CCHC, thu hút đầu tư và tạo đà phát triển KT-XH, nâng cao mức độ hài lòng của người dân trong thời gian qua.

**\* Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm,**

*Một là*, nhận thức của một số tỉnh ủy viên về CCHCNN trong thời kỳ đổi mới chưa đầy đủ, sâu sắc; trình độ, năng lực lãnh đạo CCHCNN trong điều kiện hiện nay của khá nhiều tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU còn hạn chế và bất cập.

Nhận thức của một số tỉnh ủy viên về CCHCNN, sự cần thiết phải CCHCNN trong thời kỳ đổi mới thực hiện kinh tế thị trường định hướng XHCN, mở cửa, hội nhập quốc tế chưa đầy đủ, sâu sắc. Bên cạnh đó, trình độ, năng lực lãnh đạo CCHCNN trong điều kiện thực hiện kinh tế thị trường định hướng XHCN, mở cửa, hội nhập quốc tế của khá nhiều tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU còn hạn chế và bất cập. Điều này, chủ yếu do đây là công việc rất mới. Hơn nữa, các tỉnh ủy viên và ủy viên BTVTU ở vùng ĐBSH mặc dù đã qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng, song trừ những tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU được đào tạo về chuyên ngành luật và chuyên ngành gần chuyên ngành này, những tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU khác chỉ qua lớp học về quản lý nhà nước trong thời gian không nhiều, trong đó có nội dung về pháp luật. Vì vậy, trình độ của phần lớn tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU về pháp luật nói chung, hành chính nhà nước và CCHCNN nói riêng rất hạn chế và bất cập.

*Hai là*, một bộ phận cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng quản lý hành chính, về các nghiệp vụ CCHCNN, chưa tương xứng với yêu cầu lãnh đạo CCHCNN hiện nay.

Kết quả khảo sát về “Đội ngũ cán bộ các cơ quan ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn” cho thấy 40% số người được hỏi cho rằng chưa đáp ứng yêu cầu; 20% đánh giá bình thường, chỉ có 40% đánh giá tốt. Đối với “Đội ngũ cán bộ các cơ quan ủy ban nhân dân cấp huyện” cho thấy 36% số người được hỏi cho rằng



chưa đáp ứng yêu cầu; 22% đánh giá bình thường, chỉ có 36% đánh giá tốt. Đối với “Đội ngũ cán bộ các cơ quan ủy ban nhân dân cấp tỉnh” cho thấy 35% số người được hỏi cho rằng chưa đáp ứng yêu cầu; 30% đánh giá bình thường, chỉ có 35% đánh giá tốt. Nghị quyết số 04-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh Nam Định đánh giá “Đạo đức công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đạt yêu cầu phát triển của tỉnh, còn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho doanh nghiệp nghiệp và người dân” 89, tr1-2]... Một số tỉnh ủy viên giữ vai trò chủ chốt ở các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh chưa gương mẫu, trình độ, năng lực, phẩm chất chưa tương xứng với nhiệm vụ, quyền hạn được giao... Nhiều ủy viên cấp huyện, cấp cơ sở và cán bộ chính quyền chưa nhận thức sâu sắc và xác định đúng trách nhiệm của mình đối với CCHCNN và thể hiện bằng hành động cụ thể.

Bởi vậy, những cán bộ đó chưa tích cực cùng cấp ủy triển khai mạnh mẽ, quyết liệt các giải pháp CCHCNN trên địa bàn, thậm chí một số cán bộ đã có những biểu hiện ngại khó, ngại va chạm, né tránh trách nhiệm. Một số cơ quan, cán bộ chính quyền chưa thực sự coi CCHCNN là nhiệm vụ chủ yếu, đem lại lợi ích cho tất cả mọi người và chính mình nên chưa tích cực triển khai thực hiện các chủ trương, giải pháp CCHCNN của tỉnh ủy và Chính quyền tỉnh, huyện đôi khi còn có biểu hiện chờ đợi vào hướng dẫn cụ thể của Trung ương. Điều đó đã hạn chế không nhỏ đến kết quả lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy. Ví dụ như ở Vĩnh Phúc năm 2021 xếp thứ 5, năm 2022 xếp thứ 7 nhưng đến năm 2023 đã tụt xuống ở vị trí thứ 39 trên bảng xếp hạng kết quả CCHC sau một loạt vi phạm của những cán bộ, lãnh đạo đứng đầu tỉnh ủy, UBND và một số Sở, Ngành. Năm 2022 về xếp hạng và tỷ lệ điểm đạt tương ứng về chỉ đạo điều hành của Vĩnh Phúc (xếp thứ 56 - 79.95), cải cách thể chế (xếp thứ 46- 90.05), cải cách thủ tục hành chính (xếp thứ 62 - 93.69). Năm 2023, Công tác chỉ đạo điều hành 48/92.81; (%) Cải cách thể chế 62/85.35; (%).

*Ba là*, tổ chức bộ máy, cán bộ và chất lượng hoạt động của một số Sở, Ngành, cơ quan tham mưu, Ban Chỉ đạo CCHCNN tỉnh, phòng CCHCNN thuộc Sở Nội vụ, Phòng nội vụ huyện chưa đáp ứng tốt yêu cầu CCHCNN trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ như hiện nay.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy, huyện ủy và Ban Chỉ đạo

CCHC tỉnh, phòng CCHC thuộc sở nội vụ, phòng nội vụ huyện có vai trò rất lớn đối với chất lượng lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy, huyện ủy. Tuy nhiên, tổ chức, bộ máy, cán bộ và chất lượng hoạt động của nhiều cơ quan còn hạn chế, chưa đáp ứng tốt yêu cầu lãnh đạo CCHC của các cấp ủy. Khi hỏi về mức độ đáp ứng nhiệm vụ CCHCNN hiện nay của đội ngũ cán bộ các cơ quan ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ có 40.74% ý kiến cho rằng đáp ứng tốt, 34.26% bình thường và 25.00% hạn chế (phụ lục 23). Tâm lý cả nể, ngại va chạm, thậm chí né tránh, đùn đẩy trách nhiệm vẫn còn nặng nề trong đội ngũ CBCC kể cả CBCC chuyên trách về CCHC.

*Bốn là*, ở nhiều nơi, có lúc tỉnh ủy chưa phát huy mạnh mẽ và hiệu quả vai trò của nhân dân và doanh nghiệp trong lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy

Cải cách hành chính nhà nước ở các tỉnh vùng ĐBSH liên quan trực tiếp đến mọi hoạt động của người dân và doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, người dân và doanh nghiệp luôn quan tâm đến công việc này của các cơ quan hành chính của tỉnh, đặc biệt quan tâm đến sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN. Ở nhiều nơi, có lúc tỉnh ủy chưa thực sự quan tâm đến việc thu hút và phát huy mạnh mẽ, đạt hiệu quả vai trò của nhân dân và doanh nghiệp trong lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy. Vì vậy, chưa có nhiều giải pháp đem lại hiệu quả cao do nhân dân, doanh nghiệp đề xuất đối với tỉnh ủy về CCHCNN, nên chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công việc này hạn chế.

*Năm là*, năng lực lãnh đạo của nhiều cấp ủy cấp huyện, nhất là cấp xã và nhiều tổ chức đảng trong các cơ quan hành chính nhà nước chưa cao; trình độ về hành chính nhà nước và CCHCNN của không ít CBDV thấp, ảnh hưởng đáng kể đến kết quả lãnh CCHCNN của các cấp ủy.

Cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên trong các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh trực tiếp lãnh đạo các cơ quan này thực hiện nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về CCHCNN, có vai trò rất to lớn đối với kết quả CCHCNN trên địa bàn. Song, nhìn chung năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng này còn yếu, chưa thể hiện rõ, chưa quyết liệt thực hiện vai trò lãnh đạo CCHCNN trong cơ quan, đơn vị. Việc kiểm tra, giám sát của cấp ủy đối với việc thực hiện nghị quyết về CCHCNN của cơ quan hành chính, thực hiện nhiệm vụ của đảng viên là cán bộ trong cơ quan hành chính còn rất hạn chế,

nhất là giám sát đảng viên là cấp ủy viên cùng cấp và cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý. Cấp ủy cấp trên chưa thường xuyên kiểm tra cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan hành chính nhà nước và kiểm tra những đảng viên là cán bộ, công chức sinh hoạt trong tổ chức đảng về nhiệm vụ CCHCNN. Bởi vậy, chưa phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai lầm, khuyết điểm của cán bộ, công chức. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy.

*Sáu là*, nền hành chính trong thời kỳ thực hiện cơ chế hành chính, tập trung bao cấp ở nước ta còn tác động mạnh, chi phối hoạt động của một số cơ quan hành chính và nhiều tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU

Các tỉnh ở vùng ĐBSH là nơi thực hiện lâu nhất với thực hiện mạnh mẽ cơ chế hành chính tập trung bao cấp trước đây. Nền hành chính của miền Bắc trong thời kỳ thực hiện cơ chế này, trước đây vẫn còn chi phối khá mạnh mẽ hoạt động của một số cơ quan, cán bộ hành chính hiện nay và chi phối hoạt động nhiều tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU, trong đó có hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo CCHCNN ảnh hưởng nhất định đến chất lượng hiệu quả lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy.

### ***3.2.2.2. Những kinh nghiệm lãnh đạo cải cách hành chính của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng trong những năm qua***

*Một là*, tỉnh ủy nắm vững quan điểm chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và các chương trình, kế hoạch CCHCNN, năng động, sáng tạo trong lãnh đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN phù hợp điều kiện của tỉnh và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện

Để lãnh đạo CCHCNN đạt hiệu quả, trước hết tỉnh ủy, BTVTU phải nắm thật vững các quan điểm chỉ đạo của Đảng đối với CCHCNN; nhận thức sâu sắc rằng, CCHCNN đã được tiến hành liên tục, kiên trì từ năm 1986, khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới cho đến nay; các Đại hội Đảng, nhiệm kỳ Quốc hội, Chính phủ đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chương trình, kế hoạch về CCHCNN đạt kết quả đáng khích lệ.

Trên cơ sở nghị quyết đại hội, các tỉnh ủy, BTVTU đều ban hành nghị quyết chuyên đề đối với một số nội dung cụ thể của CCHCNN theo các chương

trình tổng thể CCHCNN để lãnh đạo thực hiện. Điều này, được thực hiện trên cơ sở phát huy tính năng động, sáng tạo trong lãnh đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN phù hợp điều kiện của tỉnh, tạo thuận lợi lớn và là yếu tố rất quan trọng để các tỉnh ủy ở ĐBSH lãnh đạo CCHCNN đạt hiệu quả.

*Hai là*, lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước theo một kế hoạch tổng thể, đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, với lộ trình hợp lý là yếu tố quan trọng hàng đầu bảo đảm cho việc lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy ở ĐBSH đạt hiệu quả.

Qua lãnh đạo CCHCNN đạt hiệu quả của các tỉnh ủy ở ĐBSH những năm qua, cho thấy, các tỉnh ủy đã ban hành nghị quyết về CCHCNN; trong các nghị quyết về phát triển KT-XH đều nhấn mạnh và coi trọng vai trò của CCHCNN, chỉ rõ yêu cầu phải đẩy mạnh CCHCNN, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công...; ban hành nghị quyết chuyên đề để đẩy mạnh CCHCNN như: Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/6/2021 của BCH đảng bộ tỉnh Nam Định về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và đầu tư giai đoạn 2021-2025. Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 12/8/2016 của BTVTU Ninh Bình về cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và tăng cường thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã thực hiện việc đánh giá CCHC thông qua các chỉ số mang tính định lượng cao: chỉ số CCHC (Par Index), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS), điều tra xã hội học ... đã xác định đúng khâu đột phá là xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, thực hiện chuyển đổi số để xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Vì vậy, đã có tác dụng to lớn thúc đẩy tiến trình CCHCNN ở tỉnh theo đúng hướng và đạt kết quả.

*Ba là*, xây dựng tỉnh ủy đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý, trong sạch, vững mạnh là nhân tố quyết định thắng lợi việc tỉnh ủy lãnh đạo CCHCNN.

Đội ngũ tỉnh ủy viên được bầu trong kỳ đại hội đại biểu toàn đảng bộ tỉnh, quyết định những vấn đề quan trọng ở tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội và mọi mặt của đời sống xã hội trong đó có công tác CCHCNN. Đội ngũ này, cơ bản là những người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong HTCT cấp tỉnh

(Đảng bộ tỉnh, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, MTTQ, Liên đoàn lao động, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh) và người đứng đầu các huyện, Sở, Ngành ở tỉnh. Họ là những người có năng lực, trải nghiệm thực tiễn phong phú qua nhiều vị trí việc làm, công tác, đồng thời cũng là người lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp công tác CCHCNN ở địa phương, cơ quan, tổ chức của họ. Cho nên năng lực, phẩm chất, uy tín của đội ngũ này là nhân tố quan trọng quyết định hiệu quả CCHCNN trên địa bàn tỉnh.

Cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh liên quan trực tiếp đến các cán bộ lãnh đạo, quản lý từ cấp tỉnh đến cơ sở và từng CBCC làm việc trong các cơ hành chính nhà nước và HTCT. Do đó, đòi hỏi tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phải thật bản lĩnh, quyết đoán, song cũng cần mềm dẻo, linh hoạt không chủ quan, nóng vội, cũng không được nửa vời, cầm chừng. Những sơ suất nhỏ trong xử lý các vi phạm, như: đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng; những tiêu cực, lợi ích nhóm, chủ nghĩa cá nhân trong công tác bố trí, sắp xếp, bổ nhiệm, thi tuyển cán bộ... sẽ dẫn đến những tâm lý lo âu cho cán bộ, công chức. Từ đó, họ suy giảm niềm tin, xói mòn dần văn hóa và các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của CBCC vốn là giá trị cao đẹp của cư dân vùng ĐBSH. Những tiêu cực này, nếu không được xử lý kịp thời, nghiêm minh sẽ cản trở không nhỏ kết quả lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy,

*Bốn là*, phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát và phản biện xã hội của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân ở địa phương; cổ vũ động viên các doanh nghiệp tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN yếu tố quan trọng để các tỉnh ủy ở ĐBSH lãnh đạo CCHCNN đạt hiệu quả.

Trong những năm qua, các cấp ủy ở tỉnh đã luôn coi trọng lãnh đạo xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy, cán bộ và nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ và các đoàn thể CT-XH trên từng địa bàn, phát huy có hiệu quả vai trò của các tổ chức này đối với sự lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy. Điều này được thể hiện rõ trong các hoạt động của MTTQ và các đoàn thể CT-XH như: tham gia vào các dự thảo nghị quyết của cấp ủy về CCHCNN, giám sát các hoạt động của các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ CCHCNN; phản biện xã hội đối với các chủ trương, giải pháp của các tổ chức

đảng, chính quyền về CCHCNN; phát hiện những cán bộ, công chức hành chính gây phiền hà, sách nhiễu dân và những biểu hiện tham nhũng, lãng phí của cán bộ, công chức hành chính... Những hoạt động này, đã góp phần rất quan trọng vào kết quả lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy ở ĐBSH.

*Năm là*, ngăn chặn và loại trừ hiệu quả sự tác động tiêu cực của cơ chế hành chính, tập trung, bao cấp đối với các cơ quan, cán bộ hành chính và cấp ủy cấp huyện xã sẽ tạo thuận lợi lớn cho việc lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy đạt hiệu quả.

Các tỉnh ở ĐBSH là những địa phương thực hiện lâu dài, sâu đậm cơ chế hành chính, tập trung, bao cấp trước đây. Những đặc trưng của cơ chế này, ăn sâu bám chắc vào các cơ quan, cán bộ, nhất là cơ quan và cán bộ hành chính các cấp trong tỉnh, không dễ loại trừ căn bản trong thời gian nhất định. Thực tế cho thấy, trong thời gian qua, những nơi ở vùng ĐBSH, tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện, cấp xã, coi trọng lãnh đạo ngăn chặn và loại trừ đạt hiệu quả sự tác động tiêu cực của cơ chế hành chính, tập trung, bao cấp đối với các cơ quan, cán bộ hành chính của mình, thì tỉnh ủy có thuận lợi và lãnh đạo CCHCNN đạt hiệu quả.

### **Tiểu kết Chương 3**

Qua nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, phân tích, chuyên đề đã chỉ ra được những hạn chế cơ bản bao gồm: Một là, hạn chế trong xây dựng, tổ chức thực hiện nghị quyết, chất lượng công tác tham mưu, ban hành nghị quyết về CCHCNN và lãnh đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, nhất là việc rà soát các nhiệm vụ, giải pháp và các nguồn lực thực hiện để đảm bảo tính khả thi. Hai là, việc lãnh đạo Mặt Trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể giám sát, phản biện các chính sách và công tác CCHCNN; lãnh đạo công tác truyền thông về CCHCNN; lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy và cơ quan kiểm tra cấp ủy về thực hiện nghị quyết về CCHCNN. Ba là, hạn chế trong đổi mới phương thức lãnh đạo, liên quan đến những nội dung mới của CCHCNN như xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số; đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo đủ năng lực, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Bốn là, hạn chế trong công tác

kiểm tra, giám sát của cấp ủy đối với người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Năm là, chưa lãnh đạo tốt việc cán bộ, đảng viên nêu gương chấp hành, thực hiện CCHCNN, người có chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, đi đầu, nêu gương chấp hành các nguyên tắc quản lý, quản trị, các quy định, chủ trương, chính sách CCHCNN, xây dựng văn hóa công sở, giữ gìn đạo đức công vụ. Sáu là, chưa tận dụng triệt để và hiệu quả kết quả chỉ số cải cách hành chính cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc lãnh đạo CCHCNN của các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan và cán bộ, đảng viên ở đó.

## Chương 4

### PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐỐI VỚI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THỜI GIAN TỚI

#### 4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐỐI VỚI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THỜI GIAN TỚI

**4.1.1. Dự báo những yếu tố thuận lợi và khó khăn tác động đến việc tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng đối với cải cách hành chính nhà nước thời gian tới**

##### *4.1.1.1. Những yếu tố thuận lợi*

*Một là*, hội nhập quốc tế được mở rộng và tăng cường, thành tựu của đất nước và vùng ĐBSH qua gần 40 năm đổi mới đã tạo ra thế và lực để các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH tăng cường lãnh đạo đối với CCHCNN

Hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ trong bối cảnh toàn cầu hóa. Vị thế, uy tín quốc tế và quan hệ ngoại giao của Đảng và Nhà nước ta với các nước lớn với các đảng cầm quyền trên thế giới được nâng tầm. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ đối tác chiến lược với nhiều quốc gia trên thế giới và đặc biệt là đã có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 7 nước trên thế giới, gồm Liên bang Nga, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và Australia. Đây là động lực to lớn để các tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh công cuộc CCHCNN với những cách làm sáng tạo hơn để phục vụ người dân, doanh nghiệp, tổ chức tốt hơn, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia để thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp nước ngoài, tăng cường ngoại giao, mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp trong nước ra quốc tế.

Qua gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử phát triển mạnh mẽ toàn diện trình nhiều mặt, lĩnh vực trong đó có lĩnh vực CCHC tạo động lực, khí thế mới, tinh



thần, khát vọng phát triển cho cán bộ, Nhân dân cả nước nói chung và các tỉnh ở vùng ĐBSH nói riêng. Kinh tế nước ta duy trì được tốc độ tăng trưởng bình quân khá cao khoảng 6%/năm [58, tr20]. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện kinh tế vĩ mô ổn định khá vững chắc; lạm phát được kiểm soát và duy trì ở mức thấp; các cân đối lớn của nền kinh tế tiếp tục được bảo đảm và có bước được cải thiện; kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước được tăng cường. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội tăng mạnh hiệu quả sử dụng được nâng lên. Năm 2020 trong bối cảnh đại dịch covid-19 tác động mạnh và gây nhiều thiệt hại về kinh tế xã hội, trong khi thế giới suy thoái tăng trưởng âm gần 4%, kinh tế nước ta vẫn đạt mức tăng trưởng 2.91%, là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới [58, tr23].

Theo Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022:

“Sau gần 40 năm đổi mới, tốc độ tăng trưởng kinh tế và sự phát triển của khu vực tư nhân tại Việt Nam đã khiến cả thế giới phải kinh ngạc. Hàng triệu người dân Việt Nam thoát nghèo và Việt Nam vươn lên trở thành quốc gia có thu nhập trung bình. Thương mại quốc tế và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam đã và đang đạt được kết quả ấn tượng, thậm chí đã vượt sóng COVID-19 thành công” [22, tr130].

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “*Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*” [58, tr.25]. Có được kết quả này, có sự đóng góp không nhỏ của những nỗ lực trong CCHCNN của các bộ, ngành ở Trung ương; các tỉnh, thành phố ở địa phương, trong đó có các tỉnh ở vùng ĐBSH. Những kết quả đó sẽ tiếp tục cổ vũ cho cán bộ, Nhân dân các tỉnh ở vùng ĐBSH tăng cường sự lãnh đạo để về đích sớm trên chặng đường chinh phục các mục tiêu mà Chương trình tổng thể CCHCNN quốc gia đề ra.

*Hai là*, các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của Đảng, Nhà nước về CCHCNN là cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng cho các tỉnh ủy ở ĐBSH xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ giải pháp CCHCNN, đồng thời cổ vũ mạnh mẽ cho quyết tâm CCHCNN hieehu quả hơn trong thời gian tới

Đảng đã có nhiều nghị quyết, trong đó Nghị quyết chuyên đề về cải cách hành chính nhà nước là Nghị quyết số 17-NQ/TW, ngày 1-8-2007 về đẩy mạnh

cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước” vẫn tiếp tục là căn cứ quan trọng để các tỉnh ủy, BTVTU quán triệt, chỉ đạo. Nghị quyết là cơ sở để các tỉnh xác định rõ mục tiêu làm căn cứ, cơ sở cho các cấp ủy, tổ chức đảng ở tỉnh xây dựng chương trình hành động, ban hành nghị quyết, và đặc biệt là xác định đúng mục tiêu, nhiệm vụ chính trị, giải pháp và lực lượng tham gia lãnh đạo CCHCNN ở tỉnh. Mặc dù nghị quyết ban hành đã 17 năm, đến nay nhiều cấp ủy viên, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức đã luân chuyển vị trí, CCHC đã được đổi mới, bổ sung, cụ thể hóa qua từng chương trình tổng thể, từng giai đoạn và từng năm, song các nội dung của nghị quyết vẫn nguyên giá trị và định hướng chính trị quan trọng, căn bản cho các tỉnh ủy khi quán triệt và đưa vào các chương trình, văn kiện đại hội đảng bộ tỉnh và các hội nghị cấp ủy tỉnh, huyện và xã về CCHCNN.

Ngoài các nghị quyết liên quan đến CCHCNN, Ban Chấp hành Trung ương còn ban hành nhiều nghị quyết, kết luận để chỉ đạo các tỉnh ủy lãnh đạo CCHC đảm bảo đúng định hướng như: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia; Nghị quyết số 18-NQ/TW, 25-10-2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25-10-2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp”; Nghị quyết số 28-NQ/TW về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới” và những quyết định, kết luận, nghị quyết khác như: Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Quy

định số 101-QĐ/TW ngày ngày 7 tháng 6 năm 2012 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Đặc biệt, Chính phủ đã ban hành Chương trình tổng thể CCHCNN giai đoạn 2021-2030.

Các nghị quyết của BCH Trung ương, Ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ là những điều kiện rất thuận lợi, là căn cứ chính trị và pháp lý quan trọng cho các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH đưa ra những định hướng cho CCHC ở tỉnh, xác định nội dung, phương thức lãnh đạo CCHCC phù hợp với bối cảnh tình hình mới.

*Ba là*, đại hội đảng bộ các cấp ở các tỉnh vùng ĐBSH tiến tới Đại hội XIV của Đảng sẽ tổng kết đánh giá hoạt động lãnh đạo của đảng bộ tỉnh và các cấp ủy lãnh đạo CCHCNN, rút ra những kinh nghiệm quý báu có kinh nghiệm CCHCNN sẽ được tỉnh ủy vận dụng trong lãnh đạo CCHCNN thời gian tới

Hiện nay các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSH đang chuẩn bị cho đại hội nhiệm kỳ tới 2025-2030. Chính vì vậy, thời gian từ nay đến khi diễn ra đại hội các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể về CCHC sẽ tiếp tục được đẩy mạnh, sự lãnh đạo của tỉnh ủy và các cấp ủy đảng sẽ được tăng cường. Đại hội là nơi tập trung trí tuệ của hàng vạn cán bộ, đảng viên; là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng và toàn diện. Với những ưu điểm, hạn chế mà các báo cáo kết quả CCHC đã chỉ ra, chắc chắn đại hội sẽ đề xuất được những phương hướng, giải pháp khả thi hơn, tập trung vào những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình tổ chức thực hiện và dự báo kết quả đạt được. Đại hội sẽ kiểm điểm đánh giá sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp, nhất là tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện, xã về mọi mặt trong đó có lãnh đạo CCHCNN để tìm đúng nguyên nhân, đúc rút những kinh nghiệm quý, có giá trị, bầu cấp ủy mới, nhất là tỉnh ủy khóa mới... Những kinh nghiệm này sẽ tiếp tục được ban chấp hành đảng bộ tỉnh khóa mới vận dụng có hiệu quả trong thời gian tới.

*Bốn là*, việc đánh giá kết quả, hiệu quả CCHC thông qua bộ chỉ số mang tính định lượng (PAR INDEX, SIPAS) của các tỉnh trong thời gian qua đã làm cho công tác lãnh đạo CCHC của các tỉnh ủy có nhiều thuận lợi đối với việc tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với CCHCNN

Trước đây, khi CCHC chưa thực hiện đánh giá theo kết quả, rất nhiều

khó khăn đặt ra cho các tỉnh ủy trong việc đánh giá, nhận định và đưa ra những định hướng đối với CCHC ở tỉnh. Từ khi đánh giá CCHC bằng bộ chỉ số mang tính định lượng, các ưu điểm, kết quả đạt được và hạn chế được phát hiện rõ và chính xác hơn, làm cơ sở quan trọng để tỉnh ủy đưa ra những kết luận và ban hành những nghị quyết cần thiết để lãnh đạo. Cũng nhờ việc đánh giá, xếp hạng CCHC, tỉnh ủy cũng dễ dàng đưa ra những đánh giá đối với các cấp ủy, chính quyền huyện về năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, kịp thời thay thế, luân chuyển các cán bộ không đáp ứng được yêu cầu công việc. Cũng thông qua kết quả CCHC hằng năm, tỉnh ủy cũng dễ dàng đưa ra chủ trương, quyết sách liên quan đến công tác cán bộ phụ trách CCHC, phân bổ các nguồn lực, nhất là tài chính cho CCHC, việc sử dụng ngân sách, chuyển đổi số, đào tạo bồi dưỡng CBCC cũng đạt chất lượng, hiệu quả cao hơn.

Các chỉ tiêu chuyển đổi số là một trong những tiêu chí trong tiêu chí thành phần Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số của Bộ chỉ số CCHC. Từ năm 2021 đến nay, trong bộ chỉ số đánh giá CCHC của UBND các tỉnh, thành phố đã có các tiêu chí về chuyển đổi số như phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức; phát triển ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ; phát triển các nền tảng cơ sở dữ liệu.

*Năm là*, cấp ủy, tổ chức đảng, MTTQ, các tổ chức CT-XH, đội ngũ CBĐV và nhân dân ở ĐBSH năng động, sáng tạo, tích cực thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong thời kỳ đổi mới, trong đó có CCHCNN

Cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và các tổ chức chính trị - xã hội ở vùng đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) đã thể hiện sự năng động và sáng tạo trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trong công cuộc cải cách hành chính công.

Nhờ vào sự đoàn kết, phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức, đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân đã đóng góp tích cực vào việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Họ không ngừng cải tiến quy trình làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin để cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, sự tham gia của nhân dân trong giám sát và phản biện cũng giúp tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, từ đó nâng cao hiệu quả của các chính sách công. Những nỗ lực này đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của người dân trong khu vực.

#### **4.1.1.1. Những khó khăn**

*Một là*, trình độ, năng lực, quyết tâm, nhận thức của các cấp ủy, cán bộ, đảng viên chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ của CCHCNN

Kết quả đạt được về lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát đối với công tác CCHC của cấp ủy cấp tỉnh ở vùng ĐBSH còn khá khiêm tốn so với những tiềm năng, lợi thế và những động lực đang có. Đặc biệt trong hai nhiệm kỳ vừa qua, nhiều lãnh đạo tỉnh, chính quyền bao gồm cả các đồng chí Bí thư, Nguyên Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, một số tỉnh ủy viên là người đứng đầu các sở, ngành vi phạm nghiêm trọng dẫn đến phải kỷ luật, cách chức, cho ra khỏi Đảng đã ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của đội ngũ CBCC. Trong những tâm lý mang tính tích cực như tham mưu, ban hành văn bản thận trọng hơn, tránh sai sót thì cũng có mặt trái là thời gian duyệt văn bản lâu hơn, cán bộ làm việc cầm chừng hơn.

*Hai là*, cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư có rất nhiều thách thức đối với tỉnh ủy ở vùng Đồng bằng sông Hồng nói riêng về lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước

Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ đặt ra rất nhiều thách thức bên cạnh những cơ hội đối với CCHCNN. Tuy nhiên CCHCNN là vấn đề rộng, nhiều nội dung, khó, phải liên tục được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp. Chủ thể chịu sự tác động của cải cách và đánh giá CCHC lại chính là CBCC. Mỗi năm, khi công bố chỉ số đánh giá CCHCNN, các cơ quan Trung ương lại đề cập những yêu cầu cao hơn đối với việc thực hiện các nhiệm vụ CCHCNN những năm tới. Đây là những khó khăn thách thức đối với tỉnh ủy. Để đảm bảo lãnh đạo toàn diện, tỉnh ủy cần phải có đội ngũ tham mưu giỏi về CCHCNN và thật am hiểu về quản lý nhà nước, quản trị quốc gia hiện đại, xây dựng nền hành chính trong bối cảnh hiện nay.

Trong khi đó, khối lượng công việc của các tỉnh ủy viên là rất lớn. Mặc dù được đi học, cập nhật, bồi dưỡng thường xuyên song thực tế chưa đáp ứng được yêu cầu của cách mạng thông tin, công nghệ và tốc độ chuyển đổi số, thay đổi phương thức quản lý, điều hành.

Trên thế giới thông thường các cuộc cải cách thường hướng đến thay đổi, điều chỉnh một nội dung, một yếu tố cấu thành của nền hành chính tùy theo từng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển của từng giai đoạn và ý chí của đảng cầm quyền. Tuy nhiên đặc thù ở Việt Nam chỉ có duy nhất Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền lãnh đạo, cho nên công cuộc cải cách muốn thành công phải tiến hành đồng bộ trên nhiều mặt, gắn liền với các cuộc cải cách khác. Vì vậy cần tiến hành đồng thời nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến cán bộ, công chức như: tinh giản biên chế, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sáp nhập các đơn vị hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, loại trừ quan liêu, tham nhũng; công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình ... Những vấn đề này đang tạo ra những áp lực không nhỏ đối với đội ngũ cán bộ, công chức nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp huyện và cấp xã. Đó là khó khăn không nhỏ đối với các tỉnh ủy.

*Ba là*, việc sáp nhập phường, xã, thị trấn; cấp huyện, tỉnh, thành lập đơn vị hành chính mới (xã, phường, cấp huyện, tỉnh) làm tăng quy mô, phạm vi hoạt động của các CQHC ở các tỉnh vùng ĐBSH, đòi hỏi rất cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, nhất là tỉnh ủy trong lãnh đạo CCHCNN những năm tới

Việc sáp nhập các đơn vị hành chính nêu trên sẽ được thực hiện trong những năm tới làm tăng quy mô, phạm vi, hoạt động của các CQHC. Trước những tác động của chính sách sáp nhập các ĐVHC, sắp xếp tinh gọn bộ máy các cơ quan trọng HTCT và CCHC hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp, không ít cán bộ, công chức đã xin thôi việc, rời nền công vụ. Một số có năng lực yếu, kém thì cũng vẫn chưa thực hiện tinh giản biên chế được ngay. Chuyển đổi số, ứng dụng CNTT diễn ra mạnh mẽ bên cạnh những ưu điểm cũng tạo ra một áp lực không nhỏ đối với các chính quyền và đội ngũ CBCC trong các cơ quan đó, nhất là về kỹ năng quản lý và vận hành công nghệ mới, đổi mới tư duy

và cách làm theo phương thức mới. Kiến thức, kỹ năng, năng lực làm việc trên môi trường số của cán bộ, công chức còn thiếu và yếu về nhiều mặt; cùng với đó là thói quen của người dân, khả năng sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của người dân còn chậm và rất hạn chế. Công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người dân thực hiện các phần mềm, ứng dụng, các dịch vụ công trực tuyến kém hiệu quả, chưa theo kịp yêu cầu, kể cả ở đô thị và nông thôn, đặc biệt là những huyện, xã miền núi... là những khó khăn đáng kể đối với sự lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy ở ĐBSH những năm tới

*Bốn là*, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận không nhỏ cán bộ tác động đáng kể đến việc lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước

Nhiều cán bộ, lãnh đạo, quản lý, đảng viên giữ chức vụ cao ở các tỉnh, tỉnh ủy vi phạm phải xử lý kỷ luật so duy thoái về chính trị tư tưởng, buông lỏng lãnh đạo, quản lý gây thất thoát tài sản, ảnh hưởng nghiêm trọng đến thành tựu CCHCNN đạt được trong thời gian qua. Việc điều động, luân chuyển, thay thế cán bộ, lãnh đạo, quản lý phụ trách và thực hiện công tác CCHC trong thời gian ngắn đôi khi cũng ảnh hưởng đến việc quản trị kết quả CCHC; lãnh đạo sơ kết, tổng kết, đánh giá CCHC của các tỉnh ủy. Cùng với đó là những tác động tiêu cực bởi các tư tưởng làm chần chừ, bao biện cho các lỗi sai, sợ sai, sợ trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy, lòng vòng, cục bộ, lợi ích nhóm, quyền anh, quyền tôi, không dám công khai các hoạt động của cơ quan, tổ chức ... vẫn còn tồn tại trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, cơ quan, tổ chức trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cấp tỉnh.

Sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức nghề nghiệp trong một bộ phận cán bộ chính quyền là vấn đề nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả lãnh đạo và quản lý ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng (ĐBSH). Những sai phạm này không chỉ dẫn đến việc xử lý kỷ luật của Đảng và Nhà nước, mà còn làm giảm lòng tin của người dân đối với chính quyền. Việc này tác động tiêu cực đến công cuộc cải cách hành chính công (CCHCNN), khi mà các cán bộ không còn đủ uy tín và năng lực để thực hiện nhiệm vụ của mình. Hệ lụy là các chính sách không được thực thi hiệu quả, gây cản trở đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

*Năm là, cách nghĩ, tầm nhìn của người nông dân sản xuất nhỏ; mặt tiêu cực của truyền thống làng xã, quan hệ huyết thống; cơ chế tập trung bao cấp ở ĐBSH còn chi phối, cản trở đáng kể việc lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy.*

Do cách nghĩ, tầm nhìn giới hạn cho nên nhiều chủ trương, chính sách rất đúng đắn được ban hành nhưng tổ chức thực hiện rất hạn chế, hiệu quả không cao. Theo Báo cáo PCI năm 2020, mặc dù môi trường kinh doanh đã có chuyển biến tích cực trong thời gian vừa qua nhưng chất lượng thực thi ở cấp huyện, thị xã và sở, ngành vẫn là một điểm nghẽn lớn. Kết quả PCI 2020 của Việt Nam cho thấy vẫn có tới 73,5% doanh nghiệp đồng ý với nhận định “Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành”. 60% doanh nghiệp cho biết “Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện” [22, tr9]. Nếu như năm 2021, khoảng 31,9% doanh nghiệp đánh giá “các sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố” thì giá trị này đã tăng lên mức 45,2% trong năm 2022. Tương tự, 50,4% doanh nghiệp trả lời khảo sát PCI 2022 cho rằng “chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố”, cao hơn đáng kể so với kết quả khảo sát năm 2021 (36%) [22, tr77].

#### **4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng đối với cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới**

Nghị quyết số 17-NQ/TW, ngày 1-8-2007 của Đảng “về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước” nêu quan điểm: “Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở các nghị quyết và nguyên tắc của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. [1]

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch” [57, tr176].

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, cũng đã nêu rõ 03 đột phá chiến lược để đến năm 2030 nước ta trở thành nước phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh



tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo,... Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo đột phá trong CCHC là một trong những phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để phát triển KT-XH đề ra trong Chiến lược. Để thực hiện nhiệm vụ này, cần:

Tập trung xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục thực hiện chương trình tổng thể CCHC và hiện đại hóa nền hành chính quốc gia. Hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền các cấp gắn với tinh giản biên chế, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả [58, tr286].

Nghị quyết Trung ương 6 khóa XIII của Đảng về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị”, xác định nhiệm vụ, giải pháp, trong đó có giải pháp về CCHCNN: “Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương; mở rộng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, giảm hội họp không cần thiết” [57, tr104].

Từ những điều nêu trên và xuất phát từ những khuyết điểm, hạn chế trong lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSH những năm qua, có thể xác định tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng này đối với CCHCNN thời gian tới, cần tập trung vào những hướng sau đây:

*Một là*, tạo chuyển biến căn bản về tư duy, nhận thức về CCHCNN cho các cấp ủy viên, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức và toàn thể Nhân dân, các lực lượng trên địa bàn tỉnh ở vùng ĐBSH

*Hai là*, xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận đúng đắn của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN trong thời gian tới, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện

*Ba là*, tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong CCHCNN

*Bốn là*, tập trung cao độ lãnh đạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính các cấp, đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy trong những năm tới.

*Năm là*, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát huy truyền thống yêu nước, trong nghĩa tình, hiếu học, sáng tạo của nhân dân vùng ĐBSH tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN

*Sáu là*, tăng cường lãnh đạo việc truyền thông chính sách và kết quả, kinh nghiệm lãnh đạo CCHCNN của các cấp ủy trong cả nước; công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với các cấp ủy và CBDV về thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN

## **4.2. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH ỦY VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐỐI VỚI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG NHỮNG NĂM TỚI**

**4.2.1. Nâng cao nhận thức đúng đắn, thống nhất và trách nhiệm của chủ thể lãnh đạo, các tổ chức trong hệ thống chính trị tỉnh, tổ chức có liên quan về sự cần thiết và việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với cải cách hành chính nhà nước hiện nay**

Đây là vấn đề quan trọng hàng đầu bảo đảm thắng lợi của việc tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở ĐBSH đối với CCHCNN trong những năm tới. Một điều như là chân lý đã được tổng kết, được lý luận và sáng tỏ, được thực tiễn chứng minh là: chỉ khi có nhận thức đúng đắn, thống nhất của một tập thể và xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên của tập thể đó, về công việc họ phải thực hiện, thì mới thể có hành động đúng đắn trong thực hiện và chắc chắn sẽ thực hiện thành công công việc đó.

Đối với tăng cường sự lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy ở ĐBSH trong những năm tới, càng cần nhận thức sâu sắc và thực hiện tốt việc nâng cao nhận thức đúng đắn, thống nhất của các tỉnh ủy viên, cấp ủy cấp huyện, xã; cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong hệ HTCT; đặc biệt là các uỷ viên BTVTU, cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính của UBND tỉnh, cấp huyện và cấp xã về sự cần thiết CCHCNN ở địa phương. Đồng thời nâng cao nhận thức thống nhất của các tổ chức, cá nhân này về vai trò của sự lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với CCHCNN và việc tất yếu phải tăng cường sự lãnh đạo ấy. Qua đó nâng

cao trách nhiệm của mình đối với tham gia đạt hiệu quả việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với cải cách hành chính nhà nước những năm tới. Để đạt được điều này, cần:

*Một là*, tiếp tục quán triệt trong các cấp ủy, cán bộ, đảng viên nội dung Nghị quyết Trung ương 5 khóa X của Đảng về CCHCNN, nội dung Chương trình quốc gia CCHCNN giai đoạn 2021 - 2030 để có chủ trương, giải pháp thực hiện thắng lợi.

Các cấp ủy cần tiếp tục quán triệt trong cấp ủy, cán bộ, đảng viên nội dung Nghị quyết Trung ương 5 khóa X của Đảng “về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lí của bộ máy nhà nước” (Nghị quyết số 17-NQ/TW, ngày 1-8-2007 của Đảng). Trong đó, cần nhận thức sâu sắc nhiệm vụ, giải pháp quan trọng hàng đầu cần thực hiện tốt bảo đảm cho Nghị quyết được thực hiện thắng lợi, được Nghị quyết xác định là: “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính”. Đồng thời, các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc nội dung CCHCNN trong Chương trình CCHC quốc gia giai đoạn 2021 - 2030.

Từ những chức năng, nhiệm vụ, vai trò của tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện, cấp xã cần tập trung nâng cao nhận thức trách nhiệm của các cấp ủy viên, để học có thể tham gia đạt hiệu quả vào việc xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, nhất là của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN, tạo thuận lợi cho việc thực hiện thắng lợi.

*Hai là*, tiếp tục quán triệt sâu sắc trong các tổ chức của HTCT, coi trọng các cơ quan, cán bộ, công chức hành chính của UBND tỉnh, cấp huyện, xã về nội dung Nghị quyết Trung ương 5 khóa X của Đảng về CCHC, Chương trình quốc gia CCHCNN giai đoạn 2021 - 2030 để họ tích cực tham gia thực hiện.

Các cấp ủy của đảng bộ tỉnh tiếp tục tổ chức quán triệt sâu sắc nội dung của Nghị quyết Trung ương 5 khóa X của Đảng về CCHCNN, nội dung Chương trình quốc gia CCHCNN giai đoạn 2021 - 2030 trong các tổ chức của HTCT, coi trọng việc quán triệt những nội dung này trong các cơ quan hành chính của UBND tỉnh, cấp huyện và cấp xã để họ tích cực tham gia thực hiện.

Cần phát huy mạnh mẽ vai trò của cán bộ, đảng viên, cấp ủy viên đã

được cấp ủy tổ chức quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nội dung của Nghị quyết Trung ương 5 khóa X của Đảng về CCHC, nội dung Chương trình quốc gia CCHCNN giai đoạn 2021 - 2030 trong thực hiện công việc này cán bộ, đảng viên, cấp ủy viên sẽ là lực lượng nòng cốt trong việc tiến hành các hoạt động tiếp tục quán triệt nội dung của Nghị quyết Trung ương 5 khóa X của Đảng về CCHC, nội dung Chương trình quốc gia CCHC giai đoạn 2021 - 2030 trong các tổ chức của HTCT, các cơ quan, cán bộ, công chức hành chính của UBND tỉnh, cấp huyện, xã. Có thể triển khai thực hiện công việc này, đối với các cơ quan, cán bộ, công chức hành chính của UBND tỉnh và các cơ quan, cán bộ, công chức hành chính của UBND cấp huyện bằng cách phối hợp thực hiện công việc này, đối với hai hoặc ba đơn vị cấp huyện trong tỉnh một cách phù hợp. Đồng thời, triển khai thực hiện công việc này, đối với MTTQ, các tổ chức CT- XH tỉnh và MTTQ, các tổ chức CT- XH từng đơn vị hành chính cấp huyện.

Cấp ủy cấp huyện lãnh đạo, chỉ đạo tiến hành công việc nêu trên đối với UBND và cán bộ, công chức UBND và MTTQ, các tổ chức CT- XH cấp xã. Có thể tổ chức thực hiện việc này, ở các phường của thị xã, thành phố một cách phù hợp. Đồng thời, tiến hành công việc này, ở các cụm xã trong huyện...

*Ba là*, đa dạng hóa hình thức, phương pháp nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT và nhân dân về CCHCNN và việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSH đối với CCHCNN những năm tới.

Cấp ủy các cấp, nhất là cấp ủy địa phương ở các tỉnh vùng ĐBSH (tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện, cấp xã) cần đa dạng hóa hình thức, phương pháp nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên, các các tổ chức trong HTCT và nhân dân về CCHCNN và việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN trong những năm tới. Đặc biệt, nâng cao nhận thức trách nhiệm của họ về những nội dung trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, nhất là trong những năm trước mắt của thời kỳ đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Các cấp ủy cần đưa việc quán triệt nâng cao nhận thức trách nhiệm của

các tổ chức trong HTCT, cán bộ, đảng viên về những nội dung nêu trên trong sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ thường kỳ, nhất là trong tổ chức sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề về CCHCNN; trong các hội nghị sơ kết hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng hằng năm, giữa nhiệm kỳ; qua các cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học; triển khai thực hiện các đề tài khoa học; qua các phương tiện truyền thông đại chúng, như báo chí, truyền hình, phát thanh; giao lưu, trao đổi học tập kinh nghiệm về lãnh đạo CCHCNN...

Ban tuyên giáo tỉnh ủy tăng cường chỉ đạo nâng cao chất lượng bản tin nội bộ, mở và nâng cao chất lượng chuyên mục CCHCNN trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh; hướng dẫn các cơ quan truyền thông đại chúng cấp huyện hoạt động hiệu quả về nội dung CCHCNN; quan tâm đến hoạt động của hệ thống phát thanh, truyền thanh ở các xã, thị trấn về CCHCNN. Coi trọng phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; nêu gương người tốt việc tốt; hướng dẫn thực hiện; phổ biến kinh nghiệm của các địa phương về CCHCNN; phê bình những tổ chức, các nhân có sai phạm; đấu tranh quyết liệt với những quan điểm sai trái về CCHCNN... Thực hiện tốt những việc này, sẽ có tác dụng to lớn đối với nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT và nhân dân về CCHCNN và việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSH đối với CCHCNN những năm tới.

*Bốn là*, phê phán nhận thức không đúng đắn về việc tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 5 khóa X của Đảng “về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước”.

Cần phê phán nghiêm khắc nhận thức không đúng đắn về việc tiếp tục đẩy mạnh quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT và nhân dân về nội dung của Nghị quyết Trung ương 5 khóa X của Đảng “về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước”. Qua đó, xác định chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp để thực hiện Nghị quyết đạt hiệu quả trong điều kiện hiện nay. Những nhận thức không đúng đắn của một số cán bộ, đảng viên cho rằng, Nghị quyết này, được ban hành, thực hiện hơn mười năm (14 năm, từ 2007 đến nay), không còn phù hợp với bối cảnh mới, cần có nghị quyết

mới thay thế và kết thúc hiệu lực của Nghị quyết này. Quan niệm như vậy, là chưa đúng; không phải đối với mọi nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị trong thời gian thực hiện nhất định đều phải xây dựng và ban hành nghị quyết mới thay thế; chỉ tiến hành việc này, trong những trường hợp và nghị quyết cụ thể thật cần thiết, bổ sung nhiều vấn đề mới.

Đối với Nghị quyết Trung ương 5 khóa X nêu trên, phần lớn nội dung của Nghị quyết vẫn còn nguyên giá trị. Những vấn đề mới xuất hiện trong thực tiễn về CCHCNN cần được Đảng lãnh đạo chỉ đạo thực hiện, đã được Đảng lãnh đạo, chỉ đạo đưa vào nội dung của Chương trình quốc gia về CCHCNN các giai đoạn để thực hiện. Chẳng hạn, trước đây chương trình quốc gia về CCHCNN gồm 5 nội dung, hiện nay Chương trình này, đã được bổ sung thêm một nội dung. Nghĩa là Chương trình quốc gia về CCHCNN hiện nay gồm sáu nội dung (thêm nội dung thứ sáu là, xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số).

*Năm là*, cấp ủy các cấp tập trung lãnh đạo việc quán triệt sâu sắc Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng trong tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT và nhân dân, liên hệ với tổ chức đảng, HTCT địa phương về những nội dung CCHCNN, tích cực đóng góp ý kiến về nội dung này.

Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 14-6-2024 về “đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng” và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên đang tích cực thực hiện Chỉ thị này, chuẩn bị tổ chức đại hội đảng bộ các cấp.

Các cấp ủy cần coi trọng lãnh đạo việc chuẩn bị báo cáo chính trị tại đại hội đảng bộ cấp mình, chú ý kiểm điểm việc tham gia của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên vào việc CCHCNN, dự thảo phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp tham gia thực hiện tốt CCHCNN trong nhiệm kỳ tới. Các cấp ủy đặc biệt coi trọng việc thảo luận, góp ý vào Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, trong đó có những nội dung về CCHCNN. Đồng thời, cấp ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tiến hành quán triệt và góp ý của MTTQ và các tổ chức CT-XH vào Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, trong đó có nội dung về CCHCNN.

Thực hiện tốt những công việc nêu trên, là thiết thực góp phần quan trọng

nâng cao nhận thức trách nhiệm của các cấp ủy viên, cấp ủy các cấp, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT của tỉnh về sự cần thiết CCHCNN và tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN là tất yếu hiện nay.

#### **4.2.2. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về cải cách hành chính nhà nước**

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Chính sách đúng là nguồn gốc của thắng lợi” [87.tr50]. Các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU là văn bản về những quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp về CCHCNN ở tỉnh [17.tr216]. Chất lượng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN đúng đắn khả thi là cơ sở và nhân tố rất quan trọng, là tiền đề, điều kiện tiên quyết và tạo thuận lợi cho việc thực hiện thắng lợi các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận ấy.

Để tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở ĐNSH đối với CCHCNN đạt hiệu quả, cần đặc biệt coi trọng việc nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN. Để đạt được điều này, cần:

*Một là*, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy về CCHCNN.

Cần làm cho cấp ủy, cán bộ, đảng viên hiểu rằng nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU là cơ sở để lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy ở tỉnh. Nghị quyết đúng là cơ sở để việc tổ chức thực hiện đạt kết quả và ngược lại. Nhận thức đúng về việc xây dựng và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN có chất lượng tác động rất lớn đến việc tổ chức thực hiện và kết quả CCHCNN.

Báo cáo chính trị tại đại hội XII của Đảng yêu cầu: Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng việc ban hành nghị quyết của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước. Nghị quyết phải thiết thực, ngắn gọn, khả thi; phải tính đến cân đối các nguồn lực và điều kiện bảo đảm triển khai thực hiện có hiệu quả; phân công trách nhiệm tổ chức, cá nhân, thời hạn hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp được

ghi trong nghị quyết” [54.tr216]. Nghị quyết số 28-NQ/TW cũng đã đưa ra quan điểm và định hướng yêu cầu: “Đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản của Đảng theo hướng đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, tính dự báo cao, bám sát thực tiễn. Chỉ ban hành văn bản mới khi thật sự cần thiết”. Do đó, các tỉnh ủy cần rà soát lại quy trình, tối giản các quy định, song cũng cần đổi mới và bổ sung thêm hướng dẫn hoặc quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng nghị quyết và các văn bản do tỉnh ủy, BTVTU ban hành, tiến tới ban hành tiêu chuẩn đánh giá các văn bản do các ban tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, cấp ủy huyện xây dựng, tham mưu, ban hành. Cũng như CCHCNN, từ khi có các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá việc CCHCNN đã có những chuyển biến rõ rệt. Nếu từ khâu xây dựng nghị quyết đã có các tiêu chuẩn làm thước đo, thì chất lượng các nghị quyết của tỉnh ủy sẽ chất lượng hơn.

*Hai là, nâng cao chất lượng các hội nghị tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy về thảo luận ra các nghị quyết, quyết định chỉ thị, kết luận về CCHCNN.*

Đây là vấn đề rất quan trọng, đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN có chất lượng, khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện đạt kết quả. Các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN được xây dựng và cuối cùng được quyết định tại các hội nghị tỉnh ủy, BTVTU trên cơ sở thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Để nghị quyết, quyết định chỉ thị, kết luận ấy, là sản phẩm của trí tuệ tập thể, cần đổi mới, nâng cao chất lượng các hội nghị tỉnh ủy, BTVTU để ra các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận về CCHCNN, thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ.

Rà soát và hoàn thiện cách thức, quy trình ban hành nghị quyết, văn bản của Đảng, trong đó có việc đổi mới cách thức, quy trình ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận đảm bảo nguyên tắc tính đảng và mục tiêu, phương châm của Đảng về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Quán triệt và thực hiện nghiêm phương châm: “chỉ ra nghị quyết khi thật cần thiết, không ra quá nhiều nghị quyết ở một nhiệm kỳ và ở một hội nghị” [8,tr133]. Từ thực tiễn lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy, thấy rằng, không nên có nhiều nghị quyết về CCHCNN với những nội dung không thực sự quan trọng, những nghị quyết như thế sẽ



khó đi vào cuộc sống, không được tổ chức quán triệt và thực hiện đến nơi, đến chốn, dẫn đến tình trạng tồn đọng nghị quyết không được thực hiện thực hiện ở địa phương và cơ sở.

*Ba là*, chỉ đạo chặt chẽ các cơ quan tham mưu trong việc xây dựng và thông qua chương trình hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, nhất là các cấp ủy cấp huyện về thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN

Trong thảo luận và thông qua chương trình hành động thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận về CCHCNN cần chia tổ thảo luận một cách hợp lý, có thể chia thành các tổ thuộc khối huyện và các sở, các ban tham mưu của tỉnh ủy...Tổ chức thảo luận một cách nghiêm túc, chọn những vấn đề liên quan trực tiếp đến địa phương, những vấn đề còn vướng mắc để tập trung chỉ đạo thảo luận và tìm giải pháp thực hiện có kết quả.

Coi trọng tiến hành công việc này đối với các cấp ủy, cán bộ, đảng viên, công chức ở xã, phường, thị trấn, nhất là cấp ủy và cán bộ trong cơ quan chính quyền cơ sở. Đối với các huyện nên tổ chức các lớp học theo các xã và mời chuyên gia, nhà khoa học về cải cách hành chính, lãnh đạo cải cách hành chính kết hợp cử đồng chí ủy viên ban thường vụ huyện ủy hoặc báo cáo viên trình bày những nội dung của nghị quyết về CCHCNN; cử đồng chí ủy viên ban thường vụ huyện ủy phụ trách cụm xã trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và giải đáp những thắc mắc của cán bộ, đảng viên.

*Bốn là*, nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy về CCHCNN

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ, và nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài thì chính sách có đúng mấy cũng vô ích” [8, tr133]. Lãnh đạo bằng nghị quyết là một phương thức đặc biệt quan trọng của tỉnh ủy. Tổ chức thực hiện nghị quyết giúp cho chủ trương, quan điểm được đi vào thực tiễn. Nghị quyết CCHC liên quan đến tất cả các ngành lĩnh vực, các cơ quan, tổ chức trong HTCT, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, người dân mỗi tỉnh và vùng. Đây phải là sản phẩm tập trung

được trí tuệ của cả các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp và Nhân dân. Muốn tổ chức thực hiện hiệu quả phải huy động được sự tham gia của đông đảo các tỉnh ủy viên, đảng viên, cán bộ, công chức chính quyền, tổ chức, đoàn thể, người đứng đầu các doanh nghiệp, tập đoàn và Nhân dân để tạo nên một sức mạnh tổng hợp. Đổi mới cách thức, quy trình ban hành các nghị quyết theo hướng phát huy cao nhất trí tuệ của các nhà khoa học, chuyên gia, người dân, doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội nghề nghiệp ... Đó cũng chính là phát huy sự tham gia bước đầu của việc tổ chức thực hiện, bởi đó chính là những người tuyên truyền rất hiệu quả. Đó chính là cách tốt nhất để phát huy sức mạnh của lòng dân, của tinh thần đoàn kết, góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết về CCHCNN của tỉnh ủy, BTVTU.

Thực hiện nghiêm nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 6 khóa XIII của Đảng về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với HTCT trong giai đoạn mới. Coi trọng thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp do Nghị quyết đề xuất: về đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của tỉnh ủy, BTVTU trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy về CCHCNN. Cần tập trung thực hiện tốt việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc của tỉnh ủy, BTVTU; quy định chặt chẽ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ, quy trình công tác, khắc phục tình trạng bao biện, làm thay, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, áp đặt hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy về CCHCNN.

**4.2.3. Xây dựng tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với cải cách hành chính nhà nước**

***4.2.3.1. Xây dựng tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với cải cách hành chính nhà nước***

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta (Cương lĩnh Bổ sung và phát triển năm 2011), khẳng định: “Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cách

mạng Việt Nam” [50, tr66]. Sự lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy ở ĐBSH là một bộ phận của sự lãnh đạo của Đảng cũng tuân theo khẳng định này. Để tăng cường sự lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy ở ĐBSH đạt hiệu quả cần tăng cường sự lãnh đạo đúng đắn của tỉnh ủy. Điều này, chỉ có thể đạt được nhờ việc xây dựng tỉnh ủy, BTVTU ở vùng này, đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN. Để đạt mục tiêu này, cần:

*Một là, xây dựng bộ tiêu chuẩn, tiêu chí để việc lựa chọn, quy hoạch, bổ nhiệm, sử dụng, đánh giá chất lượng tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU góp phần nâng cao chất lượng tỉnh ủy, BTVTU đáp ứng yêu cầu, tăng cường lãnh đạo CCHCNN*

Các quy định hiện hành về tiêu chuẩn đối với cấp ủy viên nhiệm kỳ mới nhìn chung đã cụ thể và bám sát yêu cầu thực tiễn. Song để đưa ra kết luận về tiêu chuẩn này quy trình thủ tục qua khá nhiều bước và thủ tục. Do đó trước bối cảnh cách mạng khoa học bùng nổ, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tâm lý học ... đang phát triển như vũ bão hiện nay, đòi hỏi về tiêu chuẩn cán bộ phải rất cụ thể. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ dạy, phải có khuôn khổ để lựa chọn cán bộ và phải theo đúng khuôn khổ đó. Cho nên phải định lượng, công khai tiêu chuẩn đối với từng vị trí lãnh đạo, quản lý, thiết kế và sử dụng kết hợp những bộ công cụ đo lường, đánh giá định lượng thay thế cho các quy trình đánh giá mang tính định tính hơn. Ví dụ: một năng lực rất cần thiết đối với một tỉnh ủy viên chắc chắn phải là nắm vững lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiến thức, kỹ năng, phương pháp về bảo vệ nền tảng của Đảng trong công cuộc cải cách hành chính; tư duy hệ thống trong CCHC, chỉ số vượt khó trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện CCHC; khả năng thấu hiểu; yếu tố tự học, tự rèn luyện, bồi dưỡng, vận dụng CCHC; phẩm chất đối với người lãnh đạo chính trị; lãnh đạo tạo ra sự chuyển biến, v.v... Đây là những năng lực cần thiết để thiết kế đưa vào các bài kiểm tra, đánh giá.

Sau khi thí điểm các bộ công cụ đó, tiếp tục nghiên cứu tích hợp các bộ công cụ đo lường, đánh giá và nhiều hình thức, phương pháp đánh giá trong một bộ công cụ khoa học, toàn diện, định lượng, khách quan. Đây chắc chắn là

nhu cầu, xu hướng và giải pháp căn cơ đối với công tác nhân sự của các nhiệm kỳ đại hội. Bởi nếu đề án nhân sự không đổi mới, vẫn theo lối cũ, chung chung thì công tác bầu cử, lựa chọn sẽ thiếu chính xác. Ngay từ khâu lựa chọn nhân sự đã thiếu chính xác thì quá trình sử dụng nhân sự sẽ gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, và dễ sai lầm.

*Hai là*, xây dựng tinh ủy, BTVTU về số lượng và cơ cấu hợp lý, trong đó chú ý bảo đảm cơ cấu, trình độ, kinh nghiệm của tinh ủy viên đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, tổ chức thực hiện các nội dung của CCHCNN.

Trước hết, cần bảo đảm số tinh ủy viên các nhiệm kỳ theo hướng dẫn và quy định của Đảng, phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh. Thông thường, khi chuẩn bị tổ chức đại hội đại biểu toàn quốc các nhiệm kỳ, Bộ Chính trị đều ban hành hướng dẫn về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhiệm kỳ tới. Trong đó xây dựng cơ cấu cấp ủy viên là nội dung hết sức quan trọng cần phải tiến hành thận trọng và hiệu quả. Hiện nay cải cách hành chính đã được các văn bản của Đảng xác định là nội dung, lĩnh vực quan trọng mà tinh ủy phải lãnh đạo và gắn trực tiếp với trách nhiệm của tinh ủy về mức độ, kết quả lãnh đạo tổ chức thực hiện CCHC.

Việc xây dựng cơ cấu phải tính đến ngay các nhân sự có khả năng đảm nhận tốt nhiệm vụ này và đưa vào đề án nhân sự. Cải cách hành chính chưa có chuyên ngành đào tạo từ đại học cho nên bằng cấp chỉ là một yếu tố, ngoài ra rất cần những yếu tố như kinh nghiệm trực tiếp phụ trách tổ chức thực hiện, lãnh đạo CCHC nói riêng, một số lĩnh vực khác nói riêng; hay về tư duy hệ thống, trình độ lý luận, bản lĩnh chính trị, trình độ, năng lực, kiến thức kỹ năng hành chính; xây dựng văn bản pháp luật; quản lý tài chính công là những yêu cầu đặc thù cần lưu tâm.

*Ba là*, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng về hành chính nhà nước, CCHCNN cho tinh ủy viên, ủy viên BTVTU đã bầu trong đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 và tổ chức thực hiện.

Ban thường vụ tinh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của mình, nhất là ban tổ chức tinh ủy tiến hành rà soát lại về

chuyên môn được đào tạo, bồi dưỡng, về lý luận chính trị và các chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực lãnh đạo CCHC để gửi các tỉnh ủy viên liên quan đến các nội dung của CCHC tham gia các lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực này. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có thể tổ chức lớp học này một cách hợp lý không nên kéo dài thời gian các lớp học ảnh hưởng đến công việc của cán bộ.

*Bốn là*, nâng cao năng lực tham gia xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN và năng lực tổ chức thực tiễn về lĩnh vực này của tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU

Từng tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU cần coi trọng vận dụng những kiến thức và kinh nghiệm công tác của mình vào việc tham gia xây dựng và thảo luận, quyết định những nội dung của các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về CCHC, các nội dung của CCHC và lãnh đạo thực hiện CCHC; đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả và chỉ số CCHC và thiết kế các công cụ đo lường, đánh giá năng lực lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHC, coi trọng tính tương quan đối với chỉ số CCHC và các chỉ số khác như PAPI, SIPAS. Coi trọng phát huy vai trò của các tỉnh ủy viên trong thảo luận, quyết định những nội dung về CCHCNN. Những tỉnh ủy viên là người đứng đầu các cơ quan chủ trì xây dựng kế hoạch CCHCNN cần thể hiện rõ vai trò nòng cốt và trách nhiệm của mình trong công việc này. Nhất là việc hệ thống hóa các văn bản có liên quan, chi phối các nội dung CCHC, các giải pháp trọng tâm nâng cao chỉ số CCHC một cách thực chất.

Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực thực tiễn về CCHC của tỉnh ủy viên ủy viên BTVTU. Cần tăng cường đưa cán bộ tham gia nghiên cứu, phân tích đánh giá thực tiễn về các nội dung của CCHC, mà trước hết qua các báo cáo, hồ sơ, minh chứng chấm điểm chỉ số CCHC; tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tổng kết công tác CCHC. Đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, học tập, trao đổi kinh nghiệm về CCHC giữa các tỉnh trong vùng ĐBSH, các huyện trong tỉnh và tỉnh khác trong vùng, nhất là tỉnh, huyện có các mô hình, sáng kiến đã áp dụng hiệu quả, nhất là ở Quảng Ninh. Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về kinh nghiệm lãnh đạo CCHC của tỉnh ủy Quảng Ninh và giải pháp áp dụng mô hình này.

*Năm là, cô vũ, động viên, tạo thuận lợi cho tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU, cán bộ chủ chốt phụ trách trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện CCHC nâng cao trình độ mọi mặt, nhất là trình độ công tác tuyên truyền về CCHC và các khoa học liên quan như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuyển đổi số*

Tỉnh ủy viên là người đứng đầu các sở liên quan đến sáu nội dung của CCHC cần tích cực, chủ động thực hiện tốt việc tự học tập, tự rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt, nhất là trình độ về CCHC nói chung và nội dung cụ thể của CCHC và các khoa học cần thiết liên quan đến công việc của mình, nâng cao năng lực công tác. Đồng thời, coi trọng việc tự học tập, tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị, đức đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh. Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng. Bởi vì, những cán bộ này là những cán bộ chủ chốt, có vai trò quan trọng đối với kết quả chỉ số CCHC.

Từng ủy viên là người đứng đầu các sở, ngành cần luôn đặt lên hàng đầu nhiệm vụ nêu trên, phải thật sự là những tấm gương mẫu mực về tự học tập, tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh đi liền với việc tự học tập, tự rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt, thực hiện tốt Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25-10-2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên để nêu gương trước cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

#### ***4.2.3.2. Xây dựng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với cải cách hành chính nhà nước***

Các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, được xác định gồm: văn phòng tỉnh ủy; ban tổ chức; tuyên giáo, dân vận, cơ quan UBKT, ban nội chính tỉnh ủy. Các cơ quan này, có vai trò rất quan trọng đối với hoạt động của tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSH nói chung, trong lãnh đạo thực hiện CCHC nói riêng. Trên thực tế, ở nhiều nơi những cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy nói chung, tỉnh ủy nói riêng được coi là “bộ óc thứ hai” của cấp ủy. Bởi vậy, tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với thực hiện CCHC ở ĐBSH phải xây dựng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy có chất lượng tốt. Để đạt được điều này, cần:

*Một là, quán triệt sâu sắc, nâng cao nhận thức đúng đắn thống nhất, Quy*

định số 04-QĐi/TW ngày 25-07-2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy, tạo cơ sở để thực hiện.

Quy định số 04-QĐi/TW nêu trên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy ở ĐBSH tuân theo quy định này. Tỉnh ủy, BTVTU cần lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, CB, ĐV nhận thức sâu sắc nội dung của Quy định này. Qua đó, nâng cao nhận thức sâu sắc, thống nhất trong tỉnh ủy, BTVTU và các tỉnh tổ chức, cán bộ có liên quan để thống nhất hành động thực hiện.

*Hai là*, tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với triển khai các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện CCHC

Tỉnh ủy, BTVTU tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về “tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị” [56, tr.238]. Trong đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy tinh, gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHC. Tiến hành công việc này, theo hướng có thể sáp nhập một số cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy; sáp nhập một số cơ quan này với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của UBND tỉnh một cách phù hợp và theo hướng dẫn của cấp trên; xác định rõ, cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan sau khi sáp nhập, không có những điểm trùng lặp với các cơ quan khác, làm cơ sở tiến hành công tác cán bộ của các cơ quan này bảo đảm chất lượng.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan đã được xác định, BTVTU xác định rõ phạm vi, nội dung liên quan đến CCHC của từng cơ quan tham mưu; lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của từng cơ quan và quy chế phối hợp các cơ quan tham mưu trong tham mưu, đề xuất cho tỉnh ủy về chủ trương, giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHC.

*Ba là*, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với nhiệm vụ CCHC

Tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, coi trọng cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHC. Tiến hành công việc này, theo nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”.

Trong xác định tiêu chuẩn cán bộ đưa vào quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan tham mưu, cần coi trọng các tiêu chuẩn: phẩm chất chính trị tốt, có bản lĩnh chính trị; trung thực, chân thực, công tâm. Có kiến thức thực tế, tri thức, kinh nghiệm trước hết là về lĩnh vực tham mưu, cần có kiến thức, kinh nghiệm về lĩnh vực CCHC; khách quan, tôn trọng và lắng ý kiến của cán bộ, công chức trong cơ quan, nhất là những ý trái với ý mình; có năng lực phát hiện vấn đề, phân tích, tổng hợp, đề xuất chủ trương, giải pháp về lĩnh vực tham mưu nói chung và về lĩnh vực CCHC.

*Bốn là*, chuẩn bị tốt và triển khai việc thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy; thực hiện tốt việc thu hút trọng dụng nhân tài vào làm việc ở các cơ quan này.

Thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan đơn vị trong HTCT là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước, đã và đang được thực hiện thí điểm ở nhiều cơ quan đơn vị trong HTCT các cấp, thu được kết quả và kinh nghiệm bước đầu. BTVTU cần nghiên cứu và chuẩn bị những điều kiện cần thiết để tổ chức thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy theo hướng dẫn của cấp trên khi có đủ điều kiện.

Thu hút trọng dụng nhân tài là chủ trương lớn của Đảng, đã được Nhà nước xây dựng ban hành “Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân



tài” và triển khai thực hiện trong cả nước. Tỉnh ủy, BTVTU ở ĐBSH cần quan tâm đến công việc này, có cách tiến hành, bước đi cụ thể ở các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy để tạo nguồn cán bộ lãnh đạo quản lý của các cơ quan tham mưu, giúp việc có chất lượng tốt.

**4.2.4. Đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan chính quyền của các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước của tỉnh ủy**

Chất lượng tổ chức, bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan chính quyền của các tỉnh ở ĐBSH từ tỉnh đến cấp xã có vai trò đặc biệt quan trọng đối với chất lượng, hiệu quả sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN. Tổ chức bộ máy các cơ quan chính quyền từ tỉnh đến cấp xã, nhất là các cơ quan hành chính là nơi diễn ra các hoạt động hành chính nhà nước ở địa phương và các hoạt động CCHCNN. Các cơ quan này, mà công kênh, chức năng, nhiệm vụ không rõ ràng, cụ thể, chồng chéo nhau sẽ gây nhiều phức tạp, tốn kém thời gian, chậm trễ việc giải quyết các thủ tục hành chính của doanh nghiệp và người dân, sẽ mất thời cơ ảnh hưởng lớn, thậm chí thất bại trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và người dân trong điều kiện hiện nay. Đội ngũ cán bộ công chức, viên chức các cơ quan này trực tiếp thực hiện các thủ tục hành chính và thực hiện những nội dung của CCHCNN. Năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ này kém sẽ gây nhiều phức tạp không đáng có, thậm chí tốn kém cho người dân và doanh nghiệp. Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy rằng: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [76, tr.269]; “Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém” [76, tr.273]. Điều này, hoàn toàn đúng đối với lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy ở ĐBSH. Bởi vậy, để tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy vùng này, đối với CCHCNN rất cần thực hiện tốt việc đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan chính quyền. Để đạt được điều này, cần:

*Một là*, cụ thể hoá tiêu chuẩn các chức danh cán bộ Chính quyền tỉnh. Xây dựng lộ trình thẳng tiến rõ ràng: Thiết lập hệ thống tiêu chí và lộ trình thẳng tiến cho cán bộ, công chức để khuyến khích sự phấn đấu và cống hiến.

Trên cơ sở tiêu chuẩn bộ máy nhà nước, chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh cán bộ chính quyền các cấp của tỉnh, tiêu chuẩn công chức nhà nước do Luật Cán bộ, công chức quy định, nhiệm vụ chính trị của địa phương và điều kiện cụ thể của tỉnh, yêu cầu CCHCNN, tiến hành cụ thể hoá tiêu chuẩn từng chức danh cán bộ chính quyền các cấp của tỉnh. Trong tiêu chuẩn chức danh cán bộ đã được cụ thể hóa, ngoài tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, cần nhấn mạnh tiêu chuẩn về trình độ đào tạo chuyên môn thuộc các ngành xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, luật, quản lý nhà nước, hành chính công, quản lý xã hội, tâm lý quản lý..., nghiệp vụ và năng lực hoạt động thực tiễn, thái độ đối với nhân dân, phong cách làm việc khoa học... Trên cơ sở yêu cầu công việc của chính quyền và yêu cầu xây dựng Chính quyền tỉnh cần định kỳ xem xét, bổ sung để tiêu chuẩn chức danh cán bộ Chính quyền tỉnh hoàn chỉnh hơn, sát hơn với tỉnh.

*Hai là*, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý chính quyền các cấp, tăng cường công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền.

Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý chính quyền các cấp của tỉnh ít nhất hai nhiệm kỳ và thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc, phương châm, quy trình quy hoạch cán bộ. Trong quy hoạch cần đảm bảo cơ cấu độ tuổi, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh cán bộ chính quyền, đảm bảo sự kế thừa, phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ.

Khắc phục tình trạng xây dựng quy hoạch các bộ lãnh đạo, quản lý chính quyền chỉ cho nhiệm kỳ trước mắt và tình trạng “quy hoạch treo”. Tạo sự liên thông trong công tác quy hoạch cán bộ giữa chính quyền các cấp; triển khai mạnh mẽ việc xây dựng quy hoạch cán bộ, công chức chính quyền kết hợp với xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý chính quyền thành một thể thống nhất. Hàng năm, cần rà soát bổ sung vào quy hoạch những cán bộ, công chức có triển vọng phát triển và đưa ra khỏi quy hoạch những người có sai lầm, khuyết điểm lớn và những người không thể tiếp tục phát triển. Không nhầm lẫn quy hoạch cán bộ với công tác nhân sự.

*Ba là, đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nhất là bồi dưỡng, cán bộ chính quyền, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng theo hướng đặt hàng, làm tốt công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý chính quyền các cấp.*

Cán bộ chính quyền các cấp của tỉnh khi được tuyển dụng thường phải đảm bảo các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, phẩm chất đạo đức...Tuy nhiên, để đáp ứng nhiệm vụ được giao họ cần được tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, nhất là tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cập nhật kiến thức. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo quy hoạch chức danh, coi trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trong quy hoạch và cán bộ đương chức bằng những phương thức thích hợp, nhất là đào tạo, bồi dưỡng trong thực tiễn và tự đào tạo, bồi dưỡng.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung bồi dưỡng cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức “vừa hồng, vừa chuyên”. Chú ý ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng những công chức trẻ là sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, hoặc có thành tích đặc biệt trong học tập, công tác, có mục tiêu lý tưởng trong sáng, tình nguyện phục vụ lâu dài trong các cơ quan của hệ thống chính trị ở địa phương theo hướng đặt hàng cơ sở đào tạo, bồi dưỡng. Tạo môi trường, động lực phấn đấu, rèn luyện cho cán bộ trẻ có đạo đức trong sáng, có triển vọng phát triển trong các cơ quan chính quyền, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu từng bước hiện đại hoá nền hành chính và quản trị quốc gia, quản trị địa phương vì hạnh phúc Nhân dân.

*Bốn là, tạo chuyển biến mạnh mẽ về công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý chính quyền các cấp.*

Luân chuyển cán bộ trong quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý chính quyền các cấp là vấn đề rất cần thiết nhằm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong thực tiễn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo chức danh quy hoạch, xây dựng dựng đội ngũ cán bộ chính quyền có chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu CCHCNN. Cần tập trung vào những vấn đề như:

Xây dựng kế hoạch luân chuyển một cách khoa học, có lộ trình. Thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình luân chuyển cán bộ theo quy định và hướng

dẫn chung của Trung ương. Xác định rõ mục tiêu, yêu cầu luân chuyển, không làm ô ạt, tràn lan, chạy theo số lượng. Chỉ luân chuyển cán bộ chính quyền trong quy hoạch, không nhằm lẫn luân chuyển cán bộ với điều động cán bộ để xử lý các tình huống trong công tác cán bộ. Không luân chuyển cán bộ bị kỷ luật, uy tín giảm sút, không đảm bảo tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực.

Làm tốt công tác tư tưởng để cán bộ được luân chuyển thông suốt về tư tưởng, tự giác và quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ mới. Cán bộ được luân chuyển phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định luân chuyển cán bộ. Chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết, nhất là ở nơi cán bộ được luân chuyển đến cả về tư tưởng và điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ tu dưỡng, rèn luyện và trưởng thành. Cấp ủy quản lý cán bộ cần thường xuyên theo dõi, giúp đỡ cán bộ luân chuyển, nhất là tháo gỡ kịp thời những khó khăn trong quá trình hoạt động của cán bộ.

*Năm là*, thực hiện nghiêm chỉnh các quy định và quy trình đề bạt, bổ nhiệm, tuyển dụng cán bộ chính quyền; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của cán bộ, công chức chính quyền.

Những cán bộ đủ tiêu chuẩn, điều kiện, đã qua luân chuyển, khi đề bạt, bổ nhiệm vào cương vị lãnh đạo, quản lý chính quyền phải được tiến hành dân chủ, đúng quy định của Đảng và Nhà nước. Trong lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý chính quyền, cần tạo ra sự cạnh tranh giữa các ứng viên. Nếu cán bộ dự kiến bổ nhiệm giữ chức vụ mới không được sự đồng ý của đa số thành viên của tổ chức có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm cán bộ, thì không bổ nhiệm.

Thực hiện chế độ thi tuyển cán bộ, công chức chính quyền một cách công khai, minh bạch về số lượng, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ. Tổ chức thi tuyển phải thực sự khoa học, khách quan, cạnh tranh lành mạnh, nghiêm trị đối với các hành vi tiêu cực. Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của cán bộ, công chức chính quyền phải chặt chẽ, chính xác. Những người làm việc ở các địa bàn, lĩnh vực dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng và những bộ phận trực tiếp tiếp xúc với nhân dân, giải quyết những thủ tục hành chính phải được chọn lựa kỹ càng, chọn mặt gửi vàng và thường xuyên rèn luyện, thử thách bản lĩnh

chính trị trước những cám dỗ. Điều quan trọng là chính quyền địa phương cần phối hợp với Học viện Hành chính Quốc gia để kiểm định tốt đầu vào công chức thông qua hệ thống các nội dung kiểm tra sát hạch trên các máy móc thiết bị hiện đại, như thiết kế các mô hình quản lý ảo, các tình huống trong lãnh đạo, quản lý, giao tiếp với Nhân dân của cán bộ, công chức ảo để làm các đề bài tuyển chọn cán bộ, công chức.

*Sáu là*, xây dựng văn hóa công vụ, tập trung nâng cao đạo đức công vụ, thu hút cán bộ có phẩm chất, kỹ năng số, năng lực số vào làm việc trong các cơ quan hành chính của các tỉnh

Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp có đúng đắn đến đâu nhưng không có những nhân lực đủ năng lực trình độ thì cũng không thể hiện thực hóa được theo yêu cầu. Do đó cần tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy và các tỉnh ủy viên cần thực hiện tốt việc xây dựng văn hoá công vụ, tạo ra môi trường làm việc, giao tiếp ứng xử văn minh, chuẩn mực, bình đẳng, thân thiện giữa các thành viên, giữa cơ quan chính quyền với nhân dân. Qua đó, rèn luyện phong cách làm việc của cán bộ, công chức theo yêu cầu CCHCNN.

#### **4.2.5. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng tham gia vào sự lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước của các tỉnh ủy**

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức CT- XH có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH khẳng định:

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước [42, tr. 86].

Để phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ

chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp tham gia vào sự lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh uỷ ở ĐBSH, cần:

*Một là*, nâng cao nhận thức cho các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH từ tỉnh đến cấp xã đối với CCHCNN.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, trước hết là tỉnh uỷ và các cấp uỷ, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của Đảng và Chính quyền cần nhận thức sâu sắc về vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đối với xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của dân, do dân, vì dân nói chung và xây dựng Chính quyền tỉnh, CCHCNN nói riêng. Nhận thức sâu sắc những nội dung nêu trên, các cấp uỷ, chính quyền, cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt thấy rõ, sự cần thiết phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia CCHC. Đó là cơ sở quan trọng để có những chủ trương, giải pháp đúng, phát huy có hiệu quả vai trò của các tổ chức này trong sự nghiệp CCHC của tỉnh và vùng.

*Hai là*, định hướng và tăng cường các hoạt động của MTTQ và các tổ chức CT-XH về trách nhiệm tham gia CCHCNN, đặc biệt chú trọng định hướng chính trị cho hoạt động của các tổ chức này trong tham gia CCHCNN ở địa phương và thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội về CCHCNN

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT - XH ở các tỉnh vùng ĐBSH cần nhận thức rõ vị trí, vai trò của mình trong thực hiện nghị quyết, quyết định chỉ thị, kết luận của tỉnh uỷ, BTVTU về CCHCNN; thấy rõ sự tham gia vào CCHCNN là trách nhiệm và quyền lợi của mình.

Các cấp uỷ đảng cần coi trọng tuyên truyền, giáo dục để các tổ chức này nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với sự nghiệp CCHCNN ở tỉnh và vùng. Đồng thời, tăng cường định hướng chính trị cho hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể trong tham gia vào quá trình CCHCNN theo đúng các quy định, Luật thực hiện Dân chủ ở cơ sở và quan điểm của Đảng. Các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh uỷ, BTVTU về CCHCNN cần được đổi mới, cụ thể hóa, lượng hóa rõ các nhiệm vụ CCHNN cho Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH. Từ đó động viên, khuyến khích, hướng dẫn cán bộ sáng tạo, đổi

mới cách làm, cách tổ chức, tuyên truyền, vận động các thành viên, đoàn viên, hội viên, nhân dân tham gia..

*Ba là*, thực hiện tốt việc lấy ý kiến của MTTQ và các tổ chức CT-XH trong tham gia xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận về CCHCNN của tỉnh ủy, BTVTU; các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của UBND và HĐND tỉnh về CCHCNN

Thông qua MTTQ và các tổ chức CT-XH để tổ chức lấy ý kiến của người dân trước khi ban hành các chỉ thị, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận về CCHCNN, nhất là những chủ trương, nghị quyết, quyết định có liên quan trực tiếp đến lợi ích của nhân dân. Tiếp thu ý kiến của MTTQ, các tổ chức CT-XH và người dân, tiến hành nghiên cứu một cách nghiêm túc để sửa đổi, bổ sung các dự thảo nghị quyết, quyết định, văn bản quy phạm pháp luật, để các dự thảo, văn bản đó hoàn chỉnh hơn.

Cần tổ chức một cách công khai, thực hiện một cách dân chủ để MTTQ và các tổ chức CT-XH tham gia giới thiệu những đảng viên có phẩm chất, năng lực vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và chính quyền. Đồng thời, phát hiện, tố cáo những cán bộ, đảng viên yếu kém, thoái hoá biến chất, tham nhũng để Đảng xem xét xử lý về kỷ luật đảng, chính quyền và theo pháp luật.

*Bốn là*, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của tỉnh ủy đối với công tác cán bộ của MTTQ và các tổ chức CT-XH

Mặt trận Tổ quốc và tổ chức CT-XH cần kiện toàn tổ chức, bộ máy khoa học, đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt có chất lượng. Các cấp ủy cấp tỉnh, nhất là cấp ủy ở các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy cần coi trọng lãnh đạo củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ của MTTQ và các tổ chức CT-XH, tập trung vào:

Lãnh đạo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của MTTQ và từng các tổ chức CT-XH phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ hiện tại, làm cơ sở cho việc kiện toàn tổ chức, bộ máy và tiến hành công tác cán bộ. Trong đó, cần quan tâm hơn đến các khâu của công tác cán bộ như: đổi mới công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, đặt công tác này trong tổng thể công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo đảng, chính quyền của các tỉnh, tạo sự liên thông

trong quy hoạch cán bộ của HTCT các cấp ở các tỉnh. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; luân chuyển cán bộ đoàn thể nhân dân không chỉ trong các đoàn thể mà mở rộng sang các tổ chức đảng, chính quyền. Tạo chuyển biến về chính sách và nâng cao chất lượng cán bộ MTTQ và các tổ chức CT-XH.

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức CT-XH phù hợp với các tầng lớp nhân dân để tập hợp đại đa số nhân dân vào các tổ chức thành viên của Mặt trận. Từ đó, tiến hành giáo dục đoàn viên, hội viên, đưa họ vào các phong trào hành động cách mạng và các hoạt động CCHCNN. Đảm bảo nghiêm túc, kỷ cương trong thực hiện quy chế làm việc của MTTQ và từng tổ chức CT-XH; quy chế phối hợp với chính quyền cùng cấp trong thực hiện nhiệm vụ CCHCNN ở từng tỉnh.

*Năm là*, phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của MTTQ, từng tổ chức CT - XH và nhân dân về CCHCNN ở địa phương

Thường xuyên động viên, khuyến khích, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức CT-XH đối với các hoạt động CCHCNN của các cơ quan chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức của UBND các cấp trong tỉnh, nhất là phản biện các văn bản của chính quyền các cấp về CCHCNN trước khi ban hành. Coi trọng phát huy vai trò giám sát của các tổ chức này đối với cán bộ, đảng viên, công chức trong thực thi công việc về CCHCNN.

Cấp ủy các cấp cần tạo thuận lợi khác để MTTQ và các tổ chức CT-XH thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức này. Trong đó, tập trung nâng cao trình độ mọi mặt của cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt của MTTQ và các tổ chức CT-XH.

*Sáu là*, thu hút các tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia vào quá trình lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy.

Lãnh đạo CCHCNN gắn liền với thực hiện tốt Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về cải cách thủ tục hành chính, giảm thời gian chờ đợi, giảm phiền hà cho nhân dân và doanh nghiệp. Coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, tinh thần, trách nhiệm của công chức trong thực thi công vụ. Qua đó, tạo thiện cảm và thu hút thu hút các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội xã hội, nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia vào quá trình lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy.



**4.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy; sự lãnh đạo, kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự quan tâm, tạo thuận lợi của các cơ quan, ban ngành Trung ương đối với các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng trong lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước**

***4.2.6.1. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với các cấp ủy, nhất là cấp ủy cấp huyện về thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về cải cách hành chính nhà nước***

Kiểm tra, giám sát là chức năng lãnh đạo của Đảng. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Muốn chống bệnh quan liêu, bàn giấy; muốn biết các nghị quyết có được thi hành hay không, thi hành có đúng không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện, chỉ có một cách, là khéo kiểm soát” (108, tr47]. Người còn giải thích lý do của kiểm soát rằng: “1. Có kiểm soát như thế mới biết rõ cán bộ và nhân viên tốt hay xấu; 2. Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các cơ quan; 3. Mới biết rõ ưu điểm và các khuyết điểm của các mệnh lệnh và các nghị quyết” (108, tr327]. Đối với CCHCNN ở các tỉnh vùng ĐBSH, công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy có vai trò đặc biệt quan trọng, điều này, được Đảng khẳng định: “*Lãnh đạo mà không kiểm tra, thì coi như không có lãnh đạo*” [54, tr123]. Để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với các cấp ủy, đội ngũ cán bộ, đảng viên về CCHCNN cần:

*Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về ý nghĩa, tầm quan trọng của kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy về CCHCNN*

Trước hết, tỉnh ủy, BTVTU phải nhận thức sâu sắc vai trò của công tác kiểm tra, giám sát; thường xuyên chỉ đạo cấp ủy các cấp đẩy mạnh công tác quán triệt, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cấp ủy, đơn vị, đảng viên, cán bộ, công chức về vai trò của công tác kiểm tra, giám sát nói chung và đối với việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN nói riêng. Các cấp ủy, ban thường vụ và của đồng chí bí thư cấp ủy cần gương mẫu và chịu trách nhiệm trước tỉnh ủy về vấn đề này.

Điều lệ Đảng hiện hành quy định: “Cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm

tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng” [50, tr.51]. Tỉnh ủy, BTVTU tăng cường lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, tập trung kiểm tra, giám sát các cấp ủy trực thuộc và những đảng viên là cán bộ diện BTVTU quản lý; lãnh đạo công tác kiểm tra của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy về thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về CCHC. Cần chú trọng bồi dưỡng, lựa chọn đội ngũ cán bộ kiểm tra và đảm bảo công tác kiểm tra theo đúng các nguyên tắc.

*Hai là*, thực hiện đúng nguyên tắc, xác định đúng nội dung cần tập trung kiểm tra, giám sát; xây dựng chương trình, kế hoạch và thực hiện nghiêm phương châm “giám sát phải mở rộng, kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm”

Tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo của tỉnh ủy đối với UBKT tỉnh ủy để xây dựng và thực hiện chương trình công tác kiểm tra, giám sát cả nhiệm kỳ ngay sau đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại, trong đó có kiểm tra, giám sát về thực hiện những nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN; kiểm tra, giám sát UBKT tỉnh ủy về thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát đã được xây dựng và thông qua; định kỳ sơ kết, tổng kết đúc rút kinh nghiệm về thực hiện, chỉnh sửa, bổ sung để chương trình, kế hoạch này hoàn chỉnh hơn. Đồng thời, tỉnh ủy, BTVTU trực tiếp tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát khi cần thiết, tăng cường kiểm tra giám sát và lãnh đạo UBKT tỉnh ủy thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; coi trọng kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và giám sát để phòng ngừa, ngăn chặn sai lầm, khuyết điểm từ khi mới manh nha.

*Ba là*, tổ chức các lực lượng kiểm tra khoa học, có chất lượng; xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát

Tiến hành công việc này theo hướng phân công các đồng chí đồng chí ủy viên ban thường vụ làm trưởng đoàn các cuộc kiểm tra, giám sát với sự tham gia của các đồng chí cấp ủy viên theo nhóm chuyên đề được phân công, lãnh đạo các sở, ngành tỉnh, phòng, ban của huyện, đại diện của và các đoàn thể CT-XH cùng cán bộ, chuyên viên của các ban xây dựng Đảng và UBKT. Qua đó

tạo được sức mạnh tổng hợp giúp cho tỉnh ủy và cấp ủy các cấp kiểm tra, giám sát toàn diện CCHCNN ở các địa phương, đơn vị. Phân công cấp ủy viên chịu trách nhiệm giám sát thường xuyên đối với đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới, phát hiện sớm những vấn đề còn vướng mắc hoặc thiếu sót, khuyết điểm để kịp thời chỉ đạo tháo gỡ hoặc chấn chỉnh, sửa chữa.

Các tỉnh ủy, BTVTU chỉ đạo việc xây dựng quy chế phối hợp giữa UBKT tỉnh ủy với các cơ quan, đơn vị giữ vai trò quan trọng trong thực hiện CCHCNN của tỉnh phố (như Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, MTTQ thành phố...). Đồng thời, chỉ đạo thực hiện nghiêm chỉnh quy chế này; coi trọng sơ kết, tổng kết kinh nghiệm và hoàn thiện quy chế.

*Bốn là*, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy đối với hoạt động giám sát, kiểm tra đối với các sở, ban, ngành của tỉnh và các huyện trong tổ chức thực hiện CCHC

Các sở, ban, ngành của tỉnh và các huyện là các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng kế hoạch và tham mưu cho UBND tỉnh, huyện các nội dung CCHC. Do đó, việc tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo Ban cán sự Đảng UBND tỉnh và phối hợp với HĐND tỉnh tập trung giám sát đối với các sở, ban, ngành của tỉnh thực hiện công tác tham mưu ban hành các văn bản, chương trình, kế hoạch CCHC nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa đúng, trúng theo tinh thần nghị quyết Trung ương 5 khóa VII nêu trên là rất quan trọng. Cần tổ chức giám sát sâu theo từng chuyên đề gắn với sáu nội dung, ba trọng tâm của cải cách hành chính.

*Năm là*, coi trọng lãnh đạo kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm soát các đầu mối công việc trong nội bộ các cơ quan hành chính; tăng cường lãnh đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của ban chỉ đạo CCHC ở các tỉnh

Lãnh đạo thanh tra công vụ nhằm định hướng chính trị đối với công tác, đảm bảo đúng nguyên tắc, mục tiêu, phương châm kiểm tra của Đảng. Các tỉnh ủy lãnh đạo UBND tỉnh quyết liệt chỉ đạo các sở, ngành, quận, huyện phải chủ động xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể để tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện CCHCNN đối với từng bộ phận, cá nhân; chủ động thành lập các tổ, ban chức năng để thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác CCHC. Khi có kết quả kiểm tra, giám sát, phải kịp thời báo cáo, tham mưu cho cấp ủy,

chính quyền về những ưu điểm, hạn chế để có thể đưa ra các biện pháp, giải pháp, khắc phục và đẩy mạnh công tác CCHC.

Công tác tự kiểm tra của các sở, ngành, địa phương thường xuyên tập trung vào những nội dung như: công khai thủ tục hành chính và công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp theo thẩm quyền trên địa bàn quản lý trong các lĩnh vực đất đai (cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), đầu tư, xây dựng; công khai, minh bạch thủ tục hành chính theo quy định, tạo môi trường thuận lợi cho cá nhân và tổ chức trong tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính.

***4.2.6.2. Tăng cường sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự quan tâm, tạo thuận lợi của các cơ quan, ban ngành Trung ương đối với các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng trong lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước***

Những quan điểm, chủ trương trên là động lực, là cơ sở quan trọng để các tỉnh ủy cụ thể hóa và có những đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm nhằm đạt được các mục tiêu nghị quyết đề ra trong quá trình lãnh đạo CCHC. Tuy nhiên đây cũng là những vấn đề lớn, tác động đến cả HTCT trên tất cả các lĩnh vực với phạm vi rộng lớn. Tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo CCHCNN chỉ có thể đạt kết quả, chất lượng tốt nhất khi có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Thực tế cho thấy, để có đội ngũ cán bộ lý luận chính trị vững vàng đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng của 10 đến 15 năm tới, phải bắt tay ngay vào xây dựng chương trình, kế hoạch dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lý luận. Đặc biệt ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong các cơ quan chuyên trách của Đảng, kiêm nhiệm công tác Đảng trong các đơn vị sự nghiệp, các giảng viên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, giảng viên lý luận chính trị. Đảng cần khẩn trương ban hành quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị. Coi trọng tạo môi trường dân chủ thảo luận, tranh luận khoa học, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo, phát huy trí tuệ của cá nhân và tập thể trong nghiên cứu lý luận chính trị. Khuyến khích các cấp ủy đảng tăng cường tổng kết thực tiễn về lãnh đạo CCHCNN ở địa phương, phát hiện những vấn đề mới nảy sinh, đề xuất kịp thời với các cơ quan nghiên cứu lý luận để làm sáng tỏ...

Sự phát triển của các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng trong những thập niên tới đòi hỏi phải nâng cao chất lượng quản lý của chính quyền tỉnh từng bước hiện đại hóa nền hành chính và xây dựng Chính quyền số, công dân số, kinh tế số. Vì vậy, tăng cường sự chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh ủy lãnh đạo CCHCNN đạt kết quả, Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần xem xét cho phép và tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh đẩy mạnh các chính sách đặc thù về thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài, những người có tài năng. Xây dựng các Trung tâm đổi mới sáng tạo gắn với chính sách đặc thù cho những người lãnh đạo, quản lý, những người làm việc sáng tạo.

Hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật của Chính phủ, trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan chính quyền, đẩy mạnh phân cấp giữa Trung ương và địa phương, giữa cơ quan Nhà nước thẩm quyền chung với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên từng lĩnh vực; tăng cường phân cấp quản lý cho địa phương các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công.

Tạo điều kiện thuận lợi cho UBND các tỉnh được quy định các mức trợ cấp phụ thêm trong khuôn khổ pháp luật và điều kiện ngân sách tỉnh sau khi được HĐND thông qua nhằm: thu hút nguồn nhân lực có tay nghề kỹ thuật và chuyên môn cao vào một số lĩnh vực, ngành nghề có hiệu quả kinh tế cao hoặc có nhu cầu ưu tiên phát triển của tỉnh; khuyến khích cán bộ, công chức đến làm việc tại những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và kém phát triển hoặc làm những công việc phức tạp, độc hại, hoặc làm việc tại phường, xã, thị trấn

Ngoài ra, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cần chú trọng đến các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chất lượng cao. Các hội thảo, hội nghị quốc tế do các Bộ, Ngành tổ chức nên tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để các cán bộ, công chức địa phương được tham dự, đặc biệt là hình thức trực tuyến. Ngoài ra cũng nên khuyến khích các học giả, nhà nghiên cứu, lãnh đạo tỉnh, ban ngành tổ chức, cá nhân, nhà khoa học, Thầy Cô giáo ở địa phương quan tâm tham dự, nhất là đối với các hội thảo còn nhiều chỗ trống và tổ chức trực tuyến. Bởi đó chính là một hình thức truyền thông chính sách tiết kiệm chi phí mà hiệu quả lại rất cao, tận dụng tối đa các nguồn lực và ngân sách nhà nước.

### Tiểu kết Chương 4

Từ việc làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo CCHCNN trong thời kỳ đổi mới hiện nay ở nước ta, khảo sát, đánh giá thực trạng các tỉnh ủy ở vùng này lãnh đạo CCHCNN trong những năm qua, chỉ ra ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và những kinh nghiệm, luận án xác định phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở ĐBSH đối với CCHCNN những năm tới, gồm: *Một là*, tạo chuyển biến căn bản về tư duy, nhận thức về CCHCNN cho các cấp ủy viên, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức và toàn thể Nhân dân, các lực lượng trên địa bàn tỉnh ở vùng ĐBSH. *Hai là*, xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận đúng đắn của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN trong thời gian tới, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. *Ba là*, tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong CCHCNN. *Bốn là*, tập trung cao độ lãnh đạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính các cấp, đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy trong những năm tới. *Năm là*, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát huy truyền thống yêu nước, trong nghĩa tình, hiếu học, sáng tạo của nhân dân vùng ĐBSH trong tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN. *Sáu là*, tăng cường lãnh đạo việc truyền thông chính sách và kết quả, kinh nghiệm lãnh đạo CCHCNN của các cấp ủy trong cả nước; công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với các cấp ủy và CBDV về thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.

Đồng thời, luận án đề xuất các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng này đối với CCHCNN trong những năm tới, trong đó coi trọng thực hiện tốt giải pháp có tính đột phá: đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan chính quyền các tỉnh ở ĐBSH đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy.

## KẾT LUẬN

Cải cách hành chính nhà nước ở các tỉnh vùng ĐBSH là vấn đề rất quan trọng tạo thuận lợi và thúc đẩy phát triển KT - XH. Thực hiện hiệu quả công việc này, sẽ góp phần to lớn vào sự phát triển, vững mạnh mọi mặt ở các tỉnh.. Song, CCHCNN ở các tỉnh chỉ có thể đạt được kết quả tốt, thể hiện rõ và khẳng định vai trò của mình khi được sự lãnh đạo đúng đắn của các tỉnh ủy và sự lãnh đạo ấy và ngày càng được tăng cường. Đây là vấn đề rất cấp thiết cần nghiên cứu, tìm giải pháp đồng bộ, khả thi.

Tỉnh ủy ở ĐBSH lãnh đạo CCHCNN là toàn bộ hoạt động của tỉnh ủy, BTVTU với sự tham gia của các tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tổ chức của HTCT, các tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong việc xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát để các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận ấy được thực hiện thắng lợi.

Trong những năm qua các tỉnh ủy ở ĐBSH đã nhận thức sâu sắc và luôn coi trọng lãnh đạo CCHCNN có nhiều ưu điểm và đạt kết quả to lớn, góp phần quan trọng vào sự phát triển mọi mặt của tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo CCHCNN, các tỉnh ủy vẫn còn những khuyết điểm, hạn chế. Các tỉnh ủy đã nhận rõ những khuyết điểm, hạn chế này, xác định nguyên nhân, tìm giải pháp phát huy ưu điểm khắc phục khuyết điểm, hạn chế. Qua quá trình các tỉnh ủy lãnh đạo CCHCNN trong những năm qua có thể rút ra những kinh nghiệm có giá trị: *Một là*, tỉnh ủy nắm vững quan điểm chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và các chương trình, kế hoạch CCHCNN, năng động, sáng tạo trong lãnh đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN phù hợp điều kiện của tỉnh và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. *Hai là*, lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước theo một kế hoạch tổng thể, đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, với lộ trình hợp lý là yếu tố quan trọng hàng đầu bảo đảm cho việc lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy ở ĐBSH đạt hiệu quả. *Ba là*, xây dựng tỉnh ủy đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý, trong sạch, vững mạnh là nhân tố quyết định thắng lợi việc tỉnh ủy lãnh đạo CCHCNN. *Bốn là*, phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát và phản biện xã hội của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân ở địa phương; cổ vũ động viên các doanh nghiệp tham gia

vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN yếu tố quan trọng để các tỉnh ủy ở ĐBSH lãnh đạo CCHCNN đạt hiệu quả. *Năm là*, ngăn chặn và loại trừ đạt hiệu quả sự tác động tiêu cực của cơ chế hành chính, tập trung, bao cấp đối với các cơ quan, cán bộ hành chính và cấp ủy cấp huyện xã sẽ tạo thuận lợi lớn cho việc lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy đạt hiệu quả.

Tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở ĐBSH đối với CCHCNN trong gian tới, phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, khả thi. Có thể nghiên cứu và thực hiện các giải pháp do luận án đề xuất: *Một là*, nâng cao nhận thức đúng đắn, thống nhất và trách nhiệm của chủ thể lãnh đạo, các tổ chức trong HTCT tỉnh, tổ chức có liên quan về sự cần thiết tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN hiện nay. *Hai là*, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN. *Ba là*, xây dựng tỉnh ủy, BTVTU các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN. *Bốn là*, đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan chính quyền của các tỉnh ở ĐBSH đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo CCHCNN của tỉnh ủy. *Năm là*, phát huy mạnh mẽ vai trò của MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT- XH, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân ở các tỉnh vùng ĐBSH tham gia vào sự lãnh đạo CCHCNN của các tỉnh ủy. *Sáu là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy; sự lãnh đạo, kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự quan tâm, tạo thuận lợi của các cơ quan, ban ngành Trung ương đối với các tỉnh ủy ở ĐBSH trong lãnh đạo CCHCNN./.



## **CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA NCS ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Cắt giảm những chứng chỉ bồi dưỡng mang tính hình thức.  
Kỳ 1. Quy định về các loại chứng chỉ bồi dưỡng đối với công chức, viên chức và những hạn chế, Tạp chí Xây dựng Đảng số 8-2021.
2. Cắt giảm những chứng chỉ bồi dưỡng mang tính hình thức.  
Kỳ 2. Những vấn đề đặt ra và giải pháp, Tạp chí Xây dựng Đảng số 9-2021.
3. Nhìn lại việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Tạp chí Xây dựng Đảng số 12-2021.
4. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.  
Kỳ 1. Phát huy vai trò và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và thể hệ trẻ để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Tạp chí Xây dựng Đảng số 5-2022.
5. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.  
Kỳ 2. Vận dụng tư tưởng V.I.Lê-nin và Hồ Chí Minh vào chống bệnh quan liêu, xây dựng chính phủ liêm chính, kiến tạo, Tạp chí Xây dựng Đảng số 6-2022.
6. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản của Đảng ở Tỉnh ủy Ninh Bình, Tạp chí Quản lý Nhà nước điện tử, đăng ngày 27/4/2023.
7. Giải pháp thu hút, trọng dụng cán bộ chuyên nghiệp, thực tài đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới, Tạp chí Quản lý Nhà nước điện tử, đăng ngày 22/6/2023.
8. Ý nghĩa của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh cải cách hành chính nhà nước hiện nay, Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, chuyên đề số 2, tháng 9 năm 2023.
9. Kinh nghiệm của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng trong lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước, Tạp chí Quản lý Nhà nước điện tử, đăng ngày 05/9/2024.
10. Một số kết quả cải cách hành chính nhà nước ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, Tạp chí Quản lý Nhà nước điện tử, đăng ngày 13/12/2024.
11. Tạo sự đột phá nâng cao nhận thức về cải cách hành chính nhà nước ở các Đảng bộ tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, Tạp chí Xây dựng Đảng điện tử, đăng ngày 14/12/2024.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu tham khảo trong nước

1. Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ (2016), *Tài liệu Hội nghị sơ kết công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015 và triển khai kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020*.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, *Nghị quyết số 17-NQ/TW, ngày 1/8/2007 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước*
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, *Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/01/2012, Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, *Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/01/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*.
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, *Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*.
7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*.
8. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp*.
9. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy*.
10. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *Nghị quyết của Bộ chính trị ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*.

11. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, *Quy định số 22-QĐ/TW Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.*
12. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, *Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.*
13. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, *Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.*
14. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao.*
15. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, *Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.*
16. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.*
17. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, *Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới”.*
18. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, *Kết luận số 45-KL/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.*
19. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, *Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*

20. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, *Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030*
21. Ban Tổ chức Trung ương (2008), *Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác tổ chức xây dựng Đảng*, Tạp chí Xây dựng Đảng.
22. Ban Tổ chức Trung ương (2008), *Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác tổ chức xây dựng Đảng*, Tạp chí Xây dựng Đảng.
23. Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2022. Nguồn: [file:///C:/Users/Admin/Downloads/uploads\\_VN-Bao-cao-dai-PCI\\_Bao-cao-PCI-2022.pdf](file:///C:/Users/Admin/Downloads/uploads_VN-Bao-cao-dai-PCI_Bao-cao-PCI-2022.pdf)
24. Bộ Chính trị (2018), *Quy định số 10-QĐ/TW ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*.
25. Bộ Nội vụ (2012), *Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án xác định chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*.
26. Bộ Nội vụ (2022), *Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2030"*
27. Bộ Nội vụ (2022): *Quyết định 362/QĐ-BNV ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ kèm theo Báo cáo chỉ số cải cách hành chính các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Par Index 2021)*.
28. Bộ Nội vụ (2022): *Quyết định 352/QĐ-BNV ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ kèm theo Báo cáo chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021*.
29. Bộ Nội vụ, Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam (2022): *Báo cáo chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022 (SIPAS 2022)*.
30. Bộ Nội vụ (2023), *Báo cáo chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương Par Index 2023*.

31. Bun-Thoong Chit-Ma-Ni (2011), *Đảng Nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.
32. Trần Thị Bình (2020), *Các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng lãnh đạo cải cách tư pháp giai đoạn hiện nay*, [Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Xây dựng Đảng Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Học viện CTQG Hồ Chí Minh].
33. Trương Hòa Bình (2019), *Tăng cường công tác tuyên truyền trong cải cách hành chính ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Cộng sản số 6-2019.
34. Chính phủ (2007), *Nghị quyết số 53/2007/NQ-CP ngày 7 tháng 11 năm 2007 về ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện nghị quyết hội nghị lần thứ năm ban chấp hành trung ương đảng khóa X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước*.
35. Chính phủ (2021), *Báo cáo số 128/BC-CP ngày 19/4/2021 về Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và định hướng giai đoạn 2021-2030*.
36. Chính phủ (2016), *Quyết định số 749 ngày 3/6/2020 về Phê duyệt Chương trình “Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.
37. Chính phủ (2021), *Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15-7-2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030*.
38. Chính phủ (2023), *Nghị quyết số: 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
39. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Ngô Thành Can, Đoàn Văn Dũng (2016), *Hành chính nhà nước và cải cách hành chính nhà nước*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
41. Trịnh Cư, Nguyễn Duy Hùng, Lê Văn Viên (2009), *Kinh nghiệm xây dựng đội ngũ cán bộ ở Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

42. Hạ Quốc Cường (Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc), (2004), *Không ngừng nâng cao trình độ lãnh đạo và trình độ cầm quyền, tăng cường năng lực chống tha hóa, phòng biến chất và chống rui ro*, bài viết trong Hội thảo lý luận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc: “Xây dựng Đảng cầm quyền - Kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Nguyễn Văn Cường (2011), *Cải cách hành chính tại một số quốc gia và kinh nghiệm vận dụng vào Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 12(197), tháng 6/2011.
44. Nguyễn Xuân Cường - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Trung Quốc: *Nhìn lại quá trình 40 năm cải cách, mở cửa*, Nguồn: <https://tcnn.vn/news/detail/41652/Trung-Quoc-Nhin-lai-qua-trinh40-nam-cai-cach-mo-cua.html>.
45. Nguyễn Thị Thanh Dung, Vong Thong Phengsavanh (2021), *Kết quả cải cách bộ máy hành chính nhà nước ở tỉnh Luông Pha Bang nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay*, Nguồn: <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/3410-ket-qua-cai-cach-bo-may-hanh-chinh-nha-nuoc-o-tinh-luong-pha-bang-nuoc-cong-hoa-dan-chu-nhan-dan-lao-hien-nay.html>
46. Hoàng Ngọc Dũng (2015), *Giải quyết khiếu nại hành chính trong công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.
47. Đoàn Văn Dũng (2020), *Nhìn lại 10 năm thực hiện cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020*, Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử, đăng ngày 30/6/2020.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, tập 3, Nxb Sự thật, HN, 1982,
49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Điều lệ Đảng thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên và lãnh đạo chủ chốt các cấp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về “tinh giảm biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*, Hà Nội, ngày 17/4/2015
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Văn kiện của Đảng và Nhà nước về cải cách hành chính*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, Hà Nội.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII*, Nxb CTQG Sự thật, HN, 2022.
58. Đảng Cộng sản Việt Nam (2024), *Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Bộ Chính trị về Chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên*.
59. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 2015.
60. Lương Khắc Hiếu (2016), *Hệ tiêu chí đánh giá năng lực lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay - Một cách tiếp cận mới*, [Tập chí Triết học, số 9 (304), tr.24-31]
61. Lương Khắc Hiếu (2008), *Nguyên lý công tác tư tưởng Tập I*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Nguyễn Ngọc Hiến (2001), *Các giải pháp thúc đẩy cải cách hành chính ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
63. Đỗ Thị Hoa (2021), *Cải cách thể chế hành chính Việt Nam trong bối cảnh thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*, Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử, đăng ngày 5/8/2021, Nguồn <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/08/05/cai-cach-the-che-hanh-chinh-viet-nam-trong-boi-can-thuc-thi-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi/>

64. Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, *Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của HĐND tỉnh về thông qua Chương trình CCHC tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2012-2020*;
65. Nguyễn Xuân Hưng (2016), *Các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng lãnh đạo thực hiện công bằng xã hội giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.
66. Hà Thị Thu Hương (2022), *Báo chí truyền thông về chính sách cải cách hành chính nhà nước Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
67. Phạm Thị Thùy Hương (2024), *Giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở tỉnh Quảng Ninh*, Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử, đăng ngày 5/3/2024, Nguồn <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/03/05/giai-phap-nang-cao-chat-luong-cong-tac-dao-tao-boi-duong-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-o-tinh-quang-ninh/>
68. Ngô Văn Hùng (2023), *Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh - Nhiệm vụ và giải pháp*, Tạp chí Cộng sản điện tử đăng ngày ngày 10-11-2023, Nguồn <https://tapchicongsan.org.vn/thanh-pho-ho-chi-minh/-/2018/853902/cong-tac-dao-tao%2C-boi-duong-doi-ngu-can-bo-tu-thuc-tien%20A0tinh-quang-ninh---nhiem-vu-va-giai-phap.aspx>
69. Học viện Hành chính Quốc gia (2002), *Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2001.
70. Lê Thị Minh Hà (2016), *Các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo chính quyền tỉnh hiện nay*, Luận án Tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước.
71. Nguyễn Hữu Hải (2016), *Cải cách hành chính nhà nước – Lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, HN, 2016.
72. Nguyễn Thị Hạnh (2012), *Một số vấn đề về đảng cầm quyền và đảng đối lập trong đời sống chính trị Hoa Kỳ*.
73. Hiến pháp năm 2013
74. Học viện Hành chính Quốc gia (2001), *Các giải pháp thúc đẩy cải cách hành chính ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.



75. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
76. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
78. Tuấn Minh (2024), *Chiến lược phát triển nhân tài ở Trung Quốc*, Tạp chí Xây dựng Đảng số 6-2024, tr61
79. Trần Đình Huỳnh, Nguyễn Thị Tô Uyên (2018), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước*, NXB Lý luận Chính trị.
80. Đăng Khoa (2023) Đăng Khoa, Kinh nghiệm cải cách hành chính ở một số nước, Tạp chí Xây dựng Đảng, tháng 4/2023
81. Nguyễn Thị Kim Ngân (2018), *Hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII*, Tạp chí Cộng sản 4-2018.
82. Lưu Ly (2024), Cơ chế kiểm soát quyền lực của một số quốc gia trên thế giới, Tạp chí Xây dựng Đảng số 7 -2024, tr64.
83. Nguyễn Hữu Nhân, *Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Khoa học chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
84. Niên giám Thống kê (tóm tắt) (2020), Nxb Thống kê, 2021.
85. Trần Thị Minh Ngọc (2020), *Cải cách hành chính công ở Việt Nam – thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Quản lý Nhà nước điện tử đăng ngày 23/4/2020, Nguồn: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/04/23/cai-cach-hanh-chinh-cong-o-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap/>.
86. Vũ Thị Nghĩa (2012), *Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.
87. Nguyễn Trọng Tân (2019), *Bắc Ninh: đẩy mạnh cải cách hành chính* Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử, đăng ngày 12/6/2019.
88. Tỉnh ủy Hải Dương, *Kết luận số 05-KL/TU ngày 07/10 năm 2016 của BCH Đảng bộ tỉnh Hải Dương về kết quả kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHCNN giai đoạn 2011-2020*.
89. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/2/2016 phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 – 2020*.

90. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030*.
91. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*
92. Tạp chí Lý luận chính trị số 3 – 2014, Vanlaty Khamvanvongsa, *Cải cách hành chính nhà nước ở Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào*, Nguồn: <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/835-cai-cach-hanh-chinh-nha-nuoc-o-cong-hoa-dan-chu-nhan-dan-lao.html>
93. Tạp chí Tổ chức nhà nước (2015): *Kinh nghiệm cải cách hành chính ở một số nước Châu Á*, đăng ngày 04/12/2015. Nguồn: [https://tcnn.vn/news/detail/21491/Kinh\\_nghiem\\_cai\\_cach\\_hanh\\_chinh\\_o\\_mot\\_so\\_nuoc\\_Chau\\_A](https://tcnn.vn/news/detail/21491/Kinh_nghiem_cai_cach_hanh_chinh_o_mot_so_nuoc_Chau_A).html
94. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp*.
95. Nguyễn Minh Tuấn, Khắc Việt (Đồng chủ biên), *350 thuật ngữ xây dựng Đảng*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2018.
96. Phạm Thị Thanh Trà (2023), *Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả*. Nguồn: [https://tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset\\_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/tiep-tuc-day-manh-cai-cach-hanh-chinh-nha-nuoc-dap-ung-yeu-cau-xay-dung-nen-hanh-chinh-dan-chu-chuyen-nghiep-hien-dai-hieu-luc-hieu-qua](https://tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/tiep-tuc-day-manh-cai-cach-hanh-chinh-nha-nuoc-dap-ung-yeu-cau-xay-dung-nen-hanh-chinh-dan-chu-chuyen-nghiep-hien-dai-hieu-luc-hieu-qua) đăng ngày 22.8.2023.
97. Lê Văn Thư (2015), *Các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo phát triển văn hóa – xã hội trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước.
98. Hồ Bá Thâm, Nguyễn Thị Hồng Diễm (2008), *Lực cản và động lực cải cách hành chính ở Thành phố Hồ Chí Minh*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
99. Hồ Bá Thâm (2008), *Lực cản và động lực CCHC ở thành phố Hồ Chí Minh*” NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

100. Nguyễn Trọng Thừa (2020), *Cải cách hành chính nhà nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
101. Nguyễn Trọng Thừa (2020), *Tăng cường sự tham gia của người dân trong quá trình thực hiện cải cách hành chính nhà nước ở nước ta*, Tạp chí Tổ chức nhà nước số 1/2020.
102. Trần Đình Thắng (2011), *Đảng Cộng sản Việt Nam với việc cải cách nền hành chính nhà nước*, NXB Chính trị Quốc gia.
103. Đoàn Trọng Truyền (2006), *Cải cách hành chính và công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
104. Thoong Băn Seng Aphone (2011) *Đảng Nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo giữ vững an ninh quốc gia trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.
105. Tỉnh ủy Ninh Bình, *Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 12/8/2016 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về cải cách thủ tục hành chính nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và tăng cường thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*.
106. Tỉnh ủy Nam Định, *Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/8/2016 của Ban BCH đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến đầu tư và thu hút đầu tư giai đoạn 2021-2025*.
107. Tỉnh ủy Ninh Bình, *Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 13/3/2018 của Ban Thường vụ tỉnh ủy Ninh Bình về tăng cường xây dựng và nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn tỉnh đến năm 2020*.
108. Tỉnh ủy Ninh Bình, *Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22/10/2020 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh về phát triển thành phố Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*.
109. Tỉnh ủy Ninh Bình, *Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tỉnh ủy Ninh Bình lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025*.
110. Tỉnh ủy Quảng Ninh, *Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban thường vụ tỉnh Quảng Ninh Về tăng cường hiệu quả, chất lượng quản lý và sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh*.
111. Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, *Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban thường vụ Về tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng đối với quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc*

112. Hoàng Phê (1992), *Từ điển Hán Việt từ nguyên*, NXb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
113. Hoàng Phê (1995) *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học.
114. Thang Văn Phúc, Nguyễn Thu Linh (2010), *Cải cách tiền lương công chức khâu đột phá của cải cách hành chính 2011-2020*, NXB Chính trị - Hành chính.
115. Thang Văn Phúc, Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thu Huyền (2004), *Hệ thống công vụ và xu hướng cải cách của một số nước trên thế giới*, Nxb Chính trị quốc gia.
116. Quốc hội khóa XIII, *Hiến pháp Cộng hòa XHCN Việt Nam (Hiến pháp sửa đổi, năm 2013)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
117. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015*
118. Quốc hội (2019), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung năm 2019*.
119. Quốc hội khóa XV, *Nghị quyết số: 81/2023/QH15, ngày 09 tháng 01 năm 2023 Quốc hội khóa XV về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050*.
120. Trương Vệ Quốc (2013), *Tập trung giải quyết vấn đề nổi cộm mà quần chúng nhân dân phản ánh gay gắt*
121. Hồ Xuân Quang (2008), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa từ năm 1996 đến năm 2006*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2008.
122. Phạm Thái Quốc (2018), *Cải cách hành chính công ở một số nước Châu Á và bài học cho Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội.
123. *Sách tra cứu các mục từ về tổ chức*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
124. *Sửa đổi lối làm việc*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
125. Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh (2022) *Báo cáo số 187/BC-SVN ngày 20/12/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh về kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*.
126. Sở Nội vụ tỉnh Thái Bình (2022), *Báo cáo số 2693/BC-SNV ngày 19/12/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Thái Bình về kết quả CCHC năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*.

127. Vũ Thanh Sơn (2024), *Kinh nghiệm các nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm việc trong môi trường quốc tế*, Tạp chí Xây dựng Đảng số 3-2024, tr61-65.
128. Nguyễn Thị Tố Uyên (2013), *Các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia.
129. UBND Huyện Vân Đồn, *Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 18/01/2023 của UBND Huyện Vân Đồn về Kế hoạch Cải cách hành chính huyện Vân Đồn năm 2023*
130. UBND Thành phố Uông Bí, *Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 16/01/2023 của UBND thành phố Uông Bí về triển khai thực hiện Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 04/11/2022 của HĐND tỉnh về một số giải pháp đẩy mạnh CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh gắn với chuyển đổi số của Uông Bí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*
131. UBND Tỉnh Bắc Ninh, *Kế hoạch số 575/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về cải cách hành chính tỉnh Bắc Ninh năm 2023.*
132. UBND tỉnh Hà Nam (2020), *Báo cáo số 96/BC-UBND ngày 30/6/2020 của UBND tỉnh Hà Nam về tổng kết chương trình tổng thể CCHNNN giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2021-2030.*
133. UBND tỉnh Hà Nam (2023), *Báo cáo số 238/BC-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023.*
134. UBND tỉnh Hà Nam (2023), *Báo cáo Kết quả công tác cải cách hành chính năm 2023, Phương hướng, nhiệm vụ năm 2024.*
135. UBND tỉnh Hải Dương (2020), *Báo cáo số 69/BC-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về tổng kết chương trình tổng thể CCHNNN giai đoạn 2011-2020 và phương hướng, nhiệm vụ tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2030.*
136. UBND tỉnh Hải Dương (2022), *Báo cáo số 140/BC-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2022 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 tỉnh Hải Dương.*

137. UBND tỉnh Hải Dương (2020) *Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 9/5/20217 của UBND tỉnh Hải Dương về tình hình sử dụng thông tin, kết quả các chỉ số PCI, PAPI tại tỉnh Hải Dương.*
138. UBND tỉnh Hải Dương (2016) *Báo cáo số 120/BC-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh Hải Dương về việc thực hiện công tác CCHC; tình hình triển khai Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; một số nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước thuộc Bộ tại tỉnh năm 2016*
139. UBND tỉnh Hải Dương (2023), *Báo cáo số 227/BC-UBND ngày 20/12/2023 về Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 tỉnh Hải Dương.*
140. UBND Tỉnh Hải Dương, *Kế hoạch số 4747/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hải Dương năm 2021.*
141. UBND Tỉnh Hải Dương, *Kế hoạch số 4347/KH-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về thực hiện cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025.*
142. UBND Tỉnh Hải Dương, *Kế hoạch số 3776/KH-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hải Dương năm 2023.*
143. UBND tỉnh Hưng Yên (2022), *Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2022*
144. UBND tỉnh Nam Định (2022), *Báo cáo số 359/BC-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Nam Định về công tác CCHC tỉnh Nam Định năm 2022*
145. UBND tỉnh Nam Định (2023), *Báo cáo số 375/BC-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Nam Định về công tác CCHC tỉnh Nam Định năm 2023*
146. UBND tỉnh Ninh Bình (2022), *Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình về tình hình và kết quả công tác CCHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*
147. UBND tỉnh Ninh Bình (2020), *Báo cáo số 82/BC-UBND ngày 01/7/2020 của UBND tỉnh Ninh Bình về tình hình triển khai tổng kết chương trình tổng thể CCHNNN giai đoạn 2011-2020, và đề xuất nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.*

148. UBND tỉnh Thái Bình (2020), *Báo cáo số 64/BC-UBND ngày 3/7/2020 của UBND tỉnh Thái Bình về tổng kết chương trình tổng thể CCHNNN giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2021-2030*
149. UBND tỉnh Quảng Ninh (2020), *Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về tổng kết công tác cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030.*
150. UBND tỉnh Quảng Ninh (2023), *Báo cáo số 358/BC-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh về kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024*
151. UBND tỉnh Quảng Ninh, *Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về ban hành Kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023.*
152. UBND tỉnh Vĩnh Phúc (2022), *Báo cáo số 388/BC-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về kết quả công tác CCHC tỉnh Vĩnh Phúc năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023.*
153. UBND tỉnh Vĩnh Phúc (2020), *Báo cáo số 160/BC-UBND ngày 30/6/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về tổng kết chương trình tổng thể CCHNNN giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2021-2030.*
154. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, *Quyết định số 2866/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025*
155. UBND Tỉnh Vĩnh Phúc, *Kế hoạch số 10130/KH-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về cải cách hành chính nhà nước năm 2018.*
156. UBND Tỉnh Vĩnh Phúc, *Kế hoạch số 10041/KH-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về cải cách hành chính nhà nước năm 2019.*
157. UBND Tỉnh Vĩnh Phúc, *Kế hoạch số 319/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về kế cải cách hành chính nhà nước năm 2023.*
158. Nguyễn Thị Vân (2018), *Kinh nghiệm cải cách hành chính ở tỉnh Quảng Ninh*, Tạp chí Quản lý Nhà nước điện tử đăng ngày 3/5/2018.

159. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
160. Lê Văn Yên (2009), *Kinh nghiệm xây dựng đội ngũ cán bộ ở Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

#### **Tài liệu tham khảo nước ngoài**

161. Ali Farazmand (2001), “*Administrative Reform in Developing Nations*”, Praeger Publisher.
162. Amita Singh (Ed.) (2006), “*Administrative Reforms: Towards Sustainable Practices*”, Publisher SAGE Publications Pvt. Ltd. Charlotte.
163. Alistair cole, glyn jones (2005), *Reshaping the State: Administrative Reform and New Public Management in France* Tạp chí Governance, Tập 18, số 4, năm 2005, Trang 567-588 - <https://doi.org/10.1111/j.1468-0491.2005.00292.x>
164. B. Guy Peters and Jon Pierre, Politicians, *Bureaucrats and Administrative Reform*, Taylor & Francis e-Library, 2008.
165. Caiden, G.E. (1969), *Administrative Reform (1st ed.)*. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781315083032>
166. Denis Saint-Martin (1998), *Management Consultants, the State, and the Politics of Administrative Reform in Britain and Canada* <https://doi.org/10.1177/0095399798305003>.
167. European Journal of Political Economy (2017), *Reforming the public administration: The role of crisis and the power of bureaucracy*, Volume \_\_\_\_\_48, June 2017, Pages 128-143, <https://doi.org/10.1016/j.ejpoleco.2016.08.004>.
168. Jerri Killian, Niklas Eklund (2008), “*Handbook of Administrative Reform: An International Perspective*”.
169. Khai Leong Ho (2006), “*Re-Thinking Administrative Reforms in Southeast Asia*”.
170. Florida Atlantic Ali Farazmand (2001), “*Administrative Reform in Developing Nations*”, Praeger Publisher. David Osborne và Ted Gaebler, sách tham khảo, Nxb CTQG - ST, H.1997, tr.381-383.
171. Tom Christensen, Lisheng Dong, Martin Painter, Richard M. Walker (2012), *Imitating the West? Evidence on Administrative Reform from the*



- Upper Echelons of Chinese Provincial Government*, Public Administration Review, Volume 72, Issue 6, November/December 2012, Pages 798-806, <https://doi.org/10.1111/j.1540-6210.2012.02582.x>.
172. Vanlaty Khamvavongxa (2015), *Cải cách bộ máy hành chính nhà nước cấp trung ương ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.
173. Quan Wang, Indiana University Bloomington (2010), *Administrative Reform in China: Past, Present, and Future* Tạp chí Đông Nam Á về Nghiên cứu Châu Á Tập 32 (2010), trang 100–19, i, tác giả, Đại học Indiana Bloomington (Southeast Review of Asian Studies Volume 32 (2010), pp. 100–19.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1

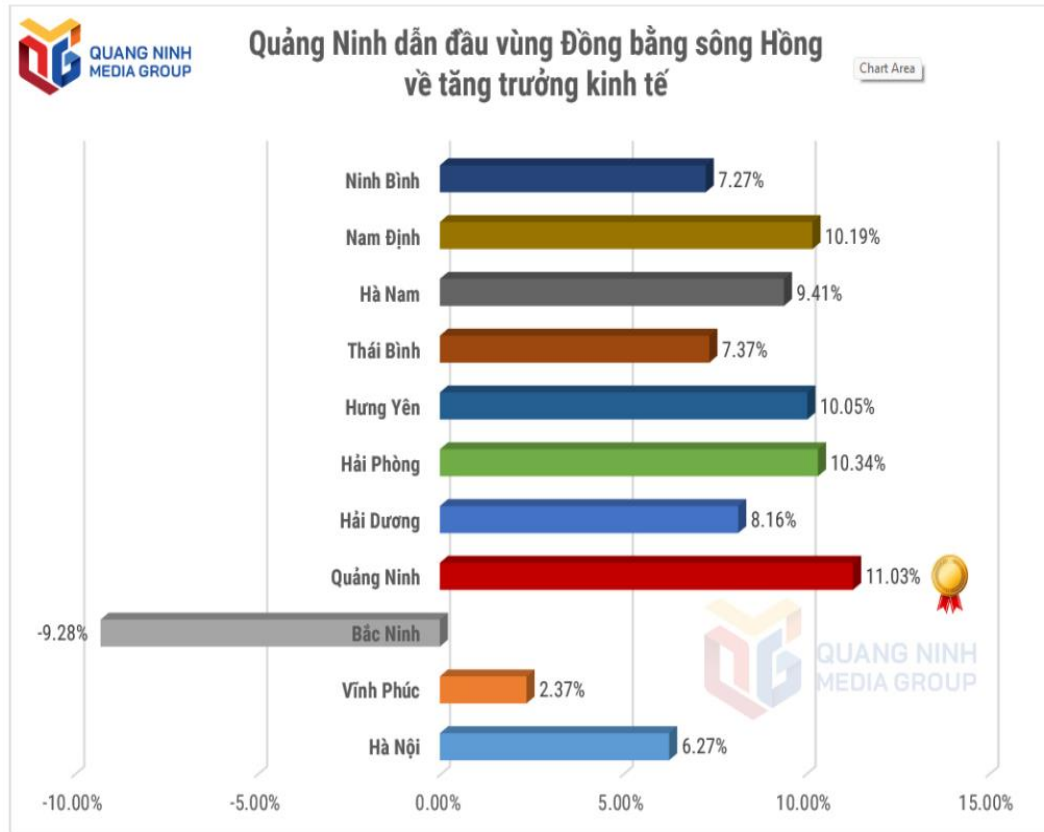
#### DIỆN TÍCH, DÂN SỐ, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CÁC TỈNH Ở ĐBSH VÀ ĐÔNG NAM BỘ NĂM 2022

TT	Địa phương	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Dân số trung bình (nghìn người)	Mật độ dân số (người/km <sup>2</sup> )
1	Quảng Ninh	6178.2	1337.6	217
2	Bắc Ninh	822.7	1419.1	1725
3	Vĩnh Phúc	1235.9	1171.2	948
4	Hung Yên	930.2	1269.1	1364
5	Ninh Bình	1386.8	993.9	717
6	Hà Nam	861.9	861.8	1000
7	Nam Định	1668.6	1780.3	1067
8	Thái Bình	1586.4	1870.3	1179
9	Hải Dương	1668.2	1916.8	1149
<b>Tổng/Trung bình</b>		<b>16338.9</b>	<b>12620.1</b>	
<b>Vùng đồng bằng sông Hồng</b>		<b>21260.8</b>	<b>22920.7</b>	

*Tác giả tổng hợp và tham khảo từ Nguồn: Niên giám thống kê tóm tắt năm 2020, NXB Thống kê*

## Phụ lục 2

### TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CÁC TỈNH ĐBSH NĂM 2023



TT	Các tỉnh vùng ĐBSH	Tăng trưởng kinh tế
1	Quảng Ninh	11.03%
2	Bắc Ninh	-9,28%
3	Vĩnh Phúc	2.37%
4	Hưng Yên	10.05%
5	Ninh Bình	7.27%
6	Hà Nam	9.41%
7	Nam Định	10.19%
8	Thái Bình	7.37%
9	Hải Dương	8.16%

(Nguồn: Cổng thông tin điện tử Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh, <https://mongcai.gov.vn/vi-vn/tin/grdp-2023-cua-quang-ninh-dat-1103-dan-dau-vung-dong-bang-song-hong-ve-tang-truong-kinh-te-p24021-c85594-n731541>)

### Phụ lục 3

#### Kết quả CCHC – PAR INDEX các tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSH năm 2022

TT	Tỉnh	Điểm thẩm định (61.50)	Điểm đánh giá tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được/Chỉ số tổng hợp (Par Index 2022)	Xếp hạng trong cả nước	Xếp hạng trong vùng
			Chỉ số SIPAS (10)	Khảo sát lãnh đạo, quản lý (22)	Tác động đến PT KTXH (6.50)			
1	Quảng Ninh	58.09	9.08	18.51	6.50	92.18	1	1
2	Hải Phòng	57.22	8.88	20.04	5.74	91.87	2	2
3	Hà Nội	58.60	8.37	18.55	5.91	91.43	3	3
4	Ninh Bình	56.73	8.24	18.22	5.53	88.72	11	4
5	Hải Dương	54.64	9.34	18.33	5.53	87.84	22	5
6	Hưng Yên	56.23	8.91	17.95	4.30	87.38	26	6
7	Nam Định	58.30	7.58	17.91	3.25	87.32	29	7
8	Hà Nam	57.17	8.25	18.13	3.75	87.30	30	8
9	Thái Bình	56.03	8.59	17.87	4.00	86.49	38	9
10	Vĩnh Phúc	55.11	8.32	18.51	4.50	86.44	39	10
11	Bắc Ninh	55.97	7.73	16.91	4.00	84.61	55	11
<b>Trung bình vùng ĐBSH</b>		<b>56.73</b>	<b>8.50</b>	<b>18.26</b>	<b>4.82</b>	<b>88.33</b>		
<b>Trung bình các tỉnh</b>		<b>56.47</b>	<b>8.47</b>	<b>18.03</b>	<b>4.59</b>	<b>87.58</b>		
<b>Trung bình của cả nước</b>		<b>56.00</b>	<b>8.29</b>	<b>18.15</b>	<b>4.54</b>	<b>86.98</b>		

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo chỉ số cải cách hành chính PAR INDEX năm 2023 của Bộ Nội vụ)

#### Phụ lục 4

#### Giá trị trung bình chỉ số CCHC theo vùng kinh tế - xã hội từ năm 2020 đến năm 2023

Các vùng kinh tế - xã hội	Năm			
	2020	2021	2022	2023
Đồng bằng sông Hồng	85.51	87.58	86.62	88.33
Đông Nam Bộ	84.94	86.06	84.74	87.79
Trung du miền núi phía Bắc	83.80	87.04	85.00	87.72
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	82.29	86.45	84.25	86.82
Đồng bằng sông Cửu Long	83.28	84.96	84.43	85.42
Tây Nguyên	83.27	85.63	83.51	85.42

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo chỉ số cải cách hành chính PAR INDEX năm 2023 của Bộ Nội vụ)

**Phụ lục 5.**  
**Kết quả CCHC – PAR INDEX các tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSH năm 2022**

TT	Tỉnh	Điểm thăm định (61.50)	Điểm đánh giá tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được/Chỉ số tổng hợp (Par Index 2022)	Xếp hạng trong cả nước	Xếp hạng trong vùng
			Chỉ số SIPAS (10)	Khảo sát lãnh đạo, quản lý (22)	Tác động đến PT KTXH (6.50)			
1	Quảng Ninh	57.85	8.83	17.92	5.5	90.1	<b>1</b>	<b>1</b>
2	Vĩnh Phúc	54.88	7.38	18.93	6.26	87.45	<b>7</b>	<b>2</b>
3	Hưng Yên	54.95	8.55	17.16	6.18	86.83	<b>12</b>	<b>3</b>
4	Ninh Bình	55.49	8.17	17.57	5.4	86.64	<b>17</b>	<b>4</b>
5	Hà Nam	53.55	8.53	18.02	5.59	85.68	<b>31</b>	<b>5</b>
6	Nam Định	56.03	7.67	17.41	3.75	84.86	<b>34</b>	<b>6</b>
7	Thái Bình	53.4	8.42	17.69	4.61	84.12	<b>43</b>	<b>7</b>
8	Hải Dương	54.94	8.42	17.66	2.5	83.52	<b>47</b>	<b>8</b>
9	Bắc Ninh	50.45	7.85	16.48	4.8	79.57	<b>59</b>	<b>9</b>
<b>Trung bình 9 tỉnh ĐBSH</b>		<b>54.61</b>	<b>8.20</b>	<b>17.65</b>	<b>4.95</b>	<b>85.42</b>		
<b>Trung bình của cả nước</b>		<b>54.26</b>	<b>8.09</b>	<b>17.49</b>	<b>4.95</b>	<b>84.79</b>		

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo chỉ số CCHC năm 2022 của các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương PAR INDEX 2022)

**Phụ lục 6.**

**CHỈ SỐ VÀ XẾP HẠNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC TỈNH Ở VÙNG ĐBSH  
3 NĂM GẦN NHẤT**

TT	Địa phương	2021		2022		2023		Giá trị trung bình về xếp hạng 3 năm	Xếp hạng các tỉnh trong vùng
		Chỉ số	Xếp hạng	Chỉ số	Xếp hạng	Chỉ số	Xếp hạng		
1	Bắc Ninh	86.67	32	79.57	59	84.61	55	49	9
2	Vĩnh Phúc	89.28	5	87.45	7	86.44	39	17	3
3	Quảng Ninh	91.14	2	90.10	1	92.18	1	1	1
4	Hải Dương	87.38	19	83.52	47	87.84	22	29	5
5	Hưng Yên	88.34	12	86.83	12	87.38	26	17	3
6	Thái Bình	84.99	20	84.12	43	86.49	38	34	6
7	Hà Nam	81.51	60	85.68	31	87.30	30	40	8
8	Nam Định	86.40	40	84.86	34	87.32	29	34	6
9	Ninh Bình	87.29	20	86.64	17	88.72	11	16	2
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>87.00</b>	<b>23</b>	<b>85.42</b>	<b>28</b>	<b>87.58</b>	<b>28</b>	<b>26</b>	
<b>Giá trị trung bình cả nước</b>		<b>86.37</b>		<b>84.79</b>		<b>86.98</b>			

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo chỉ số CCHC 3 năm gần nhất của các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương PAR INDEX 2021, 2022, 2023 )

**Phụ lục 7.**

**CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) CÁC TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

**(Giai đoạn từ 2015-2020)**

TT	Địa phương	Thời gian						Giá trị trung bình	Xếp loại
		2015	2016	2017	2018	2019	2020		
1	Bắc Ninh	59.91	60.35	64.36	64.50	70.79	66.74	64.44	Khá
2	Vĩnh Phúc	62.56	61.52	64.90	64.55	66.75	63.84	64.02	Khá
3	Quảng Ninh	65.75	65.60	70.69	70.36	73.40	75.09	70.15	Rất tốt
4	Hải Dương	58.37	57.95	60.36	60.98	63.85	62.52	60.67	Trung bình
5	Hưng Yên	55.10	57.01	59.09	60.66	63.60	62.23	59.62	Tương đối thấp
6	Thái Bình	57.40	57.72	61.97	63.23	65.38	64.02	61.62	Trung bình
7	Hà Nam	58.49	58.54	61.97	62.77	65.07	63.47	61.72	Trung bình
8	Nam Định	59.62	58.16	61.43	63.01	65.09	63.31	61.77	Trung bình
9	Ninh Bình	58.51	60.14	61.86	63.55	64.58	61.98	61.77	Trung bình
<b>Trung bình vùng</b>		<b>45.92</b>	<b>46.12</b>	<b>48.60</b>	<b>49.40</b>	<b>51.22</b>	<b>64.80</b>	<b>62.86</b>	
<b>Xếp loại</b>		<b>Thấp</b>	<b>Thấp</b>	<b>Thấp</b>	<b>Thấp</b>	<b>Tương đối thấp</b>	<b>Khá</b>	<b>Trung bình</b>	

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các Báo cáo đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trên website: pcivietnam.com.vn (Do Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam VCCI thực hiện)



## Phụ lục 8

### CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC TỈNH Ở VÙNG ĐBSH NĂM 2022

TT	Địa phương	Xếp hạng/Điểm các chỉ số thành phần							
		Công tác chỉ đạo điều hành (%)	Cải cách thể chế (%)	Cải cách thủ tục hành chính (%)	Cải cách tổ chức bộ máy (%)	Cải cách chế độ công vụ (%)	Cải cách tài chính công (%)	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (%)	Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KT-XH (%)
1	Bắc Ninh	62/73.40	44/90.86	6/98.52	59/81.42	50/78.44	60/69.50	53/69.63	38/76.65
2	Vĩnh Phúc	56/79.95	46/90.05	62/93.69	20/90.76	4/88.57	28/84.26	2/89.61	18/82.71
3	Quảng Ninh	1/100	19/92.93	48/95.66	29/89.68	27/82.18	4/91.75	5/87.31	6/86.84
4	Hải Dương	34/92.85	25/92.58	26/99.81	19/91.04	48/78.66	8/90.66	55/68.92	62/66.18
5	Hưng Yên	29/94.24	62/77.36	30/94.08	46/87.40	10/87.56	7/90.90	46/73.11	1/89.27
6	Thái Bình	58/78.72	17/92.98	53/92.05	8/92.46	35/80.58	30/82.93	24/78.53	33/78.97
7	Hà Nam	59/78.62	15/93.31	23/99.31	54/84.35	60/76.13	19/86.96	11/82.56	9/85.54
8	Nam Định	40/90.98	20/92.90	39/95.31	12/91.89	32/81.21	33/81.99	7/84.81	60/69.23
9	Ninh Bình	1/100	59/83.06	41/98.33	41/88.01	14/85.33	24/86.48	42/74.49	20/82.25
<b>Giá trị trung bình chỉ số thành phần</b>		<b>90.59</b>	<b>88.69</b>	<b>96.28</b>	<b>89.29</b>	<b>82.84</b>	<b>86.93</b>	<b>79.31</b>	<b>80.36</b>
<b>Giá trị trung bình cả nước</b>		<b>91.65</b>	<b>90.76</b>	<b>93.72</b>	<b>88.55</b>	<b>81.87</b>	<b>82.20</b>	<b>76.65</b>	<b>79.02</b>

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo chỉ số CCHC năm 2022 của các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương PAR INDEX 2022 )

**Phụ lục 9.**

**CHỈ SỐ THÀNH PHẦN VÀ XẾP HẠNG CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CÁC TỈNH Ở VÙNG ĐBSH NĂM 2023**

TT	Địa phương	Xếp hạng/Điểm các chỉ số thành phần									
		Công tác chỉ đạo điều hành	Cải cách thể chế	Cải cách thủ tục hành chính	Cải cách tổ chức bộ máy	Cải cách chế độ công vụ	Cải cách tài chính công	Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (điểm tối đa 13.5)	Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KT-XH của địa phương	Tác động của CCHC đến sự phát triển KT-XH của địa phương (điểm tối đa 6.5đ)	Tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân về DVHCC (Xếp hạng)
1	Bắc Ninh	31/97.37	60/89.52	8/99.58	58/87.43	60/75.87	49/80.24	23/11.55	53	34/4.00	59
2	Vĩnh Phúc	48/92.81	62/85.35	18/99.89	30/91.79	23/85.26	30/86.38	21/11.66	34	34/4.50	23
3	Quảng Ninh	1/100	21/94.21	9/99.55	47/90.25	40/82.45	7/92.17	11/11.83	1	1/6.50	2
4	Hải Dương	62/82.11	23/94.15	43/92.50	35/91.36	50/79.87	16/89.53	31/11.41	3	11/5.53	1
5	Hung Yên	8/99.74	26/93.99	45/92.22	28/91.96	11/87.44	54/79.42	44/11.01	21	34/4.30	5
6	Thái Bình	28/97.79	40/95.21	21/97.52	14/93.37	14/87.20	56/79.10	56/10.24	37	34/4.00	11
7	Hà Nam	54/90.19	31/92.81	2/99.91	16/93.22	19/85.75	29/86.49	33/11.35	48	34/3.75	29
8	Nam Định	37/95.21	30/93.09	4/99.89	62/83.94	15/87.07	18/89.23	3/12.24	60	55/3.25	58
9	Ninh Bình	1/100	24/94.08	11/99.35	49/90.05	34/83.64	43/81.89	36/11.29	14	11/5.53	30
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>95.02</b>	<b>95.02</b>	<b>97.68</b>	<b>90.37</b>	<b>83.84</b>	<b>84.94</b>	<b>11.40</b>	<b>30</b>	<b>27/4.59</b>	<b>24</b>
<b>Giá trị trung bình cả nước</b>		<b>95.25</b>	<b>93.21</b>	<b>94.32</b>	<b>91.28</b>	<b>83.47</b>	<b>84.80</b>				
TT	Địa phương	Xếp hạng/Điểm các chỉ số thành phần									



																				<b>các tỉnh</b>
1	Đối với trách nhiệm giải trình của CQCQ	30	79.72	1	88.36	2	86.33	8	83.67	6	84.19	13	83.55	22	81.19	55	75.45	17	82.15	82.73
2	Đối với cơ hội tham gia vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách	46	75.79	1	87.43	2	86.17	8	83.78	6	84.60	27	79.16	24	79.33	39	77.54	18	81.46	81.69
3	Đối với chất lượng chính sách	32	78.73	2	85.97	1	87.31	19	81.67	10	83.52	22	80.88	27	79.94	41	77.04	30	79.53	81.62
4	Đối với kết quả, tác động của chính sách	48	75.68	6	85.37	1	87.75	16	82.95	7	85.02	9	84.51	26	80.46	37	77.43	40	77.01	81.79
5	Đối với việc ban hành, tổ chức thực hiện chính sách nói chung	41	77.48	2	86.78	1	86.89	11	83.02	7	84.33	15	81.78	25	80.23	47	76.87	28	80.04	81.93
6	Đối với tiếp cận dịch vụ	44	79.96	63	71.87	1	88.42	12	85.51	13	85.48	8	86.65	14	85.28	57	78.05	23	83.30	82.72
7	Đối với thủ tục hành chính	53	78.42	63	73.46	1	88.54	5	86.54	10	85.78	6	86.44	11	85.76	45	79.44	15	85.11	83.28
8	Đối với công chức	44	78.19	63	71.91	1	88.41	20	82.58	8	85.32	22	82.47	11	85.15	56	75.28	46	77.61	80.77
9	Đối với kết quả dịch vụ	46	79.36	58	76.54	2	88.43	17	84.45	9	86.42	13	85.24	8	86.50	59	76.25	23	83.58	82.97
10	Đối với việc cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh khiếu nại	46	76.61	53	74.55	1	87.69	13	83.13	10	84.36	21	81.64	12	83.48	48	76.12	23	80.75	80.92
11	Đối với việc cung ứng dịch vụ hành chính công	48	78.51	62	73.67	1	88.30	15	84.44	8	85.47	14	84.49	9	85.23	57	77.03	26	82.07	82.13
12	Đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước	47	78.00	29	80.23	1	87.59	12	83.73	6	84.90	13	83.13	15	82.73	52	76.95	25	81.06	82.03
<b>Giá trị trung bình của từng tỉnh</b>			<b>78.04</b>		<b>79.68</b>		<b>87.65</b>		<b>83.79</b>		<b>84.95</b>		<b>83.33</b>		<b>82.94</b>		<b>76.95</b>		<b>81.12</b>	
<b>Xếp hạng trong cả nước</b>																				
<b>Xếp hạng trong vùng</b>		<b>8</b>		<b>7</b>		<b>1</b>		<b>3</b>		<b>2</b>		<b>4</b>		<b>5</b>		<b>9</b>				<b>6</b>

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo chỉ số CCHC năm 2022 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Par Index 2022 )

### Phụ lục 11.

## XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN CÁC TỈNH VÙNG ĐBSH 3 NĂM GẦN NHẤT

TT	Địa phương	2021	2022	2023		
----	------------	------	------	------	--	--

		<b>Par Index</b>	<b>Sipas</b>	<b>Par Index</b>	<b>Sipas</b>	<b>Par Index</b>	<b>Sipas</b>	<b>Trung bình 3 năm về thứ hạng Par Index</b>	<b>Trung bình 3 năm về thứ hạng Sipas</b>
1	Bắc Ninh	32	7	59	47	55	60	49	38
2	Vĩnh Phúc	5	29	7	29	39	24	17	27
3	Quảng Ninh	2	1	1	1	1	1	1	1
4	Hải Dương	19	4	47	12	22	3	29	6
5	Hung Yên	12	3	12	6	26	7	17	5
6	Thái Bình	20	40	43	13	38	11	34	21
7	Hà Nam	60	19	31	15	30	30	40	21
8	Nam Định	40	51	34	52	29	58	34	54
9	Ninh Bình	20	12	17	25	11	28	16	22

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các Báo cáo của Bộ Nội vụ về chỉ số CCHC và chỉ số đo lường mức độ hài lòng của người dân ở ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương PAR INDEX và SIPAS 2021, 2022, 2023 )

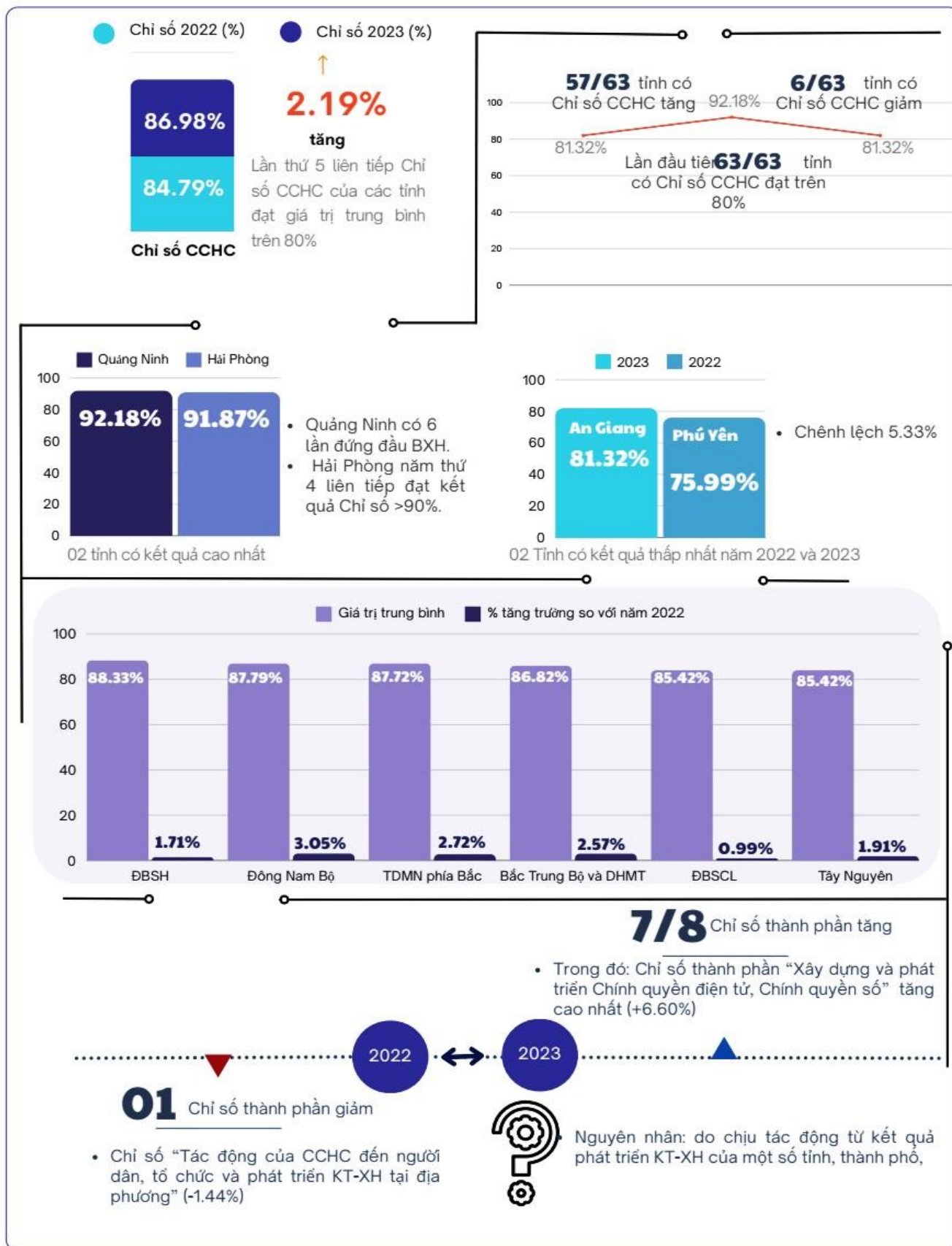
## Phụ lục 12.

### Thang điểm đánh giá Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh từ năm 2012 đến năm 2023

Thang điểm	Năm							
	2023	2022	2021	2019 - 2020	2018	2017	2016	2012 - 2015
Điểm tự đánh giá	68	69.5	66.5	66.5	64.5	65.5	67.5	62
Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học	32	30.5	33.5	33.5	35.5	34.5	32.5	38

*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các Báo cáo Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) của Bộ Nội vụ từ năm 2012 đến năm 2023*

## Phụ lục 13 Kết quả nổi bật CCHC các tỉnh, thành phố năm 2023



**Phụ lục 14**

**TỔNG HỢP VỀ ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG  
NHIỆM KỲ 2015-2020**

TT	Địa phương	Số lượng			Độ tuổi			Trình độ chuyên môn		Trình độ lý luận chính trị		Bồi dưỡng kiến thức QPAN	
		Tổng	Nam	Nữ	35-44	45-54	55-60	Đại học	Sau đại học	Cử nhân chính trị	Cao cấp LLCT	Đối tượng 1	Đối tượng 2
1	Bắc Ninh	50	41	9	2	20	28	23	27	11	39	15	35
2	Vĩnh Phúc	52	46	6	3	27	22	29	23	11	41	17	35
3	Quảng Ninh	56	46	10	2	25	29	39	17	13	43	17	39
4	Hải Dương	55	47	8	2	28	25	21	34	15	40	15	40
5	Hưng Yên	53	44	9	4	27	22	41	12	16	37	15	38
6	Thái Bình	54	51	3	2	27	25	37	17	13	41	16	38
7	Hà Nam	51	44	7	1	23	27	36	15	12	39	15	36
8	Nam Định	55	47	8	3	25	27	39	16	15	40	17	38
9	Ninh Bình	51	43	8	2	24	25	31	20	14	37	15	36
<b>Tổng cộng</b>		<b>477</b>	<b>409</b>	<b>68</b>	<b>2</b>	<b>226</b>	<b>230</b>	<b>296</b>	<b>181</b>	<b>120</b>	<b>357</b>	<b>142</b>	<b>335</b>
<b>Tỷ lệ (%)</b>		<b>100%</b>	<b>86%</b>	<b>14%</b>	<b>4%</b>	<b>48%</b>	<b>48%</b>	<b>62%</b>	<b>38%</b>	<b>25%</b>	<b>75%</b>	<b>30%</b>	<b>70%</b>

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo thống kê của Ban Tổ chức Trung ương)



Phụ lục 15

**TỔNG HỢP VỀ ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG  
NHIỆM KỲ 2020-2025**

		Số lượng được bầu tại đại hội						Chia theo tuổi đời					Trình độ					
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra				
			Tham gia lần đầu	Nữ	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	Không phải là người địa phương		Dưới 40 tuổi	Từ 40 đến 50 tuổi	Trên 50 tuổi	Tuổi bình quân		Cử nhân	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Phó Giáo sư	Giáo sư
<b>Vùng Đồng Bằng Sông Hồng</b>																		
1	Tỉnh Hải Dương	52	13	8	0	0	7	52	2	28	22	49.96	52	9	35	8	1	
2	Tỉnh Hưng Yên	52	17	8	0	0	1	52	4	29	19	47.38	52	22	26	4	0	0
3	Tỉnh Bắc Ninh	48	10	9	0		1	48	5	26	17	48.40	48	5	36	7		
4	Tỉnh Vĩnh Phúc	50	20	9	0	0	14	50	3	19	28	49.20	50	8	37	5		
5	Tỉnh Nam Định	53	14	6	0		5	53	3	21	29	50.00	53	20	28	5	1	
6	Tỉnh Thái Bình	51	17	6	0		4	51	2	26	23	49.10	51	17	29	5		
7	Tỉnh Ninh Bình	48	15	8	1	0	1	48	5	20	23	48.73	48	15	23	10	1	0
8	Tỉnh Hà Nam	48	20	6	0	0	4	48	3	26	19	48.50	48	13	31	4	0	0
9	Tỉnh Quảng Ninh	53	11	9	2	0	2	53	3	29	21	48.42	53	6	42	5	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>455</b>	<b>137</b>	<b>69</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>39</b>	<b>455</b>	<b>30</b>	<b>224</b>	<b>201</b>		<b>455</b>	<b>115</b>	<b>287</b>	<b>53</b>	<b>3</b>	<b>0</b>
<b>Tỷ lệ %</b>		<b>100%</b>	<b>30%</b>	<b>15%</b>	<b>0,6%</b>	<b>0%</b>	<b>8,57%</b>	<b>100%</b>	<b>6,6%</b>	<b>49%</b>	<b>44%</b>		<b>100%</b>	<b>25%</b>	<b>63%</b>	<b>12%</b>	<b>0,6%</b>	<b>0%</b>

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo thống kê của Ban Tổ chức Trung ương)

**Phụ lục 16.**

**TỔNG HỢP VỀ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

**NHIỆM KỲ 2020-2025**

		Số lượng được bầu tại đại hội						Chia theo tuổi đời					Trình độ					
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra				
			Tham gia lần đầu	Nữ	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	Không phải là người địa phương		Dưới 40 tuổi	Từ 40 đến 50 tuổi	Trên 50 tuổi	Tuổi bình quân		Cử nhân	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Phó Giáo sư	Giáo sư
<b>Vùng Đồng Bằng Sông Hồng</b>																		
1	Tỉnh Hải Dương	<b>16</b>	5	1	0	0	2	<b>16</b>	0	9	7	50.69	<b>16</b>	2	11	3	1	
2	Tỉnh Hưng Yên	<b>15</b>	5	2	0	0		<b>15</b>	0	8	7	50.33	<b>15</b>	7	7	1	0	0
3	Tỉnh Bắc Ninh	<b>15</b>	4	3	0		1	<b>15</b>	1	8	6	52.10	<b>15</b>	3	9	3		
4	Tỉnh Vĩnh Phúc	<b>14</b>	2	1	0	0	1	<b>14</b>	0	3	11	51.40	<b>14</b>	2	9	3		
5	Tỉnh Nam Định	<b>15</b>	5	1	0		2	<b>15</b>	0	6	9	51.00	<b>15</b>	5	9	1	1	
6	Tỉnh Thái Bình	<b>14</b>	8	1	0		3	<b>14</b>	0	5	9	51.40	<b>14</b>	4	8	2		
7	Tỉnh Ninh Bình	<b>15</b>	2	2	0	0	1	<b>15</b>	0	5	10	52.27	<b>15</b>	5	5	5	1	0
8	Tỉnh Hà Nam	<b>14</b>	6	4	0	0	3	<b>14</b>	1	7	6	49.50	<b>14</b>	2	11	1	0	0
9	Tỉnh Quảng Ninh	<b>15</b>	3	2	0	0	2	<b>15</b>	0	8	7	49.80	<b>15</b>	2	10	3	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>133</b>	<b>40</b>	<b>17</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	<b>133</b>	<b>2</b>	<b>59</b>	<b>72</b>		<b>133</b>	<b>32</b>	<b>79</b>	<b>22</b>	<b>3</b>	<b>0</b>
<b>Tỷ lệ %</b>		<b>100%</b>	<b>30%</b>	<b>13%</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>	<b>11%</b>	<b>100%</b>	<b>1,5%</b>	<b>44%</b>	<b>54%</b>		<b>100%</b>	<b>24%</b>	<b>59%</b>	<b>16%</b>	<b>1%</b>	<b>0%</b>

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo thống kê của Ban Tổ chức Trung ương)

Phụ lục 17.

**TỔNG HỢP VỀ BÍ THƯ TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG  
NHIỆM KỲ 2020-2025**

		Số lượng được bầu tại đại hội						Chia theo tuổi đời				Trình độ						
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra				
			Tham gia lần đầu	Nữ	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	Không phải là người địa phương		Dưới 40 tuổi	Từ 40 đến 50 tuổi	Trên 50 tuổi	Tuổi bình quân		Cử nhân	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Phó Giáo sư	Giáo sư
<b>Vùng Đồng Bằng Sông Hồng</b>																		
1	Tỉnh Hải Dương	1	1					1			1	54.00	1		1		0	0
2	Tỉnh Hưng Yên	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	55.00	1	0	1	0	0	0
3	Tỉnh Bắc Ninh	1	1	1			1	1		1		49.00	1		1			
4	Tỉnh Vĩnh Phúc	1		1				1			1	54.00	1		1			
5	Tỉnh Nam Định	1						1			1	57.00	1		1			
6	Tỉnh Thái Bình	1					1	1		1		50.00	1			1		
7	Tỉnh Ninh Bình	1	0	1	0	0	0	1		1		50.00	1			1	1	
8	Tỉnh Hà Nam	1	0	1	0	0	1	1	0	0	1	56.00	1	0	1	0	0	0
9	Tỉnh Quảng Ninh	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	48.00	1	0	1	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>9</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>5</b>		<b>9</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>
<b>Tỷ lệ %</b>		<b>100%</b>	<b>22%</b>	<b>44%</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>	<b>33%</b>	<b>100%</b>	<b>0%</b>	<b>45%</b>	<b>55%</b>		<b>100%</b>	<b>0%</b>	<b>77%</b>	<b>22%</b>	<b>1%</b>	<b>0%</b>

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo thống kê của Ban Tổ chức Trung ương)

**Phụ lục 18.**

**TỔNG HỢP VỀ PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG  
NHIỆM KỲ 2020-2025**

		Số lượng được bầu tại đại hội						Chia theo tuổi đời				Trình độ						
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra				
			Tham gia lần đầu	Nữ	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	Không phải là người địa phương		Dưới 40 tuổi	Từ 40 đến 50 tuổi	Trên 50 tuổi	Tuổi bình quân		Cử nhân	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Phó Giáo sư	Giáo sư
<b>Vùng Đồng Bằng Sông Hồng</b>																		
1	Tỉnh Hải Dương	2	1	0	0	0	1	2		1	1	51.00	2		1	1	1	
2	Tỉnh Hưng Yên	3	2	0	0	0	1	3	0	2	1	48.33	3	1	2	0	0	0
3	Tỉnh Bắc Ninh	2		1				2			2	53.00	2		1	1		
4	Tỉnh Vĩnh Phúc	2	1				1	2		1	1	48.00	2	1		1		
5	Tỉnh Nam Định	2	1					2			2	53.50	2	1	1			
6	Tỉnh Thái Bình	2	1					2		1	1	50.00	2	1	1			
7	Tỉnh Ninh Bình	2	1	0	0	0	0	2	0	1	1	52.00	2			2	0	0
8	Tỉnh Hà Nam	2	2	1	0	0	1	2	0	2	0	49.00	2	0	2	0	0	0
9	Tỉnh Quảng Ninh	2	0	0	0	0	1	2	0	1	1	50.50	2	0	1	1	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>19</b>	<b>9</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>19</b>	<b>0</b>	<b>9</b>	<b>10</b>		<b>19</b>	<b>4</b>	<b>9</b>	<b>6</b>	<b>1</b>	<b>0</b>
<b>Tỷ lệ %</b>		<b>100%</b>	<b>47%</b>	<b>22%</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>	<b>26%</b>	<b>100%</b>	<b>0%</b>	<b>47%</b>	<b>53%</b>		<b>100%</b>	<b>21%</b>	<b>47%</b>	<b>31%</b>	<b>1%</b>	<b>0%</b>

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo thống kê của Ban Tổ chức Trung ương)

Phụ lục 19.

**TỔNG HỢP VỀ CHỦ NHIỆM ỦY BAN KIỂM TRA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG  
NHIỆM KỲ 2020-2025**

		Số lượng được bầu tại đại hội						Chia theo tuổi đời					Trình độ					
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra				
			Tham gia lần đầu	Nữ	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	Không phải là người địa phương		Dưới 40 tuổi	Từ 40 đến 50 tuổi	Trên 50 tuổi	Tuổi bình quân		Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Phó Giáo sư	Giáo sư
<b>Vùng Đồng Bằng Sông Hồng</b>																		
1	Tỉnh Hải Dương	1	1	0	0	0	0	1	0	1	0	50.00	1		1		0	0
2	Tỉnh Hưng Yên	1	1	0	0	0	0	1	0	1	0	42.00	1	0	0	1	0	0
3	Tỉnh Bắc Ninh	1						1			1	53.00	1		1			
4	Tỉnh Vĩnh Phúc	1						1		1		47.00	1		1			
5	Tỉnh Nam Định	1						1			1	56.00	1		1			
6	Tỉnh Thái Bình	1	1	1				1		1		45.00	1	1				
7	Tỉnh Ninh Bình	1	0	0	0	0	0	1			1	54.00	1	1	0	0	0	0
8	Tỉnh Hà Nam	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	55.00	1	0	1	0	0	0
9	Tỉnh Quảng Ninh	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	50.00	1	0	1	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>9</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>5</b>		<b>9</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tỷ lệ %</b>			<b>33%</b>	<b>1%</b>						<b>44%</b>	<b>56%</b>			<b>23%</b>	<b>56%</b>	<b>1%</b>		

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo thống kê của Ban Tổ chức Trung ương)

**Phụ lục 20**

**TỔNG HỢP VỀ CẤP ỦY VIÊN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG  
NHIỆM KỲ 2020-2025**

Chỉ tiêu	Ủy viên Ban Chấp hành					Ghi chú	
	Tổng số	Trong đó:					
		Ủy viên BTV					
		Tổng số	Trong đó:				
Bí thư	Phó Bí thư		Chủ nhiệm UBKT				
<b>Số lượng cấp ủy viên được bầu</b>	<b>579</b>	<b>164</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>11</b>		
<i>Trong đó:</i> - Tham gia lần đầu	180	51	2	12	4		
- Nữ	91	22	4	3	1		
- Dân tộc thiểu số	3	0	0	0	0		
- Tôn giáo	0	0	0	0	0		
- Không là người địa phương	75	19	4	5	0		
<b>1. Tuổi đời</b>	<b>579</b>	<b>164</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>11</b>		
- Dưới 40 tuổi	34	2	0	0	0		
- Từ 40 đến 50 tuổi	284	69	4	10	4		
- Trên 50 tuổi	261	93	7	15	7		
- Tuổi bình quân	48.94	51.06	54.00	51.03	51.00		
<b>2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ</b>	<b>579</b>	<b>164</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>11</b>		
- Đại học	134	41	1	4	2		
- Thạc sĩ	357	90	7	11	8		
- Tiến sĩ	88	33	3	10	1		
<b>3. Học hàm</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>		
- Phó giáo sư	5	3	1	1	0		
- Giáo sư	1	1	1	0	0		

*(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo thống kê của Ban Tổ chức Trung ương)*

**Phụ lục 21**

**SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN TRONG LOẠI HÌNH CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CT-XH NĂM 2022**

TT	Đảng bộ	Tổ chức cơ sở đảng			Tổ chức đảng		Tổng số đảng viên
		Tổng số	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ cơ sở	Đảng bộ bộ phận	Chi bộ trực thuộc	
1	Tỉnh Hải Dương	28	20	8	0	150	1.089
2	Tỉnh Hưng Yên	24	12	12	0	104	861
3	Tỉnh Bắc Ninh	30	4	26	0	21	820
4	Tỉnh Vĩnh Phúc	62	5	57	0	41	921
5	Tỉnh Nam Định	117	5	112	0	30	970
6	Tỉnh Thái Bình	23	23	10	0	100	761
7	Tỉnh Ninh Bình	96	96	94	0	9	838
8	Tỉnh Hà Nam	68	2	66	0	9	614
9	Tỉnh Quảng Ninh	64	23	41	0	123	1.139
	<b>Tổng số</b>	<b>512</b>	<b>190</b>	<b>426</b>	<b>0</b>	<b>587</b>	<b>5787.228</b>

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo thống kê của Ban Tổ chức Trung ương)

**Phụ lục 22**

**SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN TRONG LOẠI HÌNH CƠ QUAN NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

TT	Đảng bộ	Tổ chức cơ sở đảng			Tổ chức đảng		Tổng số đảng viên
		Tổng số	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ cơ sở	Đảng bộ bộ phận	Chi bộ trực thuộc	
1	Tỉnh Hải Dương	108	44	64	10	536	6.529
2	Tỉnh Hưng Yên	102	35	67	0	345	4.558
3	Tỉnh Bắc Ninh	159	29	130	9	197	4.208
4	Tỉnh Vĩnh Phúc	167	34	133	7	291	5.241
5	Tỉnh Nam Định	191	32	159	0	216	1.918
6	Tỉnh Thái Bình	65	37	28	0	397	4.313
7	Tỉnh Ninh Bình	168	25	143	5	220	4.612
8	Tỉnh Hà Nam	148	24	124	0	178	3.118
9	Tỉnh Quảng Ninh	135	43	92	15	414	6.158
	<b>Tổng số</b>	<b>1.243</b>	<b>303</b>	<b>940</b>	<b>46</b>	<b>2794</b>	<b>40.655</b>

*(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo thống kê của Ban Tổ chức Trung ương)*



## Phụ lục 23

### KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

(Dành cho cán bộ, lãnh đạo, quản lý, công chức các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, huyện, xã và công dân trên địa bàn các tỉnh)

Cơ cấu và số lượng phiếu như sau:

- Cán bộ, lãnh đạo, quản lý cấp huyện, xã (mỗi loại hình cơ quan, tổ chức 10 người \*4 loại hình\* 2 cấp huyện, xã\* 6 tỉnh): 480 phiếu.

- Công chức (mỗi loại hình cơ quan, tổ chức 5 người\*4 loại hình\* 3 cấp tỉnh, huyện, xã\* 6 tỉnh): 360 phiếu.

- Công dân: 360 phiếu (nhóm 1: tuổi từ 18 đến 29; nhóm 2: tuổi từ 30 đến 45; nhóm 3 từ 46 đến 65 tuổi), mỗi nhóm 15 người\*4 nhóm\*6 tỉnh).

Tổng số: 1200 phiếu.

Các tỉnh xếp hạng trung bình 3 năm ở vị trí cao nhất, giữa và thấp nhất, gồm: Quảng Ninh (1), Ninh Bình (2); Vĩnh Phúc (3); Hải Dương (5); Hà Nam (8); Bắc Ninh (9)

#### Phần I. Thông tin chung

##### 1. Độ tuổi

Dưới 30	20%	45-60	40%
Từ 31-45	25%	61 trở lên	15%

##### 2. Giới tính

Giới tính	Tỷ lệ	Giới tính	Tỷ lệ
Nam	47%	Nữ	53%

##### 3. Trình độ

Trung học phổ thông	20%	Cao đẳng, Đại học	38%
THCS	15%	Sau đại học	17%

##### 4. Cơ quan, tổ chức

Cán bộ, lãnh đạo, quản lý	20%	Mặt trận Tổ quốc	20%
Công chức chính quyền	30%	Các tổ chức chính trị-xã hội	30%

##### 5. Nơi làm việc

Cấp tỉnh	20%
Cấp huyện	30%
Cấp xã	50%

### 6. Nơi sinh sống

Quảng Ninh	16%	Hải Dương	17%
Ninh Bình	16%	Hà Nam	17%
Vĩnh Phúc	17%	Bắc Ninh	17%

### 7. Đảng viên/Không đảng viên

Đảng viên	70%
Không là đảng viên	30%

**Câu 1.** Xin Ông (Bà) cho biết ý kiến của mình về việc tăng cường lãnh đạo tỉnh ủy đối với cải cách hành chính nhà nước ở các tỉnh vùng Đồng bằng Sông Hồng?

1. Đặc biệt quan trọng	5,02%
2. Rất quan trọng	60,29%
3. Quan trọng	12,50%
4. Bình thường	12,11%
5. Không quan trọng	10,08%

**Câu 2.** Ông (Bà) vui lòng cho biết ý kiến của Ông (Bà) về mức độ hài lòng về thực hiện nội dung cải cách hành chính nhà nước ở các tỉnh vùng Đồng bằng Sông Hồng?

TT	Nội dung	Ý kiến				
		Rất hài lòng	Hài lòng	Băn khoăn	Không hài lòng	Rất không hài lòng
1	Cải cách thể chế	50%	35%	5%	5%	5%
2	Cải cách thủ tục hành chính	65%	10%	13%	5%	7%
3	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	60%	10%	15%	10%	5%
4	Cải cách chế độ công vụ	58%	20%	12%	5%	5%
5	Cải cách tài chính công	52%	28%	10%	5%	5%
6	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	65%	15%	10%	5%	5%

**Câu 3.** Ông (Bà) cho biết cảm nhận của Ông (Bà) về kết quả các lĩnh vực cải cách hành chính nhà nước ở tỉnh, nơi Ông (Bà) đang làm việc (sinh sống) như thế nào?

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Cải cách thể chế	47,48%	30,02%	14,60%	3,64%	4,26%
2	Cải cách thủ tục hành chính	52,08%	30,12%	15,10%	4,70%	4,00%
3	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	72,02%	21,00%	3,20%	2,68%	1,12%
4	Cải cách chế độ công vụ	58,40%	33,74%	3,32%	2,26%	2,28%
5	Cải cách tài chính công	57,70%	25,16%	10,70%	3,32%	3,12%
6	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền phủ số	62,28%	26,02%	6,3%	4,2%	2,8%

**Câu 4.** Ông (Bà) cho biết đánh giá của ông bà về kết quả cải cách hành chính nhà nước ở cấp huyện ở nơi Ông (Bà) đang làm việc (sinh sống) như thế nào?

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Cải cách thể chế	45,46%	32,04%	12,60%	4,66%	5,24%
2	Cải cách thủ tục hành chính	57,06%	30,32%	10,10%	4,50%	4,02%
3	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	70,02%	23,04%	3,16%	2,46%	1,22%
4	Cải cách chế độ công vụ	55,40%	36,74%	3,22%	2,38%	2,26%
5	Cải cách tài chính công	58,70%	24,16%	9,60%	4,32%	3,22%
6	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền phủ số	61,28%	26,32%	6,4%	4,20%	2,50%

**Câu 5.** Ông (Bà) cho biết cảm nhận về kết quả các lĩnh vực cải cách hành chính nhà nước ở xã ở nơi Ông (Bà) đang làm việc (sinh sống) như thế nào?

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Cải cách thể chế	45,48%	32,02%	12,60%	4,66%	5,24%
2	Cải cách thủ tục hành chính	57,06%	30,32%	10,10%	4,50%	4,02%
3	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	70,02%	23,04%	3,16%	2,46%	1,22%
4	Cải cách chế độ công vụ	55,40%	36,74%	3,22%	2,38%	2,26%
5	Cải cách tài chính công	58,70%	24,16%	9,60%	4,32%	3,22%
6	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền phủ số	61,28%	26,32%	6,4%	4,20%	2,50%

**Câu 6.** Theo Ông (Bà), các nội dung cải cách hành chính nhà nước sau đây, ở cấp nào còn hạn chế (mỗi nội dung đánh dấu vào 1 ô tương ứng)

TT	Nội dung	Cấp đánh giá		
		Ở xã, phường, thị trấn	Ở cấp huyện	Ở cấp tỉnh
1	Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật	25%	35%	40%
2	Cắt giảm thủ tục hành chính, thời gian giải quyết các thủ tục	22%	40%	38%,
3	Sáp nhập các đơn vị hành chính	20%	50%	30%
4	Tinh gọn bộ máy các cơ quan hành chính cấp tỉnh	10%	61%	29%
5	Tinh giản biên chế công chức, viên chức			
6	Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	26%	50%	24%
7	Sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công	25%	3%	45%
8	Xây dựng và phát triển các nền tảng công nghệ phục vụ các dịch vụ công trực tuyến	45%	30%	25%

**Câu 7.** Ông (Bà) vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ đáp ứng nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước hiện nay của đội ngũ cán bộ các cơ quan ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; cấp huyện và tỉnh, nơi Ông (Bà) đang sống, làm việc ? (mỗi nội dung đánh dấu vào 1 ô tương ứng)

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa đáp ứng
1	Đội ngũ cán bộ các cơ quan ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn	40%	20%	40%
2	Đội ngũ cán bộ các cơ quan ủy ban nhân dân cấp huyện	51%	49%	36%
3	Đội ngũ cán bộ các cơ quan ủy ban nhân dân tỉnh	41%	34%	25%

**Câu 8.** Xin Ông (Bà) cho biết ý kiến của mình về sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội – nghề nghiệp, doanh nghiệp, nhân dân ở tỉnh, nơi Ông (Bà) đang sống, làm việc vào việc cải cách hành chính nhà nước ở địa phương thời gian qua? (mỗi nội dung đánh dấu vào 1 ô tương ứng)

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Hạn chế
1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	60%	30%	10%
2	Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	51%	39%	10%
3	Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam	49%	41%	10%
4	Công đoàn	50%	45%	5%
5	Hội Nông dân	15%	30%	55%
6	Hội Cựu chiến binh	15%	30%	55%
7	Các tổ chức xã hội, xã hội – nghề nghiệp	15%	20%	65%
8	Doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực công nghệ, phần mềm	60%	25%	5%
9	Doanh nghiệp ở các lĩnh vực khác	25%	20%	55%
10	Công dân trên địa bàn	70%	15%	15%

**Câu 9.** Theo Ông (Bà) tỉnh ủy ở tỉnh, nơi Ông (Bà) sinh sống và làm việc các tỉnh ủy lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước bằng cách nào, kết quả ra sao?

<b>T T</b>	<b>Cách lãnh đạo (Phương thức lãnh đạo)</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>		
		<b>Tốt</b>	<b>Bình thường</b>	<b>Hạn chế</b>
1.	Bằng các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh	40%	40%	20%
2.	Bằng việc lãnh đạo chính quyền tỉnh cụ thể hóa, thể chế hóa các các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về cải cách hành chính nhà nước	50%	30%	20%
3.	Coi trọng cấp ủy huyện, xã	20%	30%	50%
4.	Lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục các tổ chức đảng, cấp ủy, coi trọng cấp ủy huyện, cấp xã, cấp ủy trong các cơ quan của chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN	35%	30%	35%
5.	Bằng công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan chính quyền tỉnh	32%	48%	30%
6.	Lãnh bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân địa phương tham gia thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN.	15%	35%	45%
7.	Lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ tỉnh thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy và BTVTU về CCHCNN.	25%	35%	40%
8.	Bằng lãnh đạo các UBND tỉnh, Sở Nội vụ, các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh trực tiếp tham mưu xây dựng dự thảo các nghị quyết về CCHCNN	70%	20%	10%

**Câu 10.** Đánh giá của Ông (Bà) về chất lượng các nghị quyết của tỉnh ủy và kết quả lãnh đạo của tỉnh ủy đối với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và Trung tâm phục vụ hành chính công về tổ chức thực hiện cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh như thế nào?

T T	Cách lãnh đạo (Phương thức lãnh đạo)	Mức độ đánh giá			
		Tốt	Khá	Bình thường	Hạn chế
1.	Tỉnh ủy ban hành đầy đủ, kịp thời các nghị quyết về CCHC để làm căn cứ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện	40%	32%	20%	8%
2.	Cấu trúc nghị quyết rõ ràng	70%	15%	10%	5%
3.	Nội dung nghị quá quyết dài, một số vấn đề khó hiểu, khó cụ thể hóa	10%	50%	15%	25%
4.	Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh CCHC nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính rõ ràng, hợp lý	23%	30%	20%	27%
5.	Các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị cấp tỉnh tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân chung tay thực hiện các nhiệm vụ CCHCNN	20%	35%	35%	20%
6.	Việc đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, tuyên truyền về CCHCNN ở địa phương thời gian qua	25%	40%	20%	15%
7.	Cán bộ, công chức xác định được động lực của CCHCNN	10%	50%	20%	20%
8.	Cán bộ, công chức hiểu rõ mục tiêu, các nội dung và biện pháp thực hiện CCHCNN ở tỉnh	40%	30%	15%	15%
9.	Chất lượng phục vụ của Trung tâm phục vụ hành chính công ở tỉnh hoặc bộ phận một cửa ở huyện, xã	80%	14%	5%	1%

**Câu 11.** Mong muốn của Ông (Bà) đối với các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy về cải cách hành chính nhà nước như thế nào?

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		Tốt	Khá	Bình thường	Hạn chế	Không rõ
1	Ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ	20%	45%	20%	10%	5%
2	Công khai, dễ tìm, dễ tra cứu trên cổng thông tin điện tử	20%	40%	20%	10%	5%
3	Các nội dung CCHCNN của chương trình tổng thể CCHC được đề cập trong cùng một nghị quyết	0%	10%	40%	30%	20%
4	Có sự tham gia ý kiến tích cực của đội ngũ nhà khoa học, cán bộ, công chức, viên chức và công dân trong quá trình dự thảo và phản biện trong quá trình thực hiện	40%	30%	20%	5%	5%
5	Cần có quy định về kết quả thực hiện chỉ số CCHC đối với những người đứng đầu cơ quan, tổ chức thuộc diện BTVTU là căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ	40%	30%	20%	5%	5%

**Câu 12.** Ý kiến của Ông (Bà) về giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng đối với cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới?

STT	Nội dung	Mức độ	
		Đồng ý	Không đồng ý
1	Nâng cao nhận thức đúng đắn, thống nhất và trách nhiệm của các tỉnh ủy viên, cấp ủy cấp huyện, xã; cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTVT tỉnh về sự cần thiết và việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với CCHCNN hiện nay	100%	0%
2	Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về CCHCNN	98%	2%



3	Xây dựng tinh ủy, BTVTU các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tinh ủy đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tinh ủy đối với CCHCNN	98%	2%
4	Đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan chính quyền của các tỉnh ở ĐBSH đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo CCHCNN của tinh ủy	100%	0%
5	Phát huy mạnh mẽ vai trò của MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT- XH, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân ở các tỉnh vùng ĐBSH tham gia vào sự lãnh đạo CCHCNN của các tinh ủy	100%	0%
6	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tinh ủy; sự lãnh đạo, kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự quan tâm, tạo thuận lợi của các cơ quan, ban ngành Trung ương đối với các tinh ủy ở ĐBSH trong lãnh đạo CCHCNN	100%	0%

## **Phụ lục 24 Tổng hợp kết quả phỏng vấn chuyên gia**

### **BIÊN BẢN PHỎNG VẤN**

Ngày phỏng vấn: Ngày 20/6/2022

Thời gian: 10h00

Địa điểm: Học viện Hành chính Quốc gia

Người phỏng vấn: Nguyễn Thị Yến, NCS K27.2, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người trả lời phỏng vấn: Nam, Học viện Hành chính Quốc gia; Mã 01

*1. Nền hành chính nhà nước được cấu thành bởi những yếu tố nào? Hành chính nhà nước cấp tỉnh được hiểu như thế nào? Có những đặc trưng gì để phân biệt với hành chính ở các cấp khác không?*

Trước hết cần hiểu nền hành chính nhà nước là chỉ toàn bộ hành chính nhà nước của một quốc gia có phạm vi rất rộng, rộng hơn rất nhiều với hành chính nhà nước ở mỗi cấp.

Nền hành chính nhà nước bao gồm: hệ thống thể chế hành chính (các quy định liên quan đến bộ máy, cán bộ, công chức, tài sản công, tài chính công, cùng các mối quan hệ, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính, ...); bộ máy hành chính từ Trung ương đến địa phương; cán bộ, công chức hành chính (yếu tố động lực của hành chính nhà nước các cấp); tài chính, cơ sở vật chất cần thiết duy trì, phục vụ các hoạt động hành chính (từ thuế thu được của người dân đưa vào ngân sách nhà nước, trang thiết bị máy móc, công sở...)

Hành chính nhà nước ở các tỉnh là toàn bộ hoạt động của bộ máy quản lý hành chính nhà nước ở tỉnh, bao gồm cả cấp tỉnh, huyện và xã

Hành chính nhà nước cấp tỉnh là toàn bộ hoạt động của bộ máy quản lý hành chính nhà nước ở tỉnh. Bao gồm hoạt động hành chính ở các UBND tỉnh, HĐND tỉnh và các ban, cơ quan tham mưu giúp việc cho các cơ quan này.

Đặc trưng của hành chính cấp tỉnh là thực hiện chức năng quản lý hành chính theo phân cấp, theo đó sẽ thực hiện, chấp hành các văn bản của Trung ương và tổ chức quán triệt thực hiện ở địa phương bằng viện ban hành các văn bản để chỉ đạo cấp huyện thực hiện. Như vậy, cấp tỉnh vừa chấp hành nhưng cũng vừa phải năng động, sáng tạo, trí tuệ để xây dựng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ để các cơ quan cấp huyện cụ thể hóa phù hợp với đặc điểm, điều kiện, mục tiêu quản lý hành chính của tỉnh. Đây là cấp hành chính cực kỳ quan trọng trong hệ thống quản lý, có thể tinh giản cấp dưới nhưng không thể tinh giản cấp này được. Điều này cho thấy việc nghiên cứu về tỉnh ủy ở vùng ĐBSH lãnh đạo CCHCNN hiện nay là hết sức cấp thiết.

2. *Cải cách hành chính nhà nước là gì? Cải cách hành chính nhà nước ở cấp tỉnh có những đặc trưng gì? Nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước ở cấp tỉnh có gì khác với cấp Trung ương*

Cải cách là sửa đổi cho tốt hơn. Cải cách hành chính nhà nước là làm sao cho các hoạt động của bộ máy hành chính và cán bộ công chức trong các cơ quan đó nhà nước thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình đạt năng suất, hiệu quả cao, đáp ứng nhu cầu của các “khách hàng công dân”.

Cải cách hành chính nhà nước ở cấp tỉnh có những đặc trưng là liên quan và tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cho nên có thể coi đây là một cuộc cải cách trước hết là về tư duy đối với trước hết là đội ngũ cán bộ, công chức, lãnh đạo, quản lý, doanh nghiệp cho đến người dân. Tuy nhiên trên thực tiễn việc đổi mới tư duy đang đi chậm hơn so với những thay đổi trong các cơ quan hành chính nhất là các quy định, quy chế, chính sách CCHCNN.

Nhiệm vụ của CCHCNN cấp tỉnh là làm cho các yếu tố cấu thành hành chính nhà nước ở cấp tỉnh thay đổi, đổi mới theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại hơn, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC, cải thiện thu nhập, văn hóa, đời sống, trình độ của CBCC, thói quen của người dân theo hướng tốt hơn.

Ngày phỏng vấn: Ngày 30/6/2022

Thời gian: 9h00

Địa điểm: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Người phỏng vấn: Nguyễn Thị Yến, NCS K27.2, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người trả lời phỏng vấn: Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Mã 02

3. *Tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước là làm gì? Đây có phải là hoạt động quan trọng cần tăng cường trong thời gian tới không? Nếu có thì vai trò lãnh đạo của đối với cải cách hành chính thể hiện trên những khía cạnh nào?*

Tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo cải cách hành chính nhà nước là toàn bộ hoạt động của tỉnh xây dựng nghị quyết, tổ chức thực hiện nghị quyết, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết đó để đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Đây là hoạt động rất quan trọng cần tăng cường. Bởi vì các cơ quan nhà nước chỉ thực thi nhiệm vụ khi có chủ trương lãnh đạo. Cho nên lãnh đạo của tỉnh quyết định kết quả CCHCNN trong thực tiễn.

Sự lãnh đạo của tỉnh ủy có vai trò đặc biệt quan trọng. Bởi như chúng ta biết, ở Việt Nam, Đảng giữ vai trò lãnh đạo toàn diện đối với Nhà nước và các tổ chức trong HTCT. Do đó, sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với cải cách hành chính nhà nước ở vùng đồng bằng sông Hồng giúp cho cải cách hành chính được đúng định hướng của Trung ương, là điều kiện đảm bảo CCHC đạt kết quả theo đúng mục tiêu lãnh đạo của Đảng, tức đảm bảo tính chính trị trong CCHC chứ không phải CCHC mang tính kỹ thuật cứng nhắc. CCHC nếu không được định hướng đúng về mục tiêu rất dễ bị lòng vong, loanh quanh, chậm đổi mới. Bởi đây là công việc rất đặc biệt, cải cách hành chính chung quy lại chính là cải cách con người, thay đổi thói quen, cách làm, tư duy. Con người vừa là mục tiêu, động lực, hay nói cách khác vừa là đối tượng, vừa là chủ thể của CCHC. Do đó, nghiên cứu CCHC của quốc gia, vùng ĐBSH hay bất cứ vùng kinh tế nào trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam đều rất cần thiết và có ý nghĩa.

Ngày phỏng vấn: Ngày 10/7/2022

Thời gian: 11h00

Địa điểm: Sở Tài chính Tỉnh Quảng Ninh

Người phỏng vấn: Nguyễn Thị Yên, NCS K27.2, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người trả lời phỏng vấn: Nam, Tỉnh ủy Quảng Ninh; Mã 03

4. *Xin ông cho biết thêm những thuận lợi, khó khăn đã và đang tác động đến việc sự lãnh đạo của tỉnh ủy đối với cải cách hành chính hiện nay là gì?*

Thuận lợi: đó là các yếu tố như: ngân sách đầu tư phân bổ cho CCHC ngày càng tăng, đến nay cán bộ, công chức làm ở trung tâm hành chính công, bộ phận một cửa đều có thêm phụ cấp; phong cách, lề lối làm việc, giao tiếp ứng xử, giải quyết nhu cầu của Nhân dân có rất nhiều thay đổi; cơ sở vật chất, phần mềm được đầu tư lớn, các trung tâm hành chính công được xây dựng, cơ chế một cửa, một cửa liên thông được đẩy mạnh. Việc đưa kết quả CCHC thành một tiêu chí đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ và liên thông với đánh giá, xếp loại đảng viên, tổ chức đảng. Trung ương chỉ đạo sát xao, đặc biệt vai trò của Ban chỉ đạo CCHC của chính phủ, Bộ Nội vụ, Vụ cải cách hành chính. Đánh giá CCHC bằng bộ chỉ số mang tính định lượng đã giúp cho các cấp ủy dễ dàng nhìn ra, nhận thấy nhưng ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm còn tồn tại.

Khó khăn: đãi ngộ đối với cán bộ, công chức chưa cao; một bộ phận cán bộ, công chức vẫn không thể sống được bằng lương, phải làm thêm, nghĩ cách tăng thu nhập để trang trải các chi phí cho gia đình; cán bộ, công chức đang cải

cách bằng áp lực chứ chưa có được động lực để cải cách và có những sáng kiến, áp dụng những mô hình hiệu quả trong thực tiễn; một số tỉnh ủy, ban cán sự đảng UBND tỉnh, vi phạm phải xử kỷ luật gây ra nhiều tâm tư, lo ngại, làm việc cầm chừng, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, tổn thương đến tình cảm của nhân dân, sự yên tâm, tận tụy của cán bộ, công chức; thể chế còn nhiều trùng chéo giữa các quy định. Đến nay chưa thấy có tỉnh ủy nào đánh giá toàn diện, phản ánh đúng về kết quả CCHCNN thời gian qua. Tư duy cũ còn tồn tại ở một bộ phận nhà lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức; một số nơi các quan hệ dòng họ, an hem, con cháu vẫn chi phối trong một số quan hệ hành chính và giải quyết các công việc. Thói quen công khai, minh bạch chưa được hình thành.

*5. Từ những hạn chế nêu trên, xin ông cho biết trong thời gian tới, cần có những giải pháp nào để tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với lĩnh vực cải cách hành chính nhà nước?*

Cần nâng cao nhận thức cho đội ngũ tỉnh ủy viên, các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy, các cán bộ tham mưu ở các cơ quan đảng và chính quyền của tỉnh ủy. Bởi cải cách hành chính liên quan đến rất nhiều sở, ngành, cơ quan, đơn vị cả về công tham mưu xây dựng kế hoạch cho đến tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá. Mà tỉnh ủy muốn xây dựng ban hành được nghị quyết đúng đắn, phù hợp, muốn xây dựng được những định hướng quan trọng về CCHC thì nhất thiết cần tham khảo ý kiến các cơ quan chuyên môn liên quan đến 6 nội dung của chương trình tổng thể CCHC. Ngoài ra cũng cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các đồng chí bí thư cấp ủy các cấp, đội ngũ cấp ủy viên các cấp về tầm quan trọng của CCHC và lãnh đạo thực hiện kế hoạch CCHC nhất là việc đo lường, đánh giá CCHC thông qua bộ chỉ số Par Index và bộ chỉ số đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với CCHC theo chương trình tổng thể CCHC 2021-2030 nhưng phải phù hợp, sát với địa phương, cơ quan, đơn vị, để CCHC đi vào thực chất.

Đối với CCHC hiện nay, công tác tuyên truyền, vận động là rất quan trọng. Thời gian vừa qua công tác này có được quan tâm, tuy nhiên ở một số nơi ở mỗi tỉnh công tác này vẫn còn mang tính hình thức. Do đó các tỉnh ủy cần lãnh đạo đổi mới nội dung, cách thức triển khai công tác thông tin, truyền thông chính sách cải cách hành chính của cơ quan báo chí được thực hiện trên một số phương diện. Cần lãnh đạo các cơ quan báo chí biết phân nhóm đối tượng tiếp nhận chính sách để có nội dung (thông điệp), hình thức, kênh truyền thông phù hợp với yêu cầu và điều kiện của từng nhóm. Cụ thể, có thể phân nhóm theo các tiêu chí: theo

lợi ích (được hưởng lợi, không được hưởng lợi và bị thiệt thòi); theo vị thế xã hội (nhóm cán bộ và người dân); theo vùng hay địa lý (nhóm nông thôn và thành thị)... Nội dung thông tin, truyền thông cần ngắn gọn, dễ nhớ, dễ vận dụng, phù hợp với từng đối tượng, từng vùng miền trong cả nước. Đối với mỗi vấn đề thông tin, truyền thông cần có lộ trình, quy trình, mục đích, nhiều hình thức thể hiện khác nhau để việc tuyên truyền diễn ra tự nhiên, không hình thức và gượng ép. Kết hợp đa dạng, nhiều hình thức, kỹ năng và áp dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả công tác thông tin, truyền thông trong bối cảnh cuộc cách công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ.